

LINH MỤC: PHẠM ĐỨC HẬU

Khi Con Người đến, liệu Người còn thấy đức tin trên mặt đất nữa chăng". (Lc 18:8).



+ Con hãy nói cho thế giới biết về LTX của Cha... Đó là dấu hiệu cho thời kỳ chung tận. Sau đó sẽ phải đến ngày của Công lý... Con hãy chuẩn bị thế giới cho cuộc giáng lâm chung tận của Ta... Hãy nói cho các linh hồn về LTX lớn lao của Ta, bởi vì ngày kinh hoàng, ngày thi hành công lý của Ta đã gần kề" (965).

ĐGH Piô 12: "*Cuộc trở lại của Đức Ki tô không còn xa...*"

ĐGH Gioan 23: "*Cuộc trở lại của Đức Ki tô đã gần...*"

ĐGH Phaolô 6: "*Cuộc trở lại của Đức Ki tô hầu như đã kề cận...*"

**Đức Gioan Phaolô 2: "*Hiện giờ chúng ta đang ở trong thời gian đợi chờ, năng động và tỉnh thức đợi chờ Cuộc Trở Lại Vinh Quang của Đức Ki tô...*".
(Trích Bài Giảng Turinnô – Ý).**

LỜI GIỚI THIỆU

"Khi thấy tất cả những điều đó, anh em hãy biết là Con Người đã đến gần, ở ngay ngoài cửa rồi. Thầy bảo thật anh em : thế hệ này sẽ chẳng qua đi, trước khi mọi điều ấy xảy ra. Trời đất sẽ qua đi, nhưng những lời Thầy nói sẽ chẳng qua đâu" (Mt 24: 32-36).

Anh chị thân mến!

Kinh Thánh cho chúng ta biết khi Chúa Giêsu nói tiên tri về Thành Giêrusalem, liền sau đó các Môn Đệ hỏi Chúa: ***"Xin Thầy nói cho chúng con biết khi nào những sự việc ấy xảy ra, và cứ điềm nào mà biết ngày Thầy quang lâm" (Mt 24: 3).***

Sau đây là 16 Bài Viết về những Điềm Báo và các Dấu hiệu về Ngày Chúa Quang Lâm đã cận kề. Mời anh chị em đọc kỹ từng bài một để nhờ Chúa Thánh Thần ban cho ơn phân định, anh chị em sẽ tìm thấy những Sự Thật cần phải biết để nhận ra những Dấu Chỉ Thời Đại rồi luôn sống tỉnh thức và sẵn sàng chờ đón ngày Chúa Giêsu Kitô trở lại lần thứ hai đã gần lắm rồi.

Vì Đức Mẹ hiện ra tại Fatima sắp tròn 100 năm: 1917 – 2017.

Như vậy, chúng ta chỉ còn 2 năm nữa là những bí mật Fatima sẽ hoàn tất. ***"Sự thật sẽ giải phóng chúng ta" (Ga 8: 32).***

Thân mến trong Chúa sắp quang lâm

Tu Sĩ Hèn Mọn

BÀI 1: THỜI GIỜ ĐÃ MÃN

Thời giờ đã mãn! Ngày tận thế - ngày cánh chúng- ngày Chúa đến lần thứ hai trong vinh quang để ban ơn cứu độ cách trọn vẹn và vĩnh viễn cho con người đã gần kề. Ngày đó có đáng sợ không? Với người thực sự có niềm tin vào Chúa, ngày đó không phải là ngày sợ hãi. Trái lại, đó là ngày hạnh phúc tràn đầy vì niềm hy vọng ơn cứu chuộc trở thành hiện thực như lời Chúa Giêsu đã nói: "Khi những biến cố ấy bắt đầu xảy ra, anh em hãy đứng

thăng và ngẩng đầu lên vì anh em sắp được cứu chuộc” (Lc 21, 28).

Chúa Giêsu, khi còn tại thế, đã nhiều lần nhắc nhở con người phải tỉnh thức để có thể đọc biết những dấu chỉ Chúa gửi đến và chuẩn bị sẵn sàng đón Chúa khi Ngài đến. Dựa vào đâu để nói con người thời nay đang ở thời kỳ cuối cùng trước ngày Chúa đến? Thưa, dựa vào cảnh báo của Lời Chúa, của Đức Mẹ, và của các Giáo Hoàng, có lý do chính đáng để tin rằng ngày Cánh Chung đã gần kề.

1. Cảnh báo của Kinh Thánh.

Dấu hiệu trong trời đất.



Mặt Trăng biến thành đỏ như máu ngày 15/4/2014

Nói về thời cánh chung, thánh Mathêu cảnh báo: “*Sẽ có chiến tranh giặc giã. Dân này sẽ nổi dậy chống dân kia, nước này chống nước nọ. Sẽ có đói kém và những trận động đất ở nhiều nơi.*” (Mt 24, 6-7). Có người sẽ nói, những dấu hiệu này thì thời nào mà chẳng có. Vậy mà có thấy Chúa đến đâu! Đúng vậy. Nhưng những dấu hiệu này đặt vào trong bối cảnh những lời cảnh báo của Đức Mẹ và của các Giáo Hoàng như sẽ nói dưới đây, chúng sẽ trở nên đáng tin hơn. Về chiến tranh, chưa từng có cuộc chiến nào trong quá khứ và hiện tại lại huỷ diệt nhiều nhân mạng như 2 cuộc thế chiến 1 và 2 trong thế kỷ 20. Những cuộc diệt chủng người Do Thái, Campuchia, các bộ tộc Tutshi và Hutu bên Phi Châu và vô số các cuộc chiến tranh vì lý do sắc tộc và tôn

giáo khác...rồi đến các trận động đất, sóng thần trong suốt thế kỷ 20 và những năm đầu thế kỷ 21...mức độ khủng khiếp của những thiên tai và nhân tai này đều là chưa từng có trong lịch sử. Tất cả những điều này đã làm cho những lời cảnh báo của Kinh Thánh được ứng nghiệm đến từng chữ. Tuy nhiên, *"tất cả những sự việc này mới chỉ là khởi đầu các cơn đau đớn"* (Mt 24,8) mà thôi.

Tiếp đến, Ngôn Sứ Giô-el cảnh báo: "Mặt trời sẽ trở nên tối tăm, mặt trăng hoá thành máu, trước khi Ngày của Đức Chúa xuất hiện, Ngày vĩ đại, kinh hoàng." (Ge 3,4)

Sách Tông Đồ Công Vụ cũng nhắc lại những lời tương tự: "Mặt trời sẽ trở nên tối tăm, mặt trăng hoá thành máu, trước khi ngày của Đức Chúa đến, ngày vĩ đại, vinh quang." (Cv 2,20)

Tin Mừng Thánh Mathêu: *"mặt trời sẽ ra tối tăm, mặt trăng không còn chiếu sáng, các ngôi sao từ trời sa xuống và các quyền lực trên trời bị lay chuyển"* (Mt 24, 29). Sách Khải Huyền còn nói cụ thể hơn: *"mặt trời sẽ ra tối đen như vải thợ dệt bằng lông và mặt trăng hoàn toàn ra máu"* (Kh 6, 12). Biết bao vụ sao sa, mưa thiên thạch đã rơi xuống gây hoảng loạn cho dân chúng. Tiêu biểu là vụ thiên thạch khổng lồ rơi xuống ở Nga ngày 15-2-2013, việc sấm sét kinh hoàng giáng xuống mái vòm Đền Thờ Thánh Phê-rô ngay sau khi Giáo Hoàng Benedicto XVI loan tin từ chức, những dấu hiệu từ trời này khiến nhiều người liên tưởng đến cảnh báo về ngày tận thế.

Một dấu chỉ lạ lùng đã và sẽ xảy ra trong năm 2014 và 2015 này: 4 lần nguyệt thực toàn phần (mặt trăng sẽ trở nên đỏ như máu) xảy ra liên tiếp và cách nhau 6 tháng một lần. Chen vào giữa 4 lần nguyệt thực toàn phần này, sẽ có 2 lần nhật thực toàn phần (mặt trời sẽ trở nên tối đen). Sự kiện 4 lần nguyệt thực toàn phần xảy ra liên tiếp nhau đã từng xảy ra nhiều lần trong quá khứ. Nhưng lần này là lạ lùng và đáng suy nghĩ nhất vì chúng xảy ra trùng vào các ngày lễ của người Do-thái: lễ Vượt Qua và lễ Lều. Sau đây là thứ tự của chuỗi nguyệt – nhật thực toàn phần đã và sẽ xảy ra:

- Nguyệt thực lần 1: ngày 15/4/2014: trùng vào lễ vượt qua.
- Nguyệt thực lần 2: ngày 8/10/2014: trùng vào lễ lễ.
- o Nhật thực lần 1: ngày 20/3/2015
- Nguyệt thực lần 3: ngày 2/4/2015: trùng vào lễ vượt qua.
- o Nhật thực lần 2: ngày 13/9/2015
- Nguyệt thực lần 4: ngày 27/9/2015: trùng vào lễ lễ.



Kinh Thánh đã minh nhiên đề cập đến việc Chúa dùng tinh tú trên bầu trời để làm dấu hiệu cho con người nhận biết Chúa. Sách Sáng Thế Ký nói về việc Chúa tạo dựng các tinh tú trên trời để làm **Dấu Hiệu** cho con người xác định các ngày lễ (St 1, 14). Thánh Mathêu nói đến việc Chúa dùng ánh sao để *dẫn đường* cho các Đạo Sĩ đến thờ lạy Hài Nhi Giêsu (Mt 2, 1-12). Vậy những lần nguyệt thực và nhật thực liên tiếp xảy ra trên trời nói gì với chúng ta? Phải chăng đó là dấu hiệu để nhận biết ngày giờ Chúa đến như Kinh Thánh đã nói?

Một hiện tượng lạ lùng mới xảy ra gần đây, nhiều con sông trên thế giới như ở Slovakia, Thụy Sĩ, Anh, Bungari, Cộng Hoà Séc, Trung Quốc, cả bãi biển ở Úc...đã trở nên đỏ như máu một cách khó hiểu, khiến nhiều người phải đặt câu hỏi, phải chăng đây là dấu hiệu về thời cùng tận như được nói đến trong Kinh Thánh (Tv 78,44; Tv 105, 29; Kh 8,8 và Kh 16,4)

Dấu hiệu trong đời sống đức tin.

Nếu những dấu hiệu trong trời đất là những cảnh báo mang tính khởi đầu thì những dấu hiệu liên quan đến đời sống đức tin là những cảnh báo mang tính chung cuộc. Tức ngày Chúa đến đã gần ngay trước mặt rồi. Phải ngay lập tức chuẩn bị tâm hồn sẵn sàng kéo trở tay không kịp.

Những dấu hiệu liên quan đến đời sống đức tin là gì? Đó là sự *xa rời và phản bội niềm tin vào Thiên Chúa, sự đoạn tuyệt với đức tin đã được gìn giữ và rao truyền qua các thế hệ*. Thánh Phaolô gọi đích danh đó là **"cuộc cách mạng – revolt" hay "sự chối đạo – apostasy"** như sẽ nói dưới đây. Những cuộc cách mạng hay chối đạo này xảy ra ngay trong chính Giáo Hội hữu hình của Chúa Kitô. Đây là hậu quả của ngôn sứ giả và tên phản Kitô của thời kỳ cuối.

Trước tiên chúng ta nhớ đến câu nói có vẻ thách thức của Chúa Giêsu: *"khi Con Người ngự đến, liệu Người còn thấy niềm tin trên mặt đất nữa chăng?"* (Lc 18,8). Qua câu nói này, Chúa Giêsu dường như thấy trước rằng vào thời kỳ cuối cùng, số người còn niềm tin thực sự sẽ không nhiều.

Tiếp theo, trong Tin Mừng Thánh Mathêu, Chúa Giêsu nhắc nhở: *"Khi anh em thấy đặt trong nơi thánh Đền Ghê Tôm Khố Hại mà ngôn sứ Đa-ni-en đã nói đến – người đọc hãy lo mà hiểu."* (Mt 24, 15). Rồi Chúa cảnh báo tiếp: *"sẽ có những Kitô giả và ngôn sứ giả xuất hiện, đưa ra những dấu lạ lớn lao và những điềm thiêng, đến nỗi chúng lừa gạt cả những người đã được tuyển chọn, nếu có thể. Thầy báo trước cho anh em đấy!"* (Mt 24, 23-25).

Những ngôn sứ giả và Kitô giả này đến từ đâu? Thưa chúng xuất thân từ trong chính hàng ngũ của chúng ta, trong Giáo Hội như Thánh Gio-an đã nói: *"Chúng – những tên phản Kitô - xuất thân từ hàng ngũ chúng ta, nhưng không phải là người của chúng ta."* (1Ga 2,19).

Mạnh mẽ và rõ ràng nhất phải kể đến những lời của Thánh Phaolô. Khi nói về những việc phải xảy ra trước ngày Chúa quang lâm, Thánh Phaolô nhấn mạnh:

*Trước đó, **phải có hiện tượng chối đạo**, và người ta phải thấy **xuất hiện người gian ác, đấng hư hỏng**. Tên đối thủ tôn*

mình lên trên tất cả những gì được gọi là thần và được sùng bái, thậm chí nó còn **ngồi trong Đền Thờ Thiên Chúa** và tự xưng là Thiên Chúa. Khi tôi còn ở với anh em, tôi đã từng nói những điều ấy, anh em không nhớ sao? Anh em biết cái gì hiện đang cầm giữ nó, khiến nó sẽ chỉ xuất hiện được vào thời của nó. Thật vậy, mầu nhiệm của sự gian ác đang hoành hành rồi. Chỉ đợi người cầm giữ nó bị gạt ra một bên, bấy giờ tên gian ác sẽ xuất hiện, kẻ mà Chúa Giêsu sẽ giết chết bằng hơi thở từ miệng Người, và sẽ tiêu diệt bằng ánh huy hoàng, khi Người quang lâm.

Còn việc tên gian ác xuất hiện là do tác động của Satan, có kèm theo đủ thứ phép mầu, dấu lạ, điềm thiêng, và đủ mọi mưu gian chước dối, nhằm hại những kẻ phải hư mất, vì đã không đón nhận lòng yêu mến chân lý để được cứu độ. ***Vì thế Thiên Chúa gửi đến một sức mạnh mê hoặc làm cho chúng tin theo sự dối trá***; như vậy, tất cả những kẻ không tin sự thật, nhưng ưa thích sự gian ác, thì sẽ bị kết án. (2 Tx 2, 3-11).

Cần lưu ý một vài khái niệm trong đoạn thư này của Phaolô:

- **Hiện tượng chối đạo** – Apostasy/Revolt: Thánh Jerome chú giải đây là việc đánh mất niềm tin (a loss of faith) hay việc từ bỏ sự phụng thờ chân thật đối với Thiên Chúa (a defection from true worship of God).[1]

- **Người gian ác, đứa hư hỏng**: Bản dịch New American Bible gọi đó là “the lawless one – người vô kỷ luật”. Còn Thánh Jerome gọi đó là “man of rebellion – kẻ nổi loạn”. [2]

- **Đền thờ Thiên Chúa**: theo Thánh Jerome, đây không có chút dính dáng gì đến đền thờ Jerusalem, vốn đã bị phá hủy từ năm 70.[3] Vậy thì đó là đền thờ nào? Theo Đức Hồng Y Henry Edward Manning (1802-1892), khi chú giải về đoạn thư này của Thánh Phaolô, ngài giải thích: Đền Thờ Thiên Chúa ở đây được hiểu là vương quốc trần gian của Thiên Chúa, là Giáo Hội duy nhất và phổ quát do Chúa Kitô thiết lập và được các tông đồ loan báo cho muôn dân. Chính vương quốc siêu nhiên này chứa đựng kho tàng đức tin, lề luật và ân sủng của Thiên Chúa.[4] Còn cha Herman Kramer hiểu Đền Thờ Thiên Chúa mà Thánh Phaolô nhắc đến ở đây chính là đền thờ Thánh Phê-rô ở Rôma. Vì đây là đền

thờ lớn nhất trên trần gian và xứng đáng được gọi là Đền Thờ Thiên Chúa theo đúng nghĩa nhất của danh xưng này.[5]

Như vậy, theo những lời Kinh Thánh vừa trình bày, nhất là theo Thánh Phaolô, trước ngày Chúa đến, phải có hiện tượng phản bội niềm tin, người ta phải thấy tên gian ác, đứa vô kỷ luật, kẻ nổi loạn, tên phản Kitô, xuất hiện và ngồi trong đền thờ Thiên Chúa. Cần phải có sự tỉnh thức và ơn khôn ngoan của Chúa để có thể nhận biết tên phản Kitô và đồng bọn của hắn.

2. Cảnh báo của Đức Mẹ.

Trong lần hiện ra tại La Sallette, Pháp, ngày 19/9/1846, Đức Mẹ đã cảnh báo những lời kinh ngạc sau: *"Rôma sẽ mất niềm tin và trở thành ngai toà của tên phản Kitô. Giáo Hội sẽ trở nên lu mờ."* (Rome will lose faith and become the seat of the Anti-christ. The Church will be in eclipse.)

Lời tiên tri sừng sốt trên đây của Đức Mẹ khiến chúng ta liên tưởng đến chương 17 và 18 của sách Khải Huyền, trong đó nói về *"con điểm khét tiếng"* tượng trưng cho *"thành vĩ đại nắm quyền thống trị vua chúa trần gian."* Thành vĩ đại đó được xây trên thành phố bảy ngọn đồi – tức Rôma[6]. Con điểm khét tiếng này sắm vai là một giáo hội giả và hiền thê giả của Đức Kitô sẽ trở dậy trong thời sau cùng để lừa dối mọi người và làm suy yếu Giáo Hội thật xuống còn chỉ là một số nhỏ sót lại.

Tiếp đến, trong những lần hiện ra ở Fatima, Bồ Đào Nha, năm 1917, Đức Mẹ cũng cảnh báo chúng ta về ngày chung thẩm đã gần kề. Vì thế, Mẹ đã nhắn nhủ chúng ta phải *"ăn năn đền tội, tôn sùng trái tim Mẹ, và siêng năng lần chuỗi mân côi."* Đáng chú ý là bí mật thứ ba Fatima nói đến hình ảnh một vị *"Giám Mục Áo Trắng"* chạy trốn lên một ngọn đồi...Bí mật thứ ba này có liên hệ gì với việc từ chức của Đức Giáo Hoàng Benedicto XVI?

3. Cảnh báo của các Đức Giáo Hoàng (ĐGH).

Tiếp sau lời cảnh báo của kinh ngạc của Đức Mẹ tại La Sallette, Pháp, như đã nói trên, những giáo huấn và các thị kiến (vision) của các ĐGH Leo XIII, Pio X, và Pio XII, cũng đáng để chúng ta suy ngẫm.

ĐGH Leo XIII:

Đúng 33 năm trước phép lạ cả thể, mặt trời quay, xảy ra tại Fatima năm 1917, ngày 13/10/1884, ĐGH Leo XIII, ngay khi vừa kết thúc thánh lễ trong nhà nguyện riêng ở Vatican cùng với một số Hồng Y và nhân viên Giáo Triều, đã được chứng kiến một thị kiến khiến khuôn mặt ngài tái mét và té xỉu xuống sàn nhà như người bị đột quy. Sau mấy phút có vẻ như bị hôn mê ấy, ngài tỉnh lại và nói với những người xung quanh rằng: ôi! Tôi mới được chứng kiến một cảnh tượng hãi hùng khôn tả xiết. Khi được hỏi điều gì đã xảy ra, ngài kể rằng ngài được nghe thấy một cuộc đối thoại giữa hai giọng nói phát ra từ phía gần Nhà Tạm. Một giọng nói ồm ồm xốc lác của Satan và một giọng nói nhẹ nhàng của Chúa Giêsu:

- Satan: *tôi có thể phá huỷ giáo hội của ông!*
- CGS: *nếu có thể, người hãy đi và làm như vậy.*
- Satan: *nhưng tôi cần thêm thời gian và quyền lực.*
- CGS: *người cần bao nhiêu thời gian? Bao nhiêu quyền lực?*
- Satan: *tôi cần từ 75 năm đến 100 năm và quyền lực của những người theo phục vụ tôi.*
- CGS: *vậy ta cho người thời gian và quyền lực. Hãy làm điều người muốn.*

Ngay sau khi được thị kiến này, ĐGH Leo XIII tin rằng quyền lực của Satan sẽ lộ ng hành và tấn công Giáo Hội cách ghê gớm trong những năm sau đó. Bị rúng động bởi thị kiến và viễn tượng về tai ương đang đe dọa Giáo Hội, ĐGH Leo XIII đã soạn một Kinh cầu nguyện cùng Tổng Lãnh Thiên Thần Micae và truyền cho toàn thể Giáo Hội phải đọc kinh này ngay sau mỗi thánh lễ, để xin Tổng Lãnh Thiên Thần gìn giữ và bảo vệ Giáo Hội. Không hiểu vì sao, đến thời Công Đồng Vatican 2, chính xác là năm 1964, thì lời Kinh

này hầu như biến mất trong Giáo Hội. Dưới đây là bản phỏng dịch lời Kinh này:

Lạy Tổng Lãnh Thiên Thần Micae, / xin hãy bênh vực che chở cho chúng con trong chốn chiến trường/, cùng nên như thành lũy vững bền cho chúng con trông cậy / và chống trả các mồi saâu chước độccuûa ma quỷ/. Chúng con sắp mình xuống / xin Đức Chúa Trời ngăn cấm thần nguy ấy./ Lạy Tổng Lãnh Thiên Thần Micae / là tướng quân cai quản cơ binh trên trời,/ kìa satan và thần dữ đang rảo khắp thiên hạ / hòng làm hư loài người chúng con, / xin người lấy phép Đức Chúa Trời mà xua đuổi chúng xuống hỏa ngục đời đời. / Amen.

Bản tiếng Anh:

Saint Michael, the Archangel, defend us in battle. Be our protection against the wickedness and snares of the devil. May God rebuke him, we humbly pray; and do you, O Prince of the heavenly host, by the power of God cast into hell Satan and all the evil spirits who roam throughout the world seeking the ruin of souls. Amen.

ĐGH Pio X:

Lên kế vị ĐGH Leo XIII, trong Thông Điệp *E SUPREMI* (Phục Hồi Vạn Vật Trong Đức Kitô) ban hành ngày 4/10/1903, ĐGH Pio X dạy rằng: "...*Khi suy xét về tất cả những điều này (những gì đang xảy ra trong thế giới), có lý do chính đáng để lo sợ rằng sự suy đồi khủng khiếp này đã xuất hiện trong thế giới, đây là một cảm nghiệm trước và cũng là khởi đầu của những tai ương vốn được dành cho thời cuối cùng, và dường như đã xuất hiện trong thế giới "Kẻ Bị Kết Án – Son of Perdition" mà vị Tông Đồ đã nói đến trong thư gửi tín hữu Thexalonica (2Tx 2, 3). Giờ đây, cơn giận giữ cuồng nộ đang lan tràn khắp nơi trong việc bách hại tôn giáo, trong việc giao chiến với những chân lý đức tin, trong những nỗ lực vô liêm nhằm bứng tận gốc rễ và tiêu diệt mọi liên hệ giữa con người với Thiên Chúa. Cũng theo vị Tông Đồ trên, tất cả những điều này là dấu hiệu phân biệt của tên phản Kitô, kẻ dám đặt mình vào chỗ của Thiên Chúa, tôn mình lên trên tất cả những*

gì được gọi là thần; trong sự quý quyết, dù hấn vẫn có sự hiểu biết về Thiên Chúa, hấn đã dám khinh miệt Thiên Chúa và biến cả hoàn vũ thành đền thờ để trong đó hấn được sùng bái. 'Hấn ngồi trong đền thờ Thiên Chúa và xưng mình là Thiên Chúa (2 Tx 2,4)' (Trích Thông Điệp Phục Hồi Vạn Vật Trong Đức Kitô, số 5).

Ngoài ra ĐGH Pio X cũng đã có 2 thị kiến tương tự như thị kiến Fatima của chị Lucy. Năm 1909, trong buổi huấn dụ các tu sĩ Dòng Phan-xi-cô, ngài được thị kiến về một Giáo Hoàng đang chạy trốn khỏi Rôma. Ngài kể: điều tôi thấy thật là đáng sợ. Tôi sẽ chính là vị Giáo Hoàng đó hay đó sẽ là vị kế vị tôi? Điều chắc chắn là vị Giáo Hoàng đó đang rời khỏi Rôma, và trong khi rời khỏi Vatican, ngài đi ngang qua thi thể của các linh mục anh em ngài.

Ngay trước khi qua đời, ĐGH Pio X lại được một thị kiến tương tự. Ngài kể, lần này tôi thấy một trong những người kế vị tôi, có cùng tên với tôi, đang chạy trốn ngang qua những thi thể của anh chị em mình. Ngài sẽ trú ngụ ở một nơi kín đáo nhưng sau một thời gian ngắn, ngài sẽ phải chết một cái chết đau đớn.

Cái tên được đề cập trong thị kiến không phải là tên một Giáo Hoàng cụ thể, Pio hay Benedict, đúng hơn đó là tên huý (given name) của một người đang là Giáo Hoàng và một người sau này sẽ làm Giáo Hoàng. Tên huý của ĐGH Pio X là Giuseppe nghĩa là Giuse. Tương tự, tên huý của ĐGH Benedicto XVI sau này cũng là Giuse. Vậy phải chăng vị Giáo Hoàng đang chạy trốn như trong thị kiến là ĐGH Benedicto XVI, người cũng có cùng tên huý là Giuse như ĐGH Pio X? Phải chăng ĐGH Benedicto XVI chính là vị "Giám Mục Áo Trắng" được nhắc đến trong Bí Mật Thứ Ba Fatima? Chính Đức Giám Mục Bùi Tuần cũng đã có linh cảm như vậy. Trong bài viết có tựa đề: "*Việc Đức Giáo Hoàng Benedicto XVI Từ Nhiệm Là Một Sự Điệp Của Năm Đức Tin*", ngày 13/2/2013, ngài viết:

Khi sự từ nhiệm của Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI được coi là một sự điệp của Năm Đức Tin, thì sự điệp này không chỉ là một

bài học, mà còn là một cảnh báo. Cảnh báo về một tương lai sẽ có những bất ngờ gây bàng hoàng sửng sốt. Có thể sẽ xảy ra những biến cố về sự bước xuống đau đớn và cảnh chịu đóng đinh vào thánh giá. Nơi ít nơi nhiều, những bất ngờ đau đớn đó sẽ xảy ra.

Với những bài học và những cảnh báo, sứ điệp Năm Đức Tin tiềm ẩn trong sự tử chức của Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI rất đáng được chúng ta suy nghĩ trong thinh lặng nội tâm, dưới ánh sáng của Chúa Thánh Thần.

Cần suy nghĩ nghiêm túc, để điều chỉnh lại đời sống một cách mau lẹ. Kẻo, khi những bất ngờ đau đớn xảy tới mới tìm hướng đi, thì sẽ quá muộn.

Cần thức tỉnh mau lẹ. Đừng trì trệ, đừng dưng, khô cứng. Kẻo giờ Chúa đến bất ngờ, mà chưa chuẩn bị, thì sẽ không kịp theo Chúa đi vào Nước Trời.

Bất ngờ tiếp nối bất ngờ. Sứ điệp trong sự tử nhiệm của Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI mới chỉ là khởi đầu. Ở đây, tôi nhớ tới những khủng khiếp, mà Đức Mẹ đã tiên báo ở Fatima.

ĐGH Pio XII:

Trong suốt triều đại của Đức Piô XII (1939-1958) thỉnh thoảng vẫn có tin đồn rằng ngài được thị kiến những hiện tượng "thiên sứ". Ngài công khai trải qua những thị kiến về Chúa Giêsu và Mẹ Maria. Người ta kể rằng sau một lần thị kiến như vậy ĐTC nói với một người phụ tá của ngài rằng: "*Loại người phải chuẩn bị chịu đựng đau khổ như chưa từng có bao giờ.*"

Ngài tỏ vẻ sợ hãi những biến cố sẽ xảy đến cho nhân loại trong một tương lai không xa, mô tả những thời điểm đó như là những giai đoạn "*đen tối nhất kể từ thời kỳ Đại Hồng Thủy*". Ngài coi những thời kỳ ấy như là một thời đại xung đột tinh thần to lớn. Ngài nói: "*Giờ đã điểm - chiến trận đã lan rộng, cực kỳ tàn khốc đau thương hơn bao giờ hết đang diễn ra. **Chúng ta phải chiến đấu đến giây phút cuối cùng!***" Đức Piô 12 đã nói như vậy sau khi tiếp xúc - qua một số người

trung gian - với Chị Nữ Tu Lucia, người thị kiến cuối cùng còn sống lúc đó. Hình như sau những cuộc tiếp xúc này, Đức Thánh Cha đã thánh hiến Giáo Hội hoàn vũ và toàn thể thế giới cho Trái Tim Đức Mẹ năm 1942, kín đáo chấp nhận các thị kiến của Chị Nữ Tu Lucia tại Tu-y và Pontevedra vào cuối thập niên 1920 là xác thực. Vào cuối thập niên 1940 ngài được Chị Lucia cho biết rằng **vì toàn thể Hội Đồng Giám Mục Thế Giới không đồng thanh thánh hiến nước Nga**, nên những đau khổ được tiên báo tại Fatima sẽ có thể được giảm thiểu nếu thế giới được tận hiến cho Trái Tim Vô Nhiễm Đức Maria. Nếu một lần nữa thế giới được tận hiến với sự đồng ý của toàn thể hội đồng giám mục và lần này tên nước Nga được nhắc đến trong lời tận hiến thì những đau khổ tiên báo có thể được giảm bớt.

Để tái xác nhận sự tín thác của ngài đối với Đức Mẹ Thiên Chúa, ngài cũng được chứng kiến hiện tượng khó lòng diễn tả mặt trời quay tại Fatima khi ngài đang tản bộ trong công viên Vatican. Ngài viết cho một trong các vị hồng y của ngài như sau: *"Khi vừa cầm tập hồ sơ trên tay, một hiện tượng chưa từng thấy từ trước đến nay khiến tôi sửng sồ. Mặt trời lúc đó đã lên khá cao bỗng trở thành một hình cầu màu vàng nhạt chung quanh có hào quang rực rỡ, khiến tôi chăm chú theo dõi nhìn mà không bị chói mắt. Một đám mây mỏng che trước mặt trời, rồi trái cầu mờ đục bắt đầu di chuyển ra khỏi đám mây, từ từ quay và chuyển dịch từ trái qua phải rồi quay ngược lại, và ta có thể nhìn thấy rất rõ ràng những chuyển động mạnh không ngừng bên trong trái cầu."*

Kết Luận:

Qua những gì vừa trình bày, người viết cũng cảm thấy có lý do để tin rằng, nhân loại đang ở trong thời kỳ cuối cùng trước khi Chúa đến. Thời gian không còn nhiều. Hãy tỉnh thức và lắng tiếng Chúa nói với chúng ta qua các biến cố đang xảy ra trong Giáo Hội và trên thế giới. Hãy nhớ lời thánh tông đồ Phaolô quả quyết rằng: ***trước ngày Chúa đến, phải có sự phản bội niềm tin trong lòng Giáo Hội, phải có sự xuất hiện của kẻ gian ác và đấng hư hỏng trong đền thờ của Thiên Chúa. Hãy nhớ lời Đức Mẹ cảnh báo: Rôma sẽ mất đức tin và trở thành***

ngai toà của tên phản Kitô. Nhớ những lời dạy, những thị kiến của các ĐGH, và cũng suy nghĩ về linh cảm của Đức Cha Bùi Tuần.

Trong những bài tiếp theo, người viết sẽ trình bày những giáo lý và giáo huấn ngàn đời của Giáo Hội đã bị thay đổi như thế nào kể từ sau lời cảnh báo của Đức Mẹ ở La Sallette, Pháp, ngày 19/9/1846. Những thay đổi lớn lao nhất bắt đầu xảy ra kể từ Công Đồng Vatican 2 (1962-1965) và tiếp trong những năm sau đó cho đến ngày nay. Những sự thay đổi này được thực hiện do ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện đại và Tam Điểm vốn bị Giáo Hội kết án nặng nề.

Hãy lắng nghe những lời ngôn sứ đang vang lên đâu đó trong cuộc sống. Hãy lắng nghe bằng con tim và khối óc rộng mở. Đừng để cho luật lệ, sự hiểu biết cứng nhắc, và đức vâng lời mù quáng, khiến chúng ta thành những kẻ câm điếc, mù loà trước những lời mời gọi và những dấu chỉ Chúa gửi đến cho chúng ta hàng ngày. Thái độ tỉnh thức và sẵn sàng là không bao giờ thừa. Nhớ bài học khi Chúa chuẩn bị đến lần thứ nhất trong biến cố Nhập Thể. Tại sao Chúa lại không truyền cho các vị lãnh đạo tôn giáo thời đó, các tư tế, luật sỹ, và thầy dạy, nhắc nhở dân chúng phải mau chuẩn bị tâm hồn để đón Đấng Thiên Sai? Làm như vậy có phải là chắc ăn và dân chúng sẽ tin tưởng nghe theo không? Vì lời từ các đấng bề trên ban xuống là yên tâm rồi. Đó là ý Chúa chứ không còn phải nghi ngờ gì nữa. Đấng này Chúa lại cho ông Gioan Tẩy Giả, con của cặp vợ chồng già chẳng thế giá gì, lên tiếng kêu gọi mọi người hoán cải sửa lòng để đón Chúa. Một người lập dị, ăn châu chấu với mật ong rừng, chẳng qua trường lớp đào tạo gì, mà cũng bày đặt lên tiếng rao giảng! Lời của một người như vậy thì ai mà thèm để ý! Đó chỉ là tiếng kêu lạc lõng vọng lên từ sa mạc mà thôi!

Có thể nói, chính thói lệ luật và sự hiểu biết cứng nhắc đã khiến cho dân Dothái xưa nên đui mù không nhận ra Chúa Giêsu. Họ đã dùng gian kế để kết án và đóng đinh Chúa Giêsu.

Vậy để sửa soạn cho việc Chúa đến lần thứ hai trong vinh quang, ai dám chắc Chúa lại không hành động giống như xưa, đó là dùng những con người bình thường để loan truyền thánh ý ngài?

Vì Chúa vốn hành động cách tự do và luôn tôn trọng tự do của con người. Ai dám chắc con người thời nay sẽ không lặp lại sai lầm của dân Dothái xưa là cũng giả điếc ngoảnh mặt làm ngơ trước lời Chúa nói qua các ngôn sứ của thời nay?

Nếu để ý, ta cũng thấy con con người hôm nay đang dành hết tâm trí họ cho danh-lợi-thú mà thôi. Chẳng ai thèm để ý đến những lời ngôn sứ và dấu chỉ cảnh báo của thời kỳ cuối! Quả vậy, trước ngày Chúa đến trong vinh quang, con người vẫn cứ mãi mê trong việc thu tích của cải hư nát mà thôi. Nhớ lời Chúa Giêsu báo trước: *"Thời ông Nôê thế nào, thì cuộc quang lâm của Con Người cũng sẽ như vậy. Vì trong những ngày trước nạn hồng thủy, thiên hạ vẫn ăn uống, cưới vợ lấy chồng, mãi cho đến ngày ông Nôê vào tàu. Họ không hay biết gì, cho đến khi nạn hồng thủy ập tới cuốn đi hết cả. Cuộc quang lâm của Con Người cũng sẽ như vậy."* (Mt 24, 37-39)

Cuối cùng, xin nhớ rằng, tất cả những gì viết trong bài này cũng như các bài tiếp theo không có một mục đích nào khác hơn là, giúp gợi nhớ đến lời Chúa Giêsu căn dặn: PHẢI TỈNH THỨC. Tỉnh thức với những giáo lý sai lạc và thầy dạy giả hiệu. Tỉnh thức với những sự phản bội đức tin – apostasy – rất tinh vi của thời kỳ cuối mà Chúa Giêsu, Đức Mẹ, và các Thánh Tông Đồ đã cảnh báo. Thái độ tỉnh thức giúp ta biết nhận ra thánh ý Chúa và biết chuẩn bị sẵn sàng để đón Chúa. Tỉnh thức và sẵn sàng không bao bị coi là thừa vì ngày giờ Chúa đến thì bất chợt như kẻ trộm đêm.

[1] The New Jerome Biblical Commentary, trang 873.

[2] The New Jerome Biblical Commentary, trang 873.

[3] The New Jerome Biblical Commentary, trang 874

[4] Henry Edward Manning. "The Present Crisis of the Holy See – Cuộc Khủng Hoảng Hiện Nay Của Tòa Thánh", 1961, trang 8-9.

[5] Herman Kramer. "The Book of Destiny – Sách Số Phaôn", 1975, trang 321.

[6] The New Jerome Biblical Commentary, trang 1012.

BÀI 2: VÀI NÉT VỀ HỘI TAM ĐIỂM

1. Danh xưng và biểu hiệu.

a. Danh xưng.

Tam Điểm (TĐ), tiếng Anh là Freemasonry, nghĩa là “nền tảng tự do”. TĐ là một tổ chức gồm những người cho mình là khôn ngoan thông thái nhờ được khai sáng bởi thần lực siêu nhiên. Họ gồm những triết gia, thần học gia, chính trị gia, và thương gia.

Gọi là TĐ vì trong giao thiệp, họ thường gọi nhau là sư huynh/đệ (Frere) hay sư phụ (Maitre), viết tắt là chữ F hay chữ M và thường thêm vào vào phía sau 3 dấu chấm (...) tạo thành một hàng thẳng hay hình tam giác.



Ngoài ra, TĐ còn được gọi bằng những tên khác như Hội Kín hay Bè Nhiệm. Gọi là Hội Kín vì hành tung của họ luôn được bảo mật tối đa, nhất là trong những dịp đại hội, gặp gỡ bàn chương trình hành động, hay trong các nghi lễ bí mật để thu nạp hay bầu chọn các chức vụ. Gọi là Bè Nhiệm vì họ thường hội họp trong nơi bí mật như câu châm ngôn của họ đã khẳng định: “SỰ SÁNG TỪ NƠI TỐI TẮM MÀ RA”. Câu châm ngôn này là sự bóp méo câu nói của Thánh Gioan: “Sự Sáng chiếu soi trong bóng tối” (Ga 1,5).

b. Biểu hiệu.

Biểu hiệu phổ biến của TĐ là cái thước vuông và chiếc compa hay hình một con mắt được lồng vào trong hình tam giác, và rất nhiều các ký hiệu hay ngôn ngữ cử chỉ khác (*bạn đọc có thể lên Google/tìm hình ảnh – images - và điền masonic symbol để coi thêm cho rõ*). Những biểu tượng này được trưng bày cách trang trọng trong các nơi hội họp của TĐ. Chỗ danh dự nơi khán phòng họp kín của TĐ có kê một chiếc ngai vàng bọc nhung màu tím. Không ai được phép ngồi vào ngai này vì nó tượng trưng cho Thần Lực Tối Cao. Phía trên hai bên tả hữu của ngai, có hình mặt trăng và mặt trời. Phía trước ngai và ngay chính giữa khán phòng, có kê một cái bàn, được trang trí tựa như bàn thờ, có những cây nến xung quanh. Trên bàn có để một cuốn Sấm Truyền (Kinh Thánh của TĐ). Trên cuốn Sấm Truyền có để một cái thước vuông và một cái compa.

2. Lịch sử hình thành.

Không ai biết đích xác TĐ được ra đời chính thức từ bao giờ. Tương truyền, TĐ có từ thời vua Salomon. Hội viên ban đầu của TĐ là những người làm nghề xây cất. Cùng với thời gian, TĐ chia thành 2 hệ phái. Phái công khai, gồm những người hành nghề xây cất và thầu khoán. Phái bí mật, gồm những triết gia, thần học gia, chính trị gia, và thương gia, tức những người có thể giá và quyền hành trong xã hội. Bài này có ý nói về về phái bí mật này. TĐ coi Euclid và triết gia kiêm toán học gia cổ đại Pi-ta-go là ông tổ của họ. Ngày nay, TĐ được chia thành 3 cấp: Quốc Tế, Miền, và Quốc Gia. Khi gia nhập làm thành viên của TĐ, mỗi thành viên (*freemason*) cũng chịu phép báp-têm (*baptize*) và nhận một con vật làm bảo trợ.

3. Mục đích, chương trình và chiến lược hành động.

a. Mục đích.

Tôn chỉ mục đích tối cao của Tam Điểm Quốc Tế (TĐQT) là:

- Triệt hạ quyền hành và ảnh hưởng của Giáo Hoàng La Mã.
- Hạ bộ Thánh Giá Chúa Giêsu.
- Âm sát và thủ tiêu quyền lực của các vua chúa.
- Thành lập một Siêu Chính Phủ Toàn Cầu (SCPTC) và một Siêu Giáo Hội Toàn Cầu (SGHTC).

b. Chương trình hành động.

TĐQT tụ họp mỗi năm một lần ở một nơi đã định trước. Thành viên TĐQT ngày nay đa phần là những người có quyền hành chính trị và sức mạnh tài chính ở các quốc gia. Nơi TĐQT tụ họp được chia thành 3 khu: Vàng-Xanh-Tím.

- Khu Xanh là nơi tụ họp chung.
 - Khu Vàng là nơi tụ họp của đại diện TĐ cấp Miền và Quốc Gia.
 - Khu Tím là nơi tụ họp của thành viên TĐQT cấp cao nhất.
- Đây được cho chính là nơi mà Lucifer hiện hình để ban chỉ thị cho các thủ lĩnh của TĐ.

TĐ cấp Miền được tụ họp 6 tháng một lần, có thể họp thêm tùy tình hình. TĐ cấp Quốc Gia họp thường xuyên nhất, cứ 15 ngày họp một lần. Hàng năm cũng có “cắm phòng – retreat” trong khoảng từ 3 đến 5 ngày. Đây cũng là dịp để nhận chỉ thị từ cấp trên và bổ nhiệm vị “Đạo Trưởng Quốc Gia – Pretre”.



Theo các nguồn tin tiết lộ, những buổi lễ tấn phong Đạo Trưởng này được diễn ra cách trang trọng và nhuộm màu ma thuật. Bàn

thờ để hành lễ là một cô gái trinh lỗ thể. Trên bụng cô gái có để chén đĩa và bánh rượu giống như thánh lễ Công Giáo. Vị được tấn phong làm Đạo Trưởng cũng phải khoả thân. Hình thức nghi lễ được mô phỏng theo thánh lễ Công Giáo, cũng có xông hương xung quanh bàn thờ là cô gái lỗ thể. Những người tham dự đều che mặt chỉ để hở 2 con mắt. Cuối nghi thức, họ cũng rước lễ là bánh và rượu. Rượu này được pha trộn với máu kinh của cô gái trinh và 10 cc máu của người được tấn phong làm Đạo Trưởng.

c. Chiến lược hành động.

Trải qua nhiều bất đồng và chia rẽ, TĐQT vẫn luôn trung thành với giáo điều của Amos Comenius (1592 – 1670) và Alexandre Saint-Yves d'Alveydre (1842 – 1909) đó là:

Bằng mọi cách phải thiết lập cho thế giới một SCPTC và một SGHTC khác với Giáo Hội Công Giáo Rôma. Muốn nhanh chóng thực hiện mục tiêu này, điều quan trọng nhất là phải triệt tiêu ảnh hưởng và quyền lực của Giáo Hoàng và Giáo Hội Công Giáo. Phương thức thực hiện là giáo dục, tuyên truyền và kể cả chiến tranh nếu cần.



Chính Franklin D. Roosevelt, tổng thống thứ 32 của Hoa Kỳ, đã xác định đường hướng này trong một cuộc họp của TĐQT năm 1941 như sau: "*Chúng ta phải là khuôn mẫu của dân chủ vĩ đại. Đối với*

chúng ta, vấn đề tạo ra chiến tranh cũng chỉ nhằm mục đích như vậy."

Chiến lược hành động của TĐQT được nhằm vào hai lĩnh vực: chính trị và tôn giáo.

Lĩnh vực chính trị:

Chính trị ở đây cũng bao gồm luôn cả lĩnh vực kinh tế xã hội. Để tiến tới việc thiết lập một SCPTC, đại hội TĐQT diễn ra năm 1986 ở Wesbaden, Đức, đã đưa ra chương trình hành động gồm 7 điểm sau:

- 1. Tổ chức hệ thống ngân hàng quốc tế sao cho các ngân hàng địa phương phải lệ thuộc hoàn toàn vào các ngân hàng quốc tế để từ đó dẫn đến việc thống nhất tiền tệ.*
- 2. Cổ vũ việc di dân tự do.*
- 3. Huỷ bỏ các hàng rào thuế quan và thiết lập các hải cảng tự do.*
- 4. Triệt hạ các ly tưởng quốc gia và làm giảm dân tộc tính trong các văn hoá, lịch sử.*
- 5. Dùng tổ chức Liên Hiệp Quốc để giảm thiểu quyền tự chủ của các quốc gia.*
- 6. Thành lập tổ chức Cảnh Sát Quốc Tế để giám sát an ninh các nước.*
- 7. Thiết lập một cộng đồng kinh tế quốc tế và nghị viện quốc tế để hỗ trợ cho SCPTC.*

Thoạt nhìn, tất cả 7 điểm trên xem ra rất tốt đẹp và có lợi cho thế giới. Tuy nhiên, chính những điều này làm cho các quốc gia trở nên yếu kém và lệ thuộc lẫn nhau. Dân chúng trở thành kẻ sản xuất và người làm công cho nhóm cầm đầu và điều khiển chính phủ các quốc gia. Những diễn biến trên thế giới hiện tại cho thấy 7 điểm trên vẫn đang được triệt để thực thi.

Hiện nay, trung tâm Rockefeller ở New York, Hoa Kỳ, là trung tâm đầu não của TĐQT. Một SCPTC do TĐQT xây dựng sẽ gồm hai

phe đối nghịch nhau là TĐ và Cộng Sản, phỏng theo thể chế dân chủ lưỡng đảng của Hoa Kỳ. Nói cách khác, thế giới sẽ chỉ có hai Siêu Lực là TĐ và Cộng Sản. Các lực lưỡng khác sẽ bị triệt hạ hoặc sáp nhập vào một trong 2 Siêu Lực này.

Cần nói thêm là, chính TĐQT đã trợ giúp Lenin thực hiện cuộc cách mạng Tháng Mười năm 1917, giúp Mao Trạch Đông giành thắng lợi trong Cách Mạng năm 1949. Nhưng sau đó TĐ Liên Xô và Trung Quốc phản bội TĐQT và muốn tách ra thành một thế lực riêng. Những sắp xếp sau thế chiến thứ hai cũng được thực hiện do sự giàn xếp giữa hai phe TĐ và Cộng Sản.

Lĩnh vực tôn giáo:

Mục tiêu hàng đầu là thiết lập SGHTC cho thế giới. Để đạt được điều này, trước tiên TĐ phải dồn toàn lực của mình thực thi việc triệt hạ ảnh hưởng của Giáo Hoàng và Giáo Hội Công Giáo (GHCG) trên toàn thế giới. TĐQT thực hiện mục tiêu này bằng cách chỉ thị cho TĐ các quốc gia thực hiện chiến lược: cày sâu, gieo hạt và thu gặt.

Cày sâu gieo hạt là bứng tận gốc mọi tín điều về đức tin và luân lý của GHCG ra khỏi đời sống của con người. Sử dụng công cụ là giáo dục và các phương tiện truyền thông để tuyên truyền nhằm tiêu diệt niềm tin vào sự hiện diện đích thực của Chúa Giêsu trong Bí tích Thánh Thể, làm sụp đổ thần tượng giám mục và linh mục trong lòng giáo hữu. Tiêm nhiễm tư tưởng dân chủ vào trong GHCG như đòi cho giáo hữu quyền được tuyển chọn các giám mục và linh mục. Làm cho giáo hữu bất tuân phục hàng giáo sĩ. Phá đổ những tiêu chuẩn luân lý khách quan. Thay vào đó là tiêu chuẩn của mỗi cá nhân. Mỗi người có quyền quyết định điều gì là đúng là sai. Không ai có quyền áp đặt tiêu chuẩn cho người khác.... Cuối cùng đi đến chỗ làm cho con người là chủ thể của chính mình. Thiên Chúa và lẽ luật cứu rỗi cũng phải xếp dưới quyền tự do dân chủ của con người! Nhân danh lòng khoan dung và quyền con người, mọi tôn giáo

đều được tôn trọng ngang nhau và được thâm nhận vào trong SGHTC. Mọi thứ tội lỗi sẽ được dung túng chấp nhận, được coi là tự nhiên và phù hợp với bản tính của con người. Lucifer sẽ là Chúa của SGHTC này. TĐQT tin rằng SGHTC này sẽ được con người thời đại tung hô và đón nhận. Mọi người sẽ cảm thấy bình an sống trong tội lỗi, được làm mọi điều mình muốn mà không lo sợ bị trừng phạt chi hết. Hoả ngục sẽ là một nghịch lý không thể tưởng tượng được bởi Thiên Chúa là tình yêu! Nói tóm lại, mục tiêu của TĐ là làm cho Giáo Hội Công Giáo không còn là "*nền tảng và cột trụ*" của chân lý nữa vì mọi tôn giáo và các giáo hội khác đều được coi là những con đường dẫn đến ơn cứu độ. SGHTC này theo đuổi sự hoà đồng tôn giáo, làm cho mọi người cảm thấy được bình an và không còn phải bận tâm về tội lỗi nữa.

4. Giáo Hội nói gì về TĐ?

TĐ luôn bị Giáo Hội kết án và coi là kẻ thù nguy hiểm và quỷ quyệt nhất. Do vậy, Kitô hữu không được phép, vì bất cứ lý do gì và bất cứ hình thức nào, gia nhập hay cộng tác với TĐ. Bất cứ ai gia nhập TĐ, mắc vạ tuyệt thông tiền kết dành cho Giáo Hoàng (*Nghĩa là chỉ chỉ Giáo Hoàng mới giải được vạ này*).

Đức Giáo Hoàng Clemente XII là người đầu tiên đưa ra cảnh báo về mối nguy hiểm của TĐ. Trong sắc lệnh *In Eminenti* ban hành ngày 28/4/1738, Đức Clemente XII đã chính thức kết án TĐ và ngăn cấm sự tham gia vào tổ chức này. Ngài viết: "*Chúng tôi, sau khi tham vấn cùng các hiền đệ đáng kính trong Hồng Y Đoàn, với sự đồng thuận trong sự hiểu biết chắc chắn và sự cân nhắc chín muồi, và với sự sung mãn quyền tông toà, cùng quyết định và truyền dạy rằng, TĐ và các tổ chức tương tự phải bị kết án và ngăn cấm, và với pháp lệnh có hiệu lực trường tồn này, chúng tôi kết án và ngăn cấm TĐ.*"

ĐGH Benedicto XIV, trong sắc lệnh *Providas* ban hành ngày 15/5/1751, cũng lặp lại những kết án như trong sắc lệnh *In Eminente* trước đó của ĐGH Clemente XII và nhắc lại rằng việc

kết án TĐ là quyết định đúng đắn và không thể bị rút lại, và việc kết án này có hiệu cho cả hiện tại và tương lai. Sắc lệnh *Providas* chỉ dạy: "*do phán quyết của những người trung thực và khôn ngoan, bất cứ ai gia nhập làm thành viên của TĐ đều là biểu hiện của sự suy đồi và hư hỏng.*"

Tiếp đến, sắc lệnh *Ecclesiam a Jesu Christo* của ĐGH Pio VII ban hành ngày 13/9/1821, cũng chỉ ra những nguy hại của TĐ đối với đức tin Công Giáo và coi nó là kẻ thù nguy hiểm của Giáo Hội. Trong sắc lệnh này, Đức Pio VII đã tuyên bố và tuyệt thông tiền kết dành cho Toà Thánh cho những ai tham gia tổ chức TĐ. Họ không thể được giải và bởi một ai khác ngoài Đức Pio VII hoặc các Giáo Hoàng kế vị ngài. Đức Pio VII kết thúc sắc lệnh bằng những lời nặng nề sau: "*không ai được phép xuyên tạc sắc lệnh kết án TĐ này, hoặc cả gan liều lĩnh phản bác lại; nhưng bất cứ ai dám cả gan làm điều này hãy hiểu rằng hắn sẽ phải chịu cơn thịnh nộ của Thiên Chúa Toàn Năng và của hai Thánh Tông Đồ Phê-rô và Phao-lô.*"

Tiếp nối Đức Pio VII, Đức Leo XII với sắc lệnh *Quo Graviora* 13/3/1825, Đức Pio VIII với Thông Điệp *Traditi Humilitati* ngày 21/5/1829, Đức Grê-gô-ri-ô XVI với Thông Điệp *Miari Vos* ngày 15/8/1832, Đức Pio IX với Thông Điệp *Qui Pluribus* ngày 9/11/1846 và Thông Điệp *Multiplices Inter* ngày 25/9/1865, và nhất là Đức Leo XIII với Thông Điệp *Humanum Genus* ngày 20/4/1884, đã vạch mặt mưu đồ của TĐ và kết án và tuyệt thông tiền kết cho những ai tham gia TĐ. Chủ nghĩa hiện đại và chủ nghĩa tự do tôn giáo cũng bị kết án vì chúng là sản phẩm của TĐ.

Sau đây là một vài trích đoạn trong Thông Điệp *Humanum Genus* của Đức Leo XIII:

" *TĐ nay không còn che dấu mục tiêu của họ nữa nhưng đã mạnh mẽ vùng lên chống lại Thiên Chúa. Họ lên kế hoạch cách công khai để phá huỷ Hội Thánh và tước bỏ các quốc gia Kitô giáo khỏi những phúc lành của Chúa Giêsu đáng Cứu Độ chúng*

ta. Khóc than những sự dữ này, chúng tôi, với con tim được thôi thúc bởi đức ái, không ngừng kêu lên cùng Thiên Chúa rằng: "Kìa kẻ thù Chúa ồn ào náo động, bọn ghét Ngài đang ngóc đầu lên. Chúng lập kế chống lại dân Ngài, bày mưu chống những kẻ Ngài bảo trợ. Chúng rằng: Nào ta hãy diệt bọn đó đi, để chúng không còn là một dân tộc nữa." (Tv 82, 3-5) (Số 2)

" Ngay khi hiến chương và tinh thần của TĐ được bộc phát rõ ràng bởi những dấu chứng trong hành động của nó, bởi sự điều tra những mục tiêu của nó, bởi sự xuất bản những luật lệ, nghi lễ, và bình luận của nó, với những bằng chứng cá nhân của những người từng trong TĐ, tông toà này đã mạnh mẽ lên án TĐ và công khai tuyên bố rằng hiến chương của TĐ là trái ngược với luật lệ và lễ phải, là nguy hại cho Kitô giáo cũng như cho nhà nước thế tục; và tông toà đã nghiêm cấm bất cứ ai tham gia vào tổ chức TĐ, những ai tham gia đều phải chịu những trừng phạt như Giáo Hội quen áp dụng cho những tội phạm đặc biệt." (số 6)

"Ứng viên TĐ buộc phải cam kết, bằng một lời thề đặc biệt, thề rằng họ sẽ không bao giờ, với bất kỳ ai, ở bất cứ đâu hay bất cứ cách nào, để lộ các thành viên, các chiến lược hay chủ đề được bàn thảo. Do vậy, với vẻ ngoài giả dối và với phong cách đóng kịch giống nhau, những người TĐ, cũng giống như những người theo ngộ thuyết Ma-ni-kê xưa, cố gắng bao nhiêu có thể để che giấu bản thân họ, không chấp nhận một chứng cứ nào ngoài chính những thành viên của họ. Như một cách thức che giấu hiệu quả, họ mặc lấy tính cách của những người hiểu biết và các học giả nghiên cứu. Họ nói về lòng nhiệt thành của họ đối với việc thanh luyện văn hoá, về tình thương của họ dành cho người nghèo, và tuyên bố ước vọng duy nhất của họ là sự cải thiện điều kiện cho quảng đại quần chúng và chia sẻ tất cả những thiện ích của đời sống dân sự với nhiều người nhất có thể....nếu bất cứ ai bị xét thấy là phản bội lại những việc làm của TĐ hay chống lại những mệnh lệnh được ban ra, sẽ bị trừng phạt mau chóng với

một sự táo bạo và tinh xảo đến nỗi kẻ ám sát thường thoát khỏi sự phát hiện và trừng phạt." (số 9)

"...Cây tốt không thể sinh quả xấu, và cây xấu không thể sinh quả tốt" (Mt 7,18). TĐ sinh những trái độc hại và đắng ngắt. Vì qua những điều chúng tôi chỉ rõ ở trên, mục tiêu tối hậu của TĐ là lật đổ trật tự tôn giáo và chính trị của thế giới mà giáo huấn Công Giáo cung cấp, để thay thế bằng một trật tự hoàn toàn dựa trên nền tảng của Chủ nghĩa tự nhiên." (số 10)

"Trong những vấn đề liên quan đến tôn giáo, hãy coi TĐ hành động ra sao nhất là những nơi nó được tự do hành động, rồi hãy xét xem phải chăng thực tế nó không thi hành chính sách của những người duy tự nhiên. Bằng sự lao động kiên trì và liên lỉ, những người TĐ cố gắng đạt cho được điều này là, làm cho nhiệm vụ giáo huấn và quyền hành của Hội chẳng còn uy tín gì trong nhà nước dân sự, và cũng vì điều này họ tuyên bố cho mọi người và tranh đấu rằng Giáo Hội và Nhà Nước phải được cùng tách biệt. Bằng cách này, họ rũ bỏ hoàn toàn ảnh hưởng của Công Giáo khỏi các luật lệ và cơ cấu chính trị, và họ cho rằng các Nhà Nước phải được thiết lập mà không cần để ý đến luật lệ và giới luật của Giáo Hội." (số 13)

"Nếu những người được kết nạp làm thành viên không bị yêu cầu phải tuyên thệ từ bỏ đức tin Công Giáo, sự bỏ qua này không phải là có hại cho những mưu đồ của TĐ mà là có lợi cho họ. Trước nhất, bằng cách này TĐ dễ dàng đánh lừa được những đầu óc ngây thơ và ngờ nghệch, và có thể khiến cho nhiều người gia nhập làm thành viên. Lại nữa, bất cứ hình thức tôn giáo nào của họ cũng được chấp nhận, TĐ giảng dạy một sai lầm nghiêm trọng rằng liên hệ tôn giáo cần phải được coi là một vấn đề tùy tâm, và rằng tất cả mọi tôn giáo đều như nhau. Lỗi suy nghĩ này được toan tính nhằm đem đến sự mục nát mọi hình thức tôn giáo, đặc biệt là Công Giáo, tôn giáo duy nhất chân thật, và sẽ là bất công lớn lao nếu coi Công Giáo cũng ngang hàng với các tôn giáo khác." (số 16)

"...trong nỗ lực điên cuồng và độc ác này, chúng ta có thể thấy sự thù hận khôn nguôi và lòng báo thù mà Satan khơi lên chống lại Chúa Giêsu Kitô. Cũng vậy, sự nỗ lực tinh vi của TĐ nhằm phá huỷ những nền tảng hàng đầu của công lý và sự thật và cộng tác với những ai ước muốn, như thế họ chỉ là những con vật, để làm điều họ vui thích, nhằm đến chỉ một điều là sự huỷ hoại ô nhục của nhân loại." (số 24)

"...Như các đấng tiền nhiệm chúng tôi đã nhiều lần nhắc nhở, không một ai được được nghĩ rằng, dù bất cứ lý do gì, có thể gia nhập vào hội TĐ, nếu người đó còn coi trọng danh nghĩa Công Giáo và ơn cứu độ đời đời của mình. Đừng để ai bị đánh lừa bởi một vẻ trung thực giả tạo. Một số người nghĩ rằng TĐ không đòi hỏi điều gì trái ngược với luân lý và tôn giáo. Nhưng sự thật là, toàn bộ nguyên tắc và mục tiêu của TĐ là đồi bại và độc ác. Mọi cộng tác hay giúp đỡ cho TĐ dưới bất kỳ cách nào đều là sai trái." (số 31)

Kết luận:

Sự nguy hại của TĐ đối với đức tin Công Giáo cũng như đối với xã hội con người là không thể chối cãi. TĐ bị coi như những đồ đệ nhiệt thành của Satan, tuyên chiến và muốn phá huỷ bằng mọi cách Giáo Hội do Chúa Kitô thiết lập vì ơn cứu độ của con người. Các ĐGH trước Công Đồng Vatican 2 đều ý thức được quỷ kế thâm độc của TĐ nên đã trực tiếp và công khai kết án nặng nề TĐ và ra vạ tuyệt thông tiên kết dành cho Toà Thánh cho những ai gia nhập TĐ. Kể từ Vatican 2, TĐ và mưu thâm chước độc của chúng đối với Giáo Hội không còn được nhắc đến nữa!

(bài 3 sẽ nói về sự xâm nhập của TĐ và ảnh hưởng của chúng đối với GH)

BÀI 3: GIÁO HỘI THAY ĐỔI CÁI NHÌN VỚI TAM ĐIỂM??

GIÁO HỘI THAY ĐỔI CÁI NHÌN ĐỐI VỚI CS VÀ TAM ĐIỂM, NHỮNG KẺ THÙ NGUY HIỂM CỦA GIÁO HỘI??

ĐGH Leo XIII, trong Thông Điệp về Tam Điểm, tựa đề *Dall'alto Dell'apostolico Seggio*, ban hành ngày 15/10/1890, gửi cho hàng Giám Mục, Giáo Sĩ và Giáo Dân ở Italia, đã nói: "*Khỏi cần phải đưa các nhóm Tam Điểm (TĐ) ra trước toà án. Chúng đã bị xét xử. Chính những mưu đồ, những phương thế, những giáo điều, và hành động của họ, là những bằng chứng không thể chối cãi kết án họ. Bị ám ảnh bởi tà khí của Satan và trở thành công cụ của hắn, chúng luôn nung nấu ngọn lửa thù hận chết chóc khôn nguôi đối với Đức Giêsu Kitô và công trình của Ngài; và chúng nỗ lực dùng mọi phương thế để lật đổ và kiểm soát công trình ấy.*"[1]

Trong Thông Điệp *In Ipso* (nói về sự tái hợp nhất hàng Giám Mục) gửi cho các Giám Mục ở Áo, ban hành ngày 3/3/1891, ĐGH Leo XIII nói ngay ở số đầu tiên rằng: "*Tuy nhiên, chúng ta thật đau đớn nghĩ rằng, những kẻ thù của Giáo Hội (GH) đã liên kết với nhau trong những kế hoạch và âm mưu độc ác để làm suy yếu, và nếu có thể, hoàn toàn xóa bỏ công trình kỳ diệu mà Thiên Chúa đã dựng nên làm nơi nương ẩn cho loài người.*"[2]

Cho đến Công Đồng Vatican 2, GH luôn xác định Cộng Sản (CS) và TĐ là kẻ thù nguy hiểm nhất của GH. Chúng không ngừng thực hiện những âm mưu có tổ chức nhằm xâm nhập vào GH. Chúng đã gài được một số lớn những người vào trong hàng Linh Mục và làm mọi cách để đưa những người này lên những vị trí cao hơn hầu có thể tấn công và làm suy yếu GH từ bên trong.

1. Kẻ Thù CS.

Cùng điểm qua một vài kết án tiêu biểu của GH đối với CS:

"Các hiền đệ đáng kính, một mối hoạ gần kề, như các hiền đệ cũng đã tiên liệu, là thứ Chủ Nghĩa Cộng Sản (CNCS) vô thần Bol-se-vic, đang nhắm đến việc lật đổ trật tự xã hội và làm suy yếu chính những nền tảng của Kitô Giáo" (Thông Điệp Đấng Cứu Chuộc – *Divini Redemptoris* – Của ĐGH Pio XI, ngày 19/3/1937. Số 3).

"...Đừng ai để cho mình bị lừa dối! CS sai lầm tự bản chất, vậy nên bất cứ ai còn gắn bó với Kitô Giáo, không thể hợp tác với nó dưới bất kỳ cách nào. Những ai tình nguyện đi theo nó và góp phần mình vào sự chiến thắng của CS trên quê hương mình, sẽ là nạn nhân đầu tiên của chính những sai lầm của họ..." (*Divini Redemptoris*, số 58)

"Như các việc tông đồ khác, tông đồ giáo dân có hai mục đích chính là: bảo tồn và chinh phục. GH ngày nay phải dành mỗi bận tâm nhất cho 2 mục tiêu này. Nói tóm gọn là, GH của Đức Kitô phải chiến đấu với kẻ thù CS vô thần chứ không chịu nhượng sên cho nó. Đây là cuộc chiến đến tận cùng bằng những khí giới của Đức Kitô!" (Trích Thông Điệp về "*Những Nguyên Tắc Hướng Dẫn Việc Tông Đồ Giáo Dân*" Của ĐGH Pio XII gửi cho Đại Hội Thế Giới Lần Thứ Hai về Tông Đồ Giáo Dân).

"Chủ Nghĩa Xã Hội, như mọi sai lầm khác, được xây dựng trên một lý thuyết xã hội xa lạ với chính nó và không thể dung hoà với Kitô Giáo chân thật. Học Thuyết Xã Hội Tôn Giáo và Học Thuyết Xã Hội Kitô Giáo là hai khái niệm đối nghịch nhau. Không ai có thể vừa là người Công Giáo tốt lại vừa là người theo xã hội chủ nghĩa." (Trích Thông Điệp **QUADRAGESIMO ANNO: Tứ Thập Niên - Phục Hồi Trật Tự Xã Hội** của ĐGH Pio XI, 1931)

Kết án nặng nề nhất đối với CS là Sắc Lệnh của Thánh Bộ Tác Vụ Thánh (tức Bộ Giáo Lý Đức Tin ngày nay) ban hành ngày 1/7/1949 dưới thời ĐGH Pio XII. Sắc Lệnh ngăn cấm mọi việc gia nhập Đảng CS, cấm xuất bản in ấn các sách vở, tạp chí để tuyên truyền cho lý thuyết cũng như việc làm của CS. Bởi vì, CNCS tự bản chất là duy vật và chống Kitô Giáo, và cho dù đôi khi những lãnh đạo CS rêu rao rằng họ không chống tôn giáo nhưng thực tế

lý thuyết và hành động của họ minh chứng rằng họ là kẻ thù của Thiên Chúa, của tôn giáo chân thật, và của GH Chúa Kitô.

Do đó Sắc Lệnh tuyên bố rằng: *"Bất cứ ai tuyên xưng thứ giáo thuyết duy vật và chống Kitô Giáo của người CS và nhất là những ai bênh vực và tuyên truyền thứ giáo thuyết ấy thì bị và tuyệt thông tiền kết (ipso facto excommunicationis) đặc biệt dành cho Toà Thánh như những người phản bội đức tin Công Giáo."*

Dẫn chứng từ thực tế:

Bà Bella Dodd, người đã dành gần trọn cuộc đời cho Đảng Cộng Sản Mỹ, sau khi từ bỏ Đảng, đã thú nhận rằng, một trong những công việc chính của bà, với tư cách là điệp viên CS, là khuyến khích những phần tử cực đoan trẻ tuổi (không nhất thiết phải là những người có mác CS) gia nhập vào các chủng viện Công Giáo. Bà ta thừa nhận rằng, cho đến khi từ bỏ Đảng CS, bà đã chiêu khuyến được chừng 1000 kẻ cực đoan trẻ tuổi xâm nhập vào các chủng viện và dòng tu. Đó là chưa tính công việc của những điệp viên CS khác.

Bà Bella đã hoán cải trở về với Công Giáo vào lúc cuối đời. Với tư cách một cựu đảng viên CS, bà đã thú nhận, trong thập niên 1930 chúng tôi đã gài được khoảng 1100 người vào hàng linh mục, và sau đó họ giúp họ leo lên bậc thang ảnh hưởng và quyền hành của các Đức Ông và Giám Mục. Nhớ lại hồi đó, bà nói tiếp: Giờ họ đã nắm giữ các vị trí cao nhất trong GH. Họ đang làm việc tích cực để đem đến sự thay đổi hầu biến GH không còn là thế lực chống lại CS cách hữu hiệu nữa. Bà ta nói thêm rằng, những thay đổi này mạnh mẽ đến mức bạn sẽ không còn nhận ra GH nữa. Điều này bắt đầu xảy ra từ khoảng 10-12 năm trước CĐ Vatican 2.

Bà Bella đã giải thích về quỷ kế của CS rằng: Tất cả ý đồ của họ là phá huỷ không phải thể chế của GH nhưng là đức tin của người tín hữu, và thậm chí là dùng chính thể chế của GH để phá đức tin qua việc quảng bá một tôn giáo giả hiệu: một thứ gì đó có vẻ giống Công Giáo nhưng hoàn toàn không phải như vậy. *Bà giải*

thích thêm rằng, một khi đức tin đã bị huỷ diệt thì sẽ có một mặc cảm tội lỗi xuất hiện trong GH...từ đó dẫn đến việc gán cho GH của quá khứ là áp bức, độc tài, đẩy những thành kiến, ngạo mạn nhận mình kẻ sở hữu duy nhất của chân lý, và phải chịu trách nhiệm về những chia rẽ tôn giáo xảy ra trong suốt dòng lịch sử. Đây là điều cần thiết để làm bể mặt những vị lãnh đạo GH và khiến họ phải cởi mở hơn với thế giới, đồng thời có thái độ mềm mỏng hơn đối với tất cả các tôn giáo và triết thuyết. Những người CS sẽ lợi dụng sự cởi mở này để làm suy yếu GH.

2. Kẻ Thù TĐ.

Những người TĐ cũng thực hiện mưu đồ của chúng theo cách tương tự như CS, đó là đưa người của chúng xâm nhập vào nội bộ GH và dùng mọi cách để nâng những người đó lên những bậc cao hơn. Hội bí mật của Lucifer, Hội Carbonari, được biết đến với cái tên *Alta Vendita*, đã viết và cho xuất bản bộ quy tắc hành xử vào năm 1818 ở Italia, trong đó chỉ rõ: "...*Bổn phận hàng đầu của các hội bí mật là làm cho GH và cả Giáo Hoàng trở nên tiến bộ hơn, với mục đích là để khống chế cả hai. Công việc mà chúng ta khắc cốt ghi tâm không phải là việc của một ngày, của một tháng hay của một năm. Nó có thể kéo dài nhiều năm và cả hàng thế kỷ. Và như người người Do-thái trông đợi Đấng Messia như thế nào thì chúng ta cũng mong đợi một giáo hoàng như ý muốn của chúng ta như vậy.* Chúng ta phải đòi bằng được một giáo hoàng cho chúng ta. Được một người như thế, chúng ta sẽ hành quân xâm chiếm GH cách an toàn và hiệu quả hơn mọi sách vở của các anh em người Anh người Pháp chúng ta."

Cũng trong bộ tài liệu này, những người TĐ đã đưa ra phỏng đoán giật mình như sau: "*Trong thời gian 100 năm, các giám mục và linh mục sẽ nghĩ rằng, họ vẫn đang bước đi dưới ngọn cờ của Phê-rô, nhưng kỳ thực họ đang đi theo lá cờ của chúng ta...những cải cách này phải được thực hiện nhân danh lòng vâng phục.*"

CS và TĐ cùng những cá nhân thuộc về chúng chính là công cụ Satan dùng để tấn công GH thật của Chúa Kitô. Nhớ lời thánh Phao-lô nói: *"Vì chúng ta chiến đấu không phải với phàm nhân, nhưng là với những quyền lực thần thiêng, với những bậc thống trị thế giới tối tăm này, với những thần linh quái ác chốn trời cao"* (Ep 6,12).

Vào ngày 3/4/1844, một lãnh đạo của Alta Vendita có tên là Nobius đã viết một bức thư gửi cho một cán bộ TĐ cao cấp khác. Bức thư này một lần nữa lại nói về kế hoạch xâm nhập vào GH và những cố gắng để dựng nên một Giáo Hoàng Tam Điểm – *a masonic pope*, để cổ võ thứ tôn giáo của TĐ: *"từ giờ trở đi, để chuẩn bị một giáo hoàng đúng với những đòi hỏi của chúng ta, trước tiên chúng ta phải chuẩn bị một thể hệ xứng đáng với vương quốc hằng mơ của chúng ta...Hãy làm cho hàng giáo sĩ đang đi dưới lá cờ TĐ của chúng ta tin rằng họ đang vững tiến dưới ngọn cờ của Phê-rô và các tông đồ. Hãy thả lưới như Simon - Phê-rô, con ông Jonah, giăng vào trong các phòng thánh, chủng viện và tu viện... bạn sẽ hoàn thành cuộc cách mạng được mặc trong bộ áo choàng và mũ ba tầng của giáo hoàng, mang thánh giá và cờ hiệu, một cuộc cách mạng mà chỉ cần một kích thích nhỏ cũng đủ thổi bùng lên ngọn lửa ở khắp bờ cõi trái đất."*[3]

Nhân vật TĐ cao cấp có tên là Eliph Levi, năm 1862 đã nói: *"rồi sẽ đến một ngày, giáo hoàng sẽ tuyên bố bãi bỏ mọi vạ tuyệt thông và rút lại mọi lời kết án, khi mọi người Kitô sẽ hợp nhất trong GH, khi người Do-thái và người Hồi Giáo sẽ được chúc lành và kêu về với GH...GH sẽ để cho mọi giáo phái đến với mình với những mức độ khác nhau và ôm ấp tất cả loài người vào trong sự hiệp thông với tình yêu và kinh nguyện của GH. Người Thệ Phản rồi cũng chẳng còn vì họ đâu còn phải phản đối cái gì nữa? Giáo Hoàng rồi sẽ trở thành ông vua thực sự của một thứ tôn giáo toàn cầu, và ngài sẽ làm bất cứ điều gì ngài muốn với muôn dân nước trên mặt đất."*[4]

Một linh mục bội giáo và cũng là chuyên viên giáo luật tên là Roca (1830-1893), sau khi bị vạ tuyệt thông đã nói rằng: *"chức*

vụ giáo hoàng rồi sẽ sụp đổ; nó sẽ chết dưới con dao thánh được rèn bởi các nghị phụ của công đồng cuối cùng.”[5] Roca cũng đã nói tiếp rằng: “bạn phải có một giáo lý mới, tôn giáo mới, sứ vụ mới, và các nghi lễ mới tương tự như những thứ của những kẻ đã từ bỏ GH. Việc thờ phượng Thiên Chúa được hướng dẫn bởi phụng vụ, nghi lễ, nghi thức, và những quy định của GH sẽ sớm trải qua một sự biến đổi ở một công đồng đại kết.”[6]

3. GH thay đổi cái nhìn về TĐ?

Trong thư của Hồng Y Franjo Seper, Bộ Trưởng Bộ Giáo Lý Đức Tin, gửi cho HY. John Krol của Philadelphia năm 1974 về việc áp dụng điều 2335 của Bộ Giáo Luật 1917, HY. Franjo Seper xác nhận rằng, vạ tuyệt thông tiền kết được xác định bởi điều 2335 của BGL 1917 cho những người gia nhập TĐ nay sẽ chỉ áp dụng chung cho những người gia nhập vào những tổ chức tích cực chống lại GH Công Giáo. Điều này tức khắc bãi bỏ các vạ tuyệt thông trước đó.

Đến năm 1983, ĐGH Gioan Phao-lô 2 ban hành Bộ Giáo Luật mới, tức BGL 1983. Bộ GL mới này đã sửa đổi điều 2335 của BGL 1917 và san định thành điều 1374 như sau: “*Ai gia nhập vào một tổ chức chống lại GH thì phải chịu hình phạt tương xứng; Ai quảng bá hay điều hành hội ấy sẽ phải chịu hình phạt cấm chế.*” Điều luật này không hề nhắc đến cái tên TĐ, do vậy mọi vạ tuyệt thông tiền kết dành cho những người đã gia nhập TĐ trước đây đều bị bãi bỏ. Bởi vì theo nguyên tắc của hình luật, một người chỉ có thể chịu hình phạt nếu luật công khai nhắc đến mà thôi.

Việc không công khai nhắc đến TĐ cũng đã gây ra bối rối cho nhiều người. Để trấn an dư luận, Bộ Giáo Lý Đức Tin, do ĐHY Joseph Ratzinger, đã ra một tuyên ngôn về TĐ (*Declaration on Masonic Associations*, ngày 26/11/1983) để giải thích điều này. Tuyên ngôn giải thích rằng, việc bộ Giáo Luật 1983 không công khai nhắc đến TĐ là vì nó được đặt vào trong phạm trù rộng lớn hơn, bao gồm cả các tổ chức khác nữa. Tiếp đó, Tuyên ngôn viết:

"...Do đó, phán xét tiêu cực của GH đối với TĐ vẫn không thay đổi vì những nguyên tắc của nó vẫn luôn không thể dung hoà với giáo lý của GH và vì vậy việc gia nhập vào TĐ vẫn bị cấm. Người gia nhập TĐ sẽ ở trong tình trạng tội nặng (grave sin) và có thể không được rước lễ (may not receive Holy Communion)."[7]

Những lời lẽ trong Tuyên Ngôn này nhẹ nhàng hơn nhiều so với những kết án của GH thời trước Công Đồng Vatican 2. Tuyên Ngôn dùng kiểu nói phán xét tiêu cực (*negative judgment*) của GH với TĐ vẫn giữ nguyên chứ không nói va tuyệt thông tiền kết (*automatic excommunication*) cho người gia nhập TĐ vẫn giữ nguyên. Vì đây mới là lập trường nhất quán của GH đối với TĐ từ trước cho đến Công Đồng Vatican 2. Vì không bị va tuyệt thông tiền kết nữa nên theo Tuyên Ngôn, người gia nhập TĐ có thể không được rước lễ (may not receive Holy Communion). Kiểu nói lập lờ nước đôi này, có cũng kể bằng không.

Vậy có thể kết luận rằng quan điểm của GH thời hậu Công Đồng Vatican 2 đối với TĐ đã thay đổi một cách căn bản. Ở bài trước, chúng ta thấy việc kết án TĐ có **giá trị trường tồn và sẽ không bao giờ thay đổi**. Vậy mà giờ đây, GH đã thay đổi cái nhìn đối với TĐ. Điều này khiến ta phải đặt câu hỏi: Phải chăng TĐ đã từ sói đổi thành chiên nên GH thay đổi cái nhìn về nó hay TĐ đã nhúng được cái vòi bạch tuộc của nó vào GH và làm cho GH thay đổi?

Như đã nói ở bài 2, Satan muốn phá huỷ công trình của Chúa Giêsu Kitô nên đã thiết lập tổ chức TĐ. TĐ ngày nay là một tổ chức bí mật. Mục tiêu hàng đầu của nó phá đổ GH Công Giáo và thiết lập vương quốc của Satan trên trần gian. Không chỉ thiết lập vương quốc của Satan mà thôi, TĐ còn đi đến chủ trương việc tôn thờ Satan. Cũng tương tự như GH Công Giáo không chỉ nhằm đến việc chinh phục thế giới nhưng trên hết là đưa mọi người đến chỗ thờ phượng một Thiên Chúa chân thật. Vì thế, TĐ chính là thứ tôn giáo của Ma Quỷ và đồng thời cũng là một tổ chức gieo vãi thứ tôn giáo này ra khắp thế giới.

Vì là một tổ chức bí mật, nên không dễ gì để làm sáng tỏ lịch sử của nó. Chúng ta chỉ có thể tìm hiểu về nó qua những dấu tích mà những hành động của nó để lại nơi này nơi kia. Văn kiện chính thức đầu tiên của GH kết án TĐ là Sắc Lệnh *In Eminente*, ngày 28/4/1738, của ĐGH Clemente XII. Suốt kể từ đó cho đến Công Đồng Vatican 2, Giáo Hội đã liên tục và công khai kết án TĐ. Vì một bên là vương quốc của Chúa Kitô – GH và bên kia là vương quốc của Satan – TĐ, giữa hai vương quốc này có sự đối nghịch hoàn toàn và không thể dung hoà.

GH đưa ra việc kết án TĐ là vì hai lý do chính: thứ nhất là để cảnh báo người tín hữu về những việc làm mờ ám của TĐ; thứ hai là bởi vì TĐ nỗ lực kiên trì cách không mệt mỏi để thâm nhập vào GH, để chiếm cho được vị trí cao trong hàng ngũ của GH, như các Giám Mục, các Hồng Y và các chức vụ cao cấp khác, để dễ bề phá huỷ GH từ bên trong. Cách duy nhất GH có thể làm để bảo vệ mình và chống lại kẻ thù này là lên án nó và đào hào sâu ngăn cách hai bên, người Công Giáo một bên và TĐ phía bên kia.

Khi Công Đồng Vatican 2 bắt đầu, phong trào đại kết trên thế giới đã nhận được cú hích lớn lao. Chữ đại kết trong tiếng Hy Lạp, *oecumene*, có nghĩa là phổ quát – *universal*. Phong trào đại kết giả bộ xoá bỏ những khác biệt giữa mọi tôn giáo và ý thức hệ trên thế giới để thiết lập một sự hiệp nhất lớn lao. Sự hiệp nhất này được cho là sẽ đem lại nền hoà bình phổ quát và vững bền. Dưới cái nhìn đại kết này, Công Đồng quyết định rằng, tất cả những sai lầm và lạc giáo sẽ không bị kết án nữa hầu tạo ra một bầu khí hoà dịu – *détente*.

Một trong những biểu hiện rõ ràng nhất của bầu khí hoà dịu này là, Công Đồng quyết định cấm bất kỳ một cuộc bàn luận chính thức nào về Chủ Nghĩa Cộng Sản. Đây là một sự mâu thuẫn khủng khiếp. Công Đồng ban đầu vốn được dự trù bởi Đức Pio XII với mục đích là để bảo vệ GH và thế giới khỏi mọi hình thức sự dữ của thời hiện đại. Vậy mà giờ đây, Công Đồng Vatican 2

cấm không cho lên án hay thậm chí là nhắc đến Chủ Nghĩa Cộng Sản, sự dữ tồ tệ nhất của thời đại!?

TĐ cũng không được chính thức bàn đến ở Công Đồng. Nhưng với ý tưởng hoà giải với tất cả tôn giáo, nên một sự cởi mở đối với TĐ, thứ tôn giáo của Satan, cũng đã được thông qua.

Hẳn có người sẽ thắc mắc rằng, anh ta không thấy TĐ có gì là ma quỷ xấu xa vì họ tỏ ra là người tốt và hay làm từ thiện. Vậy làm sao có thể thuyết phục người khác rằng TĐ là một tổ chức chống Giáo Hội qua nhiều thế kỷ? Câu hỏi này chạm đúng vào cốt lõi của vấn đề bởi vì TĐ che dấu rất khéo léo mục tiêu của nó với những người ở những giai đoạn đầu tiên của việc khai tâm vào TĐ, và nó thường trưng ra bộ mặt nhân từ bác ái với công chúng.

Do vậy, cách tốt nhất để thuyết phục người khác về về tính cách ma quỷ và nguy hại của TĐ là dựa vào những kết án của các ĐGH trước trước Công Đồng Vatican 2 đối với TĐ, kẻ thù lớn nhất của GH.

4. Hệ Quả Do Đại Kết Mang Lại.

Tinh thần Đại Kết của CD Vatican 2 đã mở đường cho kẻ thù của



của GH là TĐ có nhiều sân chơi để diễn trò của chúng. Và chúng đã trở nên công khai rao truyền và thí thố ảnh hưởng của chúng. Xin đơn cử một vài trường hợp tiêu biểu:

GIÁM MỤC ĐƯỢC CHÀO ĐÓN VÀO HỘI QUÁN TĐ.



Nhân vật mặc áo sơ-mi trong 2 hình bên trên là Demetrio Valentini, Giám Mục Giáo Phận Jales thuộc bang Sao Paulo, Brazil. Ngài đang được chào đón vào trong một Hội Quán của TĐ để nói về sự cần thiết phải đối thoại giữa GH và TĐ. Cuộc chào đón này diễn ra vào ngày 10/4/2012 nhân dịp kỷ niệm lần thứ 53 ngày thành lập Hội Quán TĐ này.



CỬ HÀNH THÁNH LỄ CHO TĐ.

Ngày 20/8/2012, Lm. Geraldo Magela Silva thuộc giáo xứ Đức Mẹ Thụ Thai (*Our Lady of the Conception Church*) ở thành phố Bom Jardim, Bang Pernambuco, Đông Bắc Brazil, đã dâng lễ mừng ngày kỷ niệm của TĐ. Cõi trong hình, ta thấy cái thước vuông và compass, biểu tượng của TĐ, được đặt ngay trên bàn thờ!! Những người TĐ cũng giơ tay biểu hiện việc cùng tham dự và sau đó còn rước lễ nữa.!

TĐ BÀY TỎ NỖI ĐAU VÌ CÁI CHẾT CỦA ĐGH GIOAN XXIII.

Nhân dịp ĐGH Gioan XXIII qua đời ngày 3/6/1963, TĐ Mexico đã đăng tin trên tờ *El Informador*, một tờ báo của TĐ, thể hiện sự đau buồn của TĐ trước sự ra đi của Đức Gioan XXIII. Dưới đây là phỏng dịch những lời lẽ trong bức hình bên:

Lãnh Đạo TĐ Miền Tây Mexico trước cái chết của GH GIOAN XXIII,

Xin công khai bày tỏ nỗi đau buồn trước sự ra đi của vĩ nhân này, người đã thực hiện một cuộc cách mạng trong tư tưởng và các hình thức phụng vụ Công Giáo.

Các Thông Điệp "Mẹ và Thầy – Mother and Teacher" và "Hoà Bình Trên Trái Đất – Peace on Earth" đã tạo ra một cuộc cách mạng trong các ý niệm ủng hộ các QUYỀN và TỰ DO của con người.

Nhân loại đã mất đi một vĩ nhân, và những người TĐ chúng tôi xin ghi nhận những nguyên tắc cao thượng của ngài, chủ nghĩa nhân đạo của ngài, và phẩm cách của một người yêu chuộng chủ nghĩa tự do lớn lao của ngài.

Guadalajara, Jalisco, Mexico, ngày 3/6/1963

Lãnh Đạo TĐ Miền Tây Mexico

Jose Guadalupe Zuno Hernandez, Esquire.

ĐGH GIOAN PHAOLÔ 2 ĐƯỢC TĐ TRAO TẶNG PHẦN THƯỞNG.

Mẫu tin trong hình bên đã nói lên tất cả việc ĐGH Gioan Phaolô II

BREVES

João Paulo II recusa prêmio da maçonaria

CIDADE DO VATICANO — O papa João Paulo II devolverá à loja maçônica Grande Oriente da Itália a condecoração da ordem de Galileu Galilei que lhe foi outorgada por ter contribuído para a difusão dos ideais de fraternidade e compreensão. Esses ideais, assinala a loja, são os mesmos defendidos pela maçonaria. “O papa não deve aceitar prêmios e condecorações de nenhum tipo”, disseram fontes do Vaticano citadas pela agência AGI. O subdiretor da sala de imprensa do Vaticano, padre Ciro Benedettini, disse que não recebeu comunicação da mencionada loja sobre a concessão do prêmio.

đã giúp rao giảng những lý tưởng của các kẻ thù Giáo Hội như thế nào, và lòng kính trọng lớn lao chúng dành cho ngài. Trong

hình bên là tin trích tin từ Nhật Báo Brazillian – O Estado de S. Paulo. Dưới đây là phỏng dịch bản tin trên từ tiếng Bồ Đào Nha.

Đức Gioan Phaolô II Từ Chối Phần Thưởng Của TĐ

Vatican city- Giáo Hoàng Gioan Phaolô 2 sẽ trở lại Hội Quán TĐ Đông Italia để đón nhận Huân Chương Gilileo Galilei vì sự đóng góp của ngài cho việc quảng bá những lý tưởng mà TĐ luôn đề cao và bảo vệ đó là tình huynh đệ và sự hiểu biết.

Một Giáo Hoàng sẽ không đón nhận huân chương dưới bất kỳ hình thức nào, theo các nguồn từ Vatican được trích dẫn bởi hãng tin AGI.

KẾT LUẬN

Đặt trong bối cảnh của những gì đã trình bày trong bài một, chúng ta nghĩ gì về những thay đổi của GH kể từ CĐ Vatican 2 đối với các kẻ thù TĐ và CS? Cuộc cách mạng mang tên Vatican 2 là luồng gió mới của Chúa Thánh Thần hay là một đoạn tuyệt với truyền thống đức tin của GH? Một dạng Apostasy mà Thánh Phaolô và Đức Mẹ đã nói đến như đã trình bày trong bài đầu tiên?

(Đón đọc các bài tiếp theo sẽ nói và những thay đổi trong giáo thuyết của Vatican 2)

[1] Trích Thông Điệp *Dall'alto Dell'apostolico Seggio*, số 2.

[2] Trích Thông Điệp *In Ipso*, số 1.

[3] Nobius, Những Chỉ Thị Mật Về Việc Xâm Chiếm Giáo Hội, in Emmanuel Barbier, Les Infiltrations maconiques dans l'Eglise, Paris/Brussels: Desclee de Brouwer, 1901, trang 5.

[4] Trích trong Dr. Rara Coomaraswamy, The Destruction of the Christian Tradition (Sự Sụp Đổ Của Truyền Thống Kitô Giáo), trang 133.

[5] Trích trong Dr. Rudolf Graber, Athanasius and the Church of Our Time (Athanasio và GH của Thời Đại Chúng Ta).

[6] Trích trong Piers Compton, The Broken Cross (Thập Giá Đổ Vỡ), trang 42.

[7] Trích Bộ Giáo Lý Đức Tin, Tuyên Ngôn Về Tam Điểm, ngày 26/11/1983.

BÀI 4: NHỮNG CHUYỆN XẢY RA TẠI VATICAN

NGHĨ GÌ VỀ NHỮNG XÌ-CĂNG-ĐAN XẢY RA Ở VATICAN

Những chuyện rùm beng xảy ra tại Vatican, trung tâm đầu não của GH Công Giáo, trong thời gần đây, đã được phơi bày trên truyền thông thế giới và mọi người đều đã biết. Tuy nhiên, tất cả những gì được hé lộ chỉ là phần nổi của một tảng băng mà thôi. Phần tảng băng chìm bên dưới còn to lớn khủng khiếp hơn nhiều. Xin cùng điểm qua một vài chuyện.

1. Vatileaks xì-căng-đan.

Cái tên Vatileaks là do nói lái của chữ Wikileaks, một hãng truyền thông phi lợi nhuận chuyên cung cấp những tin tức tối mật dưới dạng nặc danh cho các ký giả.

Vụ xì căng đan này được bắt nguồn từ vụ rò rỉ tài liệu của Vatican, phơi bày những chuyện tham nhũng và những bức thư tống tiền những giáo sĩ đồng tính tại Vatican. Vụ này bị phơi bày ra ánh sáng lần đầu tiên vào cuối tháng 1 năm 2012 trên một chương trình truyền hình của Ý có tên là “Chuyện Cấm Kỵ – The Untouchable”

Những tài liệu được tiết lộ cho báo giới tại Ý những tháng sau đó đã cho thấy, có những cuộc chiến tranh giành quyền lực trong nội bộ Vatican, những cáo buộc liên quan đến những gian lận tài chính và tiếp tay cho việc rửa tiền của ngân hàng Vatican, và thư nặc danh đe dọa thủ tiêu Giáo Hoàng Benedicto XVI vào đầu năm 2012. Xì-căng-đan tiếp tục tăng lên mạnh mẽ vào Tháng 5 năm 2012 khi Nuzzi xuất bản cuốn sách có tựa đề “Những Tài Liệu Mật Của Giáo Hoàng Benedictô XVI – His Holyness: The Secret Papers of Benedict XVI”. Cuốn sách chứa đựng những bức thư và ghi chú riêng tư giữa Giáo Hoàng và thư ký riêng của ngài. Cuốn sách gây tranh cãi này đã phác họa Vatican như là một cái ổ của cuộc chiến đầy đổ kỵ, mưu mô, và bè phái.

Trước vụ việc này, tháng 3 năm 2012, Giáo Hoàng Benedictô XVI đã thành lập một uỷ ban điều tra về Vatileaks. Uỷ Ban gồm ba Hồng Y, dẫn đầu là HY. Julian Herranz, và 2 vị HY khác là Josef

Tomko, và Salvatore De Giorgi. Ủy Ban đã tiến hành điều tra Phủ Quốc Vụ Khanh, ngân hàng Vatican và các cơ quan ở Vatican. Kết quả cuộc điều tra hé lộ rằng, có những xì-căng-đan tình dục và thư tống tiền xảy ra tại Vatican. Theo phát ngôn viên Tòa Thánh, cha Federico Lombardi, Ủy Ban đã chuyển kết quả cuộc điều tra trực tiếp đến tay Giáo Hoàng Benedicto XVI cũng như thông tri cho các công tố viên Vatican.

Cuộc điều tra đã dẫn đến việc bắt giữ Paolo Gabriele, viên quản gia của Giáo Hoàng từ năm 2006, vì đã tiết lộ tin mật đánh cắp được cho Gianluigi Nuzzi. Cảnh sát Vatican đã bắt Paolo Gabriele ngày 23/5/2012 sau khi những thư từ và tài liệu mật gửi cho Giáo Hoàng được tìm thấy trong căn hộ của ông ta. Phần lớn những tài liệu này nói về những cáo buộc tham nhũng, lạm dụng quyền lực, và gian lận tài chính ở Vatican. Đến ngày 6/10/2012, Paolo Gabriele bị buộc tội ăn cắp và phải chịu mức án 18 tháng tù và buộc phải trả mọi án phí. Sau đó vào ngày 22/12/2012, Giáo Hoàng Benedictô XVI đã ghé thăm và tha thứ cho lỗi lầm cho Paolo Gabriele.

Phản ứng của Giáo Hoàng? Ngày 30/5/2012, vào cuối buổi giáo huấn hàng tuần, Giáo Hoàng Benedict XVI đã có lời bình luận chính thức về xì-căng-đan này. Ngài thừa nhận những bất trung và phản bội ở Vatican đã làm ngài đau buồn, nhưng ngài vẫn luôn tin vào lòng trung thành và tận tụy của các cộng sự thân tín vì chính họ giúp ngài chu toàn sứ vụ của ngài.

Liệu những xì-căng-đan trên đây có ảnh hưởng gì đến quyết định từ chức của Giáo Hoàng Benedicto XVI hay không? Chỉ biết rằng, ngày 11/2/2013, ngài đã bất ngờ tuyên bố thoái vị vì lý do sức khỏe! Một tuyên bố gây sững sốt toàn thế giới và chấn động cả bầu trời khiến sấm chớp chói loà giáng xuống mái vòm Đền Thờ Thánh Phê-rô trong lúc trời quang mưa tạnh.

2. Câu lạc bộ xông hơi-mát-xa đồng tính nam (gay) trong thành Vatican!

Ngay trước khi Công Nghị Hồng Y bầu Giáo Hoàng – Conclave – diễn ngày 12/3/2013, tờ La Repubblica tại Ý loan tin sững sốt, một phần trong khu căn hộ dành cho các linh mục toạ lạc tại số 2

đường Carducci, Vatican, được dùng làm cầu lạc bộ xông hơi dành cho giới đồng tính nam –gay. Ngay cạnh lối vào cầu lạc bộ xông hơi đồng tính này là căn hộ 12 phòng của Hồng Y Ivan Dias, cựu Bộ Trưởng Bộ Truyền Giáo!

3. Có Giáo Sĩ Đồng Tính và Tham Nhũng ở Vatican.

Ngày 6/6/2012, trong cuộc gặp với các chức sắc cao cấp vùng Mĩ Châu La Tinh và Ca-ri-bê, khi được hỏi về những thách thức phải giải quyết ở Vatican, Giáo Hoàng thừa nhận có chuyện vận động hành lang đồng tính nam – Gay Lobby và tham nhũng – corruption ở Vatican. Ngài nói: *“Ở Toà Thánh có những người thánh thiện thật sự. Nhưng cũng có một dòng chảy của sự tham nhũng, đó là sự thật. Chuyện vận động hành lang đồng tính nam – gay lobby- như người ta nói đến, cũng là sự thật. Chúng tôi đang tính xem phải làm gì.”*

4. Giáo Hoàng Cho Phép Một Phụ Nữ Đã Ly Dị-Tái Hôn Được Rước Lễ?

Hôm 21/4/2014 vừa qua, tức Ngày Thứ Hai Tuần Bát Nhật Phục Sinh, một phụ nữ người Ác-hen-ti-na có tên là Lisbona, đã loan tin là Giáo Hoàng Francis đã gọi điện cho cô và nói cho cô được rước lễ, dù cô là một người đã ly dị và tái hôn. Cô cho biết thêm, Giáo Hoàng đã trấn an cô rằng, một người như cô rước lễ thì không có gì là sai trái! Trước đó cô đã từng gửi thư cho Giáo Hoàng để nói về ước muốn rước lễ của cô. Tin này đã khiến mọi người hoang mang nghi ngờ, không biết đâu là sự thật.

Đến ngày Thứ Năm, 24/4/2014, , phát ngôn viên Toà Thánh, Lm. Federico Lombardi, ra thông cáo rằng:

“Những cuộc điện đàm được thực hiện trong bối cảnh những đáp ứng mục vụ riêng tư của cá nhân Giáo Hoàng, chúng không phải là những hoạt động công khai chính thức của Giáo Hoàng. Phòng Báo Chí Toà Thánh xin miễn bình luận về những tin như vậy. Những chuyện liên quan đến mối liên hệ cá nhân và dư luận của truyền thông không thể coi là đáng tin và là nguồn gây ra những hiểu lầm và bối rối. Do vậy, Giáo Huấn của Giáo Hội sẽ không thay đổi vì những chuyện xảy ra như thế này.”

Một lần nữa chúng ta lại được nghe điệp khúc của Phòng Báo Chí Tòa Thánh. Mỗi khi người ta nói về Giáo Hoàng đã nói hay làm chuyện gì đó, Phòng Báo Chí Tòa Thánh lại trấn an: Đó chỉ là những phát ngôn hay đáp ứng mục vụ riêng tư của cá nhân Giáo Hoàng! Giáo huấn của Giáo Hội vẫn không thay đổi.!

Đã là Giáo Hoàng thì trong mọi nơi, mọi lúc, và mọi lời nói, bạn đều nói với tư cách là Giáo Hoàng và đại diện Giáo Hội. Không thể lý luận rằng, tôi chỉ là Giáo Hoàng và đại diện cho Giáo Hội khi tôi lên tiếng giảng dạy cách chính thức công khai qua các thông điệp hay tông huấn.... Còn khi tôi trò chuyện riêng tư hay trả lời phỏng vấn thì là chuyện khác. Vậy là Giáo Hoàng cũng có thể chia cắt. Khi là Giáo Hoàng khi không?!!!

Sự thật về chuyện Giáo Hoàng Francis cho phép người đã ly dị tái hôn được rước lễ không biết như thế nào. Bản thân Giáo Hoàng cũng không có ý kiến gì. Tuy nhiên, tác hại của những cái gọi là *"những đáp ứng mục vụ riêng tư của cá nhân Giáo Hoàng"* hay những phát ngôn như: thật là ngu ngốc nếu nghĩ rằng phải hoán cải người khác theo Công Giáo; Bạn không nhất thiết phải rửa tội để được cứu rỗi; người vô thần cũng được cứu độ nếu theo lương tâm của mình; tôi là ai mà xét đoán những người gay-đồng tính? .. là vô cùng lớn lao. Chẳng ai dại gì mà thay đổi giáo huấn. Kiểu phát ngôn ồm ồm như thế này là cách phá hoại đức tin cách tinh vi nhất. Không chính thức dạy gì trái ngược với giáo huấn truyền thống của Giáo Hội, nhưng kiểu nói úp úp mở mở sẽ là căn nguyên và mở đường cho những thực hành trái với lề luật của Thiên Chúa và Giáo Hội.

5. Thánh Thể Bị Xúc Phạm Trong Lễ Tuyên Thánh.

Theo tin từ Vatican ngày 23/5/2014, một quan chức Vatican cho biết, Giáo Hoàng Francis đã tỏ ra bất bình về bữa tiệc linh đình ở trong một văn phòng của Vatican ngay chính trong ngày lễ tuyên thánh hai vị Giáo Hoàng Gioan XXIII và Gioan Phaolô II gần đây. Chuyện xảy ra là, một bữa tiệc buffet linh đình được tổ chức tại hành lang Văn Phòng Bộ Kinh Tế Vatican ngay trong buổi lễ tuyên thánh hai vị Giáo Hoàng ngày 27/4/2014. Khoảng 150 khách dự tiệc, trong đó có một số ký giả người Ý nổi tiếng như

Bruno Vespa, Maria Latella, Marco Carrai – cộng sự thân cận của Thủ Tướng Ý, Matteo Renzi, và Chủ Tịch Ngân Hàng Vatican, Ernst Von Freyberg, cùng một số chức sắc cao cấp khác. Bữa tiệc VIP xa hoa này trị giá 25,000 đô la, tương đương khoảng 166 usd/1 khách!

Họ vừa ăn uống vừa tham dự lễ tuyên thánh. Điều khủng khiếp là sau đó, Đức Ông Lucio Angel Vallejo Balda, thư ký và thành viên uỷ ban giám sát các cơ quan hành chính và kinh tế của Toà Thánh, đã đến cho những thực khách này rước lễ. Minh Thánh đứng trong chén đĩa thường chứ không phải trong bình ciborium. Vậy là tiệc trần gian được lồng vào khung cảnh tiệc thánh. Minh Thánh được dùng lẫn với đồ ăn thức uống. Một sự xúc phạm khủng khiếp đối với Minh Thánh Chúa và với chính Chúa Giêsu!!

Quan chức Vatican phản ứng ra sao về chuyện này?

Khi được hỏi về bữa tiệc, Đức Ông Vallejo Balda, người đã cho các thực khách rước lễ, trả lời: *"tôi không muốn nói về chuyện xảy ra trong hành lang đó. Cám ơn Chúa, chúng tôi có những vấn đề khác!"*.

Trong cuộc trả lời phỏng vấn trên kênh truyền hình số 1 của Ý, Hồng Y Giuseppe Versaldi, Bộ Trưởng Phụ Trách Các Vấn Đề Kinh Tế của Vatican, nói: *"Tôi không thể tiết lộ điều Giáo Hoàng đã nói. Tôi đã cho ngài biết về bữa tiệc và tất cả những gì tôi có thể nói là ngài đã không hài lòng. Tôi đảm bảo là những sự việc như thế này sẽ không xảy ra nữa."*

Hồng Y Versaldi nói thêm rằng, ngài không hề biết gì về bữa tiệc này và ngài chỉ cho phép một số người tiếp cận hành lang này để quan sát buổi lễ tuyên thánh mà thôi.

Theo báo L'Espresso, Giáo Hoàng bày tỏ sự bất bình về việc cho rước lễ trên ban-công bằng chén thường thay vì phải dùng chén đĩa thánh. Trước sự bất bình của Giáo Hoàng, các quan chức Vatican đang điều tra để xác định xem ai là người phải chịu trách nhiệm về bữa tiệc này, bữa tiệc được tổ chức ngay tại một trong các hành lang của Vatican trong khi hàng ngàn người phải chờ chức suốt đêm cho buổi lễ tuyên thánh.

Báo L'Espresso khẳng định rằng, người chủ trì và đứng ra tổ chức bữa tiệc này là Francesca Chaouqui, một phụ nữ người Ý và có

chân trong Uỷ Ban Giám Sát Tài Chính của Vatican. Thiệp mời khách dự tiệc được gửi đi nhân danh Uỷ Ban này và có ghi rõ tên của hai nhà tài trợ cho bữa tiệc là công ty bảo hiểm sức khoẻ Assidai và công ty dầu lửa khổng lồ Medoilgas của Ý. Sau khi tin này được đăng tải, Francesca Chaouqui đã phản bác lại cáo buộc này và coi đây là hành động nhằm làm bà ta mất uy tín trước Giáo Hoàng.

6. Thánh Lễ Hàng Ngày Và Giáo Huấn Thứ Tư Hàng Tuần Bị Bãi Bỏ.

Việc Giáo Hoàng Francis bất ngờ quyết định huỷ bỏ các buổi Giáo Huấn Thứ Tư hàng tuần – Wednesday General Audiences – trong suốt tháng 7 và thánh lễ hàng ngày tại nhà nguyện Thánh Marta bị bãi bỏ từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2014 đã gây ra nhiều dư luận và đồn đoán về sức khoẻ của ngài. Để trấn an dư luận, Lm. Thomas Rosica, cố vấn phòng báo chí Vatican nói: *"không có bất kỳ bệnh tật gì đối với Giáo Hoàng. Nếu có, chúng tôi đã loan tin và kêu gọi mọi người cầu nguyện cho ngài."* Còn Lm. Federico Lombardi, giám đốc phòng báo chí Toà Thánh, giải thích: *"cuộc sống của ngài (Giáo Hoàng) rất bận rộn trong những tuần vừa qua. Việc Giáo Hoàng nghỉ ngơi là hoàn toàn bình thường."*

Vâng đúng là rất bình thường nếu Giáo Hoàng nghỉ ngơi, bởi ngài cũng là con người chứ không phải máy móc. Theo thói quen, các Giáo Hoàng thường loan tin cho mọi người biết sẽ có kỳ nghỉ hè tại Castel Gandolfo. Điều khó hiểu và gây bàn tán là Giáo Hoàng Francis không hề cho biết là ngài có đi nghỉ hè ở đâu hay không. Nếu vẫn ở Vatican, tại sao thánh lễ hàng ngày và buổi giáo huấn thứ tư hàng tuần bị huỷ bỏ như trên?

7. Giáo Hoàng Chiếm Chỗ Của Chúa Giêsu Và Đức Mẹ?

Tình cờ gặp một thầy chủng sinh mãn khoá chương trình thần học tại Rôma. Thật là

vui khi được thầy tặng cho một cốc tràng hạt được đem về từ Vatican! Về nhà hí hửng đưa cốc tràng hạt ra ngắm. Người viết không tin vào mắt mình khi nhìn thấy hình Giáo Hoàng Phan-xi-cô

được gắn vào cổ tràng hạt ở vị trí vốn dành cho Chúa Giêsu hoặc Đức Mẹ! Mặt sau của mẫu ảnh GH. Phan-xi-cô là dòng chữ tiếng Ý: "Prega per noi" (nghĩa là: Cầu cho chúng con). Người viết không thể hiểu được tại sao lại như vậy. Phải chăng Giáo Hoàng không biết chuyện người ta gắn hình của ngài vào những cổ tràng hạt đang được bày bán tại Vatican này hay ngài biết mà làm ngơ? Phải chăng đây là kết quả của trào lưu ngây ngất sùng bái Giáo Hoàng trong suốt hơn một năm qua? Tại sao lại ngầm phong thánh cho Giáo Hoàng sớm như vậy? Đặt trong bối cảnh những cảnh báo của Thánh Phao-lô như đã nói trong bài 1, đây rõ ràng là một dấu chỉ đức tin khiến chúng ta phải suy nghĩ.



Giáo Hoàng vào chỗ của Chúa và Mẹ

Kết Luận:

Nhắc lại rằng, điều chúng ta được nghe biết về những gì đang xảy ra ở Vatican chỉ là một phần rất rất nhỏ của toàn bộ câu chuyện. Chúng ta không cần thiết phải phán xét và quy kết trách nhiệm lỗi lầm cho ai. Trái lại, chúng ta nhìn những điều đó như những cảnh báo và dấu chỉ cho đời sống đức tin của chúng ta. Đức tin của chúng ta, về căn bản, được nuôi dưỡng, củng cố và thức tỉnh bởi sự NHỚ LẠI: Nhớ lại điều Chúa Giêsu đã nói và căn dặn chúng ta. Lời Chúa, nhất là 4 sách Tin Mừng, cũng là những ký ức đức tin của các tông đồ được ghi lại.

Hãy nhớ điều đã nói trong bài 1: Chúa Giêsu từng nói: "*khi Con Người ngự đến, liệu Người còn thấy niềm tin trên mặt đất nữa chăng?*" (Lc 18,8). Tiếp theo, trong Tin Mừng Thánh Mathêu, Chúa Giêsu nhắc nhở: "*Khi anh em thấy đặt trong nơi thánh Đền Ghê Tôm Khốc Hại mà ngôn sứ Đa-ni-en đã nói đến – người đọc hãy lo mà hiểu.*" (Mt 24, 15). Thánh Phao-lô thiết tha căn dặn về những gì phải xảy đến trước ngày Chúa quang lâm: "*Trước đó, phải có hiện tượng chối đạo, và người ta phải thấy xuất hiện người gian ác, đứa hư hỏng. Tên đối thủ tôn mình lên trên tất cả những gì được gọi là thần và được sùng bái, thậm chí nó còn ngồi trong Đền Thờ Thiên Chúa và tự xưng là Thiên Chúa. Khi tôi còn ở với anh em, tôi đã từng nói những điều ấy, anh em không nhớ sao?*" (2Tx 2, 3-5). Và lời cảnh báo kinh ngạc của Đức Mẹ trong lần hiện ra tại La Sallette, Pháp, ngày 19/9/1846: "*Rôma sẽ mất niềm tin và trở thành ngai toà của tên phản Kitô. Giáo Hội sẽ trở nên lu mờ.*"

Trong ngôn ngữ của Thánh Kinh, "*Đền Ghê Tôm Khốc Hại*" ám chỉ những phản bội niềm tin vào Thiên Chúa, thực hành những nghi thức lễ tế lai tạp với ngoại giáo, và mọi hình thức xúc phạm đến Thiên Chúa và nơi thánh của ngài – sanctuary (1Mcb 1, 54; 6,7; Đn 9,27; 11,31).

Trong những xi-căng-đan trên, nặng nề nhất là việc xúc phạm Mình Thánh Chúa. Việc trộn lẫn Thánh Thể với bữa tiệc phàm tục và cho những người đang dự tiệc rước lễ như vậy chẳng khác gì coi Mình Thánh Chúa như món tráng miệng. Đó là thông điệp

mạnh mẽ gửi đến cho mọi người rằng **Mình Thánh Chúa chỉ là của ăn vật chất bình thường thôi**. Đau đớn thay, việc phạm thánh này lại xảy ra trong một ngày huy hoàng và trọng đại của Giáo Hội, trong một sự kiện trọng đại chưa từng thấy trong lịch sử Giáo Hội và được cả thế giới theo dõi, đó là lễ phong thánh cho 2 Giáo Hoàng Gioan XXIII và Gioan Phaolô II. Satan quả là quỷ quyet khôn ngoan!

Đừng phí công truy cứu trách nhiệm cho ai trong việc xúc phạm Mình Thánh Chúa này. Làm như vậy là lạc lối. Cần nhìn biến cố này như dấu chỉ Chúa gửi đến cho chúng ta. Việc xúc phạm Mình Thánh Chúa cách công khai này là một sự chối bỏ đức tin (Apostasy mà Thánh Phao-lô đã nói đến) vào sự hiện diện đích thực của Chúa Giêsu trong Bí Tích Thánh Thể. Theo đó, đây là dấu hiệu đức tin rõ ràng cho thấy dường như những điều cảnh báo của Chúa Giêsu, Thánh Phao-lô, và Đức Mẹ trên đây đã ứng nghiệm.

BÀI 5: HỖN LOẠN VÀ ÂU LO ĐANG BAO TRÙM THẾ GIỚI?

Những biến cố đã và đang xảy ra trên thế giới từ đầu năm đến nay khiến chúng ta cảm thấy âu lo và bất an về thế giới chúng ta đang sống.

Thế giới cảm thấy bất an vì thời tiết thay đổi và trở khắc nghiệt chưa từng có trong lịch sử. Với nhiều cộng đồng dân cư, ngày tận thế kể như đã đến với họ bởi những tai họa như bão tố, động đất, lũ lụt, hạn hán, sạt lở đất và núi lửa phun trào...bỗng đâu xảy đến như thế này.

Thế giới cảm thấy bất an vì thảm họa tai nạn giao thông, nhất là



Chìm phà ngoài khơi Hàn Quốc ngày 16/4/2014

thảm họa hàng hải và hàng không xảy ra liên miên, cướp đi mạng sống của nhiều người. Điển hình là vụ chuyển bay MH370 của hàng không Malaysia trở theo 239 người mất tích bí ẩn ngày 7/3 ; tai họa chìm phà ở ngoài khơi bờ biển Hàn Quốc ngày 16/4 khiến hàng trăm học sinh chết và mất tích; chuyển bay MH17 cũng của hàng không Malaysia bị tên lửa bắn



Chuyển bay MH17 bị bắn hạ ở Ukraina ngày 17/7/2014

rơi trên vùng trời Ukraina ngày 17/7 khiến 298 người thiệt mạng, rồi đến các vụ máy bay rơi ở Đài Loan ngày 23/7 cướp đi mạng sống của hơn 50 người, ngày hôm sau 24/7 máy bay lại rơi tiếp ở Algieri khiến hơn trăm người thiệt mạng, ngày 10/8 máy bay rơi ở Iran làm 39 người chết, và gần đây nhất là vụ máy bay rơi ở Brazil ngày 13/8 khiến 7 người chết, trong số nạn nhân có cả ứng cử viên tổng thống của Đảng Xã Hội Brazil là Eduardo Campos.!

Thế giới cảm thấy bất an vì chiến tranh, diệt chủng và bách hại tôn giáo đang xảy ra khắp nơi. Chiến tranh giữa người Do thái và Palestina; những cuộc diệt chủng tàn bạo và đẫm máu vì lý do sắc tộc và tôn giáo đang xảy ra bên Irắc, quê hương của tổ phụ Abraham; nội chiến ở Syria, Ukraina; những mầm mống bùng phát chiến tranh lớn vẫn đang lớn lên từng ngày ở Trung Đông, Ukraina, bán đảo Triều Tiên, và kể cả vùng Biển Đông của chúng

ta nữa. Những thùng thuốc súng đang âm ỉ này có thể bùng nổ bất cứ lúc nào. Đáng nói là chưa có dấu hiệu khả tín nào cứu con người khỏi hiểm họa chiến tranh đang treo lơ lửng trên đầu này. Tiếng kêu trong đau khổ tuyệt vọng của những nạn nhân bên Irắc và nhiều nơi khác trên thế giới đang bị thế giới lãng quên. Đáp lại những rên siết cầu cứu đó chỉ là những lời nói xã giao và những hứa hẹn cam kết mơ hồ của hàng vương hầu khanh tướng trên thế giới.

Thế giới cảm thấy bất an vì bệnh dịch lan tràn. Virus HIV và bệnh SIDA, nhất là căn bệnh do con virus tử thần có tên là Ebola đang hoành hành tại Phi Châu và có nguy cơ lây lan ra nhiều nơi. Điều đáng sợ là sự thật về mức độ chết chóc và lan tràn của virus này đang bị che đậy vì những lý khác nhau. Việc hơn 100 chuyên gia về căn bệnh SIDA của tổ chức Y Tế Thế Giới – WHO có mặt trên chuyến bay MH17 bị bắn rơi ở Ukraina cũng làm dấy lên nghi ngờ rằng họ bị thủ tiêu. Các chuyên gia này đang chuẩn bị cuộc họp sẽ diễn ra tại Úc để cảnh báo thế giới về căn bệnh thế kỷ SIDA?! Ngoài những hiện thực đau lòng xảy ra trên đây, có những chuyện đáng tiếc khác đã xảy ra như một dấu chỉ cảnh báo “*lành ít dữ nhiều*” cho thế giới.

Chuyện thứ nhất: Chim Hoà Bình Bị Tấn Công

Vào cuối buổi Kinh Truyền Tin Chúa Nhật ngày 26/1/2014, Giáo Hoàng Francis nói ngài ở gần với các nạn nhân của bạo lực ở



Chim hoà bình bị tấn công ngày 26/1/2014

Ukraina. Ngài ước mong các bên liên quan hãy đối thoại trong tinh thần xây dựng và tránh mọi phương thế dẫn đến bạo lực, để cho tinh thần hoà bình và việc mưu cầu thiện ích chung cho mọi người làm chủ trong lòng mọi người. Kết thúc buổi Kinh Truyền Tin, ngài mời 2 em nhỏ của Giáo Phận Rôma đến bên cửa sổ với ngài và thả hai con chim bồ câu trắng vào không trung như một ước nguyện cho hoà bình. Ngay lập tức một con quạ đen và một con mòng biển từ đâu xuất hiện và tấn công hung hãn hai con chim hoà bình của Giáo Hoàng vừa được thả ra! Sự việc xảy ra gây kinh ngạc cho hàng ngàn người ở quảng trường Thánh Phê-rô và thu hút nhiều bình luận của truyền thông thế giới. Hành động thả chim hoà bình của Giáo Hoàng có tính biểu tượng rất lớn. Đáng tiếc là lần thả chim hoà bình này lại kết thúc không có hậu và như một điềm dữ cho hoà bình thế giới.

Chuyện Thứ 2: Tượng Chịu Nạn Đè Chết Người.

Chỉ 3 ngày trước lễ phong thánh cho Giáo Hoàng Gioan Phaolô II vào Chúa Nhật 27/4/2014, một bức tượng chịu nạn khổng lồ bằng



gỗ đã đổ sập và đè chết một thanh niên 21 tuổi tên là Marco Gusmini. Tai nạn khó hiểu này xảy ra ở ngôi làng Alpine, phía Bắc Italia. Thánh Giá bằng gỗ khổng lồ này có chiều cao khoảng 100 feet (30 m), treo trên đó tượng Chúa Giêsu cao 20 feet (6 m) và nặng 1300 pound (gần 600 kg), được xây dựng để dâng kính Giáo Hoàng Gioan Phaolô II dân dịp ngài ghé thăm vùng đất này năm 1998. Marco Gusmini bị đè chết khi đang đứng chụp hình dưới chân tượng chịu nạn. Người đứng đầu địa phương trong vùng gọi tai nạn này là một “thảm họa không thể lý giải”.

Chuyện Thứ 3: Lửa Bùng Cháy Sau Khi Giáo Hoàng Ghé Thăm.

Một ngọn lửa bất ngờ bùng cháy thiêu rụi một số hình ảnh treo trên tường ngay tại hang giáng sinh bên trong Nhà Thờ Giáng Sinh



(Nativity Church), ở Belem, Israel. Theo những người bảo vệ nhà thờ, ngọn lửa được phát hiện vào khoảng 4:30 sáng bên trong Nhà Thờ Giáng Sinh, và ở đúng tại vị trí mà Đức Mẹ Sinh Chúa Giêsu. Tai nạn này xảy ra ít giờ sau khi Giáo Hoàng Francis ghé thăm Nhà Thờ này!

Chuyện Thứ 4: Động Đất Khi Giáo Hoàng Viếng Thăm.

Một trận động đất mạnh 4.1 độ richter đã xảy ra, gây chấn động khắp vùng Giêrusalem, vào ngày 24/5/2-14, đúng thời điểm Giáo Hoàng Francis đặt chân đến thăm vùng đất, mở đầu chuyến tông du 3 ngày đến Đất Thánh.

Chuyện Thứ 5: Sấm Chớp Giáng Xuống Đền Thờ Thánh Phaolô.

Mọi người còn chưa quên hình ảnh sấm chớp chói lòe giáng xuống mái vòm Đền Thờ Thánh Phê-rô ngay sau khi Giáo Hoàng



Benedicto XVI tuyên bố thoái vị, thì nay lại được chứng kiến cảnh sấm chớp giáng xuống mái đền thờ Thánh Phaolô ở Rôma ngay trong buổi lễ phong thánh 2 Giáo Hoàng Gioan XXIII và Gioan Phaolô II, ngày 27/4/2014.

Chuyện Thứ 6: Đánh Nhau Ngay Sau Khi Cùng Cầu Nguyện Chung Cho Hoà Bình!!

Ngày 8/6/2014, tại Vatican, Giáo Hoàng Francis cùng với tổng thống Israel Simon Peres và chủ tịch nhà nước Palestine Mahmoud Abbas cùng tham dự buổi cầu nguyện chung cho hoà bình. Hoa trái của buổi cầu nguyện chung này là cuộc giao tranh đẫm máu giữa Israel và Palestine xảy ra ngay sau đó!!

Tất cả những hiện tượng xảy ra có vẻ ngẫu nhiên này đáng để chúng ta suy nghĩ. Phải chăng đó là lời cảnh báo nhắc nhở từ trời cao về một thế giới đầy bất an đang chờ đón chúng ta? Phải chăng đó là những dấu chỉ "*lành ít dữ nhiều*" cho thế giới?

BÀI 6: CUỘC CÁCH MẠNG MANG TÊN VATICAN II – Phần I

PHẦN 1: DẪN NHẬP

Nếu cách mạng được hiểu là thay đổi, đổi mới, làm khác đi so với trước...thì Vatican II chính xác là một cuộc cách mạng trong lịch sử GH Công Giáo.

Công Đồng Vatican II, gọi tắt là Vatican II, được Đức Gioan 23 loan tin



triệu tập ngày 25/1/1959. Sau hơn 3 năm chuẩn bị, Vatican II chính thức khai mạc ngày 11/10/1962 và bế mạc ngày 8/12/1965 dưới triều đại của Đức Phaolô 6. Đức Gioan 23 là người khởi xướng Vatican II và Đức Phaolô 6 là người kết thúc và thông qua 16 văn kiện chính thức của công đồng gồm 4 hiến chế, 9 sắc lệnh, và 3 tuyên ngôn.

Lý do triệu tập Vatican II là để cập nhật hoá Giáo Hội –GH hay hiện đại hoá GH. Có thể gói gọn tất cả ý hướng và mục tiêu của Vatican II trong một từ là *AGGIORNAMENTO*, một từ trong tiếng Ý có nghĩa là cập nhật hoá hay hiện đại hoá. Đức Gioan 23 giải thích lý do triệu tập Vatican II bằng một hình ảnh mang tính ẩn dụ. Ngài đưa tay mở tung hai cánh cửa sổ của căn phòng ra. Điều đó ngụ ý rằng đã đến lúc GH cần phải mở ra với thế giới và hoà mình vào thế giới chứ không khép mình đứng ngoài hay ở trên thế giới nữa. Căn nhà GH đã bức bí lắm rồi, cần phải mở ra cho gió lùa vào, để không còn cảm thấy ngột ngạt nữa! Vậy nên Vatican II chính là công đồng của sự đổi thay và làm mới GH, để GH trở nên tân tiến và hợp thời hơn đối với thế giới hiện đại. Một vài đặc điểm khiến Vatican II trở nên khác biệt hẳn với tất cả 20 công đồng trước đây trong lịch sử GH.

Số người tham dự đông nhất.

Trong suốt thời gian 4 năm công đồng, có khoảng 2860 người tham dự gồm 85 Hồng Y, 8 Thượng Phụ, 533 Tổng Giám Mục, 2131 Giám Mục, 26 Viện Phụ, và 68 Bề Trên Tổng Quyền các Dòng Nam, đến từ 116 quốc gia.[1]

Cho người ngoài Công Giáo tham dự.

Điều chưa từng có trong tiền lệ là 182 người ngoài Công Giáo được mời tham dự công đồng! Gồm đại diện cho các tôn giáo, giáo phái và cả người vô thần nữa! Họ được sắp xếp chỗ ngồi danh dự ngay bên dưới tượng thánh Longinus và gần với bàn của vị chủ tọa công đồng hơn cả các Hồng Y![2]

Số nhà báo và phóng viên đông nhất.

Trước Vatican II, việc bàn thảo tại công đồng tuyệt đối là công việc của các nghị phụ tham dự trực tiếp trong đó. Mọi thứ khác hẳn với Vatican II. Ngay trong ngày khai mạc công đồng, khoảng 1000 thẻ báo chí được cấp cho các ký giả. Giới truyền thông theo dõi cách gặt gao mọi diễn biến của công đồng. Họ bình luận, phân tích và dự đoán những đổi thay sẽ có tại công đồng. Mọi diễn biến tại công đồng đều được loan tin cho toàn thế giới qua

hệ thống truyền thanh truyền hình. Nhiều kẻ vui mừng nhưng cũng có lắm người thấy sốc trước những quyết định của công đồng. Đức Gioan 23 được tạp chí Times phong là nhân vật của năm 1962.[3]

Đi vào cuộc sống nhanh nhất.

Không một quyết định nào của các công đồng trước đây được gấp rút áp dụng vào đời sống Giáo Hội nhanh như Vatican II. Ngay trong ngày Chúa Nhật Mùa Vọng đầu tiên năm 1964, ngày 29/11, tức là khi công đồng còn hơn một năm nữa mới kết thúc, nhiều người khi đến nhà thờ đã được chứng kiến những sự thay đổi được coi là không thể sai lầm trong thánh lễ, đó là việc sử dụng tiếng bản địa – *vernacular* – trong nhiều phần khác nhau của thánh lễ.[4]

Một vài dữ liệu trên cũng giúp chúng ta hiểu phần nào tính cách mạng của Vatican II. Trước khi tìm hiểu chi tiết cuộc cách mạng trong giáo thuyết và trong phụng vụ của Vatican II, chúng ta cùng làm quen với một vài danh từ và thuật ngữ diễn tả thần học sau đây bởi chúng sẽ được nhắc đến trong các bài tới (*theo thần học trước Vatican II*):

-

Phán Từ Toà (của Phê-rô) - *Ex Cathedra*: Cụm từ tiếng Latinh nghĩa là “*từ Toà – from the Chair*”. Khi Giáo Hoàng chính thức công khai phán dạy một điều liên quan đến đức tin và luân lý từ toà của Thánh Phê-rô – *ex cathedra* – với tư cách là thủ lĩnh tối cao của Giáo Hội, không cần phụ thuộc vào sự đồng thuận trong Giáo Hội, thì điều ngài phán dạy là không thể sai lầm, có giá trị trường tồn và không thể thay đổi.

-

Mạc Khải Thần Linh - *Divine Revelation*: Mạc khải thần linh được chứa đựng trong Thánh Kinh và Thánh Truyền. Nói cách khác Thánh Kinh và Thánh Truyền là 2 nguồn của mạc khải thần linh. Mạc khải thần linh cách công khai chấm dứt với cái chết của vị tông đồ cuối cùng (*Thánh Gioan tông đồ năm 97*). Nội dung đích thực của mạc khải thần linh được xác định bởi quyền giáo huấn – *magisterium* – của Giáo Hội.

- **Quyền Giáo Huấn – Magisterium:** Là quyền giảng dạy của Giáo Hội Công Giáo. Quyền này được ban cho Giáo Hoàng, đứng kế vị thánh Phê-rô, đại diện Chúa Kitô và là thủ lĩnh tối cao của Giáo Hội Công Giáo. Quyền này cũng được ban cho giám mục đoàn khi các ngài hợp nhất dưới quyền của Giáo Hoàng. Quyền Giáo Huấn được phân biệt dưới 2 hình thức: Long Trọng (*Extraordinary*) và Thông Thường (*Ordinary*). Quyền Giáo Huấn được thi hành cách long trọng như trong các tuyên bố chính thức của các Giáo Hoàng hay của các công đồng hoàn vũ được phê chuẩn bởi Giáo Hoàng. Khi Giáo Huấn long trọng được thể hiện dưới hình thức các xác quyết của Giáo Hoàng hay các quyết định của các công đồng, liên quan đến đức tin và luân lý, thì giáo huấn ấy bó buộc lương tâm các tín hữu và không thể sai lầm. Quyền Giáo Huấn có tính cách thông thường là quyền giảng dạy của các Giám Mục hiệp thông với Giáo Hoàng. Các Giám Mục thi hành quyền giáo huấn thông thường khi các ngài giảng dạy đoàn chiên được uỷ thác cho các ngài.

- **Tín điều – Dogma:** là một chân lý liên quan đến đức tin hoặc luân lý được Giáo Hoàng tuyên bố là tín điều, vì vậy mọi tín hữu phải tin đó là một chân lý mạc khải và cần thiết cho ơn cứu độ. Mọi tín điều đều là các chân lý mạc khải. Khi một tín điều được tuyên bố, cách hiểu tín điều đó sẽ không bao giờ thay đổi kể cả là với cái gọi là một sự hiểu biết sâu hơn. Công Đồng Vatican I dạy: "*Nếu ai nói rằng, nhờ tiến bộ trong sự hiểu biết, đến một lúc nào đó, một ý nghĩa có thể được gán cho một điều mà khác với ý nghĩa ban đầu Giáo Hội đã hiểu và đang hiểu, thì bị vạ tuyệt thông.*" (Denzinger 3043). Một giáo huấn qui phạm có tính cách tín điều (*canon*) thường là giáo huấn của các công đồng hoàn vũ và kết thúc bằng cụm từ: "*thì bị vạ tuyệt thông – let him be anathema.*" (như giáo huấn của Vatican I vừa nêu trên).

- **Vạ tuyệt thông – excommunication:** là việc một người bị loại ra khỏi sự hiệp thông trong đời sống Giáo Hội. Hậu quả của vạ tuyệt thông là người đó không được lãnh nhận các Bí Tích và Nghi Thức An Táng Kitô Giáo, trừ khi người đó sám hối và được hoà giải với Giáo Hội. Vạ tuyệt thông được phân biệt thành 2 loại: tuyệt thông tiền kết (*latae sententiae excommunicatio*) và tuyệt

thông hậu kết (*ferendae sententiae excommunicatio*). Vạ tuyệt thông tiền kết là tình trạng bị vạ ngay lập tức do chính sự kiện (*ifso facto*) mà không cần phải có sự phán quyết của toà (*ví dụ tội phá thai hay tội lạc giáo*). Vạ tuyệt thông hậu kết có nghĩa là chỉ bị vạ khi bị đưa ra xét xử trước toà, bị kết tội và tuyên án phạt theo luật định. Vạ tuyệt thông hậu kết được nhận biết khi một điều luật kết thúc bằng cụm từ "*thì bị vạ tuyệt thông*" hoặc "*người phạm tội thì bị vạ tuyệt thông*". Do vậy nếu phạm một tội mà tội đó đáng phải bị vạ tuyệt thông, nhưng không bị đưa ra toà xử, kết án và tuyên án thì người phạm tội cũng không bị vạ.

- **Lạc giáo** – *heresy*: là một giáo thuyết, quan điểm hay lập trường trái ngược với điều mà Giáo Hội đã truyền dạy như một tín điều.

- **Người lạc giáo** – *heretic*: một người đã rửa tội phủ nhận hay quả quyết nghi ngờ **một** (*chứ không cần phải tất cả*) tín điều Giáo Hội đã truyền dạy. Đức Leo XIII dạy: "*Như những gì thánh tông đồ Gia-cô-bê phán xét về hậu quả của một lỗi phạm luân lý, điều tương tự cũng được áp dụng cho một sai lạc trong đức tin: phạm ai giữ cả lề luật mà lại sa ngã về một điều, nó cũng mắc vạ về hết mọi điều (Gc 2, 10)...Cho nên ai phủ nhận dù chỉ một điểm trong chân lý mạc khải thần linh là kể như chối bỏ toàn bộ đức tin vì người đó khước từ tôn kính Thiên Chúa là chân lý tối thượng và là nguyên nhân mô thể của đức tin.*"[5]

- **Ly Giáo** – *Schism*: là việc không vâng phục và hiệp thông với Giáo Hoàng (*hiểu là giáo hoàng thật -true pope, chứ không không phải là ngụy giáo hoàng - antipope*).

- **Người Ly Giáo** – *Schismatic*: là một người đã rửa tội nhưng từ chối không vâng phục và hiệp thông với Giáo Hoàng. Người phạm tội ly giáo bị vạ tuyệt thông tiền kết.

- **Bội Giáo** – *Apostasy*: là sự chối bỏ (*bằng lời nói hay hành động*) một phần hay toàn bộ đức tin Công Giáo.

- **Người Bội Giáo – Apostate:** là một người đã rửa tội chối bỏ (*bằng lời nói hay hành động*) một phần hay toàn bộ đức tin Công Giáo. Người phạm tội bội giáo bị vạ tuyệt thông tiền kết.

- **Các Tôn Giáo Ngoài Công Giáo – Non-Catholic Religions:** Trong tương quan với các tôn giáo ngoài Công Giáo, Giáo Hội Công Giáo truyền dạy như một tín điều rằng, chỉ có một tôn giáo thật và một Thiên Chúa thật. Giáo Hội Công Giáo dạy rằng, tất cả các tôn giáo ngoài Công Giáo đều sai lầm và thuộc về ma quỷ. Giáo Hội Công Giáo cũng dạy rằng, ngoài Giáo Hội Công Giáo không có ơn cứu độ (*extra ecclesiam nulla salus*). Tín điều này đã được minh định và phán quyết từ toà – *ex cathedra* – nhiều lần bởi các Giáo Hoàng. Đức Grêgorio XVI dạy rằng: *"Chúng ta hãy khợi khen thánh Gregorio Cả, người chứng thực rõ ràng giáo huấn này của Giáo Hội Công Giáo. Ngài nói, Hội Thánh Công Giáo dạy rằng, không thể nào tôn thờ Thiên Chúa chân thật ở ngoài Hội Thánh Công Giáo và khẳng định rằng tất cả những ai ở ngoài Hội Thánh Công Giáo sẽ không được cứu độ. Các hành động chính thức của Giáo Hội cũng rao giảng cùng một tín điều như thế. Bởi vậy, trong sắc lệnh về đức tin của Đức Innocentê III ban hành ở công đồng Laterano IV cũng viết rằng: Chỉ có một Giáo Hội phổ quát cho mọi tín hữu và ngoài Giáo Hội đó không ai được cứu."*[6]

Đức Eugene IV, qua sắc lệnh *Cantate Domino*, Công Đồng Florence (1439-1445), long trọng dạy rằng: *"Hội Thánh Công Giáo Rôma tin tưởng vững vàng, tuyên xưng và truyền dạy rằng tất cả những ai ở ngoài Giáo Hội Công Giáo, không chỉ là dân ngoại mà thôi nhưng cả những người Do-thái, lạc giáo hay ly giáo, không thể được dự phần sự sống đời đời và sẽ phải vào lửa đời đời được dành sẵn cho ma quỷ và các thiên thần của nó, nếu họ không tháp nhập vào Giáo Hội trước khi kết thúc cuộc sống của họ; rằng sự hợp nhất với thân thể giáo hội là tối cần thiết và chỉ những ai gắn bó với Giáo Hội mới làm cho các bí tích góp phần sinh ơn cứu độ và làm cho các việc ăn chay, bố thí, và các thực hành đạo đức khác phát sinh phần thưởng đời đời; rằng*

không ai có thể được cứu nếu họ không kiên tâm ở trong lòng Giáo Hội và hợp nhất với Giáo Hội, bất kể họ bỏ thí bao nhiêu hay dù phải đổ máu nhân danh Đức Kitô.”[7]

- ***Ngoại Giáo*** – Paganism: Từ Ngoại Giáo ám chỉ các tôn giáo lầm lạc và đa thần như Phật Giáo, Hindu, Bà La Môn v.v. Giáo Hội Công Giáo dạy rằng thần của các tôn giáo dân ngoại là ma quỷ. Tác giả Thánh Vịnh 95 nói: *“Vì thần của muôn dân hết thảy chỉ là tà thần, còn Giêavê, chính Người đã dựng nên các tầng trời.”* (Tv 95, 5). Thánh Phaolô viết cho tín hữu thành Corintô: *“Có phải đồ cúng là gì, hay tượng thần là gì hay sao? Song có điều là những vật người ta tế, là tế cho ma quỷ, chứ không phải cho Thiên Chúa. Nhưng tôi không muốn anh em hiệp thông với ma quỷ”* (1Cr 10, 19-20). Đức Pio XI nói: *“Ngài (Thánh Augustino) đã đúc kết trong những trang viết của rằng, tất cả những ham muốn vô độ và sự điên rồ, mọi sự giận dữ và dâm dăng, được ma quỷ đưa vào trong cuộc sống của con người qua việc tôn thờ các thần giả dối.”*[8]

Cần phân biệt, các tôn giáo ngoài Công Giáo và những người theo các tôn giáo đó. Các tôn giáo ngoài Công Giáo là sai lầm vì các tôn giáo đó không phải là con đường cứu độ - *vehicle or means of salvation*. Còn những người theo các tôn giáo đó, chúng ta phó dâng họ cho Thiên Chúa, là Đấng duy nhất ra lẽ luật và xét xử.

- ***Đạo Hồi/Người Hồi Giáo*** – Islam/Muslim: Là tôn giáo lầm lạc được mạc khải qua vị tiên tri giả Muhammad. Người Hồi Giáo tin theo cuốn Kinh Koran. Người Hồi Giáo phủ nhận Thiên Chúa Ba Ngôi và thần tính của Đức Kitô. Họ chối bỏ Thiên Chúa chân thật nên không thể có chuyện người Hồi Giáo tôn thờ một Thiên Chúa chân thật. Theo giáo huấn Công Giáo, Hồi Giáo là giáo phái ghê tởm và ma quỷ. Những người Hồi Giáo bị coi là những người vô tín cần phải được hoán cải để hưởng ơn cứu độ. Đức Eugene IV nói tại công đồng Basel năm 1434: *“...có một hy vọng rằng nhiều người từ giáo phái ghê tởm của Mahomet sẽ được hoán cải sang đức tin Công Giáo.”*[9] Còn Đức Calisto III

quả quyết: "Tôi nguyện sẽ vinh danh đức tin chân thật và búng tận gốc rễ giáo phái ma quỷ (Hồi Giáo) của Mahomet, kẻ vô tín và bị chúc dữ, khỏi vùng đất phía Đông."[10]

- **Do-thái Giáo** – Judaism: Là đạo của Giao Ước Cũ được Thiên Chúa thiết ban qua trung gian của Mô-sê. Do-thái Giáo phủ nhận Chúa Giêsu Kitô là Đấng Messiah, Đấng Cứu Thế, không tin Chúa Giêsu là Thiên Chúa, không tin Chúa Ba Ngôi. Ngày nay, họ vẫn tuân giữ Luật Cũ và trông chờ Đấng Messiah đến!! Giáo Hội Công Giáo dạy rằng, khi Đức Kitô đến Giao Ước cũ đã bị bãi bỏ. Do vậy sẽ là trọng tội nếu vẫn còn tuân giữ nó, và rằng những người còn trung thành với Do-thái giáo sẽ không được cứu độ nếu không tin theo Chúa Giêsu và đức tin Công Giáo. Công Đồng Florence long trọng dạy rằng: "*Giáo Hội tin tưởng vững vàng, tuyên xưng và truyền dạy rằng những quy định của Luật Cũ hay Luật Mô-sê, dưới hình thức các nghi lễ, nghi thức thánh, hy tế và bí tích, vì được thiết lập để biểu thị một thực tại tương lai, và dù chúng đã tỏ ra phù hợp cho việc thờ phượng trong thời kỳ đó, một khi Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta đã đến, tất cả những quy định này của Luật Cũ bị chấm dứt và bắt đầu các bí tích của Giao Ước Mới.* Bất cứ ai, kể từ sau cuộc Vượt Qua của Đức Kitô, còn đặt hy vọng và quy phục những quy định này, như thể niềm tin vào Chúa Kitô mà không có chúng cũng không thể được cứu, thì phạm trọng tội... Vì vậy Giáo Hội tuyên bố rằng, sau khi tin mừng được loan báo, tất cả những ai vẫn còn tuân giữ phép cắt bì, ngày Sa-bát và các quy định khác của Luật Cũ, là những người xa lạ với đức tin của Đức Kitô và không thể chia sẻ ơn cứu độ đời đời nếu họ không từ bỏ những sai lầm này." [11]

Đức Benedictô XIV đã trích lại lời của Thánh Bernado, dạy rằng: "*chắc chắn là không thừa khi Giáo Hội đã ấn định lời cầu nguyện phổ quát được sớm chiều dâng lên cầu cho những người Do-thái vô tín, ngõ hầu Chúa cắt đi bức màn che tâm hồn họ, để họ được giải thoát khỏi bóng tối và bước vào ánh sáng chân lý. Nếu không tin tưởng rằng những kẻ không tin rồi sẽ tin, thì sẽ là vô ích và trống rỗng khi cầu nguyện cho họ.*" [12]

- **Ơn Bất Khả Ngộ** - Infallibility: Công Đồng Vatican I long trọng truyền dạy về Ơn Bất Khả Ngộ như sau: *"vì trung thành tuân giữ truyền thống được lãnh nhận từ khởi đầu đức tin Kitô Giáo, vì vinh quang của Thiên Chúa Đấng Cứu Độ chúng ta, vì vinh danh Đức Tin Công Giáo, và vì ơn cứu độ của các tín hữu, chúng tôi, với sự phê chuẩn của thánh công đồng, truyền dạy và xác định như là một tín điều được Thiên Chúa mặc khải rằng: Giáo Hoàng Rôma, khi ngài lên tiếng dạy từ toà – ex cathedra – nghĩa là khi hành động trong chức vụ là mục tử và thầy dạy của toàn dân Kitô Giáo, do quyền tông toà tối cao của ngài, ngài xác định một tín điều liên quan đến đức tin và luân lý phải được tuân giữ trong toàn thể Giáo Hội, thủ đắc qua sự trợ giúp của thần linh được hứa ban cho ngài trong trong thánh tông đồ Phê-rô, sự vô ngộ mà Đấng Cứu Độ đã muốn ban cho Giáo Hội trong việc xác định tín điều liên quan đến đức tin và luân lý; và vì vậy những xác định đó của chính Giáo Hoàng, chứ không phải do sự đồng thuận của Giáo Hội, là không thể thay đổi."*[13]

Vậy bất cứ ai – Thiên Chúa cấm – dám mạo muội phủ nhận định nghĩa này của chúng tôi thì bị vạ tuyệt thông.[14]

- **Chính Thống Giáo Đông Phương** – Eastern Orthodox: Chính Thống Giáo ra đời là hậu quả của việc ly giáo – *schism* – khỏi Giáo Hội Công Giáo năm 1054. Chính Thống Giáo phủ nhận địa vị tối cao và không vâng phục Giáo Hoàng. Họ cũng phủ nhận luôn giáo lý của 13 công đồng trước đó của Giáo Hội Công Giáo. Họ cho phép ly dị và tái hôn. Theo Giáo Lý Công Giáo, Chính Thống Giáo bị coi là lạc giáo và ly giáo. Họ cần phải được hoán cải vì sự hợp nhất của Giáo Hội và vì phần rỗi của chính họ. Vì thế, Đức Benedictô XIV dạy: *"trước hết, vị thừa sai, người đang nỗ lực với sự trợ giúp của Chúa để đưa những kẻ ly giáo Hy Lạp và Đông Phương trở về với sự hợp nhất, cần cố gắng hết sức của mình cho mục tiêu duy nhất này là giải thoát họ khỏi những giáo lý sai lệch với đức tin Công Giáo. Cha ông họ đã thuận theo những sai lầm này như những nguyên cớ để tách khỏi sự hợp nhất với Giáo Hội và không dành cho Giáo Hoàng lòng*

kính trọng và vâng phục như ngài đáng được hưởng với tư cách là thủ lãnh của Giáo Hội.”[15]

- **Lời Thề Giáo Hoàng** – Papal Coronation Oath: Dù không rõ ai là tác giả đã soạn lời thề này linh thiêng này, nhưng theo biên niên sử Giáo Hội, thánh Giáo Hoàng Agatho là người đầu tiên tuyên thệ vào ngày 27/6 năm 678.[16] Kể từ đó trở đi, tất cả các Giáo Hoàng cho đến Đức Gioan Phaolô I năm 1978 đều tuyên thệ lời thề này. Đức Gioan Phaolô II, Benedicto XVI và Francis I không tuyên thệ. Đây là nội dung của lời thề:

Tôi thề không thay đổi điều gì trong Truyền Thống được lãnh nhận, và không cho phép bất cứ một sự xâm phạm, thay đổi hay đổi mới nào trong những gì đã được bảo vệ bởi các đấng tiền nhiệm được Thiên Chúa sủng ái của tôi.

Trái lại, với lòng yêu mến nồng nàn như một người học trò và người kế vị trung thành, tôi sẽ kính cẩn bảo vệ với trọn sức lực, điều tuyệt hảo được truyền lại cho tôi.

Để làm trong sạch tất cả những gì sai lệch với giáo luật, để bảo vệ những quy điển đức tin và các sắc lệnh của các Giáo Hoàng như là những thánh chỉ bởi Trời, bởi ý thức được Đấng mà nhờ ân sủng của Thiên Chúa tôi được đặt vào chỗ của Ngài, được làm đại diện cho Ngài do sự trợ giúp của Ngài, và ý thức phải trả lễ nghiêm minh trước Toà Thiên Chúa về tất cả, tôi xin tuyên thệ:

Tôi xin cam kết cùng Thiên Chúa Toàn Năng và Đấng Cứu Thế, Chúa Giêsu Kitô, sẽ tuân giữ tất cả những gì đã được mạc khải qua Đức Kitô và các Đấng Kế Vị Ngài, tất cả những gì mà các công đồng trước đây và các đấng tiền nhiệm đã xác quyết và tuyên bố.

Tôi sẽ gìn giữ cách không khoan nhượng kỷ luật và nghi lễ của Giáo Hội. Tôi sẽ loại ra khỏi Giáo Hội bất cứ ai dám đi ngược lại lời cam kết này, dù người đó là ai hay chính tôi đi nữa.

Nếu tôi dám hành động trái ngược hoặc cho phép điều đó xảy ra, Chúa sẽ trừng phạt tôi trong Ngày Đáng Sợ của Công Lý Chúa.

Theo đó, không có miễn trừ, chúng tôi khiêm khắc phạt và tuyệt thông bất cứ ai- dù đó là chúng tôi hay ai khác – dám làm điều gì mới trái ngược với Truyền Thống phúc âm đã được thiết định này

và sự tinh ròng của Đức Tin chính thống và của Kitô Giáo, hoặc mưu toan thay đổi điều qua những nỗ lực phản kháng, hoặc đồng ý với những người dám làm việc liều lĩnh phạm thượng này.

Lời thề không thay đổi điều gì trong Truyền Thống được lãnh nhận trên đây được xác nhận qua xác quyết sau đây của công đồng Vatican I: "*Vì Thánh Thần không được ban cho các đấng kế vị Phê-rô để giúp họ khai mở giáo lý mới, nhưng để giúp họ kính cẩn bảo vệ mạc khải được truyền lại qua các tông đồ và kho tàng đức tin, và trung thành truyền đạt lại cho các thế hệ. Thật vậy, tất cả các giáo phụ đáng kính đã gìn giữ giáo lý tông truyền, và các Tiên Sỹ chính hiệu đã tôn kính và tuân theo giáo lý ấy, hiểu biết trọn vẹn rằng Toà Phê-rô luôn đứng vững trước bất kỳ sai lầm nào theo như lời Chúa Cứu Thế của chúng ta đã hứa với thủ lĩnh các tông đồ của Ngài: Ta cầu nguyện cho người để đức tin của người không bị huỷ hoại; phần người, một khi đã hoán cải, hãy củng cố anh em người (Lc 22, 32).*"[17]

- ***Người Tin Lành/Thệ Phản*** – Protestant: Là những người đi theo Martin Luther sau cuộc cách mạng và thoát ly khỏi Giáo Hội Công Giáo của ông ta năm 1517. Những người Tin Lành hội đủ các yếu tố của người lạc giáo và ly giáo. Họ chối bỏ nhiều tín điều trong kho tàng đức tin Công Giáo, nhất là trong các lĩnh vực Bí Tích, Chức Linh Mục, Đức Maria, Quyền Tối Thượng Của Giáo Hoàng,Ơn Công Chính Hoá, Sự Cần Thiết Của Đức Tin và Việc Làm, Sự Chuyển Cầu Của Các Thánh...nói tóm lại, họ là những người chối bỏ toàn bộ đức tin Công Giáo bởi như đã nói ở trên, ai chối bỏ dù chỉ là một tín điều trong kho tàng đức tin là chối bỏ toàn bộ đức tin vì họ chối bỏ Thiên Chúa là chân lý tối thượng và là "*nguyên nhân mô thể của đức tin.*" Do vậy, họ ngay lập tức - automatic (*ifso facto/by the fact itself*) – bị vạ tuyệt thông tiền kết.

- ***Người Công Giáo Không Thế Tham Dự Vào Các Việc Thờ Phụng Không Công Giáo***: trước Vatican II, tất cả các thủ bản luân lý của Giáo Hội đều lập lại giáo huấn truyền thống của

Giáo Hội rằng, tham dự vào các việc thờ phượng ngoài Công Giáo là tội trọng và trái luật Chúa. Sau Vatican II, trọng tội này được khuyến khích như sẽ nói đến trong phần sau. Đức Pio XI, trong thông điệp về sự hợp nhất tôn giáo ban hành ngày 6/1/1928, dạy rằng: *"vậy, thưa các hiền đệ đáng kính, thật rõ ràng tại sao Tông Toà này không bao giờ cho phép con cái mình tham dự vào các hội họp phụng vụ của những người không Công Giáo: vì sự hiệp nhất các Kitô hữu chỉ có thể được thúc đẩy bằng việc khuyến khích những người ly khai khỏi Giáo Hội trở lại với Giáo Hội thật duy nhất của Đức Kitô, vì trong quá khứ họ đã đau buồn lìa xa Giáo Hội."*[18]

- **Việc Mất Giáo Vụ** (chức vụ trong Giáo Hội) - the loss of ecclesiastical office: Giáo sỹ, gồm cả Giáo Hoàng, Giám Mục và Linh Mục, tức khắc bị mất chức vụ do chính sự kiện mà không cần phải chờ đến một phán quyết nào, nếu công khai chối bỏ đức tin Công Giáo.[19] Một hành vi bị coi là công khai nếu nó đã được mọi người biết hoặc trong những hoàn cảnh mà nó có thể hay phải được khôn ngoan phán đoán là sẽ dễ dàng trở nên công khai.[20]

Ngoài ra, những ai không hiệp thông với Phê-rô cũng không thể chia sẻ quyền với ngài. Đức Leo XIII dạy rằng: *"không một ai ở ngoài sự hiệp thông với Phê-rô có thể chia sẻ quyền của ngài, vì thật vô lý rằng một người ở bên ngoài lại có thể điều hành bên trong Giáo Hội."*[21]

Thánh Robert Bellarmine, tiền sỹ Hội Thánh, cũng dạy rằng: *"một Giáo Hoàng bệch lộ là lạc giáo thì ngay lập tức – automatic/ifso facto – không còn là giáo hoàng và là đầu nữa, cũng như ngay lập tức không còn là một Kitô hữu và thành viên của Giáo Hội. Do vậy, người ấy có thể bị kết án và trừng phạt bởi Giáo Hội. Tất cả các Giáo Phụ cổ thời đều dạy rằng những kẻ lạc giáo ngay lập tức mất mọi quyền tài phán."*[22]

Thánh tiền sỹ Phan-xi-cô đồ- san (Francis de Sales), dạy: *"Khi Giáo Hoàng trở nên một lạc giáo công khai, ngay lập tức (automatic/ifso facto) mất hết mọi chức vụ và loại mình ra khỏi Giáo Hội."*[23]

- [1] John W O'Malley, *What Happened at Vatican II - Chuyện Đã Xảy Ra Tại Vatican II* (Cambridge, Mass.: NXB. Belknap Press of Harvard University Press, 2008), 23.
- [2] O'Malley, *What Happened at Vatican II - Chuyện Đã Xảy Ra Tại Vatican II*, 23.
- [3] O'Malley, *What Happened at Vatican II - Chuyện Đã Xảy Ra Tại Vatican II*, 23,33,34.
- [4] O'Malley, *What Happened at Vatican II - Chuyện Đã Xảy Ra Tại Vatican II*, 35.
- [5] Leo XIII, *Satis Cognitum: Thông Điệp Về Sự Hiệp Nhất Của Giáo Hội*, ngày 29/6/1896. Số 9.
- [6] Grêgorio XVI, *Summo Iugiter Studio: Thông Điệp Về Hôn Nhân Hồn Hợp*, ngày 27/5/1932. Số 5.
- [7] Denzinger, *Compendium of Creeds, Definitions, and Declarations on Matters of Faith and Morals - Bảng Tóm Lược Các Tín Điều, Định Nghĩa Và Tuyên Ngôn Về Đức Tin Và Luân Lý*, ed. Karl Rahner.,30th edition (Freibourg: NXB. Herder & Co., 1954), số 1351.
- [8] Pio XI, *Ad Salutem Humani: Thông Điệp Về Thánh Augustino*, ngày 20/4/1930. Số 27.
- [9] Decrees of the Ecumenical Councils – Tuyển Tập Các Sắc Lệnh Của Các Công Đồng Hoàn Vũ, NXB Sheed & Ward và Georgetown University Press, 1990, Vol. 1, trang 479.
- [10] Warren H, Caroll. A History of Christendom – Một Lịch Sử Kitô Giáo, Front Royal, Virginia: NXB Christendom Press, Vol. 3, trang 571.
- [11] Denzinger, 1348.
- [12] Benedicto XIV, *A Quo Primum: Thông Điệp Về Do-thái Giáo Ở Ba Lan*, ngày 14/6/1751. Số 4.
- [13] Denzinger, 3073-3074.
- [14] Denzinger, 3075.
- [15] Benedictô XIV, *Allatae Sunt: Thông Điệp Về Việc Tuân Giữ Các Nghi Thức Đông Phương*, ngày 26/7/1755, số 19.
- [16] *Liber Diurnus Romanorum Pontificum*, Migne's *Patrologia*, 105,40-44. Eugene de Rozier, 1869.

[17] Denzinger, 3070.

[18] Đức Pio XI, *Mortalium Animos: Thông Điệp Về Sự Hiệp Nhất Tôn Giáo*, ngày 6/1/1928. Số 10.

[19] Giáo Luật 1917, Điều 188, khoản 5. Giáo Luật 1983, Điều 194, khoản 2.

[20] Giáo Luật 1917, Điều 2197, khoản 1.

[21] Leo XIII, *Satis Cognitum: Thông Điệp Về Sự Hiệp Nhất Của Giáo Hội*, ngày 29/6/1896. Số 15.

[22] St. Robert Bellarmine, *De Romana Potntifice: Về Giáo Hoàng*, quyển 2, chương 30.

[23] St. Francis de Sales, *The Catholic Controvesy*, Rockford, Illinois: NXB Tan Books, 1999, 305-306.

BÀI 7: CUỘC CÁCH MẠNG TÊN VATICAN II

Phần –II

CÁCH MẠNG TRONG GIÁO THUYẾT



Phần này giúp độc giả hiểu cách sâu sắc hơn tại sao Vatican II được gọi là cuộc cách mạng trong lịch sử Giáo Hội. Vatican II dạy những điều vốn bị các Giáo Hoàng và các công đồng trước đây kết án là sai lầm. Bằng cách này, Vatican II gián tiếp phủ nhận giáo huấn của các công đồng trước đây, gián tiếp coi giáo huấn trước đây của Giáo Hội là sai lạc hoặc không còn phù hợp nữa.

Cần đọc những điều dưới đây trong bối cảnh những lời cảnh báo của Thánh Kinh, của Đức Mẹ, và của các Giáo Hoàng như đã nói ở bài 1 đó là: ***Sẽ có một Apostasy – tức sự phản bội hay chối bỏ đức tin lớn lao – xảy ra trước ngày Chúa đến.***

Sau đây chúng ta cùng điếm qua những giáo huấn mang tính cách mạng của Vatican II được chứa đựng trong các văn kiện: *Lumen Gentium, Gaudium et Spes, và Unitatis Redintegratio.*

1. *Lumen Gentium* (LG)- Hiến Chế Tín Lý Về Giáo Hội.

LG chứa đựng một số lời dạy khiến mọi người sửng sốt vì mức độ khác xa với giáo huấn trước đây của Giáo Hội:

Thứ nhất là: Vatican II dạy rằng, Giáo Hội liên kết cả với những người không tuyên xưng đức tin trọn vẹn và không hiệp thông với Giáo Hoàng, tức những người lạc giáo và ly giáo!?

Ta cùng đọc những lời sau: “*vì một số lý do, Giáo Hội nhìn nhận mình cũng được liên kết với những người, dầu đã được rửa tội và mang danh Kitô hữu, nhưng không tuyên xưng đức tin trọn vẹn và duy trì sự hiệp thông với đấng kế vị thánh Phê-rô.*” (LG, 15).

Giáo huấn xưa nay của Giáo Hội và các Giáo Hoàng vẫn dạy rằng Giáo Hội không có hiệp thông gì với những người lạc giáo và ly giáo bởi họ không thuộc về Giáo Hội. Họ cần phải hoán cải và trở về với Giáo Hội chứ không phải ngược lại.

Đức Pio VI dạy: “*Cuối cùng, tắt một lời: hãy ở gần chúng tôi. Vì không một ai có thể ở trong Giáo Hội của Chúa Kitô mà lại không ở trong sự hiệp nhất với vị thủ lĩnh hữu hình và được đặt nền trên Toà của Phê-rô.*”[1]

Đức Pio IX cũng dạy rằng: “*có vô số những bằng chứng từ các chứng nhân đáng tin cậy, chứng thực cách rõ ràng công khai với*

một đức tin lớn lao, sự chính xác, kính trọng và vâng phục rằng, tất cả những ai muốn thuộc về Giáo Hội duy nhất và chân thật của Chúa Kitô phải tôn kính và vâng phục Tông Toà và Giáo Hoàng.”[2]

Đức Leo XIII dạy rằng: *“Thực hành của Giáo Hội xưa nay vẫn vậy, như được chứng minh qua giáo huấn nhất quán của các Giáo Phụ rằng, bất cứ ai chối bỏ dù chỉ là mức độ nhỏ nhất trong một điều nào đó của giáo lý được trình bày bởi giáo huấn uy quyền của Giáo Hội, thì họ bị coi như ở ngoài sự hiệp thông Công Giáo.”[3]*

Việc Vatican II dạy Giáo Hội có liên hệ với những người lạc giáo và ly giáo quả thật là một bước tiến rất xa khỏi giáo huấn trước đây của Giáo Hội.

Thứ hai là: Vatican II dạy rằng những người lạc giáo và ly giáo cũng tôn kính Lời Chúa với lòng đạo nhiệt thành!?

Cùng đọc những lời này *“nhiều người chứng tỏ lòng đạo nhiệt thành, họ tôn kính Thánh Kinh và lấy nó làm mô phạm cho đức tin và đời sống của mình”* (LG, 15).

Giáo huấn trước đây của Giáo Hội dạy cách khác rằng: *“Thật vậy, các hiền đệ biết rằng ngay từ những thời kỳ đầu của Kitô Giáo, việc chối bỏ Lời Chúa và phủ nhận quyền của Giáo Hội Công Giáo là cái tội đặc biệt của những kẻ lạc giáo, họ xuyên tạc và thay đổi ý nghĩa của Lời Chúa.”[4]*

Thứ ba là: Vatican II dạy rằng việc không tin Thiên Chúa có là có thể biện minh được!?

LG dạy rằng: *“Những người, không do lỗi của mình, chưa nhận biết Thiên Chúa cách rõ ràng nhưng vẫn cố gắng sống tốt lành thì Chúa Quan Phòng cũng không từ chối ban ơn trợ giúp cần thiết để họ được cứu rỗi”* (LG, 16).

Qua những lời trên, Vatican II dạy rằng, việc không tin vào Thiên Chúa là có thể biện minh được nếu đó không phải do lỗi của người ta.! Điều này trái ngược với Thánh Kinh và giáo huấn của Giáo Hội.

Kinh Thánh dạy rằng, con người có lý trí có thể nhận biết có Thiên Chúa qua công trình tạo dựng của Ngài, khi họ chiêm ngắm cỏ cây muông thú, chim trời cá biển, mặt trời, mặt trăng và các tinh tú trên bầu trời. Không có lý do gì có thể biện minh cho việc không tin vào Thiên Chúa. Luật tự nhiên kết án kẻ không tin. Đó là chân lý mạc khải của Thánh Kinh.

Hãy nghe điều thánh Phaolô đã nói với dân ngoại như sau: *“Những gì người ta có thể biết về Thiên Chúa, thì thật là hiển nhiên trước mắt họ, vì chính Thiên Chúa đã cho họ thấy rõ. Quả vậy, những gì người ta không thể nhìn thấy được nơi Thiên Chúa, tức là quyền năng vĩnh cửu và thần tính của Người, thì từ khi Thiên Chúa tạo thành vũ trụ, trí khôn con người có thể nhìn thấy được qua những công trình của Người. Do đó, **ho không thể tự bào chữa được**, vì tuy biết Thiên Chúa, họ đã không tôn vinh hay cảm tạ Người cho phải đạo”* (Rm 1, 19-21). Như vậy Thánh Phaolô dạy rằng, những người vô thần không thể biện minh được vì Thiên Chúa đã tỏ mình ra cho họ qua công trình tạo dựng của Ngài. Còn Vatican dạy rằng, người vô thần có thể biện minh được!?

Giáo huấn của Vatican II cũng trái với giáo huấn của công đồng Vatican I. Vatican I dạy rằng con người hoàn toàn có thể nhận biết Thiên Chúa qua thế giới thụ tạo và nhờ ánh sáng tự nhiên của lý trí. Ai chối chân lý này thì bị vạ tuyệt thông. Thật vậy, Vatican I dạy rằng:

- “Nếu ai phủ nhận Thiên Chúa duy nhất chân thật là Đấng Tạo Dựng và là Chúa của muôn vật hữu hình và vô hình thì bị vạ tuyệt thông.”[5]
- “Nếu ai nói rằng Thiên Chúa duy nhất chân thật, Đấng Tạo Dựng và Chúa của chúng ta, **không thể được nhận biết**

cách chắc chắn bởi thế giới thụ tạo, và bởi ánh sáng tự nhiên của lý trí con người, thì bị vạ tuyệt thông.”[6]

Thứ bốn là: Vatican II dạy rằng người Công Giáo tôn thờ cùng một Thiên Chúa như người Hồi Giáo!?

Cùng đọc những lời sau: “*Nhưng kế hoạch cứu độ cũng bao gồm những ai nhìn nhận Đấng Tạo Dựng, trong số đó trước tiên phải kể đến người Hồi Giáo, họ tuyên xưng tuân giữ đức tin của Abraham, cùng với chúng ta (những người Công Giáo), họ tôn thờ Thiên Chúa duy nhất, nhân từ, Đấng sẽ phán xét con người trong ngày sau hết”* (LG, 16).

Đây có lẽ là một trong những tuyên bố kinh hoàng nhất của Vatican II. Người Công Giáo tin Chúa Ba Ngôi là Cha-Con-và Thánh Thần, tin Chúa Giêsu Kitô là Thiên Chúa Ngôi Hai trong Ba Ngôi Thiên Chúa, đã xuống thế làm người, đã chết và sống lại để cứu chuộc chúng ta... Người Hồi Giáo không tin những chân lý này. Vậy một đứa trẻ cũng hiểu rằng, người Công Giáo chúng ta không thờ chung một Thiên Chúa với người Hồi Giáo. Người phủ nhận Chúa Ba Ngôi không thể nào có chung một Chúa với người tin thờ Chúa Ba Ngôi. Vậy nói những người không tin thờ Thiên Chúa Ba Ngôi cũng thờ chung một Thiên Chúa với chúng ta là gián tiếp chối bỏ màu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi Cực Thánh.

Hẳn nhiều người sẽ biện minh cho lời dạy này của Vatican II bằng cách lý luận rằng, chỉ có một Thiên Chúa mà thôi và Thiên Chúa là đấng nhân từ. Và rằng Thiên Chúa của người Hồi Giáo cũng có thuộc tính là duy nhất và nhân từ giống như Thiên Chúa của của người Công Giáo. Và bởi người Hồi Giáo chỉ thờ một Thiên Chúa nhân từ chứ không phải nhiều Chúa như những người đa thần, vậy nên họ thờ cùng một Thiên Chúa giống như những người Công Giáo! Nếu điều này đúng thì ta có thể mở rộng ra là, bất cứ ai thờ Thiên Chúa duy nhất và nhân từ, người đó thờ cùng một Thiên với người Công Giáo. Vậy có khác chi nếu nói rằng, bất cứ

ai thờ Lucifer là Thiên Chúa duy nhất và nhân từ, người đó thờ chung một Chúa với chúng ta! Vô lý!

Công Đồng Rôma năm 382 đã long trọng truyền dạy như tín điều rằng:

- *"Bất cứ ai chối rằng Chúa Cha hằng hữu, Chúa Con hằng hữu, Chúa Thánh Thần hằng hữu, đó là kẻ lạc giáo."*[7]

- *"Bất cứ ai phủ nhận Con Thiên Chúa là Thiên Chúa thật, như Chúa Cha là Thiên Chúa, là Đấng Toàn Năng, Toàn Trí, và ngang hàng với Chúa Cha, thì là kẻ lạc giáo."*[8]

- *"Bất cứ ai phủ nhận Chúa Thánh Thần là Đấng Toàn Năng, Toàn Trí, và hiện diện ở mọi nơi, như Chúa Cha và Chúa Con, thì là kẻ lạc giáo."*[9]

Thêm điều nữa là, Chúa Giêsu Kitô mới là Đấng phán xét con người trong ngày sau hết như trong kinh tin kính ta đọc: *"Người (Chúa Giêsu Kitô) sẽ trở lại trong vinh quang để phán xét kẻ sống và kẻ chết."* Người Hồi Giáo không tin Chúa Giêsu Kitô là Thiên Chúa, Đấng phán xét con người trong ngày sau hết. Vậy chấp nhận chân lý Thiên Chúa của người Hồi Giáo là Đấng phán xét con người trong ngày sau hết là chối bỏ chân lý Chúa Giêsu Kitô là Đấng phán xét con người trong ngày sau hết!?

Công đồng Roma năm 382, đã truyền dạy tiếp rằng: *"Ai không tuyên xưng Người (Chúa Giêsu Kitô) ngự bên hữu Chúa Cha trong xác phàm và sẽ đến để phán xét kẻ sống và kẻ chết, đó là kẻ lạc giáo."*[10]

Thứ năm là: Vatican II dạy rằng, Giám Mục Đoàn, khi và chỉ khi hợp nhất với Giáo Hoàng, cũng thủ đắc quyền bính trọn vẹn và tối cao trên toàn thể Giáo Hội.?

Cùng đọc những lời sau: *"Hàng Giám Mục, những người kế vị Tông Đồ Đoàn trong việc giảng dạy và cai quản, chính nhờ hàng*

Giám mục mà Tông Đồ Toàn được trường tồn không gián đoạn, khi và chỉ khi hiệp nhất với Giáo Hoàng là thủ lãnh, Hàng Giám Mục cũng có quyền bính trọn vẹn và tối cao trên toàn thể Giáo Hội. Nhưng chỉ có thể thi hành quyền này khi có sự đồng ý của Giáo Hoàng.” (LG, 22)

Như vậy, Vatican II nhìn nhận Giám Mục Đoàn cũng có quyền bính trọn vẹn và tối cao trên toàn thể Giáo Hội với điều kiện là phải hiệp nhất với Giáo Hoàng. Dù đặt thêm điều kiện “*phải hiệp nhất với Giáo Hoàng*”, việc tuyên bố Giám Mục Đoàn cũng có quyền bính trọn vẹn và tối cao trên toàn thể Giáo Hội là lời khẳng định mang tính cách mạng, vượt xa những giáo huấn trước đó của Giáo Hội như ta thấy dưới đây.

Đức Boniface VIII, qua Sắc Lệnh *Unam Sanctam* ban hành ngày 18/11/1302, dạy rằng: “*Vì vậy, Giáo Hội duy nhất chỉ có một thân thể và một đầu, là Đức Kitô, không phải 2 đầu như quái vật, và đại diện Đức Kitô là Thánh Phê-rô và các đồng kế vị Phê-rô.*”[11]

Đức Leo XIII, qua thông điệp *Satis Cognitum*, dạy rằng: “*do việc các Giám Mục kế vị các Tông Đồ, họ thừa hưởng quyền bính thông thường, và các Giám Mục là phần cấu thành căn bản của Giáo Hội. Mặc dầu họ **không có quyền bính trọn vẹn, phổ quát, và tối cao**, họ không bị coi như là những đại diện của Giáo Hoàng, bởi vì họ thi hành quyền bính của chính họ và thực sự được coi là các mục tử thông thường của đoàn chiên mà họ hướng dẫn.*”[12]

Đức Leo XIII dạy tiếp: “*quyền của Giáo Hoàng là tối cao, phổ quát và độc lập, còn quyền của Giám Mục thì giới hạn và lệ thuộc.*”[13]

Đó là một vài ví dụ tiêu biểu về tính cách mạng của Vatican II được thể hiện trong *Lumen Gentium*.

2. *Gaudium et Spes (GS)* – Hiến Chế Về Giáo Hội Trong Thế Giới Hiện Đại.

Văn kiện này của Vatican II cũng chứa đựng những giáo huấn hoàn toàn mới mẻ so với giáo huấn của Giáo Hội trước đây. Điểm đáng chú ý nhất: **Vatican II dạy rằng, qua màu nhiệm Nhập Thể. Đức Kitô kết hợp với tất cả mọi người.!?**

Cùng đọc những lời sau: "*Vì nhờ màu nhiệm Nhập Thể, Con Thiên Chúa, một cách nào đó đã kết hợp với tất cả mọi người. Người đã lao động với đôi tay con người, đã suy nghĩ với trí óc con người, đã hành động với ý chí con người, và đã yêu mến với trái tim con người*" (GS, 22).

Lời khẳng định trên tiếp tục được Đức Gioan Phaolô II nhắc tới nhiều lần và quảng diễn cách sâu xa trong Thông Điệp Đấng Cứu Chuộc Loài Người – *Redemptoris Hominis*: "Chúa Kitô đã chứng tỏ điều này cách đặc biệt, như Công Đồng dạy, nhờ màu nhiệm Nhập Thể, Con Thiên Chúa một cách nào đó đã kết hợp với tất cả mọi người."[14]

Chưa bao giờ Giáo Hội dạy rằng sự kết hợp giữa Đức Kitô và mọi người bắt nguồn từ chính màu nhiệm Nhập Thể. Thật vậy, sự kết hợp giữa Đức Kitô và mọi người **chỉ có được nhờ đức tin và phép rửa mà thôi**, và Giáo Hội Công Giáo chính là phương tiện giúp mọi người thiết lập mối dây liên kết với Đức Kitô. Đưa mọi người kết hợp với Đức Kitô (*truyền giáo*) là lý do tồn tại của Giáo Hội. Nếu mọi người đã được kết hợp với Đức Kitô nhờ màu nhiệm Nhập Thể, thì Giáo Hội đã mất đi lý do chính yếu cho sự tồn tại của mình. Đâu cần phải truyền giáo nữa bởi mọi người đã được kết hợp với Đức Kitô rồi!

Nếu mọi người đã được kết hợp với Đức Kitô nhờ màu nhiệm Nhập Thể, thì đâu là giá trị của màu nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô? Phải chăng khi đó màu nhiệm Vượt Qua (*màu nhiệm sự chết-sống lại và lên trời của Chúa Giêsu Kitô*) chỉ còn là **đâu chỉ** của sự kết hợp giữa Đức Kitô và mọi người vốn đã tồn tại và vẫn tồn tại từ biến cố Nhập Thể?

Không phải như vậy. Giáo Hội xưa nay chỉ dạy rằng sự kết hợp giữa con người tội lỗi và Đức Kitô **chỉ có thể có được nhờ đức tin và phép rửa**. Tội nguyên tổ không thể được tha bằng bất kỳ cách nào khác ngoài đức tin và phép rửa. Và chỉ khi tội nguyên tổ được tha, con người mới được giao hoà và kết hợp với Đức Kitô, và đồng thời được nhận là nghĩa tử của Thiên Chúa.

Công Đồng Florence dạy rằng: *"với các trẻ em, do nguy cơ cái chết hay xảy đến, nên không một phương dược nào có thể được đem đến tốt hơn cho các em là bí tích rửa tội, nhờ đó, các em được giải thoát khỏi sự thống trị của ma quỷ và thân nhân làm con cái Thiên Chúa."*[15]

Đức Pio XI cũng dạy rằng: *"Các sách Tin Mừng trình bày vương quốc này (vương quốc siêu nhiên) như một vương quốc mà con người chuẩn bị bước vào bằng việc sám hối, và chỉ thực sự bước vào nhờ đức tin và phép rửa, dù chỉ là nghi thức bề ngoài nhưng thực sự diễn tả và làm phát sinh một sự tái sinh bên trong."*[16]

Cũng cần nói thêm rằng, sự kết hợp với Đức Kitô bị triệt tiêu bởi việc tách khỏi Giáo Hội, điều mà Vatican II chẳng hề nhắc đến. Đức Leo XIII dạy rằng: *"Ai tách mình khỏi Giáo Hội là kẻ như kết hợp với người đàn bà ngoại tình. Người đó tự loại bản thân khỏi mọi lời hứa của Giáo Hội, và người rời bỏ Giáo Hội không thể nào đạt tới những phần thưởng của Đức Kitô."*[17]

Trước khi chuyển sang văn kiện khác, điều cần lưu ý là dường như Vatican II đã khơi nguồn cho tư tưởng sùng bái con người cách cực đoan. Coi con người như là chúa tể của muôn loài và khẳng định những quyền của con người là phổ quát và bất khả xâm phạm!

Vatican II tuyên bố: *"người tin cũng như kẻ không tin hầu như cùng chung quan điểm rằng, mọi vật trên trái đất phải được hướng về con người như trung tâm và chóp đỉnh của chúng."* (GS, 12) Vatican II nói tiếp: *"ngày nay ý thức về phẩm giá cao trọng của con người ngày càng lớn mạnh hơn, bởi con người trở*

vượt trên mọi loài và những quyền và bổn phận của con người là phổ quát và bất khả xâm phạm." (GS, 26)

Vâng, nếu mọi vật phải hướng về con người như trung tâm và chóp đỉnh và quyền của con người là bất khả xâm phạm, thì con người quả thực là chúa tể của vạn vật. Con người là thước đo của vạn vật. Vậy phải chăng con người đã đặt mình vào chỗ của Thiên Chúa.

Ngày nay chúng ta đang được chứng kiến việc con người đang nỗ lực điên cuồng để khẳng định quyền "*phổ quát và bất khả xâm phạm*" của họ. Nỗ lực này mạnh đến mức trật tự và lẽ luật của Thiên Chúa cũng phải ở dưới cái quyền "*phổ quát và bất khả xâm phạm*" của con người. Con người đang tôn mình làm chúa tể của vạn vật. Họ đang chối bỏ Thiên Chúa để tôn thờ chính mình!

3. *Unitatis Redintegratio* (UR) – Sắc Lệnh Về Đại Kết.

Sắc Lệnh này chứa đựng quá nhiều điều khiến ta phải nhíu mày suy nghĩ. Mức độ đi xa về thần học của Sắc Lệnh này làm ta phải giật mình tự hỏi:

Thứ nhất: Phải chăng Vatican II phủ nhận Giáo Hội Công Giáo là Giáo Hội phổ quát duy nhất của Chúa Kitô?

Ngay ở số đầu tiên của Sắc Lệnh, ta đọc thấy những lời sau đây: "*tất cả mọi người, dầu cách thức khác nhau, đều mong đợi một Giáo Hội hữu hình duy nhất, một Giáo Hội thực sự phổ quát có sứ mạng hoán cải thế giới trở về với Tin Mừng, để thế giới được cứu độ vì vinh quang Thiên Chúa.*" (UR, 1)

"*Một Giáo Hội hữu hình duy nhất, một Giáo Hội thực sự phổ quát có sứ mạng hoán cải thế giới trở về với Tin Mừng*" là Giáo Hội nào? Phải chăng Giáo Hội Công Giáo không phải là "*Giáo Hội đích thực duy nhất và phổ quát của Chúa Kitô*"? Nên nhớ là chữ Công Giáo (*Catholic*) cũng có nghĩa là phổ quát (*universal*). Nên khi nói Giáo Hội Công Giáo (*Catholic Church*) cũng có nghĩa là Giáo Hội

Phổ Quát (*Universal Church*). Còn nếu Giáo Hội Công Giáo đúng là "*Giáo Hội đích thực duy nhất và phổ quát của Chúa Kitô*", thì tại sao Vatican II lại nói mọi người mong đợi một "*Giáo Hội hữu hình duy nhất, một Giáo Hội thực sự phổ quát*" trong khi Giáo Hội ấy đang hiện hữu, đó là Giáo Hội Công Giáo? **Vậy khi nói mọi người "mong đợi một Giáo Hội hữu hình duy nhất, một Giáo Hội thực sự phổ quát", Vatican II có ý nói Giáo Hội ấy vẫn chưa xuất hiện.!** Và nếu Giáo Hội ấy chưa xuất hiện tức là Giáo Hội Công Giáo cũng chưa xuất hiện, bởi ai cũng tin rằng Giáo Hội Công Giáo chính là Giáo Hội đích thực, duy nhất, và phổ quát của Chúa Kitô.

Phải chăng Vatican II đang chối bỏ sự hiện hữu của Giáo Hội Công Giáo? Nếu ai còn nghi ngờ điều này, hãy cùng đọc lời chú giải đoạn văn kiện trên của chính Đức Gioan Phaolô II sau đây. Trong bài giảng vào buổi kinh chiều tại Nhà Thờ Thánh An-rê và Thánh Gregoriô, trên đồi Caelian, ở Rôma, ngày 5/12/1996, Đức Gioan Phaolô II đã nói: "*khi chúng ta (Công Giáo và Anh Giáo) cầu nguyện chung với nhau, chúng ta cầu nguyện với lòng mong đợi rằng sẽ 'có một Giáo Hội hữu hình duy nhất, một Giáo Hội thực sự phổ quát, được sai đến với toàn thể giới ngỗ hầu thể giới được hoán cải về với Tin Mừng và nhờ đó mà được cứu độ vì vinh quang của Thiên Chúa' (UR, 1)". (trích bài giảng, số 2)[18]*

Chúng ta thấy ở đây, chính Đức Gioan Phaolô II đã khẳng định rằng lòng mong đợi "*một Giáo Hội hữu hình duy nhất của Đức Kitô*" là lòng mong đợi từ hai phía (*Công Giáo và Anh Giáo*), điều đó chứng tỏ rằng, qua Sắc Lệnh Về Đại Kết – UR mà Đức Gioan Phaolô đã trích dẫn trên, Vatican II đúng là đang mong đợi "*một Giáo Hội hữu hình, duy nhất, và phổ quát của Chúa Kitô*!" Do vậy, Vatican II dường như đang phủ nhận Giáo Hội Công Giáo là Giáo Hội hữu hình, duy nhất và phổ quát của Chúa Kitô.

Nếu có ai biện minh rằng, vì có những ly giáo và lạc giáo đã xảy ra nên đã làm tổn thương Giáo Hội, khiến cho tính duy nhất và phổ quát của Giáo Hội bị giảm đi, thì hãy nhớ lời Thánh Athanasiô

dạy rằng: "*ngay cả khi Giáo Hội bị suy giảm xuống chỉ còn là một số ít thì đó vẫn là Giáo Hội duy nhất và đích thực của Chúa Kitô.*"[19]

Thứ hai: tất cả những kẻ lạc giáo và ly giáo đều ở trong sự hiệp thông với Giáo Hội và xứng đáng với danh xưng Kitô hữu.?

Đây là lời dạy của Vatican II: "những người tin vào Đức Kitô và đã thực sự được rửa tội thì ở trong sự hiệp thông với Giáo Hội Công Giáo cho dù đó chỉ là sự hiệp thông bất toàn. Những khác biệt tồn tại ở những mức độ khác nhau giữa họ và Giáo Hội Công Giáo, dù ở phương diện giáo lý hay kỷ luật, hoặc liên quan đến cơ cấu Giáo Hội, thực sự gây ra nhiều trở ngại, đôi khi là nghiêm trọng, cho sự hiệp nhất trọn vẹn của Giáo Hội. Phong trào đại kết đang nỗ lực để lướt thắng những trở ngại này. Bất chấp những trở ngại đó, tất cả những ai đã được công chính hoá bởi đức tin vào phép Rửa Tội đều là thành viên của thân thể Đức Kitô, và đáng được gọi là Kitô hữu, và do vậy được con cái Giáo Hội Công Giáo đón nhận như là anh em." (UR, 3)

Lời tuyên bố trên của Vatican II nhằm đến những người lạc giáo và ly giáo thuộc các giáo phái Tin Lành, Anh Giáo, và Chính Thống Giáo. Với việc nhìn nhận những người thuộc các giáo phái này cũng ở trong sự hiệp thông với Giáo Hội và được tháp nhập vào thân thể Đức Kitô, Vatican II đã trực tiếp đi ngược lại với lời dạy của các Giáo Hoàng trước đó:

Đức Pio VI dạy: "*Cuối cùng, tắt một lời: hãy ở gần chúng tôi. Vì không một ai có thể ở trong Giáo Hội của Chúa Kitô mà lại không ở trong sự hiệp nhất với vị thủ lĩnh hữu hình và được đặt nền trên Toà của Phê-rô.*"[20]

Đức Pio IX cũng dạy rằng: "*có vô số những bằng chứng từ các chứng nhân đáng tin cậy, chứng thực cách rõ ràng công khai với một đức tin lớn lao, sự chính xác, kính trọng và vâng phục rằng, tất cả những ai muốn thuộc về Giáo Hội duy nhất và chân thật*

của Chúa Kitô phải tôn kính và vâng phục Tông Toà và Giáo Hoàng.”[21]

Đức Leo XIII dạy rằng: “*Thực hành của Giáo Hội xưa nay vẫn vậy, như được chứng minh qua giáo huấn nhất quán của các Giáo Phụ rằng, bất cứ ai chối bỏ dù chỉ là mức độ nhỏ nhất trong một điều nào đó của giáo lý được trình bày bởi giáo huấn uy quyền của Giáo Hội, thì họ bị coi như ở ngoài sự hiệp thông Công Giáo.*”[22]

Thứ Ba: Vatican II tuyên bố đời sống ân sủng tồn tại ở ngoài ranh giới hữu hình của Giáo Hội Công Giáo?

Vatican II tuyên bố: “*hơn nữa, có một số, thậm chí là hầu hết những yếu tố và tặng ân chính yếu góp phần xây dựng và làm sống động cho chính Giáo Hội, cũng có thể tồn tại bên ngoài những ranh giới hữu hình của Giáo Hội Công Giáo như: Lời Chúa được nghi trong sách thánh, đời sống ân sủng, đức tin, cậy, mến và các ơn bên trong khác do Thánh Thần ban, và cả những yếu tố hữu hình nữa*” (UR, 3).

Rõ ràng Vatican II khẳng định đời sống ân sủng (*trong đó bao gồm luôn ơn thánh hoá, ơn công chính hoá, ơn tha tội..*) tồn tại bên ngoài ranh giới hữu hình của Giáo Hội Công Giáo! Điều này trái ngược hoàn toàn với lời phán dạy long trọng của Đức Boniface VIII trong Sắc Lệnh *Unam Sanctam*, ngày 18/11/1302, như sau: “*Với Đức Tin thôi thúc chúng tôi tin và gắn bó với Giáo Hội duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền, chúng tôi tin tưởng vững vàng và thẳng thắn tuyên xưng rằng, ngoài Giáo Hội này không có ơn cứu độ và ơn tha tội.*”[23]

Thứ Năm: Vatican II khẳng định các giáo hội và cộng đoàn ly khai cũng là những phương tiện của ơn cứu độ.!

Vatican II nói rằng: “*Theo đó, những Giáo Hội và Cộng Đoàn ly khai này, dù còn khiếm khuyết về một số phương diện, chưa bị*

tước mất ý nghĩa và tầm quan trọng trong màu nhiệm cứu độ. Vì Thánh Thần của Đức Kitô vẫn không ngừng sử dụng họ như những phương tiện của ơn cứu độ mà hiệu quả phát sinh từ chính sự sung mãn của ân sủng và chân lý đã được ký thác cho Giáo Hội" (UR, 3).

Với những lời trên, Vatican II chính thức và công khai phủ nhận tín điều "*ngoài Giáo Hội không có ơn cứu độ*". Việc khẳng định các Giáo Hội và các Cộng Đoàn ly khai (*hiểu là Chính Thống, Tin Lành, Anh Giáo...*) cũng là những "*phương tiện của ơn cứu độ*" là một trong những đoạn tuyệt dứt khoát nhất khỏi niềm tin bấy lâu Giáo Hội vẫn tuyên xưng.

Thánh Giáo Hoàng Pio X dạy rằng: "*Chỉ duy Giáo Hội mà thôi, cùng với quyền giáo huấn của mình, sở hữu sức mạnh chặn rất và thánh hoá xã hội loài người. Qua các thừa tác viên và tôi tớ của mình, Giáo Hội thông ban cho loài người những phương tiện thích hợp và cần thiết của ơn cứu độ.*"[24]

Qua sắc lệnh *Cantate Domino: Hãy Ca Tụng Chúa*, Đức Eugene IV và Công Đồng Florence (1439-1445), long trọng truyền dạy rằng: "*Hội Thánh Công Giáo Rôma tin tưởng vững vàng, tuyên xưng và truyền dạy rằng tất cả những ai ở ngoài Giáo Hội Công Giáo, không chỉ là dân ngoại mà thôi nhưng cả những người Do-thái, lạc giáo hay ly giáo, không thể được dự phần sự sống đời đời và sẽ phải vào lửa đời đời được dành sẵn cho ma quỷ và các thiên thần của nó, nếu họ không tháp nhập vào Giáo Hội trước khi kết thúc cuộc sống của họ; rằng sự hợp nhất với thân thể giáo hội là tối cần thiết và chỉ những ai gắn bó với Giáo Hội mới làm cho các bí tích góp phần sinh ơn cứu độ và làm cho các việc ăn chay, bố thí, và các thực hành đạo đức khác phát sinh phần thưởng đời đời; rằng không ai có thể được cứu nếu họ không kiên tâm ở trong lòng Giáo Hội và hợp nhất với Giáo Hội, bất kể họ bố thí bao nhiêu hay dù phải đổ máu nhân danh Đức Kitô.*"[25]

Còn quá nhiều vấn đề tín lý đáng nói trong các văn kiện trên. Nhưng một vài điểm trích dẫn tiêu biểu này cũng đủ giúp chúng ta nhận ra tính cách mạng trong giáo thuyết của Vatican II. Phải chăng do được chính Thánh Thần của Đức Kitô tác động, nên Vatican II đã cho chúng ta những giáo lý mới mẻ này, những giáo lý vốn đã bị Giáo Hội kết án là sai lầm?

Cần nhắc lại phán quyết sau đây của Công Đồng Vatican I rằng: "Vì Thánh Thần không được ban cho các đấng kế vị Phê-rô để giúp họ khai mở giáo lý mới, nhưng để giúp họ kính cẩn bảo vệ mạc khải được truyền lại qua các tông đồ và kho tàng đức tin, và trung thành truyền đạt lại cho các thế hệ. Thật vậy, tất cả các giáo phụ đáng kính đã gìn giữ giáo lý tông truyền, và các Tiến Sĩ chính hiệu đã tôn kính và tuân theo giáo lý ấy, hiểu biết trọn vẹn rằng Toà Phê-rô luôn đứng vững trước bất kỳ sai lầm nào theo như lời Chúa Cứu Thế của chúng ta đã hứa với thủ lĩnh các tông đồ của Ngài: Ta cầu nguyện cho người để đức tin của người không bị huỷ hoại; phần người, một khi đã hoán cải, hãy củng cố anh em người (Lc 22, 32)."[26]

Đón đọc bài tiếp theo nói về các văn kiện:

- *Orientalium Ecclesiarum*: Sắc Lệnh Về Các Giáo Hội Đông Phương.
- *Ad Gentes*: Sắc Lệnh Đến Với Muôn Dân (hoạt động truyền giáo).
- *Nostra Aetate*: Tuyên Ngôn Về Các Tôn Giáo Ngoài Kitô Giáo.
- *Dignitatis Humanae*: Tuyên Ngôn Về Tự Do Tôn Giáo.

[1] Pio VI, *Charitas: Thông Điệp Về Lời Thề Dân Sự Ở Pháp*, ngày 13/4/1791. Số 32.

[2] Pio IX, *Amantissimus: Thông Điệp Về Quan Tâm Của Các Giáo Hội*, ngày 8/4/1862. Số 3.

[3] Leo XIII, *Satis Cognitum: Thông Điệp Về Sự Hiệp Nhất Của Giáo Hội*, ngày 29/6/1896. Số 9.

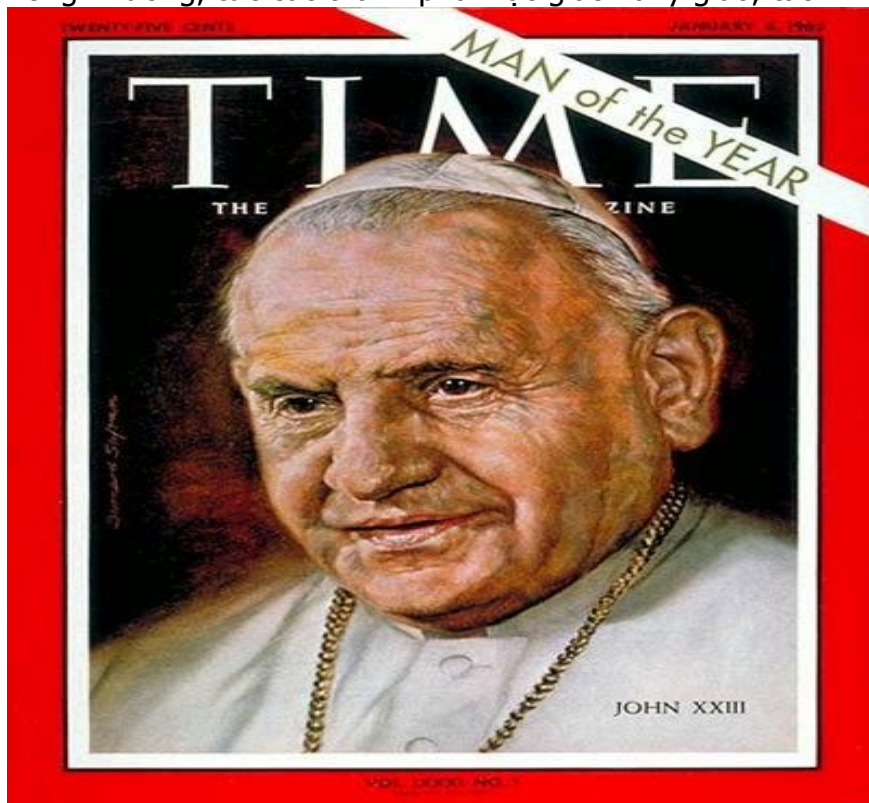
- [4] Gregory XVI, *Inter Praecipuas: Thông Điệp Về Các Hội Thánh Kinh*, ngày 8/5/1844. Số 2.
- [5] Denzinger, 3021.
- [6] Denzinger, 3026.
- [7] Denzinger, 162.
- [8] Denzinger, 164.
- [9] Denzinger, 169.
- [10] Denzinger, 167.
- [11] Boniface VIII, *Unam Sanctam*, ngày 18/11/1302. Số 3.
- [12] Leo XIII, *Satis Cognitum: Thông Điệp Về Sự Hiệp Nhất Của Giáo Hội*, ngày 29/6/1896. Số 15.
- [13] Leo XIII, *Satis Cognitum: Thông Điệp Về Sự Hiệp Nhất Của Giáo Hội*, số 15.
- [14] Gioan Phaolô II, *Redemptoris Hominis: Thông Điệp Đăng Cứu Chuộc Loài Người*, ngày 4/3/1984. Số 13.
- [15] Denzinger, 1349.
- [16] Pio XI, *Quas Primas: Thông Điệp Về Lễ Chúa Kitô Vua*, ngày 11/12/1925. Số 5.
- [17] [17] Leo XIII, *Satis Cognitum: Thông Điệp Về Sự Hiệp Nhất Của Giáo Hội*, số 5.
- [18] http://www.vatican.va/holy_father/john_paul_ii/homilies/1996/documents/hf_jp-ii_hom_19961205_santi-andrea-gregorio_en.html
- [19] Coll. Selecta SS. Eccl. Patrum. Caillu and Guillou, Vol 32, trang 411-412.
- [20] Pio VI, *Charitas: Thông Điệp Về Lời Thề Dân Sự Ở Pháp*, ngày 13/4/1791. Số 32.
- [21] Pio IX, *Amantissimus: Thông Điệp Về Quan Tâm Của Các Giáo Hội*, ngày 8/4/1862. Số 3.
- [22] Leo XIII, *Satis Cognitum: Thông Điệp Về Sự Hiệp Nhất Của Giáo Hội*, ngày 29/6/1896. Số 9.
- [23] Denzinger, 870.
- [24] Pio X, *Editae Saepe: Thông Điệp Về Thánh Ca-rô-lô Bô-rô-mê-ô*, ngày 26/5/1910. Số 29.
- [25] Denzinger, 1351.
- [26] Denzinger, 3070.

BÀI 8: CUỘC CÁCH MẠNG MANG TÊN VATICAN II – Phần III

CÁCH MẠNG TRONG GIÁO THUYẾT (*tiếp theo*)

1. *Orientalium Ecclesiarum* (OE): Sắc Lệnh Về Các Giáo Hội Đông Phương.

Ngoài việc đề cập đến các các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương, sắc lệnh này còn dành phần nói các các Giáo Hội Chính Thống Đông Phương, tức các thành phần lạc giáo và ly giáo, tách khỏi



Giáo Hội Công Giáo từ năm 1054. Một trong những điểm đáng chú ý nhất ở đây là Vatican II dạy rằng: **các tín hữu thuộc các giáo hội ly khai có thể được lãnh nhận các bí tích Hoà Giải, Thánh Thể, và Xức Dầu trong Giáo Hội Công Giáo và**

ngược lại người Công Giáo cũng có thể lãnh nhận các Bí Tích trên trong các giáo hội ly khai Đông Phương!

Ta cùng đọc những lời sau của Vatican 2: "*chiếu các các quy tắc vừa nói, các tín hữu Đông Phương, vì ý ngay lành đã ly khai khỏi Giáo Hội Công Giáo, có thể được lãnh nhận các Bí Tích Hoà Giải, Thánh Thể, và Xức Dầu, nếu họ tự ý xin và đã chuẩn bị tâm hồn xứng đáng. Hơn nữa, khi bị ngăn trở về thể lý hoặc luân lý không thể tìm tới linh mục Công Giáo, thì người Công Giáo cũng có thể xin lãnh nhận các Bí Tích này nơi các thừa tác viên không Công Giáo thuộc các Giáo Hội có các bí tích ấy thành sự, mỗi khi cần thiết hay vì lợi ích thiêng liêng đòi hỏi.*" (OE, 27).

Những người lạc giáo và ly giáo thuộc các Giáo Hội Đông Phương có thể lãnh nhận các Bí Tích vừa nói trên trong Giáo Hội Công Giáo không? Câu trả lời là KHÔNG. **Giáo huấn xưa nay của Giáo Hội vẫn nhất quán dạy với tính cách tín điều rằng, những người ly giáo và lạc giáo không thể lãnh nhận các Bí Tích của Giáo Hội.**

Đức Boniface VIII trong Sắc Lệnh *Unam Sanctam*, ngày 18/11/1302, như sau: "*Với Đức Tin thôi thúc chúng tôi tin và gắn bó với Giáo Hội duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền, chúng tôi tin tưởng vững vàng và thẳng thắn tuyên xưng rằng, ngoài Giáo Hội này không có ơn cứu độ và ơn tha tội.*"[1] Lời dạy này công khai bác bỏ khả năng lãnh nhận Bí Tích Hoà Giải ở ngoài Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp đến, Đức Eugene IV và Công Đồng Florence (1439-1445), long trọng truyền dạy rằng: "*Hội Thánh Công Giáo Rôma tin tưởng vững vàng, tuyên xưng và truyền dạy rằng tất cả những ai ở ngoài Giáo Hội Công Giáo, không chỉ là dân ngoại mà thôi nhưng cả những người Do-thái, lạc giáo hay ly giáo, không thể được dự phần sự sống đời đời và sẽ phải vào lửa đời đời được dành sẵn cho ma quỷ và các thiên thần của nó, nếu họ không tháp nhập vào Giáo Hội trước khi kết thúc cuộc sống của họ; rằng sự hợp nhất với thân thể giáo hội là tối cần thiết và*chỉ

những ai gắn bó với Giáo Hội mới làm cho các bí tích góp phần sinh ơn cứu độ và làm cho các việc ăn chay, bố thí, và các thực hành đạo đức khác phát sinh phần thưởng đời đời; rằng không ai có thể được cứu nếu họ không kiên tâm ở trong lòng Giáo Hội và hợp nhất với Giáo Hội, bất kể họ bố thí bao nhiêu hay dù phải đổ máu nhân danh Đức Kitô.”[2] Lời dạy này của Công Đồng Florence cũng công khai bác bỏ khả năng những người không Công Giáo có thể lãnh nhận các bí tích trong Giáo Hội Công Giáo.

Trải qua các thời đại, các Giáo Hoàng còn dạy thêm rằng, những người lãnh nhận Thánh Thể bên ngoài Giáo Hội Công Giáo là lãnh nhận án phạt cho chính mình.

Đức Pio VIII nói: “*Thánh Giê-rô-ni-mô vẫn nói rằng: ai ăn Chiên bên ngoài nhà này (Giáo Hội) sẽ hư đi như đã xảy ra với những người ở ngoài con tàu của No-ê trong cơn Đại Hồng Thủy.*”[3]

Đức Gregorio XVI cũng dạy những lời tương tự: “*bất cứ ai dám tách khỏi sự hiệp nhất của Phê-rô hãy hiểu rằng mình không còn được dự phần vào màu nhiệm của Thiên Chúa. Thánh Giê-rô-ni-mô cũng nói thêm rằng: ai ăn Chiên bên ngoài nhà này (Giáo Hội) là phạm thánh, cũng như ai không ở trên tàu của No-ê thì đã bị huỷ diệt trong cơn Đại Hồng Thủy.*”[4]

Đức Pio IX cũng dạy rằng: “*kẻ rời bỏ Giáo Hội thì không thể tin rằng nó vẫn còn ở trong Giáo Hội; và kẻ ở ngoài Giáo Hội mà ăn Chiên là phạm thánh.*”[5]

Ngoài lời dạy về việc chia sẻ Bí Tích chung với những kẻ lạc giáo và ly giáo ở trên, Vatican II còn quảng bá ý tưởng lệch lạc như thể rằng Thiên Chúa cũng chuẩn nhận các nhóm lạc giáo và ly giáo.

Vatican II mời gọi mọi người: “cùng cầu nguyện với Chúa Thánh Thần là Đấng an ủi, ban dồi dào sức mạnh và an ủi cho các Kitô

hữu thuộc bất cứ giáo hội nào đang phải đau khổ và bách hại mà vẫn can đảm tuyên xưng danh Chúa Kitô.” (OE, 30).

Lời cầu nguyện trên có vẻ chính đáng nhưng không phải vậy. Nếu xin Chúa Thánh Thần ban ơn sức mạnh và an ủi cho những kẻ lạc giáo và ly giáo vì họ vẫn tuyên xưng danh Chúa, thì nghĩa là Vatican II nhìn nhận những kẻ lạc giáo và ly giáo cũng là những chứng nhân đích thực của Chúa Kitô!! Các công đồng và Giáo Hoàng trước đó kết án điều này.

Công Đồng Ê-phê-sô dạy rằng: *“những kẻ theo lạc giáo rút tĩa ra từ Kinh Thánh cái cơ cho sai lầm của họ hãy nhớ rằng mọi kẻ lạc giáo đều làm hư các biểu lộ đích thực của Thần Khí bằng những bộ óc xấu xa của họ và họ tự đổ xuống đầu họ ngọn lửa không bao giờ tắt.”*[6]

Đức Pio XII cũng dạy rằng: *“không thể có chuyện Thiên Chúa chân thật, đấng Ban Phát tốt lành và Thường Công khôn ngoan cho cho những kẻ lành, lại chấp nhận các giáo phái lầm lạc thường mâu thuẫn và đối nghịch nhau, và ban phần thưởng đời đời cho những kẻ theo các giáo phái ấy. Vì chúng tôi có lời đáng tin hơn của vị ngôn sứ, và khi viết cho các anh Chúng Tôi nói sự khôn ngoan trọn hảo; không phải sự khôn ngoan của thế gian này nhưng là sự khôn ngoan nhiệm màu của Thiên Chúa. Chúng tôi được dạy dỗ bởi sự khôn ngoan ấy, và với đức tin thần linh, chúng tôi tuyên xưng một Chúa, một đức tin và một phép rửa, và dưới gầm trời này, không một danh nào khác được ban cho con người ngoài danh Đức Giêsu Nazareth để nhờ đó mà chúng tôi được cứu. Đây là lý do tại sao chúng tôi tuyên xưng rằng ngoài Giáo Hội không có ơn cứu độ.”*[7]

Nói tóm lại, Giáo Hội thời trước Vatican II dạy rằng, hoàn toàn không có sự hiệp thông bí tích nào với những kẻ lạc giáo và ly giáo. Và chẳng nếu có nhớ đến họ, thì lời cầu nguyện thích hợp có thể dâng lên Chúa, là cầu cho họ biết hoán cải và trở về với Giáo Hội Công Giáo. Vatican II dạy ngược lại như đã nói ở trên.

2. *Dignitatis Humanae (DH)*– Tuyên Ngôn Về Tự Do Tôn Giáo.

Vatican II khẳng định con người có quyền tự do tôn giáo và quyền này phải được coi là một quyền dân sự trong cơ cấu pháp lý của xã hội.

Cùng đọc: "*Thánh Công Đồng Vaticanô này tuyên bố con người có quyền tự do tôn giáo. Quyền tự do này hệ tại con người không bị chi phối vì sự cưỡng bách của cá nhân, đoàn thể xã hội hay bất cứ quyền bính trần gian nào khác. Với ý nghĩa đó, trong lãnh vực tôn giáo, không ai bị ép buộc hành động trái với lương tâm, cũng không ai bị ngăn cấm hành động theo lương tâm, dù cho đó là hành động riêng tư hay công khai, một mình hay cùng với người khác, trong những giới hạn chính đáng. Hơn nữa, Thánh Công Đồng còn tuyên bố rằng tự do tôn giáo thực sự được xây dựng trên phẩm giá con người, một phẩm giá đúng như lời Thiên Chúa mạc khải và chính lý trí cho biết được. Quyền tự do tôn giáo của con người trong cơ cấu pháp lý của xã hội phải được chấp nhận là một quyền lợi dân sự.*" (DH, 2).

Ý tưởng cho rằng con người có quyền tự do tôn giáo và quyền này phải được bảo vệ bởi luật dân sự là ý tưởng đã bị Giáo Hội liệt vào danh sách những sai lầm tệ hại cần phải bị kết án! Nhiều người sẽ thấy ngỡ ngàng trước sự thật này. Tại sao vậy? Để hiểu tại sao tự do tôn giáo là sai lầm cần phải bị kết án, người viết xin tóm tắt ngắn gọn thể này: Trong suốt dòng lịch sử Giáo Hội cho đến trước Vatican II, Giáo Hội nhiều lần và nhiều cách khác nhau đều tin chắc chắn và truyền dạy với tính cách tín điều không thể sai lầm rằng:

- Đạo Công Giáo là Đạo duy nhất chân thật.
- Ngoài Giáo Hội Công Giáo không có ơn cứu độ; và Giáo Hội Công Giáo được Đức Kitô, Đấng là Đường là Sự Thật, và là Sự Sống, thiết lập để rao giảng Đức Kitô cho mọi người, nên Giáo Hội Công Giáo tồn tại như "*cột trụ của chân lý*" và là "*đèn soi sáng muôn dân.*"

- Tất cả các tôn giáo khác đều là sai lầm theo nghĩa là tự thân các tôn giáo đó không phải là phương tiện của ơn cứu độ (*means/vehicle of salvation*).

Do vậy ***nếu nhìn nhận con người có quyền tự do tôn giáo sẽ đồng nghĩa với việc nhìn nhận con người có quyền tin, thực hành, và truyền bá các tôn giáo sai lầm*** và nguy hại cho phần rỗi của các linh hồn. Điều này là không thể được. Chính vì thế mà Giáo Hội coi chủ trương *tự do tôn giáo là sai lầm cần phải bị kết án*. Vì thế Đức Pio IX đã liệt chủ trương tự do tôn giáo vào danh sách các sai lầm (*Syllabus of Errors*) cần phải bị kết án. Thật vậy, Đức Pio IX kết án là sai lầm những ai dạy rằng:

- "Mỗi người được tự do tin và tuyên xưng đức tin vào tôn giáo mà trí khôn họ cho là đúng." [8]

- "Dù tin theo bất kỳ tôn giáo nào mặc lòng, người ta cũng có thể tìm thấy đường và đạt được ơn cứu độ đời đời." [9]

Ở chỗ khác, Đức Pio IX dạy rằng: "*Từ quan điểm hoàn toàn sai lầm đó của chính phủ, họ chẳng e dè quảng bá quan điểm sai lầm, nguy hại chết người đối với Giáo Hội Công Giáo và phần rỗi các linh hồn, Đức Gregorio XVI đã gọi đích danh đó là sự điên rồ, rằng quyền tự do lương tâm và thờ phượng là quyền chính đáng của mọi người, và nó phải được công bố và khẳng định bởi luật pháp trong mọi xã hội được thiết lập cách đúng đắn, rằng quyền tự do dưới mọi hình thức thuộc về mọi công dân, và không bị cấm cản bởi bất cứ quyền bính nào dù là giáo hội hay dân sự, và rằng do bởi quyền này, họ có thể bày tỏ cách cởi mở và công khai, có thể công bố những quan điểm của riêng họ bất kể chúng thế nào, bằng lời nói, bằng chữ viết, hoặc bất kỳ cách nào khác. Trong khi mù quáng khẳng định điều này, họ không hiểu sự thật rằng họ đang rao giảng thứ tự do của sự trầm luân.*" [10]

Tuy nhiên, Giáo Hội Công Giáo luôn bảo vệ và dạy rằng: không ai bị cưỡng ép, dù bất cứ cách nào và hình thức nào, phải chấp nhận đức tin Công Giáo nếu lương tâm họ không muốn. Bởi vì, tự bản chất đức tin Công Giáo là một hành động tự do của ý chí con người. Đức Leo XIII dạy rằng: "*Giáo Hội luôn tâm niệm rằng không một ai bị ép buộc phải chấp nhận đức tin Công Giáo trái*

với ý muốn của họ, như Thánh Augustino khôn ngoan nhắc nhở chúng ta: con người không thể tin điều gì khác với ý muốn của chính họ.”[11]

Kết luận về tự do tôn giáo:

- Tự do tôn giáo theo đúng nghĩa của Giáo Hội Công Giáo dạy là: **không ai bị ép buộc phải chấp nhận đức tin Công Giáo trái với ý muốn của họ. Họ được quyền tự do tin hay không tin theo đức tin Công Giáo.**

- Tự do tôn giáo sai lầm và bị Giáo Hội Công Giáo kết án là: Mọi người có quyền tin hay không tin, thực hành, và truyền bá, bất kỳ tôn giáo nào mà họ muốn. Quan điểm này sai lầm vì nó mặc nhiên thừa nhận chủ nghĩa tương đối hay hoà đồng về tôn giáo: coi mọi tôn giáo đều tốt ngang nhau và là đường dẫn đến ơn cứu độ. Có thể nói cách khác rằng, quyền tự do tôn giáo là sai lầm vì tự bản chất, nó là *quyền giải thoát con người khỏi mọi ràng buộc tôn giáo để họ cảm thấy được bình an sống trong lành và tội lỗi.* Đây là điều là Tam Điểm luôn quyết tâm đấu tranh để đạt bằng được cho con người. Coi lại bài nói về Tam Điểm để rõ hơn.

Cần nói thêm rằng, Đức Pio IX cũng liệt nguyên tắc: “*Giáo Hội phải được tách biệt với Nhà Nước và Nhà Nước với Giáo Hội*” vào một trong những sai lầm cần phải bị kết án nghiêm khắc.[12] Nguyên tắc cũng này được Học Thuyết Xã Hội Công Giáo thời hậu Vatican II gián tiếp nhìn nhận và cổ vũ. Nguồn gốc ra đời, phát triển, và cách hiểu nguyên tắc này khá dài và phức tạp. Nếu có dịp sẽ nói nhiều hơn. Tựu trung, nguyên tắc này là sản phẩm của Kỷ Nguyên Ánh Sáng (*Age of Enlightenment*) và Chủ Nghĩa Hiện Đại (*Modernism*). Hậu quả rõ ràng nhất của nguyên tắc này được thể hiện trong Cuộc Cách Mạng Pháp (1789-1799). Theo đó, Giáo Hội bị tước bỏ mọi quyền hành và ảnh hưởng trong xã hội. Chủ nghĩa tục hoá (*Secularism*) chính thức được khai sinh.

Nguyên tắc “*Giáo Hội tách biệt với Nhà Nước*” là cách tiêu diệt Giáo Hội cách nhẹ nhàng nhất, biến Giáo Hội chỉ còn là một thực

thể có cũng như không trong đời sống con người. Và kể từ cuộc Cách Mạng Pháp, nhất là kể từ thời hậu Vatican II đến nay, các quốc gia Kitô Giáo ở Âu Châu và Mỹ Châu kể như đã xoá sổ Giáo Hội Công Giáo khỏi tầm ảnh hưởng trong đời sống của họ bằng cách ban hành những đạo luật vô luân, trái với lương tâm Công Giáo và lẽ luật Thiên Chúa. Tiếng nói và những chỉ dẫn luân lý của Giáo Hội Công Giáo chỉ còn là tiếng kêu lạc lõng trong sa mạc. Giáo Hội Công Giáo chỉ còn biết đứng im nhìn con cái của mình bị quân vô đạo dẫn đi vào lò sát sinh, bởi phải tôn trọng nguyên tắc Giáo Hội không xía vào chuyện của Nhà Nước và ngược lại. Như đã nói trong bài trước, lẽ luật và chủ quyền của Thiên Chúa đang bị đặt bên dưới quyền của con người. Hãy chờ xem điều gì sắp xảy ra nữa trong thời gian tới.

Đáng tiếc rằng, do chưa hiểu rõ bản chất ma quỷ của nguyên tắc "*Giáo Hội tách biệt với Nhà Nước*", nên nhiều người ngày nay cũng mặc nhiên nhìn nhận đây là một 'nguyên tắc văn minh' cần được áp dụng ở mọi nơi.!!

3. Ad Gentes (AG) – Sắc Lệnh Đến Với Muôn Dân (hoạt động truyền giáo).

Vatican II dạy rằng, người Công Giáo cần làm việc chung với những người thuộc các cộng đoàn Kitô hữu khác (*hiểu là Chính Thống, Tin Lành, Anh Giáo..*) trong các kế hoạch truyền giáo của họ!?

Cùng đọc những lời sau của Vatican II: "*hợp với Văn Phòng cổ võ sự hiệp nhất các Kitô hữu, Thánh Bộ phải tìm đường lối và phương tiện hầu tạo ra cũng như điều phối sự cộng tác huynh đệ và cả việc hòa hợp với những kế hoạch truyền giáo của các cộng đoàn Kitô giáo khác, hầu tẩy trừ các gương xấu chia rẽ bao nhiêu có thể.*" (AG, 29)

Khuyến khích làm việc truyền giáo chung với các cộng đoàn Kitô hữu khác như Chính Thống, Tin Lành, Anh Giáo, vậy phải chăng Vatican II coi việc hoán cải trở về với các cộng đoàn Kitô hữu đó

cũng là sự hoán cải thật? Điều này là sai lầm. Chỉ có hoán cải trở về với Công Giáo mới là hoán cải thật. Còn hoán cải trở về với các nhóm ly giáo và lạc giáo như Tin Lành là hoán cải giả. Chỉ có người khờ khạo mới không hiểu rằng các giáo phái lạc giáo và ly giáo như Chính Thống, Tin Lành và Anh Giáo vẫn đang chống phá Giáo Hội Công Giáo và bài bác đức tin Công Giáo khủng khiếp như thế nào. Vậy nên hoán cải trở về với họ là sai lầm. Theo giáo huấn của Giáo Hội thời trước Vatican II như đã nói nhiều ở các phần trên, không thể nào có chuyện cộng tác với những người lạc giáo và ly giáo trong việc truyền giáo được.

4. *Nostra Aetate* (NA) – *Sắc Lệnh Về Các Tôn Giáo Ngoài Kitô Giáo.*

Cùng đọc những lời Vatican II dành cho các tôn giáo ngoài Kitô Giáo:

- ***Với Phật Giáo - Buddhism:*** "...Phật giáo, theo nhiều tông phái khác nhau, nhìn nhận sự thiếu sót căn bản của cuộc đời thay đổi này và **vạch ra con đường** cho những người thành tâm tin cậy, hoặc **đạt đến chỗ giải thoát tron ven** hay **giác ngộ hoàn toàn**, bằng những cố gắng của riêng mình hoặc bằng trợ lực của ơn trên..." (NA, 2)

Vatican II coi Phật Giáo cũng **vạch ra con đường** cho người ta có thể đạt đến chỗ **giải thoát tron ven hay giác ngộ hoàn toàn**. Vậy thì đâu cần Chúa Kitô nữa!

- ***Với Ấn Giáo – Hinduism:*** "Như trong Ấn giáo, con người tìm hiểu mẫu nhiệm thần thiêng, và diễn tả mẫu nhiệm đó bằng những thần thoại phong phú bất tận cũng như bằng những nỗ lực suy tư triết lý sâu sắc. Họ **tìm cách giải thoát khỏi những nỗi lo âu của kiếp người** hoặc bằng những lối sống khắc khổ, hoặc bằng **tĩnh niệm thâm sâu**, hoặc bằng việc **chạy đến nương ẩn nơi Thượng Đế với lòng mến yêu tin cậy**." (NA, 2)

Vậy là Ấn Giáo của Vatican II hoàn toàn khác với Ấn Giáo của Đức Leo XIII như ngài mô tả sau đây: "*những suy tư của chúng tôi trước tiên hướng về thánh tông đồ Tôma là người được kêu gọi tiên phong rao giảng Tin Mừng cho người Hindu. Rồi mãi sau này đến Thánh Phanxico Xavie cũng tận hiến trọn đời mình cho lời kêu gọi cao quý này. Nhờ đức kiên nhẫn phi thường, ngài đã hoán cải hàng trăm ngàn người Hindu thoát khỏi những huyền thoại và mê tín xấu xa của các thần Brahman để trở về với tôn giáo chân thật. Tiếp nối bước chân của con người thánh thiện này, và được sự uỷ quyền và cho phép của Toà Thánh, nhiều vị thừa sai dòng cũng như triều, đã tận lực để gìn giữ và phát huy những màu nhiệm và nền móng Kitô Giáo đã được thánh Tôma thiết lập và thánh Phanxico Xavie làm cho sống động. Đến ngày nay, họ vẫn tiếp tục những cố gắng cao quý này để vươn xa mạnh mẽ đến vùng đất nơi nhiều người vẫn bị tước đoạt khỏi sự thật và bị cầm tù khổ sở trong bóng tối của mê tín.*"[13]

Nếu coi lời dạy của Vatican II ở trên là đúng, thì có thể nói Thánh Phanxico Xavie đã có tội rất lớn khi đã nhẫn tâm hoán cải hàng trăm ngàn người Hindu đang 'nương ản nơi Thượng Đế với lòng mến yêu tin cậy' về với tôn giáo chân thật.!!!

- **Với Hồi Giáo- Islam:** "*Giáo Hội cũng tôn trọng các tín đồ Hồi Giáo, vì họ cùng thờ phượng một Thiên Chúa duy nhất, hằng sống và hằng hữu, tử bi và toàn năng, Đấng Tạo Thành trời đất.*" (NA, 3)

Ở đây Vatican II lặp lại điều khủng khiếp tương tự như đã nói ở Hiến Chế *Lumen Gentium* đã phân tích trong bài trước đó là: **Người Hồi Giáo thờ chung một Thiên Chúa với người Công Giáo!**

- **Với Do-thái Giáo – Judaism:** "*Do đó, vì người Do Thái và Kitô hữu cùng có chung một di sản tinh thần thật vĩ đại, nên Thánh Công Đồng muốn cố võ, khuyến khích sự hiểu biết và kính*

trọng nhau, nhất là bằng việc học hỏi Thánh Kinh, thần học và đối thoại trong tinh thần anh em." (NA, 4)

Người tin Chúa Giêsu đối thoại và học hỏi thế nào với những người chối bỏ chối bỏ Chúa Giêsu? Tất cả Thánh Kinh Cựu Ước đều hướng về Chúa Giêsu như đích điểm hoàn thành. Chính Chúa Giêsu đã xác nhận điều này khi nói với các tông đồ rằng: "*Khi còn ở với anh em, Thầy đã từng nói với anh em rằng tất cả những gì sách Luật Môsê, Các Sách Ngôn Sứ và các Thánh Vịnh đã chép về Thầy đều phải được ứng nghiệm*" (Lc 24, 44). Vậy có thể nói, nếu không tin Chúa Giêsu thì Thánh Kinh cũng trở nên vô ích. Cho nên, không thể nào học hỏi Thánh Kinh và thần học với những người chối bỏ Chúa Giêsu được.

Trong Sắc Lệnh nói về các tôn giáo ngoài Kitô Giáo này, Vatican II không hề đề cập đến việc cần thiết phải hoán cải người ngoài đạo về với tôn giáo chân thật, không một lời nguyện nào được dâng để cầu xin Thiên Chúa gỡ *khỏi tấm màn che phủ lòng trí họ ngõ hầu họ có thể đạt tới đức tin chân thật vào Chúa Giêsu Kitô*. Trái lại, ta chỉ thấy trong Sắc Lệnh này toàn là những lời tán dương và kính trọng dành cho các tôn giáo lầm lạc như thể họ cũng là những con đường dẫn đến sự *giải thoát trọn vẹn, sự giác ngộ hoàn toàn*, hoặc đến với chính Thiên Chúa. Điều ta thấy rõ ràng ở đây là một chủ trương hoà đồng tôn giáo của Vatican II. Chủ trương này đã bị Đức Pio IX lên án là sự suy đồi ghê tởm : "cũng là một sự suy đồi nữa là thứ chủ thuyết ghê tởm không cần để ý đến sự khác biệt tôn giáo mà người ta tin theo, một thứ chủ thuyết xa lạ với chính lý trí con người. Bằng thứ chủ thuyết này, những kẻ xảo quyết rũ bỏ mọi khác biệt giữa nhân đức và nét xấu, giữa chân lý và sai lầm, giữa hành động đáng kính và bỉ ổi. Họ lừa mị rằng con người có thể đạt được ơn cứu độ đời đời nhờ thực hành bất kỳ tôn giáo nào, như thể sự công chính lại liên kết được với sự bất chính, ánh sáng lại dung hòa được với bóng tối, Đức Kitô lại hòa hợp được với Bêlia (2 Cr 6, 14-15)."[14]

Đức Pio XI cũng dạy rằng: "tuyệt nhiên người Công Giáo không thể nào chấp nhận những nỗ lực này (chủ trương hoà đồng tôn

giáo), vì chúng dựa trên quan điểm sai lầm coi mọi tôn giáo đều hơn kém tốt và chính đáng như nhau, bởi các tôn giáo thể hiện và biểu thị một ý nghĩa tuy khác nhau trong những cách thức nhưng là tự nhiên bẩm sinh với mọi người, và theo đó chúng ta được đưa đến với Thiên Chúa và đến sự vâng phục nhìn nhận lễ luật của Ngài. Những kẻ bảo vệ quan điểm này không chỉ sai lầm và tự lừa gạt mình, mà còn dần dần đi đến chỗ xuyên tạc và phủ nhận ý niệm tôn giáo chân thật.”[15]

Kết luận về cuộc cách mạng trong giáo thuyết của Vatican II:

Qua những gì vừa trình bày ở bài 7 và 8, ta thấy rõ được tính chất cách mạng trong giáo thuyết của Vatican II. Việc công khai rao giảng và áp dụng vào mục vụ những điều đã bị các công đồng và Giáo Hoàng trước đó kết án là sai lầm, chứng tỏ cho ta thấy rằng, Vatican II đã gián tiếp chối bỏ những giáo huấn có tính bất khả ngộ (*không thể sai lầm*) của Giáo Hội trước đây. Cụ thể:

- Vatican II mặc nhiên chối bỏ tín điều "ngoài Giáo Hội không có ơn cứu độ".
- Vatican II đã đầu hàng không dám công khai nhìn nhận "Đạo Công Giáo là đạo duy nhất chân thật."
- Vatican II đã nhìn nhận tính hợp pháp của các thành phần ly giáo và lạc giáo khi khẳng định Chúa Thánh Thần cũng hoạt động và sử dụng họ như những phương tiện của ơn cứu độ.
- Vatican II đã gián tiếp cổ vũ chủ nghĩa tương đối về tôn giáo khi khẳng định con người có quyền tự do tôn giáo theo nghĩa sai lầm như vừa nói trên, và nhìn nhận các tôn giáo ngoài Kitô giáo cũng có chân-thiên-mỹ và hạt giống của Chúa Thánh Thần hoạt động trong đó.
- Vatican II gián tiếp tạo cho những kẻ lạc giáo, ly giáo, thấy rằng việc hoán cải trở về với Giáo Hội Công Giáo là không cần thiết nữa.
- Với học thuyết của mình, Vatican II dường như đã đặt dấu chấm hết cho sứ mạng truyền giáo của Giáo Hội Công Giáo.

Nhiều người sẽ biện hộ rằng, do chủ trương: Đại Kết - Đối Thoại (*Ecumenism & Dialogue*), mà Vatican đã xây dựng học thuyết như vậy. Tuy nhiên đến nay, xét tổng thể chủ trương này kể như đã thất bại. Như ta thấy, hoà bình trên thế giới giữa các dân tộc và các tôn giáo không những không tăng lên kể từ sau Vatican II mà còn trở nên xấu hơn rất nhiều, nhất là những gì đã và đang diễn ra trên thế giới hôm nay mà mọi người đều thấy rõ. Các Kitô hữu đang bị tàn sát ở I-rắc, Syria, Nigêria, và nhiều nơi khác sao không kêu lên: hỡi các anh em Hồi Giáo! nào chúng tôi và các anh em chẳng thờ chung một Thiên Chúa đó sao? Sao các anh lại tàn sát chúng tôi như thế!!!

Cần nhắc lại rằng, những bài viết ở đây không nhằm mục đích phê bình hay tranh luận về giáo thuyết của Vatican II. Mục đích duy nhất là cho mọi người thấy bằng chứng không thể chối cãi, Vatican II đã đi xa như thế nào khỏi giáo huấn và đức tin truyền thống của Giáo Hội Công Giáo. Trong bối cảnh những cảnh báo đã nói ở bài 1, Vatican II là một lễ *‘Hiên Xuống Mối* như nhiều người ví von, hay một *Apostasy* của thời kỳ cuối mà Thánh Kinh và Đức Mẹ đã cảnh báo? Mỗi người hãy tự đưa ra kết luận cho chính mình.

(Bài sau sẽ nói về cuộc cách mạng trong phụng vụ)

[1] Denzinger, 870.

[2] Denzinger, 1351.

[3] Pio VIII, *Traditi Huminilitati: Thông Điệp Về Chương Trình Cho Triều Đại Giáo Hoàng Của Ngài*, ngày 24/5/1829. Số 4.

[4] Gregorio XVI, *Commissium Divinitus: Thông Điệp Về Giáo Hội Và Nhà Nước*, ngày 17/5/1835. Số 11.

[5] Pio IX, *Amantissimus: Thông Điệp Về Sự Chăm Sóc Các Giáo Hội*, ngày 8/4/1862. Số 3.

[6] Công Đồng Ê-phê-sô, *Thư Thánh Cyrilo Gửi Cho Gioan Ở Antiokia*, năm 431.

- [7] Pio XII, *Urbi Primum: Thông Điệp Về Việc Thăng Giáo Hoàng Của Ngài*, ngày 5/5/1824. Số 14.
- [8] Denzinger, 2915.
- [9] Denzinger, 2916.
- [10] Pio IX, *Quanta Cura: Thông Điệp Về Việc Kết Án Những Sai Lầm Đường Thời*, ngày 8/12/1864. Số 3.
- [11] Leo XIII, *Immortale Dei: Thông Điệp Về Hiến Pháp Của Các Nhà Nước Kitô Giáo*, ngày 1/11/1885. Số 36.
- [12] Denzinger, 2955.
- [13] Leo XIII, *Ad Extremas: Thông Điệp Về Các Chức Viện Cho Hàng Giáo Sĩ Bản Địa*, ngày 24/6/1893. Số 1.
- [14] Pio IX, *Qui Pluribus: Thông Điệp Về Đức Tin Và Tôn Giáo*, ngày 9/11/1846. Số 15.
- [15] Pio XI, *Mortalium Animos: Thông Điệp Về Sự Hợp Nhất Tôn Giáo*, ngày 6/1/1928. Số 2.

BÀI 9: CUỘC CÁCH MẠNG MANG TÊN VATICAN II – Phần IV

CÁCH MẠNG TRONG PHỤNG VỤ



Nếu những thay đổi trong giáo thuyết có phần kín đáo khó nhận biết bao nhiêu, thì những đổi thay trong Phụng Vụ (PV) lại rõ ràng công khai và dễ nhận biết hơn bấy nhiêu. Ai cũng có thể

nhận thấy những mới mẻ mà Vatican II đưa đến cho PV, nhất là trong Thánh Lễ như việc dâng lễ bằng tiếng địa phương, chủ tế quay mặt về phía giáo dân; hay việc bài trí trong các nhà thờ, có bàn thờ phủ khăn trắng ở giữa cung thánh, ghế chủ toạ hướng về cộng đoàn, Nhà Tạm được nhiều nơi đưa sang bên cạnh nhà thờ chứ không ở chính giữa cung thánh như trước.... Hiến Chế Phụng Vụ Thánh - *Sacrosanctum Concilium* (SC) của Vatican II chính là nền tảng định hướng để tạo ra những thay đổi trong đời sống PV của Giáo Hội thời hậu Vatican II. Tương tự như các bài trước, bài này tiếp tục chỉ cho bạn đọc thấy rõ, qua Hiến Chế SC, Vatican II đã du nhập vào PV thánh của Giáo Hội những điều đã bị Giáo Hội trước đây kết án nặng nề ra sao.

Thứ nhất: Vatican II mở đường cho các thói quen và tập tục của dân ngoại tràn vào PV thánh của Giáo Hội Công Giáo.!

Vatican lên tiếng: *"Giáo Hội tôn trọng cả cổ võ những tinh hoa và vẻ đẹp tinh thần của các dân nước. Bất cứ những gì trong các tập tục của các dân tộc không dấn dấp chặt chẽ đến mê tín dị đoan và lầm lạc, đều được Giáo Hội thẩm định với lòng thiện cảm, và nếu có thể, còn được bảo tồn nguyên vẹn vững chắc. Đôi khi, những tập tục đó còn được Giáo Hội thu nhận vào trong Phụng Vụ, miễn sao chúng hoà hợp với những nguyên tắc của tinh thần phụng vụ đích thực và chân chính"* (SC, 37)

Rồi Vatican II chỉ dẫn cho các Giáo Hội địa phương như sau: *"thẩm Quyền Giáo Hội địa phương phải thân trọng và khôn ngoan cứu xét trong công việc này, những yếu tố nào thuộc các truyền thống và tâm tính của từng dân tộc có thể được chấp nhận thích đáng vào việc phụng thờ Thiên Chúa. Những thích nghi được thẩm định là lợi ích hay cần thiết, phải đệ trình lên Tông Tòa để được kết nạp và chuẩn y"* (SC, 40.1)

Ý tưởng khuyến khích và cổ võ việc du nhập các tập tục của dân ngoại vào trong PV thánh đích thị sản phẩm của Chủ

Nghĩa Hiện Đại. Ý tưởng này đã bị Đức Pio X kết án trong Thông Điệp *Pascendi Dominici Gregis*, một Thông Điệp được dành riêng cho việc vạch mặt chỉ tên những giáo điều sai lầm và nguy hại với đức tin Công Giáo của Chủ Nghĩa Hiện Đại. Đức Pio X đã nêu đích danh những đặc điểm PV của Chủ Nghĩa Hiện Đại như sau: "sự thúc bách mạnh mẽ khơi lên trong lãnh vực PV là nhu cầu thích nghi PV với các thói quen và tập tục của các dân tộc, là nhu cầu làm giàu cho PV bằng chính giá trị tích lũy được qua thời gian dài của những thói quen và tập tục ấy. Sau cùng, thuyết tiến hoá (về PV) trong Giáo Hội được nuôi dưỡng bởi nhu cầu thích nghi PV với những điều kiện lịch sử và hài hoà PV với những mô hình của xã hội đương thời. Đây chính là một thứ thuyết tiến hoá tôn giáo đến từng chi tiết. Và đây, trước khi đi xa hơn, chúng tôi muốn các hiền đệ phải lưu tâm đúng mức đến thứ học thuyết của những nhu cầu và sự cần thiết này, vì đó chính là gốc rễ trong toàn hệ thống của những kẻ Duy Hiện Đại, và chính trên thứ học thuyết đó, chúng sẽ dựng nên một phương pháp nổi tiếng của chính họ có tên gọi là LỊCH SỬ."[1]

Thật kinh ngạc, chủ trương PV của Vatican II bị Đức Pio X kết án đúng đến từng chữ từ trước đó gần 60 năm. Một lời kết án đầy tính ngôn sứ của Đức Pio X.

Thứ hai: Vatican II kêu gọi và khuyến khích sự đơn giản trong PV.

Cùng đọc những lời sau: "**Các nghị lễ cần phải chiếu tỏa nét đơn sơ cao quý, trong sáng, vẫn gọn;** phải tránh những lập đi lập lại vô ích; phải thích ứng với tầm linh hội của các tín hữu, cách chung không cần nhiều lời giải thích" (SC, 34).

Vatican II dạy tiếp: "Do đó, **các nghị lễ**, dù vẫn hoàn toàn duy trì bản chất của chúng, nhưng **phải được đơn giản hơn.** Phải loại bỏ những gì, theo dòng thời gian, được gia bội hoặc thêm thắt mà ít lợi ích. Phải tái lập theo qui tắc cổ điển của các Thánh Giáo Phụ, một số những gì xét là chính đáng và cần thiết đã bị oan uổng mai một theo thời gian" (SC, 50).

Ngược dòng lịch sử ta thấy, ý tưởng coi PV cần phải được đơn giản hoá đã bị Đức Pio VI kết án là một ý tưởng sai lầm, xúc phạm Giáo Hội và đáng kết án như những kẻ lạc giáo. Thật vậy trong Sắc Lệnh *Auctorem fidei*, Đức Pio VI mạnh mẽ lên án: "Phải bị coi là *trưởng tai* với những người sùng đạo, sự xúc phạm đối với Giáo Hội, và đáng kết án như những kẻ lạc giáo, việc tha thiết đề nghị rằng cần phải nhanh chóng xoá bỏ nguyên nhân gây nên sự thờ ơ đối với các nguyên tắc của qui luật PV, bằng việc tái kêu gọi đưa PV đến với một sự đơn giản hơn về lễ nghi, bằng việc diễn tả PV bằng ngôn ngữ địa phương, bằng việc đọc lớn tiếng."[2]

Như vậy là, những điều trong PV bị Đức Pio VI kết án là sai lầm như trong sắc lệnh trên đã bị Vatican II ngoảnh mặt làm ngơ và hồi thúc đem ra áp dụng càng nhanh càng tốt.!

Thứ Ba: Để nâng cao việc tham dự tích cực trong PV, Vatican II khuyến khích dùng cả những động tác cử chỉ và thái độ của thân xác.!

Cùng đọc những lời sau: "Để phát huy việc tham gia linh động, cần phải cổ xúy những lời tụng hô của dân chúng, những lời đối đáp, những bài ca vịnh, tiền khúc, thánh ca, và cả những động tác hoặc cử chỉ, thái độ của thân xác" (PV, 30).

Khởi đi từ việc khuyến khích sử dụng các động tác cử chỉ và thái độ của thân xác trong PV, vô số lạm dụng lối bịch đã được đưa vào trong PV thánh lễ như các kiểu múa may nhảy nhót, múa rồng, múa lân, múa sư tử, cho đến cả thể dục dục điệu và aerobic...Những lạm dụng kiểu này nhiều và quen thuộc đến mức nhiều người coi đó là phần không thể thiếu của PV bởi chúng đem lại niềm vui và nụ cười cho người tham dự! Mấy ai nghĩ rằng chính những thứ này đang phá nát PV thánh thiêng của Giáo Hội.

Hãy nhớ lời Đức Gregorio X dạy chúng ta rằng: "Hãy vào nhà thờ cách khiêm cung và thành kính, giữ nội tâm thanh thản, đem

binh an cho những người tham dự, và làm đẹp lòng Chúa là nguồn hướng dẫn và bồi dưỡng tinh thần. Khi tụ họp trong nhà thờ, hãy ngợi ca danh hiệu vượt trên mọi danh hiệu bằng một cử chỉ tôn kính đặc biệt, danh hiệu duy nhất được ban cho mọi người dưới thế để nhờ đó mọi kẻ tin được cứu, đó là danh Đức Giêsu Kitô, Đấng sẽ cứu dân người khỏi tội lỗi. Mỗi người hãy thực thi điều đã được viết cho mọi người rằng, khi nghe danh Giêsu, mọi gối phải bái quỳ, nhất là đang khi tham dự màu nhiệm thánh lễ, mọi người hãy bái quỳ với trọn cả tâm trí. Ở trong nhà thờ, hãy để sự trang trọng linh thiêng xâm chiếm trọn vẹn con tim và khối óc, chú tâm cho lời cầu nguyện. Ở nơi xứng hợp để dâng lên Chúa những ước nguyện với lòng thư thái bình an này, đừng một ai gây náo loạn, kích động ồn ào hoặc gây ra bạo lực.”[3]

Những lời trên của Đức Gregorio X đã trở nên lỗi thời đối với lời dạy Vatican II.

Thứ bốn: Vatican II cổ võ việc du nhập những truyền thống âm nhạc của dân ngoại vào trong PV thánh của Giáo Hội.!

Đây là những lời của Vatican II: “Ở một vài miền, nhất là các xứ Truyền Giáo, có những dân tộc sẵn có một truyền thống âm nhạc riêng; nó đóng một vai trò quan trọng trong đời sống tôn giáo và xã hội của họ. Tại những nơi này, phải quý trọng âm nhạc ấy đúng mức, và dành cho nó một địa vị thích hợp, trong khi đào tạo cho họ có một quan niệm tôn giáo, cũng như thích ứng năng khiếu của họ vào việc phụng tự,... Do đó, trong khi huấn luyện âm nhạc cho các vị thừa sai, phải hết sức lo lắng để họ có thể phát triển truyền thống âm nhạc của các dân tộc này, được chứng nào hay chứng đó, trong các trường học cũng như trong các hoạt động phụng vụ.” (SC, 119).

Hẳn nhiều người sẽ coi đây là lời dạy bảo chính đáng và phải đạo của Vatican II. Tuy nhiên, Công Đồng Trento đã kết án bất kỳ một sự du nhập nào của truyền thống âm nhạc dân ngoại vào

trong PV. Công Đồng truyền dạy rằng: "Họ (Các Giám Mục) phải loại khỏi các nhà thờ tất cả những dòng nhạc có pha trộn những gì là kích động và dâm dật, bất kể bởi tiếng đàn hay lời ca; tất cả những hoạt động thể tục, những trao đổi chuyện trò vô ích, tục tĩu; mọi việc đi lại ồn ào náo loạn; để nhà Chúa thực sự được coi và được gọi là nhà cầu nguyện."[4]

Đức Pio XII, trong thông điệp về Thánh Nhạc - *Musicae Sacrae*, năm 1955, tức chỉ 7 năm trước khi Vatican II diễn ra, cũng tái khẳng định rằng, chỉ có Nhạc Bình Ca mới xứng đáng được coi là thánh nhạc sử dụng trong PV : "Nhạc phải thánh. Không được cho phép bất cứ cái gì mang hơi hướng phàm tục hoặc những gì tương tự, len lỏi vào trong những giai điệu được thể hiện. Nhạc Bình Ca (Gregorian) đã được sử dụng trong Giáo Hội qua nhiều thế kỷ, là gia sản của Giáo Hội, xứng đáng được coi là nhạc thánh."[5]

Trên đây là một vài nguyên tắc mang tính định hướng và chi phối toàn bộ nền PV của Giáo Hội thời hậu Vatican II. Hoa trái cụ thể của cuộc cách mạng PV của Vatican II chính là Sách Nghi Thức Bí Tích Mới (1968) và Nghi Thức Thánh Lễ Mới năm 1969 (*New Mass/Novus Ordo*) của Đức Phaolô VI.

Kết luận chung về cuộc cách mạng Vatican II:

1. Cuộc cách mạng PV của Vatican II, một cách nào đó, đã làm tổn hại nghiêm trọng đến đến căn tính của Giáo Hội duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền trong dòng lịch sử. Tại sao có thể nói được như vậy? Thưa là bởi vì ngôn ngữ (*La-tinh*) và âm nhạc (*Bình Ca*) của Giáo Hội đã bị khai tử. Thử hỏi một dân mà bị mất đi ngôn ngữ và nền âm nhạc của mình, bản sắc và căn tính của dân đó có còn không?

Tuy không chính thức xóa bỏ tiếng *La-tinh* và Nhạc Bình Ca, nhưng việc Vatican II mở cửa cho tiếng địa phương và âm nhạc của dân ngoại tràn vào trong PV, hành động đó đã gián tiếp kết liễu ngôn ngữ *La-tinh* và nhạc Bình Ca của Giáo Hội. Đến nay,

Tiếng La-tinh và Nhạc Bình Ca chỉ còn là kỷ niệm của dĩ vãng dành cho những kẻ hoài cổ mà thôi!

2. Trong suốt dòng lịch sử 20 thế kỷ của mình, giáo huấn đức tin và luân lý của Giáo Hội luôn duy trì được tính liên tục và nhất quán. Chưa bao giờ xảy ra chuyện một công đồng sau lại giảng dạy những điều trái nghịch và mâu thuẫn với giáo huấn của công đồng trước, như xảy ra với Vatican II. Hành động này của Vatican II đã gây ra rất nhiều những phản kháng và chống đối từ chính trong nội bộ Giáo Hội. Những thành phần phản kháng này đều bị Vatican II kết tội là chia rẽ, bất vâng phục, và bảo thủ! Hy vọng sẽ có dịp nói thêm về vấn đề này ở các bài sau.

3. Tất cả những giáo huấn cách mạng của Vatican II như đã trình bày trong những bài vừa qua đều sặc mùi của Chủ Nghĩa Hiện Đại, của các thành phần lạc giáo và ly giáo như Chính Thống, Tin Lành, Anh Giáo, và của Tam Điểm, những kẻ thù nguy hiểm của Đức Tin Công Giáo. Những kẻ thù này chưa bao giờ từ bỏ những mưu mô và quỷ kế để tiêm nhiễm tư tưởng sai lầm của chúng vào trong Giáo Hội. Tuy nhiên, tất cả những tư tưởng sai lầm đó của họ đều bị các Mục Tử tỉnh thức, khôn ngoan, và can đảm thời trước Vatican II bác bỏ và kết án nghiêm khắc, không để cho những nọc độc sai lầm này có cơ phát tán và lây lan trong Giáo Hội, Thân Thể của Đức Kitô. Những kẻ thù của Giáo Hội phải chờ đến Vatican II, và từ đó trở đi, để có được những "*mục tử can đảm*", dám mở cửa Giáo Hội để cho luồng gió tư tưởng của họ tràn vào hầu làm cho Giáo Hội trở nên tân kỳ và hợp thời hơn với thế giới hiện đại.

4. Qua việc không kết án những sai lầm của các nhóm lạc giáo, ly giáo, của Tam Điểm và Cộng Sản, và qua việc rao giảng những giáo điều đã bị Giáo Hội trước đây kết án là sai lầm và phải bị vạ tuyệt thông, **Vatican II đã gián tiếp xóa bỏ mọi án vạ tuyệt thông trước đây và tuyên bố mọi điều bị Giáo Hội kết án sai lầm trước đây, nay không còn nữa. Mọi tôn giáo và mọi triết thuyết đều được kính trọng và đáng học hỏi, đều**

là nguồn soi sáng và hướng dẫn con người đến với chân lý! Vatican II dường như đã làm ứng nghiệm lời 'tiên tri' của một nhân vật Tam Điểm đã nói trước Vatican II đúng một thế kỷ. Thật vậy, nhân vật TĐ cao cấp có tên là Eliph Levi, năm 1862 đã nói: *"rồi sẽ đến một ngày, giáo hoàng sẽ tuyên bố bãi bỏ mọi vạ tuyệt thông và rút lại mọi lời kết án, khi mọi người Kitô sẽ hợp nhất trong GH, khi người Do-thái và người Hồi Giáo sẽ được chúc lành và kêu về với GH...GH sẽ để cho mọi giáo phái đến với mình với những mức độ khác nhau và ôm ấp tất cả loài người vào trong sự hiệp thông với tình yêu và kinh nguyện của GH. Người Thệ Phản rồi cũng chẳng còn vì họ đâu còn phải phản đối cái gì nữa? Giáo Hoàng rồi sẽ trở thành ông vua thực sự của một thứ tôn giáo toàn cầu, và ngài sẽ làm bất cứ điều gì ngài muốn với muôn dân nước trên mặt đất."* [6]

5. Để ý thức hơn về làn sóng tư tưởng độc hại của Chủ Nghĩa Hiện Đại đang xô đẩy vào con thuyền Giáo Hội từ tứ phía, hồi đầu thế kỷ 20, Đức Pio X đã ban hành thông điệp *Pascendi Dominici Gregis*. Với lời lẽ đầy thống thiết và trách nhiệm, **Đức Pio X đã kêu gọi các mục tử và con cái Giáo Hội phải tỉnh thức và khôn ngoan để nhận diện và phản bác những tư tưởng sai lầm độc hại của Chủ Nghĩa Hiện Đại.**

Thông điệp mở đầu với những lời sau: *"Các hiền đệ thân mến, chức vụ được uỷ thác cho Chúng Tôi trong việc chăm sóc đoàn chiên Chúa có một bốn phân đặc biệt do Đức Kitô giao phó là phải bảo vệ với sự tỉnh thức mạnh mẽ nhất kho tàng đức tin được trao cho các thánh, phản bác lại sai lầm của cái gọi là những điều mới mẻ của từ ngữ và những đối nghịch của tri thức. Chưa bao giờ mà sự cảnh giác này của vị mục tử tối cao lại không cần thiết đối với Giáo Hội, vì do những nỗ lực của tên kẻ thù của con người mà, không bao giờ thiếu "những kẻ rao giảng những điều tà vạy" (Cv 20,30), "những kẻ huênh hoang và lừa gạt" (Tit 1,10), "những kẻ lừa dối và lao vào lầm lạc" (2Tim 3,13). Cần phải thú nhận rằng, đến nay, số lượng những kẻ thù của thập giá Đức Kitô trong những ngày cuối cùng này đã tăng lên cách khủng khiếp,*

chúng đang tận lực hết khả năng với những mưu kế hoàn toàn mới và đầy tinh vi, để tiêu diệt sinh lực sống còn của Giáo Hội, và nếu có thể, chúng sẽ lật đổ hoàn toàn vương quốc của Đức Kitô. Vì lẽ đó, Chúng Tôi không thể thinh lặng, kẻo Chúng Tôi sẽ xao nhãng bốn phận thánh thiêng nhất của Chúng Tôi, kẻo tấm lòng thành Chúng Tôi vẫn chứng tỏ bấy lâu lại bị gán cho sự lãng quên nhiệm vụ của Chúng Tôi.”[7]

Và đây là những lời sau cùng của Thông Điệp: “Các hiền đệ thân mến, dầu vẫn hoàn toàn tin tưởng vào công việc và lòng nhiệt thành của các hiền đệ, với trọn con tim và linh hồn, chúng tôi cầu xin cho các hiền đệ được tràn đầy ánh sáng của trời cao, để giữa cảnh nhiễu loạn khủng khiếp này của trí khôn con người trong lúc sai lầm quý quyết xâm nhập từ mọi phía, các hiền đệ có thể thấy rõ điều gì phải làm và thi hành bốn phận với tất cả sức mạnh và can đảm. Nguyên xin Chúa Giêsu Kitô, tác giả và là đấng kiện toàn đức tin của chúng ta, luôn ở với các hiền đệ với tất cả quyền năng của Ngài, và xin Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm Nguyên Tội, đấng tiêu diệt mọi lạc thuyết sai lầm, ở bên các hiền đệ bằng lời cầu nguyện và sự trợ giúp của Người. Và chúng tôi, như một lời cam kết của tình yêu và thần lực trợ giúp trong nghịch cảnh, với trọn cả tấm lòng, trù mến gửi đến các hiền đệ, hàng giáo sĩ và đoàn dân của các hiền đệ, Phép Lành Toà Thánh.”[8]

Như vậy ta thấy, các Mục Tử trước Vatican II luôn coi việc tỉnh thức canh phòng, không để cho sói dữ kẻ thù có cơ gieo rắc giáo lý lầm lạc vào đoàn chiên, là một bốn phận hàng đầu trong trách vụ mục tử của mình. Kể từ Vatican II, còn đâu bóng dáng người Mục Tử như vậy nữa. Hình ảnh các Mục Tử biết tỉnh thức canh phòng, phát hiện và can đảm ngăn đe các giáo thuyết sai lầm để cảnh báo đoàn chiên đã bị Đức Gioan XXIII đem ra chế giễu mỉa mai công khai trong diễn văn khai mạc Vatican II. Đức Gioan XXIII nói: “Trong khi thi hành trách vụ mục tử hàng ngày, thật đáng tiếc là đôi khi chúng tôi phải nghe những tiếng nói của những người tuy bừng cháy lửa nhiệt thành nhưng lại thiếu ơn suy xét khôn ngoan và thẩm định. Trong thời hiện đại này, họ

không nhìn thấy gì khác hơn ngoài sự dối trá và mục nát. Họ nói rằng, so với các thời đại trước, thời đại của chúng ta đang trở nên tồi tệ hơn. Họ hành xử như thể họ đã chẳng học được gì từ lịch sử, vốn không gì khác hơn chính là thầy dạy của cuộc sống. Họ hành xử như thể là vào thời điểm của các công đồng trước đây, mọi sự là một khái hoàn viên mãn cho cuộc sống và lý tưởng Kitô giáo, cho tự do tôn giáo đúng đắn. Tôi cảm thấy không hài lòng với các ngôn sứ bi quan chán nản đó, những người lúc nào cũng chỉ biết cảnh báo trước tai họa như thể là ngày tận cùng thế giới đã gần kề!”[9]

Với những lời lẽ trên, có thể nói Đức Gioan XXIII đã bắn, không phải là một viên đạn súng lục mà là một phát đại bác vào lịch sử Giáo Hội và các Giáo Hoàng tiền nhiệm. Vậy là tất cả những lời cảnh báo về hiểm họa của Tam Điểm trong Thông Điệp *Humanum Genus* của Đức Leo XIII, ngày 20/4/1884; về hiểm họa của Chủ Nghĩa Hiện Đại trong Thông Điệp *Pascendi Dominici Gregis* của Đức Pio X, ngày 8/9/1907; về hiểm họa của Chủ Nghĩa Cộng Sản Vô Thần trong Thông Điệp *Divini Redemptoris* của Đức Pio XI, ngày 19/3/1937; về hiểm họa của những quan điểm sai lầm đang đe dọa và làm suy yếu những nền tảng Đức Tin Công Giáo trong Thông Điệp *Humani Generis* của Đức Pio XII, ngày 12/8/1950; đều bị coi là lời của hạng ‘*ngôn sứ bi quan chán nản*’ như Đức Gioan XXIII đã nói. Qua những thông điệp vừa kể trên, các Đức Giáo Hoàng tiền nhiệm của Đức Gioan XXIII đã dùng tiếng ngôn sứ của mình để cảnh báo hiểm họa thường trực đang đe dọa Giáo Hội. Tiếc rằng Đức Gioan XXIII đã ám chỉ đó chỉ là tiếng nói của hạng ‘*ngôn sứ bi quan chán nản*’!

Tác giả Jones Kenneth, trong cuốn sách viết về Giáo Hội thời hậu Vatican II, đã trích dẫn câu nói cuối cùng trong đoạn diễn văn trên của Đức Gioan XXIII và thú nhận cách chua chát thêm rằng: “*quả vậy, 40 năm sau Vatican II, ngày tận cùng của thế giới vẫn chưa thấy đâu, nhưng chúng ta đang phải đương đầu với tai họa.*”[10] Chắc tác giả Jones này cũng thuộc hạng các ‘*ngôn sứ*

bị quan chán nản đây. Vâng, theo như tác giả Jones đã viết trong cuốn sách của mình rằng, nhờ chủ trương hiện đại hoá Giáo Hội của Vatican II mà chúng ta đang phải đương đầu với tai hoạ. Vậy có tai hoạ gì nữa không đang chờ chúng ta, khi Giáo Hội hôm nay cũng đang được những người có trách nhiệm gấp rút kiến thiết và xây dựng cho trở nên hợp thời hơn với văn hoá và não trạng của thời đại chúng ta? Hãy tỉnh thức chờ đợi xem những gì sẽ đến với thế giới và Giáo Hội trong những ngày sắp tới.

Cuối cùng, xin được nhắc lại như vẫn thường làm: đây không phải là cuộc tranh luận hay phê bình giáo thuyết của Vatican II. Mục đích duy nhất ở đây là cho mọi người thấy bằng chứng không thể phản bác rằng, Vatican II đã đi xa và đi ngược lại như thế nào khỏi giáo huấn truyền thống của Giáo Hội Công Giáo. Trong bối cảnh những cảnh báo đã nói ở bài 1, Vatican II là một lễ *'Hiện Xuống Mới'* hay một *Apostasy* của thời kỳ cuối mà Thánh Kinh và Đức Mẹ đã cảnh báo? Mỗi người hãy tự đưa ra kết luận cho chính mình.

(Bài sau sẽ nói về Thánh Lễ Mới của Đức Phaolô

VI)

[1] Pio X, *Pascendi Dominici Gregis: Thông Điệp Về Những Giáo Điều Của Người Duy Hiện Đại*, ngày 8/9/1907. Số 26.

[2] Denzinger, 2633.

[3] Đức Gregorio X, Công Đồng Lyon 2, năm 1274. Hiến chế số 25.

[4] Công Đồng Trento, kỳ họp 22, Sắc Lệnh về Những Điều Phải Giữ và Tránh Khi Cử Hành Thánh Lễ.

[5] Pio XII, *Musice Sacrae: Thông Điệp Về Thánh Nhạc*. số 42.

[6] Trích trong Dr. Rara Coomaraswamy, *The Destruction of the Christian Tradition* (Sự Sụp Đổ Của Truyền Thống Kitô Giáo), trang 133.

[7] Pio X, *Pascendi Dominici Gregis: Thông Điệp Về Những Giáo Điều Của Những Kẻ Duy Hiện Đại*, ngày 8/9/1907. Số 1.

[8] Pio X, *Pascendi Dominici Gregis: Thông Điệp Về Những Giáo Điều Của Những Kẻ Duy Hiện Đại*, số 58.

[9] Gioan XXIII, *Diễn Văn Khai Mạc Công Đồng Vatican II*, ngày 11/10/1962. (Nguồn:

http://www.vatican.va/holy_father/john_xxiii/speeches/1962/documents/hf_j-xxiii_spe_19621011_opening-council_lt.html).

[10] Kenneth C. Jones, *Index of Leading Catholic Indicators: The Church since Vatican II* (St. Louis, Mo.: Oriens Publishing, 2003), vii.

BÀI 10: VỀ SÁCH LỄ MỚI CỦA ĐỨC PHAOLÔ VI

Sách Lễ Mới (SLM) chính là sách lễ chúng ta đang dùng hiện tại. SLM được Đức Phaolô VI ban hành ngày 3/4/1969. Mặc dù ra đời từ năm 1969 nhưng được gọi là SLM là để phân biệt với Bộ Sách Lễ La-tinh truyền thống trước đó của Giáo Hội (*từ nay gọi tắt là Sách Lễ Truyền Thống – SLTT*), được Đức Pio V ban hành từ năm 1570.

Xin được nói qua về SLTT. Đây là bộ lễ Đức Pio V hệ thống hoá,



Thánh lễ truyền thống của GH

đúc kết, và ban hành năm 1570. Bộ Lễ này phản ánh cách trung thực nhất niềm tin của Giáo Hội về thánh lễ được truyền lại từ

thời các tông đồ, đến các giáo phụ và qua các thế kỷ. Ngày 14/7/1570, Đức Pio V ban hành Tông Hiến *Quo Primum* - *Từ Thuở Ban Đầu* - chính thức giới thiệu SLTT cho toàn thể Giáo Hội. Tông Hiến có đoạn: “Tất cả mọi nơi hãy tuân giữ và áp dụng những gì Hội Thánh Rôma, Mẹ và Thầy dạy của các giáo hội, đã truyền lại, và các thánh lễ không được cử hành theo một thể thức nào khác ngoài thể thức mà chúng tôi ấn hành đây. Mệnh lệnh này áp dụng từ nay trở đi và cho đến muôn đời, trong khắp các miền của thế giới Kitô, tất cả các thượng phụ, các nhà thờ chính toà, các nhà thờ giáo xứ và dòng tu, dòng hay triều, nam và nữ, kể cả các dòng về quân đội, và kể cả các nhà thờ và nhà nguyện không rõ ràng thuộc về một đoàn thể nào trong đó các thánh lễ phải được hát lớn tiếng hay đọc thầm phù hợp với nghi lễ và tập tục của Giáo Hội Rôma. Tất cả các nhà thờ phải dùng Bộ Lễ này, kể các nơi được quyền miễn trừ dù là do đặc ân Tông Toà, tập tục hay đặc quyền, hoặc kể cả do cam kết hay xác nhận chính thức của Toà Thánh, hoặc kể cả do quyền hay năng quyền được bảo đảm bằng bất cứ cách nào khác....Do vậy bất cứ ai dám thay đổi những phép tắc, chỉ thị, huấn lệnh, mệnh lệnh, điều luật, đặc ân, ân ban, tuyên ngôn, ý muốn, sắc lệnh, và ngăn cấm này của chúng tôi, hãy biết rằng kẻ đó phải hứng chịu cơn giận dữ của Thiên Chúa toàn năng, và của hai thánh tông đồ Phê-rô và Phao-lô.”[1]

Như vậy, Tông Hiến *Quo Primum* dùng những lời rất trang nghiêm và mang tính bó buộc đối với Giáo Hội ở *khắp mọi nơi và mọi thời, và cho đến muôn đời*. Mọi nhà thờ và nhà nguyện trong toàn Giáo Hội Công Giáo, phải cử hành thánh lễ theo SLTT mà Đức Pio V đã ban hành. SLTT này được toàn thể Giáo Hội trung thành tuân giữ trong suốt 4 thế kỷ, cho đến khi Sách Lễ Mới của Đức Phao-lô VI ra đời năm 1969.

SỰ RA ĐỜI CỦA SÁCH LỄ MỚI - SLM:

SLM là kết quả của cuộc cách mạng phụng vụ do Vatican II khởi xướng như đã nói ở bài trước. Vatican II thay đổi cái nhìn về

phụng vụ, ắt phải dẫn đến việc thay đổi sách lễ cho phù hợp với cái nhìn đó. Vì vậy, ngay sau khi Vatican II kết thúc, Đức Phaolô VI đã thiết lập một Ủy Ban chuyên trách cho việc biên soạn SLM và sách nghi thức các bí tích.

Đáng chú ý, người đứng đầu Ủy Ban soạn thảo SLM là Tổng Giám Mục Annibale Bugnini, một chuyên viên về phụng vụ tại Vatican II và là '*kiến trúc sư*' trưởng của Hiến Chế Phụng Vụ Thánh *Sacrosanctum Concilium*. Bugnini bị cáo buộc là thành viên Tam Điểm (*freemason*) thứ thiệt, đã khai tâm vào Tam Điểm ngày 23/4/1963. Sau khi những cáo buộc này được chứng minh, Bugnini thay vì phải bị trừng phạt theo luật, lại được cử sang làm sứ thần tại Iran! Ngoài Bugnini, Ủy Ban soạn thảo SLM còn có sự tham gia của 6 mục sư Tin Lành!

Mục đích của việc soạn thảo SLM? Cách dễ hiểu là để cho phù hợp với những cải cách Phụng Vụ của Vatican II. Tuy nhiên, theo Jean Guitton, một người bạn thân của Đức Phaolô VI, cho biết: "*Ý muốn của Giáo Hoàng Phaolô VI đối với việc soạn thảo SLM là để cải cách Phụng Vụ Công Giáo sao cho giống với phụng vụ Tin Lành. Với ý hướng đại kết, Giáo Hoàng muốn loại bỏ, hoặc ít nhất cũng phải sửa đổi hay giảm nhẹ những gì quá Công Giáo trong cách hiểu truyền thống về thánh lễ, và tôi nhắc lại, để làm cho thánh lễ gần hơn với thánh lễ Calvin.*"[2] (*Jean Calvin, thần học gia người Pháp, là nhà cải cách Tin Lành, ly khai khỏi Giáo Hội Công Giáo khoảng năm 1530. Ảnh hưởng thần học của Calvin hình thành trường phái gọi là Calvinism*).

Vậy những gì trong SLTT đã bị loại bỏ hay sửa đổi để làm cho SLM gần hơn với thánh lễ Tin Lành? Việc loại bỏ hay sửa đổi SLTT là vô cùng nhiều nên không thể nói chi tiết trong một bài ngắn thế này được. Xin được trình bày vắn tắt như sau.

SLTT gồm tổng cộng 1182 lời nguyện nhập lễ. Ủy Ban Soạn Thảo đã loại bỏ hoàn toàn 760 lời nguyện trong tổng số đó. Trong khoảng 36 % số lời nguyện còn lại, quá một nửa trong đó bị sửa

đổi trước khi đưa vào SLM. Như vậy chỉ còn khoảng 17% trong tổng số 1182 lời nguyện của SLTT còn được giữ lại trong SLM! Tất cả các lời nguyện trong SLTT có nhắc đến các ý niệm sau đây đều bị loại bỏ: sự huỷ hoại của tội lỗi, mưu chước ma quỷ, sự xúc phạm nặng nề của tội lỗi, đường dẫn đến sự hư mất, sợ hãi trước cơn giận của Thiên Chúa, sự phẫn nộ của Thiên Chúa và sự trừng phạt của Người, gánh nặng sự dữ, những cám dỗ, những suy nghĩ đồi bại, những nguy hại cho linh hồn, những kẻ thù của linh hồn và thể xác, giờ chết, mất phúc thiên đàng, cái chết đời đời, án phạt đời đời, những đau khổ của lửa hoả ngục. Đặc biệt tập chú vào việc loại khỏi TLTT những gì đề cập đến việc từ bỏ thế gian, lời cầu nguyện cho kẻ đã khuất, đức tin chân thật và các lạc giáo, những liên hệ đến Giáo Hội chiến đấu, công nghiệp các thánh, phép lạ và hoả ngục. Tất cả những ý niệm trên đều bị loại khỏi SLM.[3]

Bên Anh, khi những người Tin Lành ly khai khỏi Giáo Hội Công Giáo vào khoảng thập niên 30 của thế kỷ 16, họ đã thay đổi thánh lễ cho phù hợp với đức tin lệch lạc của họ: bàn thờ (altar) được thay thế bằng bàn thông thường như bàn ăn (table), tiếng La-tinh được thay bằng tiếng Anh, các ảnh tượng bị đưa ra khỏi nhà thờ, Tin Mừng sau cùng – The Last Gospel (*đọc khi kết thúc thánh lễ*) và Kinh Cáo Minh – *confiteor* cũng bị loại khỏi thánh lễ, nhạc Bình Ca được thay bằng tân nhạc, *thánh lễ được đọc lớn tiếng và chủ tế đối mặt với cộng đoàn*. Luật rước lễ dưới một hình bị bãi bỏ và thay vào đó là rước lễ dưới hai hình (*Bánh và Rượu*). Cho mọi người *Rước lễ bằng tay* để khẳng định rằng bánh đó chỉ là bánh thường chứ không phải Mình Thánh Chúa, và cũng để khẳng định rằng linh mục, về bản chất, không có gì khác với giáo dân.!

Người Tin Lành phủ nhận thánh lễ là **hy tế thập giá** của Chúa Giêsu. Bởi đó họ tuyên bố: “*hình thức một cái bàn sẽ đưa những kẻ ngu ngốc cuồng tín vào thánh lễ Công Giáo về với nghi thức đúng đắn của Bữa Tiệc Ly. Việc sử dụng bàn thờ là để làm lễ hy sinh trên đó, còn việc sử dụng cái bàn là để cho người ta dùng*

bữa trên đó.”[4] Thánh Robert Bellarmine đã bài bác lỗi trang trí trong đền thờ của những kẻ lạc giáo như sau: “khi chúng ta bước vào đền thờ của những kẻ lạc giáo, chẳng có gì ngoài một cái ghế cho người giảng và một cái bàn để dùng bữa, chúng ta cảm thấy như là đang bước vào một cái hội trường phàm tục chứ không phải là nhà của Thiên Chúa.”[5]

Tất cả những lời nguyện hay lời đọc có ý hiểu thánh lễ như là một hy tế hay một hy lễ chuộc tội, đều bị loại bỏ, không cho vào SLM. Tất cả những lời kinh nguyện trong thánh lễ có nài đến sự chuyển cầu của các thánh đều bị loại bỏ. Cụ thể trong Kinh Cáo Minh, loại bỏ không còn kêu cầu đích danh đến Đức Trinh Nữ Maria, Tổng Lãnh Thiên Thần Micae, Thánh Gioan Tẩy Giả, Thánh Phê-rô và Phao-lô.

Lời nguyện linh mục đọc khi dâng bánh, rượu trong phần chuẩn bị lễ vật bị loại bỏ hoàn toàn, không còn minh nhiên nhắc đến ý nghĩa đền bù tội lỗi và sinh ơn cứu độ của lễ vật nữa. Thay vào đó là lời nguyện đơn giản trước bữa ăn của người Do-thái như ta thấy dưới đây:

Khi dâng bánh:

- SLM: *“Lạy Chúa là Chúa Cả trời đất, Chúc tụng Chúa đã rộng ban cho chúng con bánh này là hoa màu ruộng đất và công lao của con người, chúng con dâng lên Chúa để trở nên bánh trường sinh cho chúng con.”*

- SLTT: *“Lạy Cha chí thánh, là Thiên Chúa toàn năng hằng hữu, xin đón nhận bánh tinh tuyền này mà con là tội tử bất xứng của Cha dâng lên Cha là Thiên Chúa chân thật và hằng sống của con, vì muôn vàn tội lỗi, xúc phạm, và thờ ơ của con, vì mọi người hiện diện nơi đây cũng như mọi tín hữu, còn sống hay đã qua đời, ước gì bánh tinh tuyền này sinh ơn cứu độ cho con và cho họ cho đến cuộc sống muôn đời. Amen.”*

Khi dâng rượu:

- SLM: *“Lạy Chúa là Chúa Cả trời đất, Chúc tụng Chúa đã rộng ban cho chúng con rượu này là sản phẩm từ cây nho và*

công lao của con người, chúng con dâng lên Chúa để trở nên của uổng thiêng liêng cho chúng con."

- SLTT: "*Lạy Chúa, chúng con dâng lên Chúa chén cứu độ này, khẩn khoản nài xin lòng nhân từ Chúa cho chén cứu độ này được nâng lên trước tôn nhan Chúa như hương thơm ngào ngạt, vì ơn cứu độ của chúng con và của toàn thể giới. Amen."*

Lời nguyện linh mục đọc sau Kinh Lạy Cha cũng loại phần chuyển cầu của Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, các Thánh Tông Đồ Phê-rô, Phao-lô, An-rê, và toàn thể các thánh.

Phần lời cầu nguyện cho người Do-thái trong phụng vụ chiều Thứ Sáu Tuần Thánh cũng bị thay đổi hoàn toàn tự bản chất. SLTT chúng ta đọc: "*cầu cho những người phản bội Do-thái, để Thiên Chúa chúng ta cắt đi màn che phủ lòng trí họ, ngõ hầu họ có thể nhận biết Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta."* Còn trong SLM lại đọc: "*cầu cho người Do-thái, cha ông họ là những người đầu tiên được nghe lời Chúa phán dạy, xin Chúa làm cho họ ngày càng thêm lòng mến yêu danh thánh Chúa và trung thành với giao ước của Người!*" SLM không còn cầu cho người Do-thái được ơn hoán cải tin theo Chúa Giêsu nữa. Trái lại, cầu cho họ cứ tiếp tục trung thành với giao ước cũ, cứ tiếp tục chối bỏ Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Thế muôn dân mong đợi!!

Phần cầu cho những kẻ không tin, SLTT cầu nguyện cho họ với ý tưởng rõ ràng là cho họ **được ơn hoán cải tin theo Chúa Giêsu**. Xin Chúa giải thoát **họ khỏi lầm lạc tôn thờ ngẫu tượng** và **liên kết họ vào gia đình Hội Thánh**. SLM tách đối tượng "*những kẻ không tin*" này thành hai nhóm: nhóm *ngoài Kitô Giáo* và nhóm *vô thần*. Ý tưởng cầu nguyện cho hai nhóm này thiếu xác tín như trong SLTT: đó là ơn hoán cải. Với người ngoài Kitô Giáo, SLM cầu cho họ **được dẫn vào đường cứu độ**. Đường cứu độ đây là đường nào? Quá chung chung và không rõ ràng, bởi vì Vatican II nhìn nhận quyền tự do tôn giáo. Tự do tôn giáo đồng nghĩa với việc nhìn nhận các tôn giáo khác cũng là

đường dẫn đến ơn cứu độ như đã nói ở bài trước. Với người vô thần, SLM xác nhận họ là những người tuy không biết Chúa, nhưng vẫn sống theo lương tâm ngay thẳng! Sách Giáo Lý ra đời năm 1992 do ảnh hưởng của Vatican II còn dạy: *do ảnh hưởng của tội nguyên tổ, bản tính con người đã bị hư hỏng, họ bị thống trị bởi sự chết, bởi lầm lạc và luôn hướng chiều về tội lỗi* (x. GLCG số 417-418). Vậy mà ở đây, SLM khẳng định người vô thần, *dù không biết Thiên Chúa, vẫn biết sống theo lương tâm ngay thẳng!* Xét về bản chất, SLM không còn nhìn nhận những người ngoài Kitô giáo là những người lầm lạc về tôn giáo nữa. Do vậy mà ý muốn của lời nguyện thiếu xác tín mạnh mẽ như trước. Bởi vì có gặp được Chúa hay không thì những người ngoài Kitô giáo cũng vẫn biết “*sống theo lương tâm ngay thẳng*”. Vậy đâu cần phải tin Chúa làm chi. Chúng tôi cũng có chân lý mà!!

Giống như buổi phụng vụ Tin Lành được kết thúc bằng một phép lành, SLM cũng loại bỏ Tin Mừng Cuối Cùng và thay vào đó là phép lành cuối lễ.

Ta thấy, hầu hết những kiểu thực hành của trong phụng vụ Tin Lành



Rước lễ trước và sau Vatican II

như: dùng bàn có trải khăn thay cho bàn thờ, ghế chủ tọa hướng về cộng đoàn, sử dụng tiếng bản địa, tân nhạc, rước lễ bằng tay, rước lễ dưới hai hình, phép lành cuối lễ...tất cả những điều này đều được áp dụng trong phụng vụ thánh lễ của Giáo Hội Công Giáo sau Vatican II.

Ngoài những thay đổi như trên, một sự thay đổi căn bản và gây ra nhiều tranh luận về sự thành hiệu của Thánh Lễ, đó là thay đổi về lời truyền phép. Lời truyền phép trong thánh lễ được gọi Mô Thể/Công Thức Bí Tích (*Sacramental Form*) của Bí Tích Thánh Thể. Đây là những lời tối cần thiết cho việc thành sự của Bí Tích. Việc thành sự của Bí Tích Thánh Thể là bánh và rượu thực sự trở thành Mình và Máu Chúa.

Theo thần học bí tích của Giáo Hội dạy: "*tất cả các bí tích được thành sự bởi 3 yếu tố gồm: chất thể (material) là các sự vật, mô thể (form) là lời đọc, và thừa tác viên (minister) cử hành theo như ý (intention) Giáo Hội làm; nếu thiếu một trong 3 yếu tố này, bí tích sẽ không thành sự.*"[6]

SLTT sử dụng Công Thức được Công Đồng Florence (1439) xác định như sau: "*VÌ NÀY LÀ MÌNH THẦY (hoc est enim corpus meum); và: VÌ NÀY LÀ CHÉN MÁU THẦY, MÁU GIAO ƯỚC MỚI VÀ VĨNH CỬU, MÀU NHIỆM ĐỨC TIN, SẼ ĐỔ RA CHO CÁC CON VÀ NHIỀU NGƯỜI ĐƯỢC THA TỘI (hic est enim calix sanguinis mei, novi et æterni testamenti: mystérium fidei: qui pro vobis et pro multis effundétur in remissionem peccatorum)*"[7].

Trong SLM, Công Thức trên bị thay đổi thành: VÌ NÀY LÀ MÌNH THẦY; và: VÌ NÀY LÀ CHÉN MÁU THẦY, MÁU GIAO ƯỚC MỚI, GIAO ƯỚC VĨNH CỬU, SẼ ĐỔ RA CHO CÁC CON VÀ MỌI NGƯỜI ĐƯỢC THA TỘI. (từ năm 2007, bản dịch tiếng Việt mới sửa lại thành: VÌ NÀY LÀ CHÉN MÁU THẦY, MÁU GIAO ƯỚC MỚI VÀ VĨNH CỬU, SẼ ĐỔ RA CHO CÁC CON VÀ NHIỀU NGƯỜI ĐƯỢC THA TỘI).

Như vậy ta thấy, Công Thức trong SLM đã loại bỏ chữ "MÀU NHIỆM ĐỨC TIN" và thay chữ "NHIỀU NGƯỜI" bằng chữ "MỌI NGƯỜI". Chỉ đến năm 2007, chữ "MỌI NGƯỜI" mới được sửa lại thành "NHIỀU NGƯỜI". Bản dịch tiếng Anh năm 2011 cũng mới đính chính lại điều này: từ "FOR YOU AND FOR ALL" thành "FOR YOU AND FOR MANY".

Đức Pio V dạy, nếu lời truyền phép bị thay đổi, thì ý nghĩa cũng bị đổi thay, và hậu quả là bí tích sẽ không thành sự. Do đó, việc SLM thay đổi công thức truyền phép như nói trên, đã gây ra nhiều hoài nghi về việc thành sự của Bí Tích Thánh Thể.

Ý nghĩa của chữ "MÀU NHIỆM ĐỨC TIN – *mysterium fidei*" mà Ủy Ban Soạn Thảo SLM loại bỏ là gì? Nhiều chất vấn cho rằng, ai đã đưa chữ "*mysterium fidei*" vào công thức truyền phép? Chữ này không được Chúa Giêsu nhắc đến và các tác giả sách thánh cũng không thấy ghi lại. Đáp lại câu hỏi này, Đức Innocent III, trong thư *Cum Marthae Circa* trả lời cho Tổng Giám Mục John của Lyon ngày 29/11/1202, đã giải thích ý nghĩa của chữ "*mysterium fidei*" như sau: "*liên quan đến chữ "mysterium fidei" mà hiền đệ đang tìm tòi, có vài người nghĩ rằng đã tìm thấy bằng chứng củng cố cho sai lầm của họ, họ nói rằng, trong Bí Tích Thánh Thể, điều ta thấy đó không phải là Mình và Máu Chúa Kitô mà chỉ là một hình ảnh, một vẻ bề ngoài, một biểu tượng, vì chính Thánh Kinh đôi khi cũng nói những gì được lãnh nhận nơi bàn thờ là bí tích, là màu nhiệm và là hình bóng. Những người này đã sai lầm vì họ chẳng hiểu chứng từ của Thánh Kinh cách đúng đắn cũng chẳng trân trọng đón nhận các bí tích thánh cho phải đạo, họ chẳng hiểu Thánh Kinh cũng chẳng biết quyền năng của Thiên Chúa (Mt 22, 29). Vậy, cụm từ "mysterium fidei" được dùng ở đây là bởi vì điều ta tin khác với điều ta thấy và điều ta thấy khác với điều ta tin. Điều ta thấy chỉ là vẻ ngoài của bánh và rượu, còn điều ta tin chính là thực tại thịt và máu Chúa Kitô, sức mạnh của thực sự tình yêu và sự hiệp nhất."[8]*

Qua những lời trên ta thấy, cụm từ "*mysterium fidei*" trong công thức truyền phép của SLTT là một quy chiếu rõ ràng về sự hiện

diện đích thực (*real presence*) của Chúa Kitô trong phép Thánh Thể. Chính vì ý nghĩa của "*mysterium fidei*" liên quan trực tiếp đến sự hiện diện đích thực của Chúa Kitô trong phép Thánh Thể, mà cụm từ này bị Thomas Cranmer (1489-1556)[9] loại bỏ khỏi Sách Kinh Nguyên Anh Giáo 1549. Đáng tiếc là sai lầm của lạc giáo Cranmer lại được lặp lại trong cuộc cách mạng phụng vụ của Vatican II.

Đức Pio V khẳng định, bất cứ một sự thêm bớt nào làm thay đổi ý nghĩa của Công Thức truyền phép, Bí Tích sẽ không thành sự. Trong sắc lệnh *De Defectibus*, Đức Pio V viết: "những sai lầm về Mô Thể/Công Thức có thể xảy ra khi có bất kỳ một thiếu sót nào liên quan đến những lời bắt buộc phải có cho việc truyền phép. Đây là những lời truyền phép làm nên Công Thức của Bí Tích này là: *"VÌ NÀY LÀ MINH THỂ (hoc est enim corpus meum); và: VÌ NÀY LÀ CHÉN MÁU THỂ, MÁU GIAO ƯỚC MỚI VÀ VĨNH CỬU, MÀU NHIÊM ĐỨC TIN, SẼ ĐỔ RA CHO CÁC CON VÀ NHIỀU NGƯỜI ĐƯỢC THA TỘI (hic est enim calix sanguinis mei, novi et æterni testamenti: mysterium fidei: qui pro vobis et pro multis effundetur in remissionem peccatorum)*. Nếu ai tinh giản hoặc thay đổi Công Thức truyền phép này làm cho sự thay đổi đó không còn diễn tả cùng một ý nghĩa, bí tích sẽ không thành."

Ngoài việc loại bỏ cụm từ "*mysterium fidei*", nhiều bản dịch SLM trước đây, bản tiếng Anh và tiếng Việt, cũng thay cụm từ "*SẼ ĐỔ RA CHO CÁC CON VÀ NHIỀU NGƯỜI*" thành "*SẼ ĐỔ RA CHO CÁC CON VÀ MỌI NGƯỜI*". Việc này thay đổi này tưởng như vô hại nhưng thực ra nó cũng làm thay đổi hoàn toàn ý nghĩa của Công Thức truyền phép. Tại sao lại dùng chữ "*NHIỀU NGƯỜI*" chứ không phải là chữ "*MỌI NGƯỜI*"? Thưa, lý do thứ nhất là bởi vì chính Chúa Giêsu đã dùng chữ "*NHIỀU NGƯỜI*" khi Ngài lập phép Thánh Thể (Mt 26, 28); lý do thứ hai là để nói đến hiệu quả của Máu Thánh Chúa. Giáo Lý Công Đồng Trento[11] và Thánh Alphongso de Liguori đều dạy rằng: "cụm từ "*CHO CÁC CON VÀ NHIỀU NGƯỜI*" được sử dụng là để phân biệt 2 khái niệm là giá

tri và **hiệu quả** của Máu Thánh Chúa. Máu Thánh Chúa có **giá trị** đủ để cứu chuộc mọi người, nhưng **hiệu quả** của Máu Thánh Chúa chỉ áp dụng cho một số người nào đó (*chỉ những ai tin nhận mà thôi*) chứ không phải cho tất cả.”[12]

NHỮNG PHẢN ỨNG KHI SLM RA ĐỜI :

Nhận định về SLM của Đức Phao-lô VI, Michael Davies viết: “*mức*



Thánh lễ cải cách của Vatican II

độ SLM đi xa khỏi nền thần học về thánh lễ của Giáo Hội đã được xác định từ Công Đồng Trento có thể được đo lường cách chính xác nhất bằng cách so sánh những lời nguyện mà Ủy Ban Soạn Thảo SLM đã loại bỏ với chính những lời nguyện đã bị loại bỏ bởi lạc giáo Cramer. Sự trùng hợp không chỉ đơn giản là rõ ràng, mà là kinh hồn. Đó không thể nào là sự ngẫu nhiên được.”[13]

Ngay sau khi SLM ra đời, Đức Hồng Y Alfredo Ottaviani (1890-1979) cùng với Đức HY. Antonio Bacci (1885-1971) đã nhận xét rằng: “*Sách Lễ Mới (Novus Ordo) rõ ràng là không còn trình bày đức tin như Công Đồng Trento truyền dạy nữa... Trong toàn thể cũng như trong chi tiết, nó cho thấy một sự đi chệch rõ ràng khỏi*

nền thần học Công Giáo về thánh lễ đã được đóng khung trong phiên họp thứ 22 của Công Đồng Trentô. Những luật chữ đỏ (canons) của nghi thức thánh lễ đã được xác định dứt khoát vào thời kỳ đó, dựng nên một rào chắn không thể vượt qua, chống lại bất kỳ lạc giáo nào mưu toan tấn công sự toàn vẹn của màu nhiệm.”[14]

Tiếp theo, hai Đức H.Y. đã bình luận định nghĩa về thánh lễ được nêu lên trong Quy Chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma Năm 1969 là mơ hồ tối



Thánh lễ cải cách của Vatican II

tăm, là chân lý nửa vời hầu làm vui lòng những kẻ lạc giáo. Quy Chế 1969 định nghĩa về thánh lễ như sau: “Bữa Tiệc Ly của Chúa hay Thánh Lễ, là một cuộc *hội họp thánh*, hay một *sự tụ họp của dân Chúa lại với nhau dưới sự chủ tọa của linh mục để cử hành cuộc tưởng niệm của Chúa.*” Định nghĩa này bị coi là xúc phạm và gây nên phản ứng khắp nơi cho rằng Rôma đã cho ra đời một định nghĩa tuy ít lệnh lạc nhưng không nói lên điều gì so với định nghĩa tuyệt vời trước đây. Định nghĩa này đã bỏ qua hay chối bỏ 3 điểm giáo lý cốt lõi của thánh lễ:

- *Một là: chỉ duy linh mục, do tư cách tư tế của mình, có khả năng truyền phép.*
- *Hai là: hy lễ đền tội của thánh lễ.*
- *Ba là: sự hiện diện đích thực Chúa Giêsu trong phép Thánh Thể qua sự biến đổi bản thể (transubstantiation).[15]*

Hai vị HY đã gửi những nhận định của mình cho Đức Phao-lô VI. Nhưng mối quan tâm của các ngài bị làm ngơ.

Tiếp theo làn sóng phản ứng về SLM do cuộc cách mạng Vatican II đem lại, nhiều tập thể đã tuyên bố tẩy chay SLM và toàn bộ giáo thuyết của Vatican II. Tiêu biểu là Huynh Đoàn Thánh Pio X của Tổng Giám Mục Marcel Lefebvre, các nhóm tự xưng là Công Giáo Truyền Thống (*Traditionalist*), các nhóm *Sedevacantist* cho rằng Vatican vẫn trống ngôi, không có Giáo Hoàng, kể từ sau cái chết của Đức Gioan XXIII. Họ coi các Giáo Hoàng từ Vatican II trở lại đây đều mắc tội lạc giáo vì đã rao giảng giáo thuyết của Vatican II vốn bị các Công Đồng trước đây kết án là sai lầm. Và vì mắc tội lạc giáo nên các Giáo Hoàng tức khắc bị mất chức. Ngoài ra còn có rất nhiều các nhóm và cá nhân khác cũng phủ nhận cuộc cách mạng trong giáo thuyết và phụng vụ của Vatican II. Điểm chung của tất cả các nhóm và cá nhân này là không chấp nhận Sách Lễ Mới và Sách Nghi Thức Các Bí Tích của Đức Phao-lô VI. Họ vẫn trung thành dâng lễ và cử hành các bí tích theo nghi thức trước Vatican II. Họ tin rằng SLM đã không trình bày thánh lễ như là một hy tế thập giá, một hy tế đền tội, một sự hiện diện đích thực của Chúa Giêsu trên bàn thờ, nhưng lại trình bày thánh lễ như một bữa ăn (*super*), một sự tưởng nhớ đến Chúa mà thôi (*a memorial of the Lord*).

Nhiều cuộc nghiên cứu toàn diện và chuyên sâu đã chứng minh rằng, cuộc cách mạng Vatican II và SLM đã dẫn đến sự sụp đổ của Giáo Hội Công Giáo tại Phương Tây. Sự sụp đổ này khủng khiếp đến mức có thể nhận thấy bằng giác quan: hàng trăm ngàn linh mục và cả giám mục đã rời bỏ hàng ngũ và hồi tục; hàng trăm ngàn tu sỹ nam nữ đã rũ bỏ áo dòng; số giáo dân đến nhờ

thờ giảm nhanh chóng; các nhà thờ, tu viện, và chủng viện ngày càng trở nên trống vắng hoang vu, trở thành nơi tham quan, bảo tàng, thậm chí là bỏ hoang! Việt Nam ta vì chậm áp dụng và chưa áp dụng triệt để giáo thuyết của Vatican II nên bề ngoài vẫn thấy lạc quan lắm. Tuy vậy, đời sống Giáo Hội bắt đầu lao dốc đi xuống trong những năm gần đây.

Theo linh mục George Henry Duggan S.M, triết-thần học gia người New Zealand, sự sụp đổ của Giáo Hội tại Phương Tây và đang lan rộng ra các miền khác của thế giới là do ảnh hưởng của Chủ Nghĩa Hiện Đại Tân Thời – CNHĐTT (*Neo-Modernism*). CNHĐTT đã xây dựng một tổng hợp mang tính hệ thống những sai lầm trầm trọng về thần học, triết học và Thánh Kinh để trình bày cho mọi người. Đáng tiếc, thứ CNHĐTT này đã thổi được làn gió độc hại của nó vào Vatican II. Tiền thân của CNHĐTT là Chủ Nghĩa Hiện Đại - CNHĐ (*Modernism*) cũng đã bị Đức Pio X kết án nặng nề trong Thông Điệp *Pascendi Dominici Gregis* hồi đầu thế kỷ 20. **Mục đích tối cao của CNHĐ là uốn nắn đức tin Công Giáo cho phù hợp với ý thức hệ của con người thời đại.**[16]

Theo nguồn tin không chính thức, Đức Gioan Phaolô I, vì chứng kiến những hậu quả khủng khiếp của cuộc cách mạng Vatican II đối với Giáo Hội, ngài đã tìm cách ngăn chặn và làm giảm tốc độ tàn phá của làn sóng cách mạng của Vatican II, đồng thời làm trong sạch hệ thống tài chính và nhà băng của Vatican. Vì những đường hướng mục vụ “*sai lầm*” như trên mà Đức Gioan Phaolô I bị đội ngũ giáo sỹ cấp cao bên cạnh, vốn là những kẻ do Tam Điểm gài vào, đứng đầu là Hồng Y Quốc Vụ Khanh Jean Villot, lên kế hoạch thủ tiêu. Kế hoạch ma quỷ của họ cuối cùng cũng hoàn thành và đã biến Đức Gioan Phaolô I trở thành vị giáo hoàng đoản mệnh nhất trong lịch sử các giáo hoàng, chỉ 33 ngày. HY. Quốc Vụ Khanh Jean Villot là một Tam Điểm gộc, bí danh Tam Điểm là Jeanni, được khai tâm vào Quán Tam Điểm Zurich, Thụy Sĩ, ngày 6/8/1966.[17]

Việc Đức Giám Mục Phê-rô - Martinô Ngô Đình Thục bị coi là đã truyền chức GM bất hợp pháp cho Guera des Lauriers và một số người khác cũng là hệ quả của việc tẩy chay SLM và Sách Nghi Thức Các Phép của Vatican II. Họ cho rằng những thay đổi Phụng Vụ của Vatican II và SLM là bất hợp pháp, và nếu cử hành thánh lễ và các Bí Tích theo nghi thức mới thì Bí Tích sẽ vô hiệu. Do vậy, để cho chắc ăn, Guera des Lauriers đã xin ĐGM. Ngô Đình Thục truyền chức Giám Mục cho mình theo nghi thức truyền thống trước Vatican II. GM. Lauriers sau đó cũng lại truyền chức cho GM. Robert McKenna và một vài người khác nữa để duy trì tính tông truyền của chức Giám Mục. Có các linh mục và giáo dân đi theo các GM này, và họ vẫn duy trì đức tin và thánh lễ như trước Vatican II.

Trước khi kết thúc, xin cùng đọc Bản Tuyên Ngôn của GM Ngô Đình Thục tại Munich, Đức, ngày 25/2/1982:



Gm. Phê-rô Ngô Đình Thục

“Chúng ta thấy Giáo Hội Công Giáo ngày nay thế nào? Gioan Phao-lô II đang ngự trị ở Rôma như một Giáo Hoàng, được vây quanh bởi đội ngũ các Hồng Y, Tổng Giám Mục và Giám Mục.

Bên ngoài Rôma, Giáo Hội Công Giáo dường như đang triển nở hưng thịnh cùng với các giám mục và linh mục của mình. Số người Công Giáo thật đông đảo. Thánh lễ được cử hành mỗi ngày

trong các nhà thờ, và ngày Chúa Nhật giáo dân kéo đến đầy nhà thờ để dự lễ và rước lễ.

Nhưng Giáo Hội hôm nay như thế nào trong cái nhìn của Chúa? Các thánh lễ, cả ngày thường và ngày Chúa Nhật, có đẹp lòng Chúa không? Không đời nào! bởi vì thánh lễ đó giống y chang cho cả Công Giáo lẫn Tin Lành, nên nó làm mất lòng Chúa và vô hiệu. Thánh lễ duy nhất làm đẹp lòng Chúa là thánh lễ truyền thống của Đức Pio V vẫn được một số các giám mục và linh mục cử hành, trong đó có tôi.

Vì vậy, theo khả năng có thể, tôi sẽ mở các chủng viện để đào tạo các ứng viên cho chức linh mục biết làm đẹp lòng Chúa.

Ngoài thánh lễ làm mất lòng Chúa này ra, những điều khác cũng bị Chúa chối bỏ là: những thay đổi trong nghi thức truyền chức linh mục, truyền chức giám mục, trong các bí tích Thêm Xức và Xức Dầu lúc nguy tử.

Hơn thế nữa, các "linh mục" hôm nay gắn bó trung thành với:

- *Chủ Nghĩa Hiện Đại.*
- *Chủ nghĩa đại kết lầm lạc (false ecumenism).*
- *Sự tôn thờ con người.*
- *Sự tự do tin theo bất kỳ tôn giáo nào.*
- *Việc thờ ơ lên án các lạc thuyết và loại trừ những kẻ lạc giáo.*

Vì vậy, với tư cách là Giám Mục của Giáo Hội Công Giáo, tôi tuyên bố rằng, Ngài Toà của Giáo Hội Công Giáo bị trống (vacant), và điều đó thúc ép tôi làm tất cả những gì có thể, trong tư cách giám mục, để Giáo Hội Công Giáo tiếp tục đứng vững trong sứ mạng của mình vì phần rỗi của các linh hồn.

Munich, ngày 25/2/1982

+ Phêrô – Martinô Ngô Đình Thục."

Kết Luận:



Sáu Mục Sư Tin Lành

Từ phải sang:

Thuriam, Smith, Kunneth, Shepherd, Jasper và Drs. George.

Như vậy có thể nói, Ủy Ban Soạn Thảo đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đức Phao-lô VI trao phó như đã nói phần trên: **Đó là làm cho thánh lễ Công Giáo trở nên giống hơn với phụng vụ Tin Lành.!** Đức Phao-lô VI đã cảm ơn các Mục Sư Tin Lành vì công sức đóng góp của họ cho công cuộc soạn thảo SLM! (*coi hình bên*).

Chúng ta hẳn không quên câu nói La-tinh nổi tiếng "*lex orandi, lex credendi*" có nghĩa là "*luật cầu nguyện là luật đức tin – the law of prayer is the law of faith*". Tin sao thì cầu nguyện như vậy, nên lời cầu nguyện là cách diễn tả tuyệt vời nhất của đức tin. Một khi "*luật cầu nguyện*" thay đổi thì "*luật đức tin*" cũng đổi thay theo và ngược lại. Lời cầu nguyện trong sách lễ là những lời diễn tả đức tin tinh tuyền nhất của Giáo Hội Công Giáo. Vatican II đã thay đổi "*luật cầu nguyện*" bằng việc cho ra đời SLM, điều đó

chứng tỏ “*luật đức tin*” cũng đã đổi thay.

Đức Benedictô XVI đã làm một việc đáng nhớ và đầy ý nghĩa trong triều đại Giáo Hoàng của ngài đó là, khôi phục lại Thánh Lễ La-tinh Truyền Thống của Đức Pio V. Ngày 7/7/2007, Đức Benedictô XVI đã ban hành Tự Sắc *Summorum Pontificum* phục hồi phụng vụ thánh lễ truyền thống trước khi SLM ra đời năm 1970. Tự Sắc *Summorum Pontificum* cho phép bất kỳ một linh mục Công Giáo nào, dòng hay triều, được phép sử dụng SLTT của Đức Pio V, do Đức Gioan XXIII ban hành năm 1962. Các linh mục được quyền cử hành theo SLTT vào bất kể ngày nào trong năm, kể cả lễ tang và lễ cưới, ngoại trừ Tam Nhật Vượt Qua, mà không cần phải có phép của Tòa Thánh hay Bản Quyền Sở Tại (x. *Summorum Pontificum*, các điều 2,5). Tuy nhiên, do ảnh hưởng tư tưởng của Chủ Nghĩa Hiện Đại và một phần lo ngại bị gán nhãn hiệu là hoài cổ, nên không mấy ai tha thiết với Tự Sắc *Summorum Pontificum*.

Việc Tự Sắc *Summorum Pontificum* giới hạn không cho dùng SLTT trong Tam Nhật Vượt Qua khiến người viết giả định rằng: nếu SLTT được sử dụng trong Tam Nhật Vượt Qua, không hiểu trong Phụng Vụ chiều Thứ Sáu Tuần Thánh, Chúa sẽ có tai nào để nghe khi, người dùng SLM thì cầu cho người Do-thái **ngày càng thêm trung thành với Giao Ước cũ**, còn người dùng SLTT lại **xin cho họ được hoán cải tin nhận Chúa Giêsu**! Hai ý nguyện ‘*chéo càng ngổng*’ như vậy thì làm sao Chúa nghe cho được!

Ngạn ngữ Pháp có nói: “*cá thối từ đâu*”. Người Việt chúng ta cũng nói: “*thượng bất chính, hạ tắc loạn*”. Và Chúa chúng ta đã dạy: “*xem quả biết cây*” (Mt 7, 20). Nhìn vào hoa trái của Vatican II, ta phần nào hiểu được cái cây Vatican II là cây gì? Cuộc cách mạng Vatican đã thực sự đem lại điều gì cho Giáo Hội? Câu hỏi quá cao vời rộng lớn nên chỉ có Chúa mới có thể trả lời.

Chủ Nghĩa Hiện Đại và Tân Hiện Đại không những đã dẫn dắt Vatican II mà còn đang tiếp tục điều khiển và hồi thúc Giáo Hội hôm nay phải làm cho: **Đức Tin Công Giáo phù hợp hơn với suy nghĩ của con người thời đại.**

Điều cuối cùng như vẫn thường làm: người viết không có ý phán xét về cuộc cách mạng Vatican II. Cuộc cách mạng Vatican II có đúng đắn không? Những thay đổi trong giáo thuyết và phụng vụ của Vatican II có hợp pháp không? Những bài viết ở đây không nhằm mục đích đưa ra câu trả lời cho những vấn nạn đó. Mục đích duy nhất ở đây là trình bày cho mọi người thấy những bằng chứng không thể phản bác rằng: Vatican II đã đi xa và đi ngược lại như thế nào khỏi đức tin và giáo huấn truyền thống của Giáo Hội Công Giáo. Trong bối cảnh những cảnh báo đã nói ở bài 1, Vatican II là một lễ 'Hiện Xuống Mới' hay một *Apostasy* của thời kỳ cuối mà Thánh Kinh và Đức Mẹ đã cảnh báo? Trong những ngày này, chúng ta hãy chăm chú vào những đổi thay đang và sẽ diễn ra trong Giáo Hội. Không phán xét hay biện minh cho những thay đổi đó. Trái lại, hãy nhìn các biến cố như những DẤU CHỈ của Chúa.

(Bài sau sẽ nói cụ thể hơn về những sai lầm của Modernism)

[1] Pio V, *Tông Huấn Quo Primum: Từ Thuở Ban Đầu*, ngày 14/7/1570.

[2] Rama P. Coomaraswamy, *The Problems With the New Mass: A Brief Overview of the Major Theological Difficulties Inherent in the Novus Ordo Missae*, (Rockford, Ill.: Tan Books & Pub, 1990), 34.

[3] Anthony Cekada, *The Problems With the Prayers of the Modern Mass* (Rockford, Ill.: Tan Books & Pub, 1991), 9–13.

[4] Michael Davies, *Pope Paul's New Mass* (Kansas City, Mo: Angelus Press, 2009), 398.

[5] *Octava Controversia Generalis*. Liber II. Controversia Quinta. Caput XXXI.

[6] Denzinger, 1312.

- [7] Denzinger, 1352.
- [8] Denzinger, 782.
- [9] Lãnh đạo phong trào cải cách ở Anh, và là Tổng Giám Mục Canterbury dưới thời Vua Henri VIII.
- [10] PioV, *De Defectibus: Về Những Sai Lầm*, ngày 14/7/1570. Số 20.
- [11] *The Catechism of the Council of Trent: Sách Giáo Lý CĐ Trentô*, NXB Tan Books, 1982. Trang 227.
- [12] St. Alphongsus de Liguori, *Treatise on The Holy Eucharist*, Redemptoris Fathers, 1934. Trang 44.
- [13] Davies, *Pope Paul's New Mass*.
- [14] Alfredo C. Ottaviani, *The Ottaviani Intervention: Short Critical Study of the New Order of Mass* (Rockford, Ill.: Tan Books & Pub, 1992), 28.
- [15] Ottaviani, *The Ottaviani Intervention*.
- [16] Nguồn:
http://www.montfort.org.br/old/index.php?secao=veritas&subsecao=igreja&artigo=colapso_da_igreja&lang=eng
- [17] Paul L. Williams, *The Vatican Exposed: Money, Murder, and the Mafia* (Amherst, NY: Prometheus Books, 2003), 149–161.

BÀI 11: AI ĐÃ RAO GIẢNG CHỦ NGHĨA TƯƠNG ĐỐI VỀ TÔ GIÁO?

(đang viết dở bài về Chủ Nghĩa Hiện Đại thì bắt gặp đề tài này nên xin chia sẻ cùng bạn đọc trước.)

Theo bản tin của Ủy Ban Văn Hoá, Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, đăng trên <http://www.hdgmvietnam.org> và <http://vietcatholic.net> gần đây với tựa đề: “ĐỔI NÉT VỀ HỘI THẢO: Kỷ niệm 50 năm áp dụng huấn thị *Plane Compertum Est* về tôn kính ông bà tổ tiên”, trong cuộc hội thảo này, Đức GM. Phao-lô Nguyễn Thái Hợp đã thuyết trình đề tài: VAI TRÒ CỦA CÁC TÔN GIÁO KHÁC TRONG CHƯƠNG TRÌNH CỨU ĐỘ. Bản tin cho biết: “**Công Đồng đã**

nhìn nhận các tôn giáo khác như những con đường cứu độ.”!? Không biết Đức GM. Phaolô hay UB VH đã quảng bá thứ chủ nghĩa tương đối tôn giáo này? Dù ai chẳng nữa thì lời khẳng định “Công Đồng đã nhìn nhận các tôn giáo khác như những con đường cứu độ**” là một lời khẳng định có vấn đề nghiêm trọng cần phải xem xét lại.**

Trước khi tìm hiểu sự thật của khẳng định trên, xin lưu ý 2 điều:

1. Khái niệm “*các tôn giáo khác*” ở trong câu trên, theo ý của CĐ, ám chỉ đến các tôn giáo ngoài Kitô Giáo như Do-thái Giáo, Hồi Giáo, Ấn Giáo, Phật Giáo... chứ không phải Tin Lành, Anh Giáo, Chính Thống...

2. Khi nói về các tôn giáo ngoài Kitô Giáo, ta cần phân biệt 2 điều: **tín đồ** của các tôn giáo và chính **bản thân các tôn giáo**.

Trở lại với câu nói ở trên, vì không có nguyên văn bài thuyết trình trong tay nên



phải đặt chữ **NẾU**. Nếu đúng Đức GM Phaolô có nói **“Công Đồng đã nhìn nhận các tôn giáo khác như những con đường cứu độ”**, thì người viết thấy có lý do chính đáng để nghi ngờ tính khả tín quan điểm này. Đây đích thị là quan điểm của những người theo thuyết tương đối tôn giáo, một giáo thuyết bị Giáo Hội kết án là sai lầm. Toàn bộ nền thần học về tôn giáo từ trước đến nay của Giáo Hội, không cung cấp cho chúng ta một cơ sở vững chắc và rõ ràng nào để có thể kết luận **“Công Đồng đã nhìn nhận các tôn giáo khác như những con đường cứu độ”**.

Trước CĐ Vatican II, Giáo Hội đã nhiều lần, nhất là dưới triều đại của Đức Pio IX, kết án Chủ Nghĩa Trung Lập Tôn Giáo (*indifferentism*), ngày nay quen gọi là Chủ Nghĩa Tương Đối Tôn Giáo (*religious relativism*). Thử chủ nghĩa này chủ trương cào bằng tôn giáo theo kiểu *“mọi con đường đều dẫn đến thành Rôma”*, coi các tôn giáo đều hơn kém tốt như nhau và là những con đường của ơn cứu độ. **Quan điểm này là sai lầm**. Do vậy, Giáo Hội đã dạy rằng, sẽ là một sai lầm nguy hại cần phải bác bỏ, những quan điểm cho rằng:

- ***Mọi người, do sự mách bảo của lý trí, đều được tự do theo đuổi và tuyên xưng niềm tin vào một tôn giáo mà họ cho là đúng đắn***[1].
- ***“Dù theo bất kể tôn giáo nào mặc lòng, người ta cũng có thể tìm thấy đường và đạt tới ơn cứu độ đời”***[2].

Rất rõ ràng! theo giáo huấn tiền CĐ trên đây, quan điểm *“nhìn nhận các tôn giáo khác như những con đường cứu độ”* mà Đức GM. Phaolô và UB VH đã nêu, **đáng bị liệt vào danh sách những sai lầm nguy hại (syllabus or errors) cần phải bác bỏ**. Chấm hết!

Tuy nhiên, vì đang sống trong kỷ nguyên của Vatican II nên không ai lại còn dựa vào giáo huấn tiền CĐ để biện minh cho mình. Làm như vậy sẽ mang tiếng là chậm tiến lạc hậu, như có

người nghĩ! Vì như bản tin của UB VH đã viết: "**Công Đồng đã nhìn nhận các tôn giáo khác như những con đường cứu độ**", nên người viết cũng sẽ phải dựa vào huấn của CĐ và cả hậu CĐ nữa để tìm hiểu xem có đúng như vậy không.

1. GIÁO HUẤN CỦA CĐ VATICAN II VỀ CÁC TÔN GIÁO?

Giáo huấn của CĐ về các tôn giáo, về cơ bản, nằm trong 3 văn kiện:

- *Lumen Gentium* (LG): Hiến Chế Tín Lý Về Giáo Hội.
- *Nostra Aetate* (NA): Tuyên Ngôn Về Tương Quan Của Giáo Hội Đối Với Các Tôn Giáo Ngoài Kitô Giáo.
- *Ad Gentes* (AG): Sắc Lệnh Về Truyền Giáo (Đến Với Muôn Dân).

Về các tín đồ của các tôn giáo ngoài Kitô Giáo, CĐ đã nói gì?

CĐ nói: "*thực thế, những kẻ vô tình không nhận biết Phúc Âm của Chúa Kitô và Giáo Hội Người, nhưng nếu thành tâm tìm kiếm Thiên Chúa, và dưới tác động của ơn thánh, họ cố gắng chu toàn Thánh Ý Thiên Chúa trong công việc mình theo sự hướng dẫn của lương tâm, thì họ có thể được cứu rỗi*." (LG 16). Như vậy, CĐ đã chính thức xác nhận tín đồ của các tôn giáo khác cũng *có thể được cứu rỗi*. Với khẳng định này, CĐ đã xóa tan mọi băn khoăn bận tâm của những ai lo lắng cho số phận của những người ngoài Kitô Giáo. Đồng thời, CĐ cũng đã chính thức bác bỏ tín điều "*ngoài Giáo Hội không có ơn cứu độ*"[3] mà Giáo Hội đã tin và truyền dạy suốt hàng ngàn năm trước đó!

Về các tôn giáo ngoài Kitô Giáo, CĐ đã nói gì?

Quan điểm của CĐ về các tôn giáo ngoài Kitô Giáo được gồm tóm trong 2 khái niệm căn bản là: **Sự Chuẩn Bị Cho Tin Mừng** (*praeparationes evangelicae / preparation for the*

Gospel) và **Những Hạt Giống Của Ngôi Lời** (*semina Verbi / The Seeds of the Word*).

a. Sự Chuẩn Bị Cho Tin Mừng - *praeparationes evangelicae*:

Khái niệm *Sự Chuẩn Bị Cho Tin Mừng* được nhắc đến cách đích danh trong hai bản văn là: LG 16 và AG 3.

- LG 16 viết: "*Thực vậy, Giáo Hội xem tất cả những gì là chân thiện **nơi họ** như là một sự chuẩn bị cho Tin Mừng. Giáo Hội nhìn nhận rằng chính Đấng soi sáng mọi người đã ban cho họ những gì là chân thiện đó ngõ hầu cuối cùng họ được sống.*" Điều đáng lưu ý ở đây là, khái niệm *Sự Chuẩn Bị Cho Tin Mừng*, như CĐ nói, được tìm thấy '**nơi họ**' (tức nơi những người ngoài Kitô Giáo) chứ không phải nơi **các tôn giáo**. Do vậy ý của CĐ là, những *chân thiện* được tìm thấy nơi những *người ngoài Kitô Giáo* có thể được coi như những *sự Chuẩn Bị Cho Tin Mừng* chứ không phải là coi các tôn giáo ngoài Kitô Giáo như sự Chuẩn Bị Cho Tin Mừng.

- AG 3 viết: "*Ý định của Thiên Chúa nhằm cứu rỗi toàn thể nhân loại không phải chỉ được thực hiện một cách kín đáo trong tâm trí con người, hoặc bằng những nỗ lực, ngay cả những nỗ lực tôn giáo, để nhờ đó con người tìm kiếm Thiên Chúa bằng nhiều cách, "hầu may ra sẽ đến gần Ngài hoặc gặp được Ngài, mặc dù Ngài không ở xa mỗi người chúng ta" (CvTđ 17,27); những nỗ lực đó đó cần phải được soi dẫn và chữa lành, tuy đôi khi, nhờ ý định nhân lành của Chúa Quan Phòng, có thể được coi như những con đường hướng về Thiên Chúa hoặc như một sự chuẩn bị cho Tin Mừng.*" Một lần nữa ta thấy, CĐ không nói về các *tôn giáo*. CĐ nói về các *nỗ lực của con người*, kể cả những *nỗ lực có tính cách tôn giáo*, trong việc tìm kiếm Thiên Chúa. Và theo ý của CĐ, chính những *nỗ lực* tìm kiếm Thiên Chúa này, chứ không phải là các *tôn giáo*, có thể được coi như một *Sự Chuẩn Bị Cho Tin Mừng*.

Ngoài 2 bản văn đề cập đến khái niệm *Sự Chuẩn Bị Cho*

Tin Mừng cách trực tiếp trên, có 3 bản văn khác cũng nhắc đến khái niệm này một cách gián tiếp là: LG 17, AG 9, và NA 2.

- LG 17 cho ta những lời này: "thực ra, những gì thiên hảo trong tâm hồn và tư tưởng của loài người, hoặc trong nghi lễ và văn hóa riêng của các dân tộc, hoạt động của Giáo Hội không nhằm tiêu diệt chúng, nhưng lành mạnh hóa, nâng cao và hoàn thiện chúng, hầu làm vinh danh Thiên Chúa, đánh bại ma quỷ và mưu cầu hạnh phúc cho con người." Ở đây, CD xác định cách cụ thể hơn về nguồn gốc của các điều thiện hảo và đồng thời cũng chỉ rõ sứ mạng của Giáo Hội là gì. Nguồn gốc của những gì thiện hảo là ở nơi "tâm hồn và tư tưởng của con người, trong nghi lễ và văn hoá riêng của các dân tộc." Sứ mạng của Giáo Hội là phải *chữa lành, nâng cao và hoàn thiện tất cả những điều thiện hảo* đó.

- AG 9 phát biểu: "Tất cả những gì là chân lý và ân sủng đã được tìm thấy nơi các dân tộc như một sự hiện diện bí ẩn của Thiên Chúa sẽ được hoạt động truyền giáo giải thoát cho khỏi bị nhiễm độc, và hoàn lại cho Chúa Kitô là Đấng tác thành chúng, Đấng đã lật đổ vương quốc của ma quỷ và chặn đứng sự dữ muôn hình của tội lỗi. Bởi vậy, bất cứ điều gì tốt đẹp được nhân biết là đã được gieo vãi trong tâm trí con người, hay trong những lễ chế và văn minh riêng của các dân tộc, sẽ không bị hủy diệt, mà còn được thanh tẩy, thẳng tiến và hoàn tất, để Chúa được tôn vinh, ma quỷ bị xấu hổ và con người được hạnh phúc." Một lần nữa, CD coi những gì là chân lý, là ân sủng, là tốt đẹp, nơi các dân tộc như là một sự "hiện diện bí ẩn của Thiên Chúa" nơi các dân tộc ấy. Ở đây, CD lặp lại giáo huấn tương tự như ở LG 16 và 17. Chưa thấy CD đề cập gì đến chính bản thân các tôn giáo.

- NA 2 nói: "Giáo Hội Công Giáo không hề phủ nhận những gì là chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo đó. Với lòng kính trọng chân thành, Giáo Hội xét thấy những phương thức hành động và lối sống, những huấn giới và giáo thuyết kia, tuy rằng có nhiều điểm khác nhau với chủ trương mà Giáo Hội duy trì, nhưng

cũng thường phản ánh một tia sáng của Chân Lý chiếu soi cho hết mọi người. Tuy nhiên Giáo Hội rao giảng và có bốn phận phải kiên trì rao giảng Chúa Kitô, Đấng là "đường, sự thật và sự sống" (Gio 14,6), nơi Người, con người tìm thấy đời sống tôn giáo sung mãn và nhờ Người, Thiên Chúa giao hòa mọi sự với mình." Có hai điểm đáng chú ý trong đoạn văn này. Thứ nhất: đây là lần duy nhất trong tất cả các văn kiện, CD nhìn nhận những gì là "*chân thật và thánh thiện*" cũng có thể được tìm thấy trong *các tôn giáo ngoài Kitô Giáo*. Ở các chỗ khác, CD chỉ nói được tìm thấy trong các tập tục, văn hoá, nghi lễ của các dân tộc mà thôi. Thứ hai là: điều được CD nhấn mạnh, không phải là chính các tôn giáo nhưng là *hành động của Giáo Hội*: kính trọng các tôn giáo và rao giảng Đức Kitô "*là Đường, là Sự Thật, và là Sự Sống*."

Kết luận về cái nhìn của CD đối với khái niệm "Sự Chuẩn Bị Cho Tin Mừng":

- CD nhìn nhận nơi các tập tục, văn hoá, truyền thống, lễ nghi, và con người của các dân tộc có thể (chứ không nhất thiết) hàm chứa những yếu tố thiện hảo, chân thật, chân lý, ân sủng. Tất cả những điều này được CD nhìn nhận như là những yếu tố của "*Sự Chuẩn Bị Cho Tin Mừng*", tức là chúng phải hướng về Tin Mừng như là đích điểm hoàn thành của chúng.

- Cho dù những điều thiện hảo như kể trên có thể được tìm thấy nơi chính bản thân các tôn giáo như CD nhìn nhận trong NA 2, không bao giờ cho phép ta diễn dịch theo chủ thuyết tương đối, coi các tôn giáo là bình đẳng với nhau trong chương trình cứu độ.[4]

b. Những Hạt Giống Của Ngôi Lời - *semina Verbi*.

Khái niệm "*Những Hạt Giống Của Ngôi Lời*" được CD nhắc đến 3 lần: trực tiếp trong AG 11; gián tiếp trong AG 9 và LG 17.

Trong AG 11, khái niệm này được CD đích danh nhắc đến. CD coi sứ mạng của các Kitô hữu là phải khám phá ra "*những hạt giống*

tiềm ẩn của Ngôi Lời – semina verbi latentia” nơi những người ngoài Kitô Giáo.

Trong AG 9 và LG 17, khái niệm “*Những Hạt Giống Của Ngôi Lời*” chỉ được đề cập cách gián tiếp, trong tương quan với khái niệm “*những gì thiện hảo – quidquid boni*” mà thôi.

AG 9 viết: “*bất cứ điều gì tốt đẹp được nhận biết là đã **được gieo vãi** trong tâm trí con người, hay trong những lễ chế và văn minh riêng của các dân tộc, sẽ không bị hủy diệt, mà còn được thanh tẩy, thăng tiến và hoàn tất...*”

Với LG 17, phải dựa vào bản tiếng La-tinh, ta mới đọc thấy được mối liên hệ giữa “*những gì thiện hảo*” và “*những hạt giống của Ngôi Lời*”. Bản La-tinh viết: “*quidquid boni – những gì thiện hảoseminatum invenitur – được thấy gieo..*” Bản dịch tiếng Việt LG 17, kể cả tiếng Anh, chưa lột tả được ý nghĩa của mối liên hệ này. Bản dịch LG 17 của Giáo Hoàng Học Viện Pio X viết: “***những gì thiện hảo trong** tâm hồn và tư tưởng của loài người, hoặc trong nghi lễ và văn hóa riêng của các dân tộc...*” Nếu theo sát bản La-tinh thì phải dịch là: “***những gì thiện hảo được thấy gieo trong tâm hồn...***”.

Chính chữ “**gieo**” nói lên tính cách “*hạt giống*” của “*những gì thiện hảo*”.

Giáo lý về “*Những Hạt Giống Của Ngôi Lời*” của CD được bắt nguồn từ giáo thuyết của các giáo phụ, nhất là các Giáo Phụ Đông Phương. Chìa khoá để hiểu về “*Những Hạt Giống Của Ngôi Lời*” nằm trong 4 nguyên tắc sau:[5]

1. *Ngôi Lời Đấng Sáng Tạo, tác giả của mọi sự, đã gieo một hạt giống vào mọi tâm hồn, hạt giống ấy cũng hàm chứa trong những sự phong phú tự nhiên.*

2. *Những sự phong phú tự nhiên này được coi là một sự chuẩn bị và là một phương pháp sư phạm thần linh của Ngôi Lời Tạo Dựng.*

3. *Hạt giống này chờ được nảy mầm và sẽ có thể được nảy mầm khi Giáo Hội, qua sứ mạng của mình, đem nó vào trong sự sống là chính Ngôi Lời Cứu Chuộc.*

4. *Vì vậy, không có một sự chia cách nào giữa hành động của Ngôi Lời Hằng Hữu và hành động của Ngôi Lời Nhập Thể: chỉ có một nhiệm vụ duy nhất của Ngôi Lời.*

Mọi áp dụng và chú giải “*Những Hạt Giống Của Ngôi Lời*” đều phải bám sát 4 nguyên tắc trên.

Qua những điều vừa trình bày, có thể rút ra kết luận về “*Những Hạt Giống Của Ngôi Lời*” như sau: Chính Đức Kitô, Ngôi Lời Tạo Dựng và Ngôi Lời Cứu Chuộc, đã gieo hạt giống của Ngài, là tất cả những gì thiện hảo, chân lý, ân sủng, vào lòng con người, vào trong các truyền thống, tập tục, văn hoá, kể cả các tôn giáo khác nữa. Tất cả những hạt giống tốt đẹp đó chỉ có thể đâm chồi nảy lộc và sinh hoa kết trái trong Đức Kitô mà thôi. Điều này thành tựu được nhờ sứ mạng truyền giáo của Giáo Hội.

Kết luận chung về quan điểm của CĐ đối với các tôn giáo:

CĐ đã tiến một bước xa khỏi giáo huấn truyền thống của Giáo Hội khi khẳng định rằng, những người ngoài Kitô Giáo, dù không biết đến Tin Mừng của Đức Kitô, cũng có thể được cứu độ (LG 16).

CĐ cũng mới chỉ nhìn nhận rằng, nơi các tôn giáo có những điều thiện hảo, những tia sáng của chân lý và ân sủng. Những yếu tố này có thể được coi như những “*sự chuẩn bị cho Tin Mừng*” hay “*những hạt giống của Ngôi Lời*”. Chúng nằm đó và chờ đợi được sinh hoa kết trái trong Đức Kitô nhờ nỗ lực truyền giáo hay Phúc Âm hoá của Giáo Hội.

Như vậy, theo giáo huấn của CĐ, chưa có cơ sở nào chắc chắn để khẳng định “**Công Đồng đã nhìn nhận các tôn giáo khác như những con đường cứu độ**”.

2. GIÁO HUẤN HẬU ĐỀ VỀ CÁC TÔN GIÁO?

Phần này sẽ lướt qua giáo huấn về các tôn giáo của các Giáo Hoàng Phaolô VI, Gioan Phaolô II và Benêdictô XVI.

a. Đức Phaolô VI:

Dưới triều đại của Đức Phaolô VI, giáo huấn về các tôn giáo được tìm thấy chủ yếu trong hai văn kiện: Thông Điệp *Ecclesiam Suam* – ES (Giáo Hội Của Ngài) và Tông Huấn *Evangelii Nuntiandi* – EN (Loan Báo Tin Mừng).

- Thông Điệp *Ecclesiam Suam* – ES, ban hành ngày 6/8/1964, đã cung cấp cho chúng ta những định hướng và điểm tựa cần thiết trong công cuộc đối thoại với các tôn giáo. *Ecclesiam Suam* được mệnh danh là “*thông điệp của đối thoại*”. [6] Trong đó, Đức Phaolô VI giải thích rằng, lịch sử Kitô Giáo hay lịch sử cứu độ, chính là một cuộc đối thoại liên li không ngừng giữa Thiên Chúa với con người, và vai trò của Giáo Hội là phải kéo dài cuộc đối thoại đó. Cuộc đối thoại này được thực hiện trong bốn chiều kích: với thế giới – với thành viên của các tôn giáo khác – với các giáo hội Kitô khác – và với nội bộ Giáo Hội. [7] Trong quá trình đối thoại với các tôn giáo khác, Đức Phaolô VI nhắc nhở chúng ta cần ý thức, tôn giáo “*tự bản chất, là một mối liên hệ chắc chắn giữa Thiên Chúa và con người*” (ES 70), và chỉ có Mạc Khải của Thiên Chúa qua Đức Kitô mới giúp thiết lập nên mối liên hệ này. [8]

Đặc biệt, trong tương quan với các tôn giáo khác, Đức Phaolô VI đã tuyên xưng rằng: “*thật vậy, sự thật thúc đẩy chúng tôi phải tuyên bố công khai xác tín của chúng tôi rằng, Kitô Giáo là tôn giáo chân thật duy nhất, và chúng tôi hy vọng rằng chân lý này sẽ được thừa nhận bởi tất cả những ai đang tìm kiếm Thiên Chúa và tôn thờ Người*” (ES 107).

Quan điểm thẳng thắn và mạnh mẽ nhất mà *Ecclesiam Suam* gửi đến mọi người là: **Kitô Giáo là tôn giáo chân thật duy nhất.**

- Tông Huấn *Evangelii Nuntiandi* – EN.

Tông huấn ra đời ngày 8/12/1975. Tông Huấn dành trọn vẹn số 53 để nói về các tôn giáo ngoài Kitô Giáo. Trong số này, Đức Phaolô VI đã xác định hai điểm giáo lý quan trọng. Thứ nhất, ngài tiếp tục khẳng định giáo thuyết của CĐ về "*Những Hạt Giống của Ngôi Lời*" (AG 11) và "*Sự Chuẩn Bị Cho Tin Mừng*" (LG 16). Ngài viết: "*Các tôn giáo đều thấm đượm vô số 'những hạt giống của Ngôi Lời' và có thể làm thành một 'sự chuẩn bị cho Tin Mừng' đích thực.*" (EN 53)

Tiếp đến, Đức Phaolô VI khẳng định chỉ có Kitô Giáo mới có khả năng đưa con người vào trong mối tương quan đích thực và sống động với Thiên Chúa. Ngài viết: "*nói cách khác, tôn giáo của chúng tôi (Kitô Giáo) có hiệu năng thiết lập một tương quan đích thực và sống động với Thiên Chúa mà các tôn giáo khác không thể làm được, cho dù họ có vươn cánh tay lên tận trời cao.*" (EN 53)

Như vậy, với *Evangelii Nuntiandi*, Đức Phaolô vẫn chưa đưa ra điểm giáo lý gì mới trong tương quan với các tôn giáo. Ngài tiếp tục tái xác nhận giáo thuyết của CĐ về các tôn giáo đó là: nơi các tôn giáo ngoài Kitô Giáo, có thể có những yếu tố thiện hảo được coi như một '*sự chuẩn bị cho Tin Mừng*'; như '*những hạt giống của Ngôi Lời*'; và như những nỗ lực của con người trong việc tìm kiếm Thiên Chúa mà thôi.

Nói tóm lại, theo như nhận định của Jacques Dupuis S.J., giáo huấn về các tôn giáo ngoài Kitô Giáo dưới thời Đức Phaolô VI vẫn trung thành với "*thuyết hoàn thành – fulfillment theory*"[9] như Giáo Hội xưa nay vẫn hiểu[10].

b. Đức Gioan Phaolô II.

Giáo huấn về tương quan với các tôn giáo dưới thời của Đức Gioan Phaolô II, được tìm thấy chủ yếu trong các văn kiện sau:

- Thông điệp Đấng Cứu Chuộc Con Người - *Redemptor Hominis* (4/3/1979).
- Thông điệp về Chúa Thánh Thần – *Dominum et Vivificantem* (18/5/1986).
- Thông điệp Sứ Vụ Đấng Cứu Thế - *Redemptoris Missio* (7/12/1990)
- Tuyên Ngôn về Chúa Giêsu – *Dominus Iesus* (6/8/2000) của Bộ Giáo Lý Đức Tin.

Thông điệp *Redemptor Hominis* – RH.

Điểm đáng chú ý nhất trong thông điệp này là việc khẳng định rằng, Chúa Thánh Thần không chỉ hoạt động trong Giáo Hội mà thôi, nhưng Ngài còn hoạt động bên ngoài ranh giới hữu hình của Giáo Hội. Cụ thể hơn, Đức Gioan Phaolô II coi "*niềm tin vững chắc của những người ngoài Kitô Giáo như là một hiệu quả của Thần chân lý hoạt động bên ngoài ranh giới hữu hình của Thân Thể Nhiệm (Giáo Hội)*" (x. RH 6).

Tiếp tục tái xác nhận giáo lý về "*những hạt giống của Ngôi Lời*" của ĐĐ (LG 17 và AG 11), Đức Gioan Phaolô II cho rằng, các tôn giáo là những phản ảnh khác nhau của một chân lý duy nhất. Chính "*những hạt giống của Ngôi Lời*" chứng thực rằng, dù các con đường có thể khác nhau nhưng chỉ có một mục tiêu duy nhất hướng dẫn khát vọng sâu xa nhất của con người trong việc tìm kiếm Thiên Chúa vì ý nghĩa trọn vẹn của cuộc sống con người (x. RH 11).

Dù nhìn nhận Chúa Thánh Thần hiện diện cách sống động và phổ quát trong thế giới, trong những người ngoài Kitô Giáo, và trong chính các truyền thống tôn giáo, nhưng vai trò của Ngài là hướng dẫn họ đến với Đức Kitô. Nếu họ từ chối sự thúc đẩy của Thánh Thần mà khước từ Đức Kitô, thì tất cả những điều thiện hảo, những phản ảnh của chân lý, "*những hạt giống của Ngôi Lời*" nơi họ cũng kể như vô ích bởi đã chối bỏ Đức Kitô, Đấng "*là Đường*,

là Sự Thật, và là Sự Sống' (Ga 14, 6). Đó cũng giống như những hạt rơi vào đá sỏi bụi gai mà thôi (x. Mt 13, 3-7).

Thông điệp *Dominum Vivificantem* – DV:

Thông điệp về Chúa Thánh Thần này cung cấp cho ta những lời rõ ràng nhất về nhiệm cục của Thần Khí (*economy of Spirit*). Trong đó, Đức Gioan Phaolô II minh nhiên đề cập đến hoạt động phổ quát của Thần Khí trước cả khi Kitô Giáo ra đời. Trước Kitô Giáo, hoạt động của Thần Khí, do kế hoạch cứu độ thần linh, được hướng về Đức Kitô. Ngày nay, hoạt động của Thần Khí bên ngoài Giáo Hội chính là kết quả của sự kiện cứu độ được hoàn tất trong Đức Kitô. Vì vậy, Đức Gioan Phaolô đã giải thích nội dung Kitô và chiều kích Thần Khí của ơn cứu độ như sau: *"chúng ta không thể giới hạn vào lịch sử hai ngàn năm đã qua kể từ khi Đức Kitô giáng thế. Chúng ta cần đi ngược trở lại xa hơn để bao quát trọn vẹn hoạt động của Thần Khí từ thuở ban đầu, trước cả khi Đức Kitô xuất hiện, trong khắp thế giới và đặc biệt trong nhiệm cục của Cựu Ước. Hoạt động này đã tác động trong mọi nơi, mọi thời, và trong các cá nhân, do kế hoạch cứu độ đời đời, **hoạt động này được gắn kết chặt chẽ với màu nhiệm Nhập Thể và Cứu Chuộc, để rồi tiếp tục tác động ảnh hưởng trên những ai tin vào cuộc trở lại trong tương lai của Đức Kitô.** Điều này được chứng thực trong Thư Ephêsô 1, 3-14. Bởi vậy, Ân Sủng mang trong mình cả chiều kích Kitô lẫn chiều kích Thần Khí là điều hiển nhiên hơn tất cả đối với những ai đón nhận Đức Kitô: Trong Đức Kitô anh em...được đóng ấn Thánh Thần mà Thiên Chúa đã hứa ban, là bảo chứng phần gia nghiệp, cho đến ngày chúng ta đạt tới phần gia nghiệp ấy."* (DV 53).

Qua những lời trên, phải hiểu rằng chỉ có một chương trình cứu độ duy nhất được thực hiện trong Đức Kitô mà thôi. Không bao giờ được phép cắt nghĩa là có hai chương trình cứu độ: một của Chúa Thánh Thần cho những người ngoài Kitô Giáo, và một của Đức Kitô cho các Kitô hữu. Vì chỉ có một chương trình cứu độ duy

nhất trong Đức Kitô, nên hoạt động phổ quát của Chúa Thánh Thần là để hướng mọi người về với Đức Kitô *"là Đường, là Sự Thật và là Sự Sống."* (Ga 14, 6)

Thông điệp *Remdemptoris Missio* – RM.

Chủ đề sự hoạt động và hiện diện phổ quát của Thần Khí lại tiếp tục xuất hiện trong RM. Thông điệp xác định cách rõ ràng rằng , sự hiện diện của Thần Khí tác động đến không chỉ các cá nhân mà cả chính những truyền thống tôn giáo nữa. Vai trò của Ngài là gieo *"những hạt giống của Ngôi Lời"* và làm cho chúng đạt tới sự trưởng thành trọn vẹn trong Đức Kitô. Thông điệp chỉ rõ: *"chính Thần Khí đã gieo "những hạt giống của Ngôi Lời" vào trong các tập tục và văn hoá khác nhau, cũng chính Ngài chuẩn bị cho chúng đạt tới sự trưởng thành viên mãn trong Đức Kitô."* (RM 28)

Nhắc lại giáo huấn của CĐ, Đức Gioan Phaolô quả quyết: *"Thần Khí hoạt động trong lòng mọi người qua "những hạt giống của Ngôi Lời", được tìm thấy trong các sáng kiến con người, kể cả những sáng kiến tôn giáo, và trong những nỗ lực của loài người để tới chân lý, sự thiện hảo và chính Thiên Chúa."* (RM 28).

Cũng nhờ Thần Khí mà mọi người được thông phần vào Màu Nhiệm Vượt Qua. Thông điệp viết: *"Thần Khí ban cho con người ánh sáng và sức mạnh để họ đáp trả lời mời gọi cao cả nhất; nhờ Thần Khí, con người mới có thể đạt tới sự chiêm ngắm và cảm nếm màu nhiệm kế hoạch của Thiên Chúa; thật vậy , chúng ta phải xác tín rằng Chúa Thánh Thần ban cho mọi người một khả năng được dự phần vào Màu Nhiệm Vượt Qua theo cách thức chỉ mình Thiên Chúa biết."* (RM 28)

Ngoài chủ đề về sự hiện diện và hoạt động phổ quát của Thần Khí, Thông điệp còn nhắc đến khái niệm *"những trung gian tham dự - participated mediations"*. Phải hiểu thế nào về *"những trung gian tham dự này"*? Theo ý của Thông điệp, Chỉ có một Thiên Chúa và một trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người

là Đức Giêsu Kitô. Ngoài trung gian duy nhất và phổ quát của Đức Kitô, còn có những “*hình thức trung gian tham dự*” khác, theo những cách thức và mức độ khác nhau. Tuy nhiên, tất cả những “*hình thức trung gian tham dự*” này chỉ có được ý nghĩa và giá trị từ trung gian duy nhất của Đức Kitô mà thôi. Chúng không thể nào được hiểu như là song song hay bổ túc cho trung gian duy nhất và phổ quát của Đức Kitô. (x. RM 5)

Người theo thuyết tương đối tôn giáo dựa vào khái niệm “*những trung gian tham dự*” này để cắt nghĩa rằng, ngoài trung gian duy nhất của Đức Kitô, còn có những trung gian khác như Đức Phật, Mohammed, Khổng Tử... Những nhân vật này cũng là những trung gian giữa Thiên Chúa và con người. Tuy nhiên, điều này là không đúng bởi như lời Thông Điệp nói rõ, chỉ có một trung gian duy nhất và phổ quát giữa Thiên Chúa và con người là Đức Giêsu Kitô. Mọi hình thức trung gian khác là vô giá trị nếu không được tháp nhập vào trung gian duy nhất của Đức Kitô. (x. RM 5)

Qua những lời trên, Thông Điệp RM tiếp tục trung thành với niềm xác tín rằng, sự hiện diện và hoạt động phổ quát của Chúa Thánh Thần trong thế giới là để đưa mọi người đến với Đức Kitô. Đức Kitô là đích điểm mọi người phải hướng về, là trung gian duy nhất và phổ quát giữa Thiên Chúa và con người.

Tuyên Ngôn *Dominus Iesus* – DI.

Tuyên ngôn này ra đời năm 2000, dưới triều đại của Đức Gioan Phaolô II. Trong tương quan với các tôn giáo, Tuyên Ngôn nêu bật một số điểm sau:

Thứ nhất: Tuyên ngôn bác bỏ giả thuyết cho rằng các các tôn giáo ngoài Kitô Giáo cũng là những con đường cứu độ song song hoặc biệt lập với con đường của Đức Kitô. Không ai có thể đi vào sự hiệp thông với Thiên Chúa nếu không qua Đức Kitô, nhờ sự tác động của Thánh Thần. (x. DI 12)

Thứ hai: với khái niệm “*những trung gian tham dự*” được lần đầu đề cập trong RM 5, Tuyên Ngôn mời gọi và khuyến khích rằng, khái niệm này cần được tiếp tục khám phá và suy tư cách sâu rộng hơn, nhưng luôn luôn phải trung thành bảo vệ vai trò “*trung gian duy nhất và phổ quát của Đức Kitô*”. Tuyên ngôn khẳng định: “*vì vậy, phải tin chắc chắn như là một chân lý của đức tin Công Giáo rằng, ý định cứu độ phổ quát của Thiên Chúa Độc Nhất Ba Ngôi được trao ban và hoàn tất một lần cho tất cả trong màu nhiệm nhập thể, chết, và sống lại của Con Thiên Chúa.*” (x. DI 14).

Cuối cùng, Tuyên Ngôn nhìn nhận trong các truyền thống tôn giáo, có những yếu tố có tính chất tôn giáo đến từ Thiên Chúa. Tuy nhiên, những yếu tố này, nhất là trong các cách thức cầu nguyện hay nghi lễ của các tôn giáo, chỉ có vai trò như “*sự chuẩn bị cho Tin Mừng*” hay một sự trợ giúp mang tính sư phạm để nhờ đó, lòng trí con người được mở ra cho Thiên Chúa. Tất cả những yếu tố này không hề có tính cách cứu độ hay siêu nhiên gì. Trái lại, đó chỉ thuần túy là những hành động của con người (x. DI 21).

Như vậy, *Dominus Iesus* tiếp tục khẳng định tính duy nhất và phổ quát của ơn cứu độ của Đức Kitô.

c. Đức Benêdictô XVI.

Trong tám năm triều đại giáo hoàng của mình (2005-2013), Đức Benedicto XVI không cho ra đời một văn kiện chính thức nào bàn về tương quan với các tôn giáo ngoài Kitô Giáo một cách hệ thống. Tuy nhiên, quan điểm của Ngài về các tôn giáo có thể được tìm thấy trong các bài diễn văn, huấn từ hay bài giảng.

Trong bài diễn văn cho kỳ họp lần thứ 57 của HĐGM Italia, ngày 24/5/2007, Đức Benedicto XVI trước tiên nhìn nhận rằng trong các tôn giáo ngoài Kitô giáo, có sự hiện diện của “*những hạt giống của của chân lý và thiện hảo*” và những hạt giống này được

coi như là một *"sự chuẩn bị cho Tin Mừng."* Tiếp đến, Ngài lưu ý rằng, sự nhìn nhận này không được làm suy giảm *"tính trọn vẹn và duy nhất của mạc khải mà Thiên Chúa đã ban cho chúng ta cách dứt khoát trong Đức Kitô, và cũng không được coi nhẹ ơn gọi thừa sai của Giáo Hội."* Cuối cùng, ngài nhắc nhở về tầm quan trọng phải bén rễ sâu trong niềm tin vào *"Đức Kitô, Đấng cứu độ đích thực duy nhất của chúng ta."*[11]

Đặc biệt, Đức Benedicto XVI nhiều lần công khai phê phán chủ nghĩa tương đối – *relativism* – thứ chủ nghĩa ăn sâu vào trong não trạng văn hoá, đạo đức, và tôn giáo của con người thời đại. Trong thư gửi cho Giám Mục Domenico Sorrentino, ngày 2/9/2006, nhân dịp kỷ niệm 20 năm cuộc gặp liên tôn cầu nguyện cho hoà bình tại Assisi, Đức Benedicto XVI nhắc nhở rằng, cuộc gặp liên tôn cầu cho hoà bình không phải một cách gián tiếp thừa nhận chủ nghĩa tương đối. Ngài viết: *"cuộc hội tụ của những khác biệt không bao giờ được coi như là một nhượng bộ đối với thứ chủ nghĩa tương đối vốn chối bỏ ý nghĩa của chân lý cũng như khả năng đạt tới nó."*[12]

Cảnh báo về nguy hại của chủ nghĩa tương đối tiếp tục được Đức Benedicto nhắc lại trong diễn văn ngày 6/6/2008, dành cho các Giám Mục của Malaysia, Brunei, và Singapore nhân chuyến *Ad Limina* của họ về Roma. Đức Giáo Hoàng lưu ý các Giám Mục vùng Đông Nam Á về tác hại của thứ chủ nghĩa tương đối vốn tác động mạnh đối với Kitô Giáo Tây Phương trong hơn hai thế kỷ qua kể từ Kỷ Nguyên Ánh Sáng - *Enlightenment*. Đức Giáo Hoàng nói: *"các hiền đệ cần phải đảm bảo rằng, không bao giờ được để cho Tin Mừng lẫn lộn với những nguyên tắc thế tục gắn với Kỷ Nguyên Ánh Sáng. Trái lại, bằng việc "rao giảng chân lý trong bác ái" (Ep 4, 15), các hiền đệ giúp cho đồng bào mình phân biệt được cái hạt gạo của Tin Mừng với cái vỏ chấu của chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa tương đối. Các hiền đệ hãy giúp họ đáp ứng với những thách thức khẩn cấp, vốn được khơi lên bởi Kỷ Nguyên Ánh Sáng đối với Kitô Giáo Tây Phương hơn hai thế kỷ qua, nay*

đang bắt đầu tác động mạnh mẽ đến những miền khác của thế giới.”[13]

Như vậy, đối với Đức Benedicto XVI, chủ nghĩa tương đối, nhất là thứ chủ nghĩa tương đối tôn giáo, là không thể chấp nhận được, bởi vì nó phủ nhận chân lý cũng như chối bỏ luôn khả năng người ta có thể đạt tới chân lý. Ngài thừa nhận có sự hiện diện những hạt giống của chân lý nơi các truyền thông tôn giáo nhưng chỉ coi chúng như là những sự chuẩn bị cho Tin Mừng. Đức Kitô là Đấng Cứu Độ duy nhất và phổ quát cho thế giới.

Kết luận về giáo huấn hậu CĐ đối với các tôn giáo:

Với những gì vừa trình bày, ta thấy, Giáo huấn hậu CĐ về các tôn giáo ngoài Kitô Giáo, về căn bản, vẫn chưa vượt ra khỏi “*thuyết hoàn thành – fulfillment theory*” như Giáo Hội thời tiền CĐ và CĐ vẫn hiểu. Đức Phaolô VI vẫn trung thành với “*thuyết hoàn thành*”; Đức Gioan Phaolô II dù có nhìn nhận sự hiện diện và hoạt động phổ quát của Thần Khí bên ngoài ranh giới hữu hình của Giáo Hội, nhưng không coi đó là con đường biệt lập của Thần Khí. Trái lại, sự hiện diện và hoạt động phổ quát của Thần Khí là để dẫn đưa mọi người đến với Đức Kitô. Và dù có đề cập đến những “*hình thức trung gian tham dự*” khác, nhưng vẫn khẳng định vai trò trung gian duy nhất và phổ quát của Đức Kitô trong chương trình cứu độ. Các “*hình thức trung gian tham dự*” khác, chỉ có thể có ý nghĩa nếu được liên kết với Đức Kitô, trung gian duy nhất và phổ quát giữa Thiên Chúa và con người. Dù có tính cách mạng, Đức Gioan Phaolô II cũng chưa vượt quá “*thuyết hoàn thành*”. Cuối cùng, Đức Benedicto XVI thì bác bỏ chủ nghĩa tương đối tôn giáo và khẳng định “*Đức Kitô là Đấng Cứu Độ đích thực duy nhất của chúng ta.*”

“*Thuyết hoàn thành*” được Đức Gioan Phaolô II công khai khẳng định trong Tông Thư Tiến Về Thiên Niên Kỷ Thứ Ba – *Tertio Millennio Adveniente* -TMA, ngày 10/11/1994, như sau: “*trong Đức Kitô, tôn giáo không còn là một sự tìm kiếm mù loà Thiên*

Chúa nữa (Cv 17, 27), nhưng là một đáp trả đức của đức tin đối với Thiên Chúa, Đấng mạc khải chính mình...vì vậy, Đức Kitô là sự hoàn thành khát vọng của mọi tôn giáo trên thế giới, ngài là sự hoàn thành duy nhất và chung cuộc." (TMA 6).

Như vậy, theo giáo huấn hậu CĐ, lại càng rõ hơn để quả quyết rằng, không có lý do nào chắc để biện minh cho câu nói **"Công Đồng đã nhìn nhận các tôn giáo khác như những con đường cứu độ"**.

KẾT LUẬN CHUNG

1. Nếu theo giáo huấn của CĐ và hậu CĐ như vừa tìm hiểu ở trên, lời khẳng định **"Công Đồng đã nhìn nhận các tôn giáo khác như những con đường cứu độ"** là một lời khẳng định thiếu căn cứ và *"đi trước thời đại."* Có lẽ cần phải có CĐ Vatican III để có thể phê chuẩn cho quan điểm này của Đức GM Phaolô và UB VH - HĐGMVN.

2. Còn nếu theo giáo huấn tiền CĐ như đã chứng minh ở trên, lời khẳng định **"Công Đồng đã nhìn nhận các tôn giáo khác như những con đường cứu độ"** của Đức GM. Phaolô và của UB VH, là một sai lầm cần phải bác bỏ.

3. Cũng không thể nào dựa vào việc CĐ nhìn nhận những người ngoài Kitô Giáo có thể được cứu độ để khẳng định rằng, các tôn giáo ngoài Kitô Giáo cũng là những con đường cứu độ. Tại sao vậy? Thưa, việc nhìn nhận người ngoài Kitô Giáo có thể được cứu độ và việc coi các tôn giáo ngoài Kitô Giáo là những con đường cứu độ là hai việc hoàn toàn riêng biệt. Nếu các tôn giáo ngoài Kitô Giáo không phải là những con đường cứu độ, vậy bởi đâu và bằng cách nào mà tín đồ của các tôn giáo đó có thể được cứu? Thưa nếu họ có thể được cứu độ, thì cũng là bởi vì họ được thông phần vào nhiệm nhập thể - chết – và sống lại của Đức Kitô, chứ không phải là do Đức Phật, Mohammed, hay Khổng Tử...mang lại cho họ. Họ được thông phần ơn cứu độ theo cách

thức chỉ một mình Chúa biết mà thôi – in a manner known to God (RM 28; Gaudium et Spes22).

4. Nếu đã chấp nhận “*các tôn giáo khác như những con đường cứu độ*” mà vẫn còn kêu gọi dân thân truyền giáo, thì đó là điều giả dối phi lý, khó hiểu và nực cười.

5. Phải chăng Đức GM Phaolô và UBVH đã dựa vào “*khẩu ngữ*” gần đây của Đức Phan-xi-cô I như “*bạn không cần phải rửa tội để được cứu*”, “*kẻ vô thần cũng có thể được cứu*” ...để đi đến kết luận rằng, các tôn giáo khác cũng là những con đường cứu độ? Đó là chưa kể đến câu hỏi, tại sao trong hội thảo về “*tôn kính ông bà tổ tiên*” lại đưa đề tài “*vai trò của các tôn giáo khác trong chương trình cứu độ*” vào như một phần trọng tâm của cuộc hội thảo? Phải chăng là có dụng ý muốn truyền đạt thông điệp của chủ nghĩa tương đối tôn giáo cho Giáo Hội Việt Nam? Nếu đúng như vậy, quả là một kiểu “*mượn đầu heo nấu cháo*” thật là tài tình!?

6. Mặc dầu Vatican II đã làm cuộc cách mạng lớn lao, xa rời đức tin truyền thống của Giáo Hội như đã trình bày ở những bài trước, nhưng từng đó vẫn là chưa đủ đối với một số lớn các giáo sĩ cấp cao ngày nay. Nếu Vatican II chỉ nhìn nhận khả năng người ngoài Kitô Giáo cũng có thể được cứu độ, một số giáo sĩ cấp cao muốn đi xa hơn, để khẳng định rằng các tôn giáo khác cũng là những con đường cứu độ!

7. Và kìa, từ trung tâm đầu não của Giáo Hội, người ta đang tìm cách hợp thức hoá tội lỗi?? Tội lỗi đã vắng bóng vì không ai còn nhắc đến nó nữa. Tội lỗi cần phải được gọi bằng những tên khác sao cho thanh lịch và phù hợp hơn với con người hôm nay. Phải chăng một cuộc Apostasy nữa của thời kỳ cuối mà thánh Phaolô đã nói đến (2 Tx 2, 1-11) lại đang xảy ra? Và tôi cũng nhớ đến điều Chúa Giêsu đã cảnh báo: “*khi Con Người đến, liệu còn thấy niềm tin trên mặt đất nữa chăng?*” (Lc 18, 8)

- [1] Denzinger, 2915.
- [2] Denzinger, 2916.
- [3] Denzinger, 742, 1051, 1351.
- [4] Gavin D'Costa and Maurice Borrmans, *Catholic Engagement With World Religions: A Comprehensive Study*, ed. Karl Joseph Becker and Ilaria Morali (Orbis Books, 2010), 130.
- [5] D'Costa and Borrmans, *Catholic Engagement With World Religions*, 131.
- [6] D'Costa and Borrmans, *Catholic Engagement With World Religions*, 133.
- [7] Jacques Dupuis, *Toward a Christian Theology of Religious Pluralism* (Orbis Books, 2002), 170.
- [8] D'Costa and Borrmans, *Catholic Engagement With World Religions*, 133.
- [9] Thuyết Hoàn Thành coi Niềm Tin Công Giáo là sự hoàn thành của mọi niềm tin tôn giáo.
- [10]x. Dupuis, *Toward a Christian Theology of Religious Pluralism*, 179.
- [11] Nguồn:
http://www.vatican.va/holy_father/benedict_xvi/speeches/2007/may/documents/hf_ben-xvi_spe_20070524_cei_en.html
- [12] Nguồn:
http://www.vatican.va/holy_father/benedict_xvi/letters/2006/documents/hf_ben-xvi_let_20060902_xx-incontro-assisi_en.html
- [13] Nguồn:
http://www.vatican.va/holy_father/benedict_xvi/speeches/2008/june/documents/hf_ben-xvi_spe_20080606_bishops-malaysia_en.html

BÀI 12: NHỮNG SAI LẦM CỦA CHỦ NGHĨA HIỆN ĐẠI

NHỮNG SAI LẦM CỦA CHỦ NGHĨA HIỆN ĐẠI - MODERNISM

Xét thấy rằng, có quá nhiều người trong Giáo Hội thời nay, từ các giáo sĩ cấp cao cho đến người tín hữu, đang tung hô, chạy theo,

và coi Chủ Nghĩa Hiện Đại – CNHĐ như là một thứ mốt thời thượng, như tiêu chuẩn định hướng cho đời sống đức tin. Họ nhân danh CNHĐ để lèo lái, thay đổi giáo lý bằng cái gọi là *“những đáp ứng mục vụ cho thời đại mới”*.

Xét thấy rằng những ảnh hưởng của CNHĐ trong Giáo Hội hôm



nay quá lớn lao. Nhiều người được mệnh danh là những hoàng tử và mục tử của dân Chúa, nhưng lại mang nặng nề trạng của CNHĐ mà vẫn tưởng mình đang đi đúng đường lối của Chúa và Giáo Hội.

Xét thấy rằng việc hiểu biết những nguy biến sai lầm của CNHĐ là điều cần thiết với những ai còn khao khát với đức tin chân thật vào Đức Kitô, Chúa chúng ta. Việc hiểu rõ chân tướng những sai

lầm của CNHĐ, sẽ giúp ta phân biệt được đâu là của ăn thật và đâu là đồ ăn có tẩm độc đối với đức tin.

Vì lẽ đó, bài này xin lược trích những luận điệu sai lầm tiêu biểu của CNHĐ liên quan đến Quyền Giáo Huấn, đến Mạc Khải, đến Đức Kitô, đến các Bí Tích, và đến sự thiết lập Giáo Hội, đã bị Đức Pio X công khai kết án trong Sắc Lệnh *Lamentabili*, ngày 3/7/1907.

NHỮNG SAI LẦM LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN GIÁO HUẤN CỦA GIÁO HỘI.

1. Luật Giáo Hội quy định rằng những sách liên quan đến Thánh Kinh phải được giao cho một cơ quan kiểm duyệt trước, điều này không áp dụng cho các học giả phê bình hoặc cho các học giả của phương pháp chú giải khoa học về Cựu Ước và Tân Ước (*Denzinger* 3401).
2. Cách chú giải Sách Thánh của Giáo Hội không thể nào bị bỏ qua, nhưng nó cần phải được các nhà chú giải thẩm định và khắc phục cho chính xác hơn (D. 3402).
3. Từ những phê bình và phán xét mà Giáo Hội đã đưa ra chống lại sự chú giải độc lập và dày công nghiên cứu, người ta có thể kết luận rằng đức tin mà Giáo Hội dạy mâu thuẫn với lịch sử, và rằng giáo huấn của Giáo Hội không thể nào dung hoà được với những nguồn gốc chân thực hơn của Kitô Giáo (D. 3403).
4. Quyền giáo huấn của Giáo Hội, ngay cả theo những định nghĩa của tín lý, không thể quyết định ý nghĩa thực sự của Thánh Kinh (D. 3404).
5. Vì kho tàng đức tin chỉ bao gồm những chân lý mạc khải, nên Giáo Hội không có tư cách phán xét những khẳng định thuộc những ngành tri thức nhân loại (D. 3405).

6. Trong việc bác bỏ sai lầm, Giáo Hội không thể đòi hỏi giáo dân cũng phải đồng ý với những phán quyết mà Giáo Hội đưa ra (D. 3407).

NHỮNG SAI LẦM LIÊN QUAN ĐẾN MẠC KHẢI.

1. Những ai tin rằng Thiên Chúa là tác giả thực sự của Thánh Kinh chứng tỏ rằng họ quá ngây thơ và thiếu hiểu biết (D. 3409).

2. Sự linh hứng của Thiên Chúa không bao trùm tất cả Thánh Kinh theo nghĩa từng điều và mọi điều trong đó là không sai lầm (D. 3411).

3. Nếu muốn học hỏi Thánh Kinh hiệu quả, nhà chú giải phải rũ bỏ mọi định kiến trước đó về nguồn gốc siêu nhiên của Thánh Kinh, và chú giải nó như một tài liệu thuần túy con người (D. 3412).

4. Trong nhiều trình thuật được các tác giả Tin Mừng ghi lại, có nhiều điều không đúng với thực tế, nhưng họ đã xét thấy như vậy là có lợi hơn cho người đọc (D. 3414).

5. Các Tin Mừng vẫn được tăng trưởng bằng các bổ sung và sửa chữa cho đến khi quy điển sách thánh được xác định và thiết lập. Do vậy, các Tin Mừng vẫn còn chứa đựng những dấu vết mơ hồ và không chắc chắn về giáo lý của Đức Kitô (D. 3415).

6. Mạc khải không là gì khác hơn ngoài một sự ý thức mà con người có được trong tương quan với Thiên Chúa (D. 3420).

7. Mạc khải, cấu thành đối tượng của đức tin Công Giáo, đã không được hoàn tất với các tông đồ (D. 3421).

8. Những tín điều mà Giáo Hội trình bày như được mạc khải không phải là những chân lý từ trời rơi xuống, nhưng là một sự

chú giải nào đó những dữ kiện tôn giáo mà trí khôn con người đạt được nhờ nỗ lực chăm chỉ (D. 3422).

9. Nhà chú giải có thể giả thiết rằng các tín điều là đáng nghi ngờ và sai lầm về lịch sử mà vẫn không bị khiển trách bao lâu vẫn chưa trực tiếp phủ nhận chính các tín điều đó (D. 3424).

10. Các tín điều chỉ được tuân giữ theo nghĩa thực tế của chúng; tức là theo những quy chuẩn của thực tiễn chứ không phải theo những quy chuẩn của niềm tin (D. 3426).

NHỮNG SAI LẦM LIÊN QUAN ĐẾN ĐỨC KITÔ.

1. Thần tính của Đức Giêsu Kitô không được minh chứng từ các Tin Mừng. Đó là một tín điều mà ký ức Kitô Giáo có được từ ý niệm về Đấng Messiah (D. 3427).

2. Có thể cho rằng Đức Kitô của lịch sử khác với Đức Kitô của đức tin (D. 3428).

3. Giáo lý về Đức Kitô mà thánh Phaolô và thánh Gioan, Công Đồng Ni-xê-a, Ê-phê-xô, và Can-xê-đô-ni-a, truyền dạy, không phải là giáo lý mà chính Chúa Giêsu đã dạy nhưng chỉ là giáo lý mà lương tâm Kitô Giáo đã quan niệm về Chúa Giêsu (D. 3431).

4. Đức Kitô không luôn luôn có ý thức về địa vị thiên sai của mình (D. 3435).

5. Sự Sống Lại của Chúa Cứu Thế không phải là một sự kiện thuộc phạm vi lịch sử nhưng là một sự kiện thuộc phạm vi siêu nhiên (*chưa bao giờ được chứng minh hoặc có thể chứng minh*) mà ký ức Kitô Giáo có được cách tiệm tiến nhờ các dữ kiện khác (D. 3436).

6. Thuở ban đầu, niềm tin vào sự Sống Lại của Đức Kitô không dựa trên chính sự kiện Sống Lại cho bằng dựa trên cuộc sống bất tử của Đức Kitô với Thiên Chúa (D. 3437).

7. Giáo lý về cái chết đền bù tội lỗi của Đức Kitô không có căn bản Tin Mừng mà chỉ là dựa trên tư tưởng của Phaolô (D. 3438).

NHỮNG SAI LẦM LIÊN QUAN ĐẾN CÁC BÍ TÍCH.

1. Nguồn gốc của các bí tích nằm trong sự kiện là các tông đồ và những người kế vị, do ảnh hưởng và tác động của những hoàn cảnh và sự kiện khác nhau, đã giải thích các ý niệm và ý định của Đức Kitô mà ra (D. 3440).

2. Các bí tích chỉ có ý nhắc nhở lòng trí con người về sự hiện diện thường hằng đầy ân phúc của Đấng Tạo Hoá mà thôi (D. 3441).

3. Không phải tất những điều mà thánh Phaolô tường thuật về việc thiết lập Bí Tích Thánh Thể (1 Cr 11, 23-25) đều có căn bản lịch sử (D. 3445).

4. Những lời Chúa nói: *"hãy nhận lấy Thánh Thần, nếu anh em tha tội cho ai thì tội người ấy được tha, nếu anh em cầm buộc tội ai thì tội người ấy bị cầm buộc"* (Ga 20, 22-23) không hề ám chỉ đến bí tích giải tội cho dù các nghị phụ của CĐ Trento đã muốn khẳng định như thế (D. 3447).

5. Khi bữa tiệc ly Kitô Giáo dần dần mất lấy tính chất của một hành động phụng vụ, thì những người chủ sự bữa tiệc ly mới bị đòi hỏi phải có tư cách tư tế (D. 3449).

6. Hôn nhân chỉ trở nên một bí tích của Luật Mới khi về sau này Giáo Hội đạt được một sự cắt nghĩa thần học đầy đủ về giáo lý của ân sủng và các bí tích (D. 3451).

NHỮNG SAI LẦM LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THIẾT LẬP GIÁO HỘI.

1. Đức Kitô không hề có ý định thiết lập Giáo Hội như một xã hội sẽ tồn tại trên trần gian qua nhiều thế kỷ. Trái lại, trong ý

định của Đức Kitô, nước trời cùng với việc tận cùng của thế giới là sắp xảy đến (D. 3452).

2. Cấu tạo hữu cơ của Giáo Hội không phải là không thay đổi. Cũng như xã hội loài người, xã hội Kitô Giáo cũng phải chịu sự biến đổi không ngừng (D. 3453).

3. Xét theo cả ý niệm và thực tế, các tín điều, bí tích và phẩm trật, chỉ là những sự giải thích và tiến triển của sự khôn ngoan Kitô Giáo, sự khôn ngoan làm tăng trưởng và kiện toàn cái mầm mống nhỏ bé tiềm ẩn trong Tin Mừng (D. 3454).

4. Simon Phê-rô đã không bao giờ ngờ được rằng Đức Kitô lại uỷ thác cho ngài địa vị làm đầu Giáo Hội (D. 3455).

5. Giáo Hội Rô-ma trở thành đầu của các giáo hội không phải do ý định quan phòng của Chúa nhưng chỉ là do những điều kiện chính trị mà thôi (D. 3456).

6. Giáo Hội đã chứng tỏ mình là thù địch đối với sự tiến bộ của các ngành khoa học tự nhiên và thần học (D. 3457).

7. Chân lý cũng thay đổi không khác so với con người là mấy, vì nó tiến triển cùng với con người, trong con người và nhờ con người (D. 3458).

8. Đức Kitô đã không rao giảng một bộ giáo lý cố định để áp dụng cho mọi thời và mọi người, trái lại Ngài đã khai mở một trào lưu tôn giáo đã được thích nghi hay là để thích nghi với mỗi thời và mỗi nơi khác nhau (D. 3459).

9. Giáo Hội cho thấy mình không có khả năng duy trì đạo lý của Tin Mừng vì cứ cố tình bám vào những giáo điều cứng nhắc không thể dung hoà với tiến bộ hiện đại (D. 3463).

10. Tiến bộ khoa học đòi hỏi rằng, những ý niệm trong giáo lý Kitô Giáo liên quan đến Thiên Chúa, đến việc tạo dựng, đến mạc

khải, đến Ngôi Vị của Ngôi Lời nhập thể, và đến màu nhiệm Cứu Chuộc, cũng phải được cải cách (D. 3464).

11. Công Giáo hiện đại chỉ có thể dung hoà được với khoa học đích thực khi nó được biến đổi thành một Kitô Giáo phi tín điều; nói cách khác đó là một dạng của Chủ Nghĩa Tin Lành tự do (D. 3465).

Đức Pio IX đã phê chuẩn và truyền lệnh rằng tất cả từng điều và mọi điều liệt kê ở trên phải bị kết án và bác bỏ (D. 3466).

Vì tính nghiêm trọng của những sai lầm của Modernism đối với Giáo Hội, ngày 1/9/1910, Đức Pio X đã ban hành Tự Sắc *Sacrorum Antistitum*, trong đó ngài đã soạn "*Lời thề chống lại những sai lầm của Chủ Nghĩa Hiện Đại*" và truyền cho tất cả hàng giáo sĩ, các mục tử, các cha giải tội, các nhà giảng dạy, các bề trên dòng, và các giáo sư trong các chủng viện triết học và thần học, phải tuyên thệ. Nội dung lời thề như sau:

"Tôi.....(N)... tin tưởng vững vàng và chấp nhận tất cả và mọi điều đã được xác định, khẳng định, và tuyên bố bởi giáo huấn không sai lầm của Giáo Hội, nhất là những điểm giáo lý chính yếu trực tiếp chống lại những sai lầm của thời đại này. Trước nhất, tôi tuyên xưng rằng, Thiên Chúa, khởi nguyên và cùng tận của mọi loài, có thể được nhận biết cách chắc chắn và có thể được chứng minh bằng ánh sáng tự nhiên của lý trí "nhờ những điều đã được tác thành" (x. Rm 1, 20), bởi những công trình hữu hình của tạo thành như nguyên tắc nhân quả. Thứ hai, tôi nhìn nhận những lý lẽ ngoại tại của mạc khải đó là, những dữ kiện thần linh, và nhất là những phép lạ và những lời ngôn sứ, và coi đó như là những dấu hiệu chắc chắn về nguồn gốc thần linh của Kitô Giáo; và tôi tin rằng những lý lẽ này đặc biệt phù hợp với sự hiểu biết của mọi người và mọi thời, kể cả trong những thời đại này. Thứ ba, với đức tin kiên định, tôi tin rằng, Giáo Hội, người canh phòng và bà chủ của lời mạc khải, được thiết lập trực tiếp bởi chính Đức Kitô

lịch sử và chân thật khi Ngài ở giữa chúng ta, và cũng chính Giáo Hội ấy được xây trên nền của Phê-rô, thủ lĩnh đoàn tông đồ, và các đấng kế vị ngài cho đến tận cùng của thời gian. Thứ bốn, tôi chân thành đón nhận giáo lý đức tin đã được truyền lại cho chúng tôi từ các tông đồ qua các giáo phụ chính thống, luôn luôn với cùng một ý nghĩa và cách chú giải; và do vậy, tôi bác bỏ kiến giải sai lạc về sự tiến triển của các tín điều, đi từ nghĩa này sang một nghĩa khác, khác với điều Giáo Hội đã có từ ban đầu; tôi cũng bác bỏ tất cả mọi sai lầm mà từ đó một sự hư cấu triết học được thay thế cho tặng ân thần linh đã được trao cho Hiền Thê của Đức Kitô trung thành bảo vệ, hoặc việc tạo nên của cái gọi là ký ức con người được hình thành từ từ nhờ những nỗ lực của con người, và được hoàn thiện qua việc tiến triển bất tận trong tương lai. Thứ năm, tôi xác tín chắc chắn và thành thật tuyên xưng rằng, đức tin không phải là một thứ tình cảm tôn giáo mù quáng phát xuất từ cội thâm sâu của tiềm thức, của luân lý ấu trĩ dưới áp lực của con tim, và của sự bốc đồng của ý chí, nhưng là ứng thuận đích thực của lý trí đối với chân lý được lãnh nhận do lắng nghe từ bên ngoài, bởi đó chúng tôi tin rằng, điều đã được phán bảo, xác nhận, và mạc khải cho biết bởi một Thiên Chúa cá vị, Đấng Tạo Dựng và Chúa của chúng tôi, phải là sự thật do chính uy quyền của Thiên Chúa, chân lý tối cao.

Tôi nguyện đặt mình với niềm tôn kính thích đáng, và tôi nguyện trung thành trọn cả linh hồn đối với tất cả những kén án, những tuyên bố, và những quy định được hàm chứa trong Thông Điệp Pascendi Dominici Gregis (x. Denzinger 3475-3500) và trong Sắc Lệnh Lamentabili (x. Denzinger 3401-3466), và đặc biệt đối với cái gọi là lịch sử của tín điều. Cùng một cách thức như vậy, tôi bác bỏ sai lầm của những người cho rằng, đức tin mà Giáo Hội trình bày có thể mâu thuẫn với lịch sử, và rằng những tín điều Công Giáo, theo nghĩa như chúng đang được hiểu, là không thể dung hoà được với những nguồn gốc chân thực hơn của Kitô Giáo. Tôi cũng lên án và bác bỏ quan điểm của những ai cho rằng, một Kitô Giáo khôn ngoan hơn cần phải mặc lấy một nhân cách nhị nguyên, nhân cách của một người tin và của một sử gia,

như thể một sử gia được cho phép có quan điểm mâu thuẫn với đức tin của người tin, hoặc đặt giả thiết rằng các tín điều là sai lầm hoặc đáng nghi ngờ, miễn là chúng không bị trực tiếp phủ nhận. Tôi cũng bác bỏ phương pháp nghiên cứu và chú giải Thánh Kinh mà không thêm để ý đến truyền thống của Giáo Hội, sự loại suy đức tin, và những nguyên tắc của Tông Toà, nhưng chỉ tuân theo những hư cấu của những kẻ duy lý, mạnh mẽ ủng hộ việc phê bình bản văn như là quy luật duy nhất và tối thượng. Ngoài ra, tôi bác bỏ luận điệu của những ai cho rằng, đến nay, những người giảng dạy hay viết về những nguyên tắc lịch sử và thần học trước hết cần phải rũ mình khỏi những quan niệm trước đó về nguồn gốc siêu nhiên của truyền thống Công Giáo hoặc sự trợ giúp được Chúa hứa ban cho việc gìn giữ mãi mãi chân lý mạc khải, rồi các tác phẩm của các Giáo Phụ cũng cần phải được chú giải theo những nguyên tắc của khoa học, gạt qua một bên tất cả mọi thần quyền, bằng sự tự do phán xét như vẫn thường làm đối với bất cứ một tài liệu trần tục nào khác. Tóm lại là, tôi tuyên xưng cách hoàn toàn tự do tách mình khỏi sai lầm của những kẻ duy hiện đại cho rằng, chẳng có chi là thần linh trong thánh truyền; hoặc điều tệ hại hơn, nhìn nhận điều này theo nghĩa phiếm thần, để chẳng còn gì khác là một thực thể đơn giản trần trụi được đồng hoá với những thực thể thông thường của lịch sử của con người, nhờ sự chăm chỉ, kỹ năng, và tài năng tiếp nối qua các thời đại sau đó của trường phái được Chúa Giêsu và các tông đồ khai mở. Vì vậy tôi tuân giữ vững vàng đức tin của các Giáo Phụ, và sẽ tuân giữ nó cho đến hơi thở cuối cùng, đối với tặng ân của chân lý vốn đã, đang, và sẽ mãi mãi trong sự kế thừa của hàng giám mục từ các tông đồ, không phải để cho nó có thể nên hoàn thiện hay phù hợp hơn theo mỗi một thời kỳ văn hóa, nhưng để cho chân lý bất biến và tuyệt đối mà các tông đồ rao giảng từ ban đầu không bao giờ bị tin và hiểu theo một cách khác.

Tôi xin hứa sẽ tuân giữ những điều này cách trung thành, trọn vẹn và thành tâm, rằng tôi sẽ gìn giữ chúng cho khỏi bị phạm, không bao giờ rời xa chúng bằng lời nói hay chữ viết trong khi

giảng dạy hoặc trong bất kỳ một sự mưu cầu nào khác. Vậy tôi hứa và xin thề, xin Chúa giúp sức cho tôi." (D. 3537 – 3550).

Kết luận:

Trên đây là những luận điệu sai lầm của Modernism đã bị Giáo Hội thẳng thừng kết án và bác bỏ. Ý thức về mối nguy hại của Chủ Nghĩa Hiện Đại đối với đức tin Công Giáo còn được cụ thể hoá bằng lời tuyên thệ ở trên. Lời tuyên thệ này nhắc nhở và cảnh tỉnh toàn thể Giáo Hội, và nhất là những người được Chúa trao phó trách nhiệm chăn dắt đoàn chiên của Ngài, *về tính trọn hảo và bất biến của đức tin Công Giáo*. Chân lý đức tin sẽ trường tồn theo thời gian, không bao giờ biến báo đổi thay theo thời gian, văn hoá, và con người. Bởi vì, chân lý đức tin không phải là một dạng ý thức hệ con người, không phải là một điều gì hay cái gì, nhưng là chính Đức Kitô, mạc khải chung cuộc và trọn vẹn của Thiên Chúa đối với con người. Do vậy mà có thể nói được rằng, bóp méo chân lý đức tin là bóp méo và làm biến dạng dung mạo của chính Đức Kitô: *"Đức Kitô vẫn là một, hôm qua cũng như hôm nay, và như vậy mãi đến muôn đời."* (Dt 13, 8).

Tuy nhiên dòng chảy cập nhật hoá và hiện đại hoá Giáo Hội bắt nguồn từ cuộc cách mạng Vatican II, đã làm những cảnh báo về Chủ Nghĩa Hiện Đại và lời tuyên thệ trên trở nên những tiếng kêu lạc lõng vô ích. Giáo Hội giờ đây không còn là *"một thư viện lưu trữ tín điều nữa mà là một khu vườn sự sống!"* Nỗ lực duy hiện đại ngày nay ảnh hưởng quá nặng nề trong Giáo Hội đến nỗi hầu như người ta đều cho rằng việc thích nghi Giáo Lý cho phù hợp với con người ở mỗi thời đại là điều chính đáng và phải đạo. Người ta nhân danh sự tiến bộ của ngành khoa học nói chung, nhất là những ngành nhân chủng học, tâm lý, triết học, khảo cổ học...để tái định nghĩa giáo lý. Hãy nhớ rằng, lời thề chống chủ nghĩa hiện đại ở trên đã bác bỏ quan điểm cho rằng giáo lý cũng cần phải phát triển và lớn lên theo thời gian.

Những đầu óc duy hiện đại phá nát giáo lý của Giáo Hội bằng kiểu diễn đạt mập mờ không rõ ràng, khiến cho không ai có thể

kết tội họ được. Họ không công khai chối bỏ giáo lý cũng chẳng chính thức xác nhận. Đây là thí dụ: Giáo lý truyền thống của Giáo Hội luôn dạy rằng, bí tích rửa tội là cần thiết cho ơn cứu độ và ai nói rằng *bí tích rửa tội không cần thiết cho ơn cứu độ thì bị vạ tuyệt thông* (x. Denzinger 1618). Còn những đầu óc tân tiến hiện đại thời nay có thể vô tư giảng dạy mà không sợ bị phạt và rằng: *bạn không cần thiết phải rửa tội để có thể được cứu.*? Đây là sự khác nhau giữa hai câu nói "***bí tích rửa tội không cần thiết cho ơn cứu độ***" và "***bạn không cần thiết phải rửa tội để có thể được cứu***". Tại sao một câu thì bị vạ tuyệt thông, còn câu kia thì không?

Tóm lại, Giáo Hội, qua các thời đại cho đến tận CĐ Vatican II, luôn coi việc đề phòng giáo lý sai lạc là một trong những ưu tiên hàng đầu trong sứ vụ của mình. Giáo Hội xác tín rằng, chân lý mà Giáo Hội trình bày cho con người, không đơn thuần là một giáo thuyết, một ý thức hệ, hay một bộ sưu tập tín điều, nhưng là chính Chúa Giêsu Kitô "*là Đường, là Sự Thật, và là Sự Sống*" (Ga 14, 6). Do vậy, bóp méo chân lý Giáo Hội trình bày là bóp méo chính Chúa Giêsu Kitô. Nếu không đứng về phía chân lý thì người ta chỉ có thể đứng về phía sai lầm mà thôi, cũng như nếu không đứng về phía Đức Kitô, thì người ta chỉ có thể thuộc về phe ma quỷ. Không thể có một thái cực trung dung ở giữa chân lý và sai lầm, ở giữa Đức Kitô và ma quỷ.

Bài viết này là một nỗ lực ôn lại giáo lý cũ tưởng như bị lãng quên, nhưng người viết cho là rất quan trọng cho việc đề phòng giáo lý sai lạc trong thời đại ngày nay. Trong thời buổi "*vàng thau lẫn lộn*" này, tỉnh thức, khôn ngoan, và can đảm là những phẩm chất tối cần thiết đối với các mục tử, những người được Chúa trao cho trách nhiệm chăn dắt chiên của Ngài. Xin được kết thúc bằng những lời căn dặn sau đây của Thánh Phaolô: "*Không có Tin Mừng nào khác đâu, mà chỉ có một vài kẻ phá rối anh em, và muốn làm xáo trộn Tin Mừng của Đức Kitô đó thôi. Nhưng nếu có ai, kể cả chúng tôi, hoặc một thiên thần nào từ trời xuống, loan báo cho anh em Tin Mừng khác với Tin Mừng chúng tôi đã loan*

báo cho anh em, thì xin Thiên Chúa loại trừ kẻ ấy đi! Như tôi đã nói, và nay tôi xin nói lại: nếu có ai loan báo cho anh em một Tin Mừng khác với Tin mừng anh em đã lãnh nhận, thì xin Thiên Chúa loại trừ kẻ ấy đi!" (Gl 1, 7-9).

BÀI 13: THẦN KHÍ NÀO ĐÃ THÚC ĐẨY?

THẦN KHÍ NÀO ĐÃ THÚC ĐẨY?

Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế Giới Ngoại Thường về Gia Đình (nay gọi tắt là *Synod*) đã kết thúc với Bản Đức Kết - *relatio Synodi* – còn gây nhiều bàn tán tranh cãi. Khoan nói về nội dung. Chỉ nguyên



việc nhìn vào những gì mà Synod phơi bày ra cho mọi người đã khiến người ta phải tự hỏi: Thần Khí nào đã thúc đẩy Synod?

Dù Synod được ca ngợi là đã diễn ra với tinh thần nào là "*thắng thắn phát biểu, khiêm tốn lắng nghe*", nào là "*với Phê-rô và dưới Phê-rô – cum Petro et sub Petro*", nào là "*Vatican II quá thực một lần nữa đã được tái hiện tại Synod này*"..., thì cũng không thể phủ nhận một điều rằng, Synod này đã bị bao phủ bởi những đám mây đen ngòm đáng ngại.

Đám mây lạc giáo và ly giáo

Phát huy tinh thần cuộc cách mạng Vatican II, các thành phần lạc giáo và ly giáo tiếp tục được rước đến tham dự Synod lần này. Các đại diện lạc giáo và ly giáo này đến từ Toà Thượng Phụ Đại Kết Bì, Toà Thượng Phụ Chính Thống Giáo Nga, Chính Thống Giáo Coptic Ai-cập, Chính Thống Giáo Li-băng, Hiệp Thông Anh Giáo, Liên Đoàn Tin Lành Thế Giới, Hiệp Thông Thế Giới các Giáo Hội Cải Cách, và Liên Minh Baptist Thế Giới.[1]Thật không thể hiểu nổi! Từ chỗ bị coi là quân lạc đạo và phản loạn, các thành phần ly giáo và lạc giáo này giờ đây được sắm vai "*ngợi phụ*", dẫn đường chỉ lối cho con cái Giáo Hội. Như các bài trước đã trình bày và nếu nói theo văn phong kiểm hiệp thì, Giáo Hội Công Giáo là danh môn chính phái, không thể nào có chuyện bắt tay hợp tác với các tà phái lạc giáo và ly giáo được! Nếu điều này nhất quyết xảy ra, người ta có quyền nghi ngờ thứ giáo lý được sinh ra từ cuộc kết hợp giữa chính phái và tà phái này.

Đám mây gian dối và kỳ thị

Gian dối và kỳ thị đã được phơi bày giữa công đường cho cả thế giới thấy. Thủ đoạn gian dối bị lộ ra vào cuối tuần thảo luận đầu tiên. Bản đúc kết tuần thảo luận tuần đầu tiên này thay vì phải đến tay các nghị phụ trước thì lại bị tuồn ra cho các ký giả. Giới truyền thông reo ầm lên rằng Giáo Hội đã thay đổi cái nhìn với và chấp nhận người đồng giới –*homosexuals* - và các kết hợp đồng giới – *homosexual unions*. Từ nay các cộng đồng Kitô hữu cần chào đón và đề cao những người đồng giới bởi vì họ cũng có những "*ơn phúc và giá trị*" để trao ban cho cộng đồng! Các nghị phụ ngơ ngác không hiểu điều gì đang xảy ra vì trong quá trình thảo luận trước đó, chuyện những người đồng giới cũng như các cuộc kết hợp đồng giới chưa được bàn đến! Vậy ai đã đưa nội dung này vào bản tài liệu đúc kết? Ai đã tuồn bản tài liệu này cho giới truyền thông? Trong khi Tổng Thư Ký Synod là HY. Lorenzo BALDISSERI và thư ký đặc biệt là TGM. Bruno FORTE, chính vị này chịu trách nhiệm đúc kết và soạn bản đúc kết, vậy mà lại để cho có chuyện gian dối xảy ra như trên! Phải chăng có kẻ thù

xâm nhập Giáo Hội? Phải chăng có những “*con Sói trong bộ dạng con Cừu*” trong Synod?

Còn chuyện kỳ thị nữa chứ! HY. Walter Kasper, trong khi trả lời



HY. Walter Kasper

phỏng vấn của ký giả Edward Pentin ngày 15/10/2014, tiếp tục gây sóng gió với phát ngôn về các Giám Mục Phi Châu rằng: *chúng tôi không nghe họ. Họ đừng lảm lời nói chúng tôi phải làm gì!* Câu nói của HY. Kasper khiến không chỉ các GM. Phi Châu mà mọi người đều coi là không thể chấp nhận được. Không thể tin rằng những lời lẽ như vậy lại được tuôn ra từ môi miệng của một vị hoàng tử của Giáo Hội! Trước làn sóng chỉ trích của dư luận, HY Kasper đã phủ nhận và chữa rằng: *Tôi không bao giờ nói như vậy về các GM. Phi Châu.* Đáp lại, ký giả Edward Pentin đã trưng ra bằng chứng là đoạn băng ghi âm cuộc phỏng vấn với HY. Kasper[2]. Chỉ khi đó HY. Kasper mới chịu thừa nhận và đưa ra lời xin lỗi! Với thái độ hối lỗi này, giới truyền thông tại Rôma và

Âu Châu đã phong tặng HY. Kasper danh hiệu “*kẻ nói dối thân thiện – friendly liar*”![3]

Trong một cuộc tụ họp thánh thiện của các hoàng tử và mục tử như thế, mà lại để xảy ra gương mù gương xấu của gian dối và kỳ thị như vậy, có phải đó là hiện tượng “*cá thối từ đầu*” như người Pháp nói, và “*thượng bất chính, hạ tắc loạn*” như người Việt nói hay không?

Đám mây lệnh lạc sai lầm

Dấu hiệu lệnh lạc và sai lầm ở đây không xét đến trong nội dung của Bản Tài Liệu Đức Kết – *Relatio Synodi* – cho bằng ở *tinh thần làm việc và phương pháp* của Synod.

Dấu hiệu lệch lạc trong tinh thần làm việc của Synod?

Trước khi Synod chính thức đi vào thảo luận, người đứng đầu Giáo Hội đã khai thông cho Synod bằng phương châm “*thẳng thắn phát biểu, khiêm tốn lắng nghe*”. Được lời như cởi tấm lòng, các hoàng tử và mục tử đầy khí thế và tự tin bước vào cuộc thảo luận. Dấu hiệu lệch lạc và sai lầm ở đây chính là *sự tự do bày tỏ quan điểm phản giáo lý mà không bị ai kết tội*! Một thứ *tự do ngôn luận thần học* không thể hiểu nổi! HY. Walter Kasper đã công khai trình bày quan điểm và ủng hộ việc cho những người đã ly dị và tái hôn được rước lễ! Quan điểm phản đức tin và phản giáo lý như vậy mà chẳng bị ai ngăn cấm. Trái lại, quan điểm đó còn được vị giám mục áo trắng ca ngợi là “*thần học đích thực*”, là “*tư tưởng của người làm thần học khi quỳ gối*”! Cần biết rằng, HY. Kasper là nhân vật đã thoái hoá đức tin cách trầm trọng. Qua các sách vở của mình, Kasper đã công khai bác bỏ và không tin vào chuyện các Đạo Sĩ – *Magi* – đến thăm Hài Nhi Giêsu, cũng không tin việc Đức Giêsu lên trời – *Ascension*. Vậy tại sao một người thoái hoá đức tin như vậy mà lại được chọn lên làm Giám Mục và HY? Đó là do siêu lực – *superforce* – ở Vatican! [4]. Nếu đúng như vậy, HY. Kasper là một lạc giáo rõ ràng và như đã nói

trong bài 6, phần I của cách mạng Vatican II, một lạc giáo tức khắc tự loại mình ra khỏi Giáo Hội và mất hết mọi chức vụ và quyền hạn.[5]

HY. George Pell đến từ Sydney, Australia, trấn an rằng: *ý kiến muốn cho những người ly dị và tái hôn được rước lễ chỉ là ý kiến của một số ít mục tử mà thôi, và đó chỉ là phần nổi của một tảng băng ngầm. Thực ra, họ muốn thay đổi rộng lớn hơn, muốn công nhận mọi thứ kết hiệp dân sự, công nhận cả hôn nhân đồng tính!*[6]

Lời xác nhận trên của HY. Pell cho thấy rõ một thực tế là có một hạng mục tử được gọi là cấp tiến đang hiện diện và ngồi ở vị trí quyền lực cao trong Giáo Hội. Hạng mục tử này nguy hiểm về sự tách biệt giữa giáo lý và mục vụ. Họ không thay đổi giáo lý mà chỉ thay đổi việc áp dụng mục vụ! Phải chăng đây là hạng mục tử "nói một đằng làm một nẻo?" Hạng mục tử như vậy không thể gọi bằng cái mác cấp tiến được, đúng hơn phải gọi là hạng mục tử suy thoái bởi không còn muốn trung thành với truyền thống đức tin nữa[7]. Mác cấp tiến chỉ thường dành cho các chính trị gia mà thôi. Hay phải chăng họ là các chính trị gia đội mũ đỏ mũ xanh?

Bất cứ ai chú ý cũng có thể thấy, tinh thần làm việc của Synod tạo ra một cảm tưởng rằng, những sai lầm của Chủ Nghĩa Hiện Đại như nói ở bài trước đang chi phối và dẫn dắt Synod. Những sai lầm tiêu biểu đó là:

1. *Nhà chú giải có thể giả thiết rằng các tín điều là đáng nghi ngờ và sai lầm về lịch sử mà vẫn không bị khiển trách bao lâu vẫn chưa trực tiếp phủ nhận chính các tín điều đó (Denzinger. 3424).*
2. *Các tín điều chỉ được tuân giữ theo nghĩa thực tế của chúng; tức là theo những quy chuẩn của hành động chứ không phải theo những quy chuẩn của niềm tin (D. 3426).*

3. *Chân lý cũng thay đổi không khác so với con người là mấy, vì nó tiến triển cùng với con người, trong con người và nhờ con người (D. 3458).*

4. *Đức Kitô đã không rao giảng một bộ giáo lý cố định để áp dụng cho mọi thời và mọi người, trái lại Ngài đã khai mở một trào lưu tôn giáo đã được thích nghi hay là để thích nghi với mỗi thời và mỗi nơi khác nhau (D. 3459).*

5. *Giáo Hội cho thấy mình không có khả năng duy trì đạo lý của Tin Mừng vì cứ cố tình bám vào những giáo điều cứng nhắc không thể dung hoà với tiến bộ hiện đại (D. 3463).*

6. *Tiến bộ khoa học đòi hỏi rằng, những ý niệm trong giáo lý Kitô Giáo liên quan đến Thiên Chúa, đến việc tạo dựng, đến mạc khải, đến Ngôi Vị của Ngôi Lời nhập thể, và đến mầu nhiệm Cứu Chuộc, cũng phải được cải cách.*

7. *Công Giáo hiện đại chỉ có thể dung hoà được với khoa học đích thực khi nó được biến đổi thành một Kitô Giáo phi tín điều; nói cách khác đó là một dạng của Chủ Nghĩa Tin Lành tự do (D. 3465).*

Quả thật, nếu những luận điệu sai lầm kể trên không trở thành kim chỉ nam cho Synod, thì làm sao người ta lại thực thi một kiểu tự do ngôn luận thần học như thế? Tự do nói mà không sợ mâu thuẫn với đạo lý của Giáo Hội. Đức tin và luân lý hẳn đã bị đồng hoá với một dạng ý thức hệ nào đó mới khiến cho người ta vô tư bày tỏ như vậy? Nói sao cũng được miễn là không trực tiếp phủ nhận giáo lý của Giáo Hội! Thật kỳ lạ! kiểu tự do ngôn luận như vậy dường như được coi là bình thường ở nơi trung tâm đầu não của Giáo Hội! Phải chăng họ đang thi thố và truyền bá một “*thứ tự do của sự trầm luân*” như đức Pio IX đã từng nói?[8].

Dấu hiệu lệch lạc trong phương pháp của Synod?

Có thể nói phương pháp của Synod là sự tổng hợp sai lầm của chủ nghĩa hiện đại, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa Tin Lành, và rõ nét nhất là của thứ thần học giải phóng – *liberation theology*.

Thần Học Giải Phóng - THGP là gì? Linh mục Malachi Brendan Martin (1921-1999) định nghĩa: "*THGP chỉ đơn thuần là một thứ chủ nghĩa Mác-xít mang bộ mặt Kitô Giáo. Đức Kitô là nhà cách mạng. Đức Maria là mẹ của mọi nhà cách mạng. Bánh Sự Sống không còn ở trong nhà tạm nữa nhưng được sản xuất trong nhà máy*"[9]. Đức Benedicto XVI, khi còn là Hồng Y. Joseph Ratzinger, đã trình bày THGP như là một cách diễn giải mới về đức tin Kitô Giáo dựa trên những ý niệm được vay mượn từ chủ nghĩa Mác-xít như biện chứng lịch sử, đấu tranh giai cấp...[10]

Linh mục Gustavo Gutierrez S.J. được coi là người đã khai sinh ra thần học giải phóng – THGP – ở Mỹ Châu Latinh đầu những năm 70 của thế kỷ 20 với cuốn sách có tựa đề "*A Theology of Liberation: History, Politics, Salvation - Một Thần Học Giải Phóng: Lịch Sử, Chính Trị, và Ôn Cứu Độ*". Trong đó Gutierrez lý luận rằng, Giáo Hội có một trách nhiệm đối với người nghèo, rằng nghèo đói là lỗi lầm của những cơ cấu xã hội tội lỗi và bất công, và rằng các Kitô hữu phải có trách nhiệm thay đổi những cơ cấu bất công này. Đây chính là tiền đề dẫn đến lệch lạc nguy hại của THGP mà Gutierrez là người khởi xướng.

Những dấu hiệu lệch lạc căn bản của THGP là:[11]

1. THGP tách biệt Đức Kitô của lịch sử với Đức Kitô của niềm tin. Đức Kitô của lịch sử đã thuộc về dĩ vãng và vĩnh viễn bị đóng khung trong thế giới của Do-thái Giáo. Ngài đã trở nên xa vời trừu tượng với hiện tại nên chúng ta phải dùng phương pháp mới để đưa Ngài đến với lịch sử hiện tại.

2. THGP vay mượn phương pháp biện chứng lịch sử - *historical dialectic* - của chủ nghĩa Mác-xít để giải thích Thánh Kinh. Mà lịch sử thì luôn biến chuyển nên phương pháp chú giải cũng thay đổi không ngừng theo dòng lịch sử. Theo đó, ý niệm lịch sử đã nuốt trọn ý niệm Thiên Chúa và Mạc Khải. Lịch sử chiếm chỗ của Thiên Chúa.

3. THGP dùng ý niệm đấu tranh giai cấp – *class struggle* - của chủ nghĩa Mác-xít để giải thích thể giới. Theo đó, lịch sử thể giới là lịch sử của đấu tranh giai cấp nên chỉ có một chọn lựa giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa Mác-xít; giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản; giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị trị; giữa người giàu và người nghèo. THGP cho rằng Chúa Giêsu bị giết là hệ quả của lập trường đấu tranh giai cấp của Ngài: chống người giàu và bênh người nghèo.

4. THGP cho rằng, dung mạo của Chúa Giêsu trong Tin Mừng là sự tổng hợp của những sự kiện và sự giải thích dựa trên chính kinh nghiệm của các cộng đồng khác nhau. Do vậy, **chính kinh nghiệm của cộng đồng dân chúng quyết định cách hiểu và giải thích Thánh Kinh.**

5. THGP coi Thánh Kinh như một cuốn cẩm nang đấu tranh giai cấp hơn là Sách Sự Sống và cẩm nang cứu độ! Do vậy, đức tin đồng nghĩa với "*lòng trung thành với lịch sử*"; đức cậy nghĩa là "*tự tin vào tương lai*"; và đức mến nằm trong "*sự chọn lựa cho người nghèo*" và "*đấu tranh giai cấp*".

Đó là một số những sai lầm căn bản của THGP. Nhìn vào Synod vừa qua ta thấy, Vatican dường như cũng đang muốn áp dụng phương pháp sai lầm của THGP để soạn ra một thứ "*Tin Mừng về gia đình*" cho toàn thể Giáo Hội. Phương pháp sai lầm đó được thể hiện qua việc muốn: **dùng kinh nghiệm của cộng đồng dân chúng để quyết định cách hiểu và cắt nghĩa Thánh Kinh. Nói cách rộng hơn là, dùng kinh nghiệm và tiếng nói của dân để thay đổi giáo lý.**

Chủ ý dùng kinh nghiệm và tiếng nói của dân để thay đổi giáo lý được thể hiện qua một động thái chưa từng có trong tiền lệ đó là, khoảng cuối năm 2013, Vatican đã đưa ra bản tài liệu chuẩn bị cho Synod và truyền cho toàn thể các thành phần trong Giáo Hội học hỏi, thảo luận và trả lời các câu hỏi thăm dò được nêu ra

trong đó. Bản tài liệu đã soạn ra 39 câu hỏi liên quan đến 9 chủ đề khác nhau, trong đó có các câu liên quan đến hôn nhân đồng giới và các cặp vợ chồng rời (*tài liệu gọi là những cuộc hôn nhân không bình thường - irregular marriages - cho nhẹ nhàng!*). Hội Đồng Giám Mục ở các quốc gia chịu trách nhiệm thực thi việc cho giáo dân học hỏi và trả lời các câu hỏi thăm dò. Kết quả được tổng hợp và gửi về cho Vatican. Theo nhận xét chung cho thấy, một phần không nhỏ dân chúng ở Âu Châu và Mỹ Châu coi chuyện ly dị, chuyện người ly dị tái hôn rước lễ, chuyện hôn nhân đồng giới là bình thường và Giáo Hội nên nhìn nhận đó là quyền của họ. Không nên kỳ thị và phân biệt đối xử với ai. Mọi người đều bình đẳng và đáng được tôn trọng....Trái lại giáo dân ở Phi Châu, Á Châu và các vùng khác, tỷ lệ ủng hộ những chuyện này ít hơn nhiều.

Rồi khi Synod chính thức diễn ra từ ngày 5-19 tháng 10 vừa qua, Vatican cũng mời các đôi vợ chồng đến từ các quốc gia và châu lục khác nhau đến tham dự và chia sẻ tại Synod. Đáng chú ý là tham luận của đôi vợ chồng đến từ Úc ngay trong buổi chiều ngày làm việc đầu tiên của Synod. Cặp đôi người Úc này chia sẻ giả định một tình huống khó khăn trong một gia đình khi họ phải ứng xử làm sao với cậu con trai mắc chứng tính dục đồng giới – *gay*, muốn đưa đối tác của anh ta về gia đình dịp lễ Giáng Sinh? Cách lập luận của đôi vợ chồng này tạo cho người nghe cảm giác như họ đang biện minh và ủng hộ cho những người mắc chứng tính dục đồng giới nói chung, cả nam lẫn nữ (*gay và lesbian*). Do vậy, bài tham luận của đôi vợ chồng này gây nhiều tranh cãi và phản ứng khắp nơi.[12]

Qua phân tích ở trên ta thấy, rõ ràng Vatican dường như đang áp dụng phương pháp “*dùng kinh nghiệm và tiếng nói của dân chúng*” như một tiếng nói nặng ký và khách quan để biện minh cho việc thay đổi tín lý và mục vụ. Đây rõ ràng là cách thức của THGP như vừa nêu trên.

Ngoài dấu ấn của THGP, Synod cũng thể hiện một phong cách Tin Lành rõ ràng. Thomas Tobin, Giám Mục Giáo Phận

Providence, Hoa Kỳ, cho biết, ngài đã cảm thấy kinh ngạc trước việc Synod đã thể hiện một phong cách làm việc của Tin Lành, đó là cho các đại diện của Giáo Hội bỏ phiếu đối với các áp dụng tín lý và giải pháp mục vụ được đưa ra. Cũng theo GM. Tobin, việc cố gắng thích ứng với những nhu cầu của thời đại, như Giáo Hoàng đề xuất, đặt Giáo Hội trước nguy cơ đánh mất đi tiếng nói ngôn sứ, phản tỉnh văn hoá, và can đảm mà thế giới đang cần[13].

Bên cạnh những đám mây đen ngòm đáng sợ của lạc giáo ly giáo, của kỳ thị gian dối, và của lệnh lạc sai lầm, đang vây bủa Synod, vẫn có ánh mây hồng của can đảm và trung thành xuất hiện.

Hồng Y Raymond Burk - Bộ Trưởng Bộ Xá Giải Tông Toà:

Đây có lẽ là tiếng nói trung thành can đảm nhất, đại diện cho các mục



HY. Raymond Burk

tử chính thống chân truyền, chống lại phe mục tử suy thoái đang muốn phá huỷ giáo lý và thực hành của Giáo Hội. Theo HY. Burk đã đưa ra những nhận xét tiêu biểu sau:

- Bản tài liệu đúc kết giữa kỳ - *Relatio post disceptationem* - đã quảng bá những quan điểm không thể nào chấp nhận được đối với các mục tử trung thành của đoàn chiên. Bản tài liệu thiếu một nền tảng vững chắc dựa trên Thánh Kinh và Giáo Huấn của Giáo Hội, nó cho thấy một cái gì đó hoàn toàn mới đang được tạo ra, một cuộc cách mạng thật sự, như một nghị phụ Synod đã nói.[14]

- Cuộc tụ họp của các giám mục khắp nơi trên thế giới tại Rôma lần này dường như là đã được sắp đặt để làm suy yếu giáo huấn và thực hành của Giáo Hội .

- Theo sự hiểu biết của tôi, Giáo Hoàng đã gây ra nhiều thiệt hại cho Giáo Hội bằng cách không bộc lộ công khai quan điểm của mình là gì. Điều đó khiến tôi cảm thấy rằng, ngài ủng hộ những phần gây tranh cãi nhất của bản tài liệu, đặc biệt là vấn đề ly dị và chuyện cho người ly dị tái hôn được rước lễ. Hơn ai hết, với tư cách là mục tử của toàn thể Giáo Hội, Giáo Hoàng bị bó buộc phải phục vụ chân lý. Giáo Hoàng không có quyền thay đổi giáo huấn của Giáo Hội liên quan đến tính luân lý của các hành vi tính dục đồng giới, sự bất khả phân ly của hôn nhân hay bất kỳ một giáohuấn đức tin nào khác.

- Không thể có sự khác biệt giữa giáo lý và thực hành trong những vấn đề liên quan đến tính dục đồng giới hay bất kỳ vấn đề nào khác. Giáo Hội không loại trừ bất kỳ một người thành tâm thiện chí nào cho dù người đó bị hấp dẫn bởi tính dục đồng giới và thực hành nó. Nếu người ta không chấp nhận giáo huấn của Giáo Hội về những vấn đề này, họ cần xét lại mình và điều chỉnh suy nghĩ của mình, hoặc rời bỏ Giáo Hội nếu họ thật sự không

chấp nhận. Họ chắc chắn không có quyền thay đổi giáo huấn của Giáo Hội cho phù hợp với tư tưởng của họ.[15]

HY. George Pell cũng được coi là có tiếng khá mạnh mẽ: *“chúng tôi không chiều theo nghị trình của thế gian, chúng tôi không xụp đổ!”*[16]

Một tín hiệu mạnh mẽ nữa nhằm chống lại thế lực muốn thay đổi giáo huấn và thực hành của Giáo Hội đó là, ngay trước thềm Synod, một nhóm 5 Hồng Y, đứng đầu là HY. Gerhard Ludwig Müller, đương kim Bộ Trưởng Bộ Giáo Lý Đức Tin, đã cùng đứng tên đồng tác giả cuốn sách có tựa đề: *“Remaining in the Truth of Christ: Marriage and Communion in the Catholic Church – Hãy ở lại trong chân lý của Đức Kitô: Hôn Nhân và Rước Lễ trong Giáo Hội Công Giáo”*. Việc 5 HY. cùng đứng tên tác giả cho một cuốn sách là việc chưa từng xảy ra trong đời sống Giáo Hội. Cuốn sách được đưa ra nhằm bác lại luận điểm mà HY. Kasper đã đưa ra trong công nghị HY. hồi tháng 2 năm 2014 rằng, Giáo Hội cần phải mở rộng cửa cho những người đã ly dị và tái hôn được rước lễ! Các tác giả cuốn sách đã chứng minh rằng, không có một bằng chứng nào từ Thánh Kinh và Truyền Thống Giáo Hội có thể biện minh cho việc để cho những người đã ly dị và tái hôn được rước lễ! Cuốn sách là đòn giáng mạnh vào phe cách mạng muốn thay đổi giáo huấn và thực hành của Giáo Hội. Bốn vị HY. khác cùng đứng tên tác giả là: Raymond Burke – Bộ Trưởng Bộ Xá Giải Tông Tòa; Walter Brandmüller – Cựu chủ tịch Ủy Ban Giáo Hoàng Về Khoa Các Môn Khoa Học Lịch Sử; Carlo Caffarra – Tổng Giám Mục Giáo Phận Bologna, Ý; và Velasio De Paolis – Cựu Bộ Trưởng phụ trách các vấn đề kinh tế của Tòa Thánh[17].

Khi mà những đám mây đen bao trùm Synod chưa kịp tan hết, người ta dường như lại được thấy một đám mây xám xịt khác xuất hiện trong bầu trời Giáo Hội thời hậu Synod. Đó là đám mây thanh lọc nhân sự của Vatican, nhằm loại bỏ bớt các tiếng nói can đảm trung thành, những *“chướng ngại đáng ghét”* cản trở đà tiến của cuộc cách mạng.

Trước tiên, chính HY. Raymond Burk đã xác nhận rằng, ngài đã được cho biết là sẽ bị chuyển chức vụ Bộ Trưởng Bộ Xá Giải Tông Tòa hiện nay, để nắm giữ một chức vụ mang tính hình thức là đỡ đầu Các Hiệp Sĩ Man-ta. Tuy nhiên, ngài không cho biết là ai đã nói cho ngài biết tin sẽ bị chuyển[18]. Dẫu biết rằng việc chuyển chức vụ trong Giáo Hội là việc rất bình thường, nhưng nếu HY. Burk bị mất chức trong thời điểm hiện tại, đó là điều đáng tiếc với vị HY mới 66 tuổi này, và người ta không thể không nghi ngờ về ẩn ý thực sự đằng sau việc chuyển này.

Ngoài HY. Burk, một gương mặt lớn nữa của Giáo Hội là HY. Gerhard



HY. Gerhard Ludwig Müller

Ludwig Müller cũng đang đứng trước nguy cơ rất lớn phải rời khỏi ghế Bộ Trưởng Bộ Giáo Lý Đức Tin. Theo nhận định, lý do mà HY. Müller có thể sớm phải mất chức là vì tư tưởng của ngài đã không có cùng *tần số* với tư tưởng của Đức Phan-xi-cô. Nếu điều này xảy ra đối với vị HY. cũng mới 66 tuổi này và mới chỉ bắt đầu đảm nhận chức vụ 6 tháng trước khi Đức Benedicto XVI từ chức, thì đó là sẽ đòn mạnh giáng vào Cựu Giáo Hoàng[19]. Nếu để ý, người ta cũng dễ dàng nhận thấy có điều gì đó không bình thường đối với HY. Müller. Dù với cương vị là đầu tàu của một Bộ

quan trọng hàng đầu của Giáo Hội, vai trò của HY. Muller rất mờ nhạt trong Synod vừa qua. Nếu không lên tiếng trong cuốn *"Remaining in the Truth of Christ: Marriage and Communion in the Catholic Church"*, thì chẳng mấy ai nghe thấy tiếng nói của vị HY. Bộ Trưởng này!

Ngoài ra, các vị HY. ở Bộ Phong Thánh; Bộ Giáo Dục Công Giáo, Ủy Ban Giáo Hoàng về Các Văn Bản Pháp Lý; và UB Giáo Hoàng phụ trách mục vụ di dân, cũng sẽ rời chức vụ vì đã quá tuổi 75.[20] Hãy chờ xem những nhân vật mới là ai.

Ngoài việc sắp xếp lại nhân sự ở Vatican, nhân sự ở các giáo hội địa phương cũng sẽ được cơ cấu cho phù hợp với cuộc cách mạng tháng 10 năm 2015. Nhờ tinh thần *"thắng thắn phát biểu, khiêm tốn lắng nghe"* ở Synod vừa qua, Vatican đã nắm được một cách khá toàn diện, ai là người ủng hộ cách mạng và ai là đối thủ công khai và tiềm tàng cản trở cách mạng. Việc nắm bắt này là cơ sở cho việc tái cơ cấu nhân sự cho Synod năm tới. Ngay trước thềm Synod, ngày 20/9/2014, Vatican đã bổ nhiệm Giám Mục Blase Joshep Cupich làm Tổng Giám Mục của Chicago, một trong bốn Tổng Giáo Phận có tầm ảnh hưởng nhất của Hoa Kỳ, thay thế cho Đức HY. Francis George vì đến tuổi hưu. Giám Mục Cupich sẽ chính thức nhận chức vào ngày 18/11 tới đây. Trong khi các GM Hoa Kỳ liên kết chống lại đạo luật cải cách y tế của tổng thống Obama vì đạo luật buộc các giới chủ lao động, kể cả giới chủ Công Giáo, phải mua bảo hiểm cho người lao động bao gồm luôn cả khoản chi phí cho thuốc ngừa thai, thì GM. Cupich cùng một số khác, đã chọn giải pháp thoả hiệp và ủng hộ đạo luật đồng thời kêu gọi đối thoại[21]. Phải chăng chính vì đường hướng thoả hiệp ôn hoà này mà GM. Cupich là người được Vatican chọn mặt gửi vàng, thay cho nhiều ứng viên tiềm năng khác? Theo nguồn tin cho biết, người đứng đầu Giáo Hội sẽ tiếp tục làm việc với nhân vật được chỉ định làm tổng thư ký của Synod vừa rồi là HY. Lorenzo Baldisseri, nhằm thay đổi những cơ chế và thủ tục của bộ máy nhân sự cho cuộc họp chính thức vào tháng 10 năm 2015.[22]

Kết Luận:

Qua những nhận định về Synod ở trên, ta phải tự hỏi rằng: Thần Khí nào đã dẫn dắt Synod? Nếu đó là Thần Khí của Đức Kitô, Thần Khí của Sự Thật, thì tại sao lại có sự chia rẽ về giáo lý và mục vụ giữa các mục tử? Tại sao lại có thứ tự do ngôn luận thần học bất chấp phải trái như vậy? Tại sao lại có chuyện kỳ thị và phân biệt đối xử giữa các mục tử? Tại sao lại có thủ đoạn gian lận và đi đêm với giới truyền thông? Tại sao lại sử dụng những phương cách đáng ngờ của THGP và Tin Lành? Tại sao và tại sao...Những hoa trái sẽ giúp người ta nhận biết thần khí nào tác động. Phải chăng những hoa trái không mong đợi trên là do tác động của Thần Khí Sự Thật của Đức Kitô??

Synod tuy đã kết thúc nhưng đây mới chỉ là khởi đầu của cuộc chiến: cuộc chiến giữa bóng tối và ánh sáng, giữa các mục tử trung thành muốn bảo vệ chân lý của Đức Kitô và các mục tử suy thoái muốn bóp méo và thay đổi chân lý ấy. Chính HY. Reinhard Marx, đương kim Chủ Tịch HĐGM Đức, đã xác nhận điều này với Tuần Báo Đức Die Zeit rằng: *"Các cánh cửa nay mở rộng hơn bao giờ hết kể từ CĐ Vatican II. Những cuộc thảo luận ở Synod vừa qua chỉ là điểm khởi đầu. Giáo Hoàng Phan-xi-cô muốn mọi thứ phải tiếp tục tiến triển, muốn thúc đẩy các quy trình tiến về phía trước. Công việc thật sự giờ mới bắt đầu. Việc hai chủ đề nóng hổi – cho người ly dị, tái hôn rước lễ và cởi mở đón nhận tính dục đồng giới – tuy đã không đạt được 2/3 đa số ủng hộ nhưng không được coi là một thất bại! HY. Marx khẳng định thêm, cho đến nay, 2 chủ đề trên là không cần phải bàn cãi! Mặc dù không đạt được 2/3 đa số ủng hộ, đa số các nghị phụ đã không bỏ phiếu theo ý họ muốn!"*[23]

Những lời trên của HY. Marx cho thấy, các mục tử suy thoái sẽ quyết tâm thực hiện cho bằng được việc thay đổi giáo lý và thực hành của Giáo Hội.

Xin nhớ rằng, quan điểm cho rằng tín lý cũng phát triển và thay đổi theo thời gian là một quan điểm sai lầm nghiêm trọng. Giáo

Hội thời trước Vatican II luôn dứt khoát bác bỏ luận điệu sai lầm này như đã trình bày ở các bài trước. Một khi Giáo Hội đã xác định và tuyên bố các tín điều, thì ý nghĩa của chúng sẽ muôn đời không bao giờ thay đổi[24]. Sự nghiêm khắc của Giáo Hội được thể hiện bằng án và tuyệt thông cho ai dám thực hiện việc đổi thay ấy. Đáng tiếc là HY. George Pell, một tiếng nói có vẻ mạnh mẽ ở Synod vừa qua đã vô tình hay cố ý quên những cảnh báo này khi khẳng định rằng: *"đúng là tín lý phát triển theo thời gian vì chúng ta hiểu sự thật sâu sắc hơn, nhưng chưa hề có một sự đảo lộn tín lý nào trong lịch sử Giáo Hội Công Giáo"*[25]. Quan điểm này của HY. Pell rõ ràng là một sai lầm mà Giáo Hội thời trước Vatican II đã luôn kết án.

Và đây, Công đồng Vatican I xác quyết: *"Vì Thánh Thần không được ban cho các đấng kế vị Phê-rô để giúp họ khai mở giáo lý mới, nhưng để giúp họ kính cẩn bảo vệ mạc khải được truyền lại qua các tông đồ và kho tàng đức tin, và trung thành truyền đạt lại cho các thế hệ. Thật vậy, tất cả các giáo phụ đáng kính đã gìn giữ giáo lý tông truyền, và các Tiến Sĩ chính hiệu đã tôn kính và tuân theo giáo lý ấy, hiểu biết trọn vẹn rằng Toà Phê-rô luôn đứng vững trước bất kỳ sai lầm nào theo như lời Chúa Cứu Thế của chúng ta đã hứa với thủ lĩnh các tông đồ của Ngài: Ta cầu nguyện cho người để đức tin của người không bị huỷ hoại; phần người, một khi đã hoán cải, hãy củng cố anh em người (Lc 22, 32)."*[26]

Công Đồng Vatican I kết án: *"Nếu ai nói rằng, nhờ tiến bộ trong sự hiểu biết, đến một lúc nào đó, một ý nghĩa khác với ý nghĩa ban đầu mà Giáo Hội đã và đang hiểu có thể được gán thêm vào cho một tín điều, thì bị và tuyệt thông."*[27]

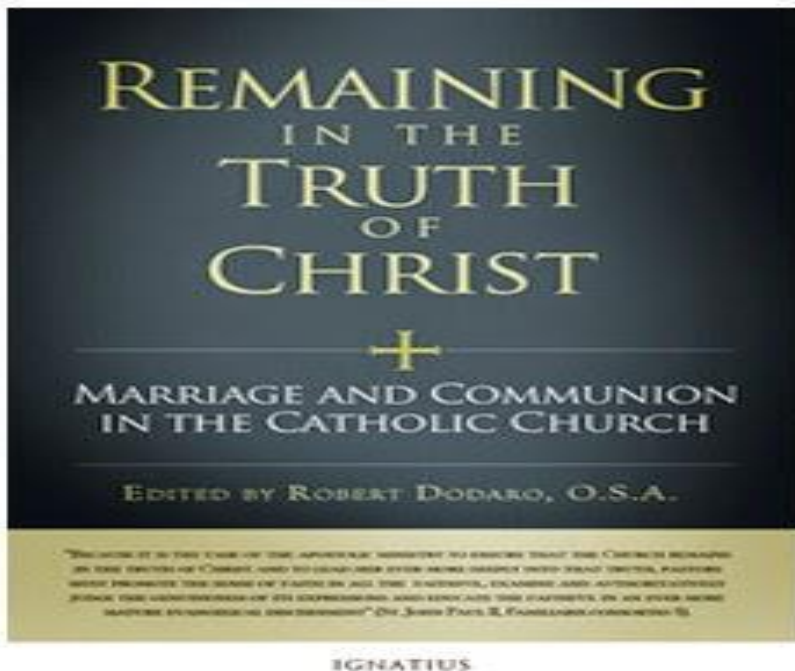
Tuy nhiên, bất chấp những răn dạy nghiêm khắc trên, những kẻ muốn làm suy yếu và phá nát đức tin Công Giáo có thừa sự tinh khôn để thoát khỏi mọi án và. Thay vì tấn công trực tiếp và phủ nhận các tín điều, họ ra đòn cách gián tiếp bằng cách thêm vào những ý nghĩa mới và những thực hành mới mà mục đích cuối cùng là sẽ dẫn sự sụp đổ của các tín điều. Như đã trình bày trong

loạt bài trước, cuộc cách mạng Vatican II đã không trực tiếp bác bỏ một tín điều nào mà Giáo Hội đã truyền dạy trước đó. Vatican II chỉ làm một việc là điểm thêm vào những ý nghĩa mới và những thực hành mới hầu làm cho Giáo Hội trở nên một "*hiền thể tân thời*" hơn của Đức Kitô. Kết quả của cuộc tân trang này là, Vatican II đã làm cho dung nhan của "*hiền thể tân thời*" ấy ngày càng nhạt nhòa thiếu bản sắc. Giáo Hội chuyển từ vị thế là "*cột trụ và nền tảng của chân lý*" (1 Tm 3, 15); là "*ánh sáng cho trần gian*" (Mt 5, 14), sang vị thế ngang hàng với các nhóm lạc giáo và ly giáo! Đạo Công Giáo giờ đây cũng đồng hạng và xếp chung một chiều với các tôn giáo khác!

Synod về gia đình vừa diễn ra tiếp tục phát huy tinh thần của Vatican II. Gia đình, thành trì cuối cùng của sự sống và đức tin, đang bị tấn công khủng khiếp bằng kiểu lý luận kiểu thế này: *các "nghị phụ" không phủ nhận tính bất khả phân ly của hôn nhân cũng như bản chất của hôn nhân là sự kết hợp giữa một người nam và một người nữ. Nhân danh tình thương và lòng thương xót của Thiên Chúa, các "nghị phụ" chỉ muốn mở cửa cho những người đã ly dị và tái hôn được rước lễ cũng như có cái nhìn rộng mở hơn đối với những kết hợp đồng giới!?* Một khi thứ nguy hiểm sai lầm này được chấp nhận thì không chỉ hôn nhân và định chế gia đình mà Thiên Chúa đã thiết lập sẽ bị lật nhào, mà cả Bí Tích Thánh Thể Cực Thánh cũng sẽ bị xúc phạm và huỷ hoại ghê gớm. Những thứ mà Thánh Kinh gọi là "*đồ ghê tởm khốc hại*" sẽ tiến lên để kết hợp với Chúa Giêsu Thánh Thể!

Sau cuộc cách mạng Vatican II, một cuộc cách mạng nữa đã chính thức khởi đầu. Cách mạng Vatican II đã mở cửa cho những thành phần lạc giáo và ly giáo được lãnh nhận các Bí Tích Thánh Thể, Giải Tội và Xức Dầu như đã nói trong bài 8. Cuộc cách mạng đã và đang tiến hành đây sẽ có thể tiến thêm một bước nữa để thực hiện nốt điều mà Vatican II chưa làm được, đó là mở rộng cửa chào đón những người ly dị tái hôn và các cặp kết hợp tính dục đồng giới đến với Bí Tích Thánh Thể - Rước Lễ.

Cuối cùng, xin được nhắc lại như vẫn thường nói, hãy nhìn những thay đổi liên quan đến tín lý và mục vụ đã và đang diễn ra trong Giáo Hội như những DẤU CHỈ của đức tin. Đừng rơi vào những tranh luận thần học hay giáo luật để biện minh cho những đổi thay ấy. Sự đổi thay đơn giản và rõ ràng là đang xảy ra. Trong bối cảnh những lời cảnh báo ở bài 1, phải chăng một cuộc *Apostasy* nữa của thời kỳ cuối mà Chúa Giêsu, Đức Mẹ, và Thánh Phaolô đã nói tới lại xảy ra? Một Apostasy bằng hành động chứ không phải bằng lời nói! *Hãy tỉnh thức và cầu nguyện luôn, hầu đủ sức thoát khỏi mọi điều sắp xảy đến và đứng vững trước mặt Con Người!* (Lc 21,36).



[1] Nguồn:

<http://press.vatican.va/content/salastampa/en/bollettino/pubblico/2014/09/09/0620/01369.html>

[2] Nguồn: <http://edwardpentin.co.uk/statement-on-cardinal-kasper-interview/>

[3] Nguồn: <http://www.churchmilitant.tv/platform/?today=2014-10-24>

[4] Martin Malachi, *Catholicism Overturned* (Toronto, Canada: Triumph Communication, 2003), 26.

[5] Giáo Luật 1917, Điều 188, khoản 5; Giáo Luật 1983, Điều 194, khoản 2; Giáo Luật 1917, Điều 2197, khoản 1.

[6] Trích bản tin “Đức Hồng Y George Pell: chúng ta không chiều theo áp lực của thế gian” của Đảng Tự Do, đăng trên Vietcatholic.net ngày 17/10/2014.

[7] Đây là cách phân biệt riêng của người viết. Xét vì các mục tử không phải là những chính trị gia, nên không dùng nhãn hiệu *cấp tiến* hay *bảo thủ* để gán cho họ được. Trái lại, các mục tử chỉ có hai hạng: một là *orthodox*, tức những mục tử trung thành với giáo huấn truyền thống, hai là *unorthodox* tức những mục tử không muốn trung thành với giáo huấn truyền thống. Và khi không muốn trung thành với giáo huấn truyền thống thì chỉ có thể gọi đó là suy thoái hay nặng hơn là suy đồi.

[8] Xem: Pio IX, *Quanta Cura: Thông Điệp Về Việc Kết Án Những Sai Lầm Đương Thời*, ngày 8/12/1864. Số 3.

[9] Malachi, *Catholicism Overturned*, 12.

[10] Benedict, *The Ratzinger Report: An Exclusive Interview on the State of the Church* (San Francisco: Ignatius Press, 1985), 180–182.

[11] Tổng hợp từ: Benedict, *The Ratzinger Report*, 174–186. Đây là quan điểm của cá nhân Đức HY. Ratzinger về Thần Học Giải Phóng được ngài chia sẻ năm 1985 với tư cách một thần học gia chứ không phải trong tư cách là Bộ Trưởng Bộ Giáo Lý Đức Tin. Có thể coi thêm Huấn Thị của Bộ Giáo Lý Đức Tin về Thần Học Giải Phóng ban hành ngày 6/8/1984 dưới thời của Đức HY. Ratzinger

tại:
http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cfaith/documents/rc_con_cfaith_doc_19840806_theology-liberation_en.html

- [12] Nguồn: <http://vaticaninsider.lastampa.it/en/the-vatican/detail/articolo/sinodo-famiglia-36763/>
- [13] Nguồn: <http://vaticaninsider.lastampa.it/en/world-news/detail/articolo/sinodo-famiglia-37096/>
- [14] Nguồn: http://www.catholicworldreport.com/Item/3429/cardinal_burke_synods_midterm_report_lacks_a_solid_foundation_in_the_sacred_scriptures_and_the_magisterium.aspx
- [15] Nguồn: <http://www.buzzfeed.com/lesterfeder/conservative-cardinal-who-clashed-with-pope-francis-confirms>
- [16] Nguồn: <http://www.catholicnews.com/data/stories/cns/1404281.htm>
- [17] Nguồn: <http://www.ncregister.com/daily-news/cardinals-collaborate-on-book-to-defend-church-doctrine-on-divorce-remarria>
- [18] Nguồn: <http://www.buzzfeed.com/lesterfeder/conservative-cardinal-who-clashed-with-pope-francis-confirms>
- [19] Nguồn: <http://ncronline.org/blogs/roman-observer/next-pope-francis-agenda-curia-reform-personnel-moves-revamped-synod>
- [20] Nguồn: <http://ncronline.org/blogs/roman-observer/next-pope-francis-agenda-curia-reform-personnel-moves-revamped-synod>
- [21] Nguồn: <http://www.cruxnow.com/church/2014/09/19/new-chicago-archbishop-appears-to-be-cupich/>
- [22] Nguồn: <http://ncronline.org/blogs/roman-observer/next-pope-francis-agenda-curia-reform-personnel-moves-revamped-synod>
- [23] Nguồn: <http://ncronline.org/blogs/ncr-today/cardinal-marx-pope-francis-has-pushed-open-doors-church>
- [24] Denzinger 3020.
- [25] Trích từ bài: "*Đức Hồng Y Pell cố vũ lòng trung thành với Đức Thánh Cha Phanxicô*" của Đặng Tự Do đăng trên Vietcatholic ngày 27/10/2014.
- [26] Denzinger 3070.
- [27] Denzinger 3043.

BÀI 14: RƯỚC LỄ BẰNG TAY - NÊN HAY KHÔNG?

Đặt câu hỏi như vậy hẳn nhiều người sẽ kêu lên “*biết rồi, khổ lắm nói mãi!*”! Mặc dầu vậy, trước việc các hội kín như Tam Điểm và các giáo phái thờ Satan ngày càng công khai cử hành “*lễ đen – black mass*” để tôn thờ Satan với Minh Thánh Chúa được đánh cắp từ các nhà thờ Công Giáo, như ở đại học Harvard và Oklahoma city, Hoa Kỳ gần đây, có thể coi là tiếng chuông cảnh tỉnh những người có trách nhiệm quản lý các màu nhiệm của Thiên Chúa. Việc cần làm không phải chỉ là hô hào cầu nguyện và biểu tình phản đối những hành vi phạm thánh này, nhưng quan trọng hơn là phải thành tâm nghiêm túc đánh giá và nhìn nhận lại vấn đề rước lễ bằng tay. Nên hay không? Vì hàng ngày, nào ai biết bao nhiêu lễ đen của các giáo phái giáo tôn thờ Satan vẫn diễn ra trên thế giới?

Câu hỏi này không chỉ đã làm hao tổn nhiều giấy mực, mà đôi khi còn gây ra chia rẽ giữa phe ủng hộ và phe chống. Vậy chân lý nằm ở đâu? Trước khi đưa ra ý kiến phò hay chống việc rước lễ bằng tay, người ta cần phải làm sáng tỏ các câu hỏi sau: Đâu là nguồn gốc của việc rước lễ bằng miệng và bằng tay? Ý nghĩa của chúng là gì? Và tại sao lại có việc rước lễ bằng phổ biến như hiện nay?

1. Nguồn gốc của việc rước lễ bằng miệng và bằng tay?

Đáng ngạc nhiên là, cách thức rước lễ cổ xưa nhất *có lẽ* là cách rước lễ bằng tay chứ không phải bằng miệng! Tuy nhiên, kể từ thời các Giáo Phụ, cách thức rước lễ bằng tay dần bị bãi bỏ vì 2 lý do chính: một là để tránh làm rơi Minh Thánh Chúa, và hai là để diễn tả đức tin và lòng sùng kính của người tín hữu vào sự hiện diện đích thực của Đức Kitô trong Bí Tích Thánh Thể[1]. Vậy là đã rõ, hình thức rước lễ bằng tay tuy có vẻ có trước nhưng đã sớm bị khai tử và nhường chỗ cho cách thức rước lễ bằng miệng kể từ thời các Giáo Phụ.



2. Ý nghĩa của việc rước lễ bằng miệng và bằng tay?

Ý nghĩa việc rước lễ bằng miệng là gì?

Trước hết, ý nghĩa của việc rước lễ bằng miệng, như vừa nói ở trên, là diễn tả đức tin và lòng sùng kính của người tín hữu vào sự hiện diện đích thực của Đức Kitô trong Bí Tích Thánh Thể. Và để thể hiện lòng sùng kính đối với Mình Thánh Chúa, Truyền Thống Giáo Hội Tây Phương đã ấn định việc quỳ gối như là một trong những dấu hiệu xứng hợp đối với người rước lễ. Đức Benedictô XVI đã trích câu nói của St. Augustino để dạy rằng: *"không ai ăn thịt đó mà lại không tôn thờ trước; chúng ta có thể phạm tội khi chúng ta không tôn thờ - nemo autem illam carnem manducat, nisi prius adoraverit; peccemus non adorando."*[2] Đức HY. Joshep Ratzinger tin rằng, việc rước lễ chỉ có thể đạt được chiều sâu thực sự khi nó được hỗ trợ và bao trùm bởi lòng tôn sùng. Ngài nói: *"việc quỳ gối rước lễ đã được nuôi dưỡng qua truyền thống nhiều thế kỷ và đó là một dấu hiệu độc đáo diễn tả lòng tôn sùng, hoàn toàn xứng hợp trước ánh sáng của sự hiện diện bản thể và đích thực của Chúa Giêsu dưới hình bánh rượu đã được thánh hiến."*[3]

Tiếp đến, việc rước lễ bằng miệng cũng diễn tả sự khác biệt căn bản giữa chức tư tế thừa tác và chức tư tế chung của giáo dân. Chỉ linh mục với tư cách tư tế thừa tác và đôi tay được thánh hiến mới được đụng chạm đến Mình Thánh Chúa. Còn giáo dân thì không. Thánh Tiến Sĩ Thiên Thần Tô-ma A-qui-nô đã giải thích rằng: “ ...vì niềm tôn kính đối với Bí Tích này (Bí Tích Thánh Thể), không gì có thể đụng chạm đến nó ngoài cái đã được thánh hiến; vì thế, khăn và chén phải được thánh hiến; cũng vậy, đôi tay linh mục cũng phải được thánh hiến cho việc đụng chạm đến Bí Tích này. Vì vậy, bất cứ ai khác đụng chạm vào sẽ là bất hợp luật ngoại trừ khi tối cần, thí dụ như khi Mình Thánh Chúa bị rơi xuống đất, hoặc trong trường hợp khẩn cấp.”[4]

Vì thế mà theo Bộ Giáo Luật Cũ 1917, chỉ linh mục mới là thừa tác viên thông thường (*ordinary minister*) cho rước lễ. Còn ngay cả phó tế cũng chỉ được coi là thừa tác viên ngoại thường (*extraordinary minister*) và chỉ được Bản Quyền địa phương hoặc cha sở cho phép vì lý do hệ trọng hoặc trong trường hợp thật sự cần thiết mà thôi (điều 845).

Ý nghĩa việc rước lễ bằng tay là gì?

Như vừa nói ở trên, kiểu rước lễ bằng tay đã bị kết liễu kể từ thời các Giáo Phụ. Nên nếu có thể gán cho việc rước lễ bằng tay có một ý nghĩa nào đó, người ta phải chờ đến khi nổ ra phong trào cải cách của người Thệ Phản (*Protestants*) và Anh Giáo (*Anglican*) vào nửa đầu thế kỷ 16. Khi ly khai khỏi Giáo Hội, họ lập tức cho áp dụng kiểu rước lễ bằng tay. Như đã nói trong bài 10, các giáo phái ly giáo và lạc giáo này dùng cách rước lễ bằng tay vì họ không tin thánh lễ là hy tế thập giá của Đức Giêsu Kitô mà chỉ coi đó là một bữa ăn – *super* hay một sự tưởng niệm Chúa (*the memorial of the Lord*) mà thôi. Họ không tin Đức Kitô hiện diện thực sự dưới hình bánh rượu. Họ phủ nhận tính cách tư tế của thừa tác viên và dạy rằng giữa thừa tác viên và giáo dân không có sự khác biệt nào về bản chất. Nói tóm lại, việc rước lễ bằng tay đối với các giáo phái Tin Lành và Anh Giáo là bằng chứng cho

việc họ chối bỏ Bí Tích Thánh Thể, Chức Linh Mục Thừa Tác và Bí Tích Truyền Chức nói chung.

Như vậy có thể nói, việc rước lễ bằng miệng và bằng tay chuyển tải một ý nghĩa khách quan và hoàn toàn đối nghịch nhau. Người Công Giáo rước lễ bằng miệng nhằm diễn tả niềm tin và lòng sùng kính vào sự hiện diện đích thực của Chúa Giêsu trong Bí Tích Thánh Thể, niềm tin vào Thánh Lễ là hy tế thập giá của Chúa Giêsu, và niềm tin vào chức linh mục mà Chúa đã thiết lập. Còn những nhóm lạc giáo và ly giáo dùng cách rước lễ bằng tay như là dấu chỉ họ chối bỏ những chân lý đức tin vừa nói. Do vậy có thể nói, rước lễ bằng miệng là dấu chỉ đặc thù của người Công Giáo, và rước lễ bằng tay là dấu hiệu đặc thù của những người bội giáo và ly giáo.

Trái với nhận định cầu thả của một vài "*chuyên gia*" giải đáp phụng vụ cho rằng, việc rước lễ bằng miệng và bằng tay về bản chất là không có gì khác nhau, điều quan trọng là tâm tình, thái độ, và tình trạng linh hồn bên trong của người rước lễ. Nói thế là họ đang nhằm lẫn với khái niệm về hiệu quả của việc rước lễ đấy. Hiệu quả của việc rước lễ mới phụ thuộc vào những điều kiện bên trong của người rước. Còn cách thức rước lễ bằng miệng và bằng tay, tự nó là một dấu hiệu và mang một ý nghĩa khách quan và đối nghịch nhau như vừa nói trên.

3. Tại sao lại có việc rước lễ bằng tay phổ biến như hiện nay?

Trả lời câu hỏi này không đơn giản như người ta tưởng. Cách nói chung chung rằng, kể từ sau Vatican II, Toà Thánh đã cho phép. Quả thật, Huấn Thị *Redemptionis Sacramentum* của Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích ngày 25/3/2004, hướng dẫn rằng, nơi nào muốn áp dụng việc rước lễ bằng tay thì HĐGM địa phương đó phải xin phép Toà Thánh, và khi được Toà Thánh chấp thuận, việc rước lễ bằng tay sẽ được thực hiện đồng thời phải tránh mọi nguy cơ phạm thánh. Nếu có nguy cơ phạm thánh thì phải dùng

việc rước lễ bằng tay.[5] Cho nên, xét theo phương diện kỷ luật, việc rước lễ bằng tay hiện nay là hợp pháp. Miễn bàn cãi!

Tuy nhiên, vấn đề ở đây là vì ý gì mà Toà Thánh lại cho phép rước lễ bằng tay? Toà Thánh cho áp dụng mà không giải thích lý do tại sao? Vì thế mà nhiều lý do được người ta suy ra để củng cố cho tính đúng đắn và hợp thời của việc rước lễ bằng tay.

Có người trích dẫn lời Chúa để biện minh cho cách rước lễ bằng tay. Họ lý luận rằng, chính Chúa Giêsu đã nói trong bữa tiệc vượt qua: *"Anh em cầm lấy mà ăn, đây là mình Thầy"* (Mt 26, 26; 1 Cr 11, 24). Đó, Chúa nói là hãy cầm lấy mà ăn chứ có bảo là đưa miệng ra nhận đâu! Vậy rước lễ bằng tay là đúng. Chúa đã phán. Giáo Hội cho phép. Vậy ai còn cãi nữa!?

Tuy nhiên, lý luận như trên có vẻ không ổn, bởi vì mệnh lệnh *"Anh em cầm lấy mà ăn, đây là mình Thầy"* (Mt 26, 26; 1 Cr 11, 24), được nói trong khung cảnh Chúa Giêsu thiết lập Bí Tích Thánh Thể và Chức Linh Mục, nên nó chỉ nhằm đến đối tượng là các tông đồ mà thôi chứ không phải là nhằm đến hết mọi người. Do đó, chỉ các tông đồ, những người có chức linh mục đầu tiên, mới được *"cầm lấy mà ăn"*, còn những người khác thì không được như vậy. Còn nếu hiểu mệnh lệnh trên là có ý nhằm đến hết mọi người, thì câu mệnh lệnh mà Chúa nói ngay sau đó *"anh em hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy"* (Lc 22, 19; 1 Cr 11, 24) cũng phải được hiểu là dành cho hết mọi người chứ? Hơn nữa, chính nhờ mệnh lệnh này mà chức linh mục được thông ban cho các tông đồ. Ai chối bỏ điều này thì bị vạ tuyệt thông như Công Đồng Trento phán: *"nếu bất cứ ai nói rằng qua những lời 'hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy' (Lc 22, 19; 1 Cr 11, 24) Đức Kitô đã không thiết lập các tông đồ như là những linh mục đầu tiên hoặc Ngài đã không truyền lệnh cho họ và các linh mục khác tiến dâng mình và máu Ngài, thì bị vạ tuyệt thông."*[6] Do vậy, nếu mệnh lệnh này được hiểu dành cho hết mọi người, thì có nghĩa là mọi người đều có chức linh mục và có thể cử hành thánh lễ sao? Điều này là vô lý! Cho nên, có thể kết luận rằng, chứng cứ dựa vào lời

Chúa nói để biện minh cho việc rước lễ bằng tay là không có cơ sở.

Ngoài việc viện dẫn lời Chúa, người ta còn nại đến cả lý do có vẻ thực tế là để tránh lây bệnh! Rước lễ bằng miệng có thể dẫn đến nguy cơ người này nếm phải nước bọt của người kia từ ngón tay của thừa tác viên cho rước lễ. Lý do này không những không chính đáng mà còn có phần xúc phạm bởi đã coi việc rước lễ thánh thiêng như là nguồn lây lan bệnh tật. Hơn nữa, nếu ai dựa vào lý do lây bệnh để cho rước lễ bằng tay, thì phải giải thích thế nào việc cho mọi người rước Máu Thánh chung một chén. Chuyện này rất thịnh hành ở Hoa Kỳ, và nhiều nơi khác nữa. Hầu như mọi thánh lễ, giáo dân đều được rước lễ dưới hai hình bánh và rượu. Khi mọi người rước Máu Thánh chung một chén, thì chuyện lây lan nước bọt cho nhau là đương nhiên, không thể tránh được, và khủng khiếp hơn việc rước Mình Thánh bằng miệng nhiều lần. Vậy mà không mấy ai thắc mắc nguy cơ lây bệnh ở việc rước Máu Thánh chung một chén này. Một lần nữa, ta phải kết luận rằng, lây bệnh không phải là lý do đáng kể để biện minh cho việc rước lễ bằng tay.

Và đây nữa, chính người viết đã được nghe tận tai một linh mục bênh vực việc rước lễ bằng tay với một lý luận trần trụi thế này: Chúa bảo "*anh em hãy cầm lấy mà ăn*" mà mình lại đưa miệng và thè lưỡi ra để nhận thì quả là kỳ cục, có khi còn mất lịch sự nữa! Không thể tin là có một kiểu lý luận thô thiển như vậy! Tại sao họ không liên tưởng trong đời sống con người, khi một ông vua ban quà cho một người, dù là thảo dân quê mùa hay tể tướng triều đình, thì người đó có được hiên ngang đứng thẳng mà nhận quà không? Hay lại không phải quỳ gối xuống, đầu cúi xuống đất, hai tay giơ lên để nhận quà, miệng tung hô vạn tuế, rồi đứng dậy, giật lùi mà tiến ra sao? Nếu nhận quà của một ông vua trần thế mà cử chỉ điệu bộ còn phải như vậy, thì khi nhận quà tặng là chính Thân Mình của Đấng là vua các vua, chúa các chúa, thì cử chỉ điệu bộ phải thế nào mới xứng hợp đây? Vậy mà hàng ngày nhiều người vẫn đi lên rước Mình Thánh Chúa với một cử chỉ điệu

bộ hồ hững, ngênh ngang và với một nét mặt vô hồn, không cảm xúc!

Đó là một vài lý luận mà người ta thường tự suy ra để biện minh cho việc rước lễ bằng tay. Và như ta thấy, các lý do đều không thoả đáng.

Trở lại với vấn đề, tại sao Toà Thánh lại cho phép rước lễ trên tay? Tìm hiểu kỹ, người viết thấy rằng, hành trình ra đời của việc rước lễ bằng tay có nhiều uẩn khúc khó hiểu và đáng ngờ, chứ không đơn giản như người ta nghĩ. Có điều gì đó khó hiểu trong quyết định này của Toà Thánh. Dường như quyết định cho rước lễ bằng tay là kết quả của một sự nhượng bộ, nếu không muốn nói là một thất bại, của Toà Thánh trước một thế lực nào đó đang tấn công Thánh Lễ và Giáo Hội! Xin tóm tắt sự việc thế này:

Theo Huấn Thị *Memorale Domini* [7], hướng dẫn về việc rước lễ, của Bộ Phụng Tự ban hành ngày 29/5/1969, do Đức HY. Benno Walter Gut, bộ trưởng và thư ký Anibale Bugnini (nhân vật đã được nhắc đến trong bài 10), đồng ký tên, thì ngay từ đầu những năm 60 của thế kỷ 20, việc rước lễ bằng tay không hiểu sao đã trở nên phổ ở một số quốc gia Âu Châu, nhất là Hà Lan, Bỉ, Đức, và Pháp. Chuyện này đến tai Toà Thánh và có những đề nghị muốn Toà Thánh phải hợp thức hoá việc rước lễ bằng tay.

Vì thế, Đức Phaolô VI đã phải cho tiến hành thăm dò ý kiến các giám mục khắp nơi trên thế giới bằng 3 câu hỏi như sau:

1. *Ngoài cách thức truyền thống (quỳ rước lễ bằng miệng), có nên chấp nhận đề xuất cho rước lễ bằng tay không?*
2. *Có nên thí điểm việc rước lễ bằng tay trong các cộng đồng nhỏ trước, với sự chấp thuận của Bản Quyền địa phương?*
3. *Hiện đệ có nghĩ rằng, các tín hữu sẽ sẵn lòng đón nhận cách thức mới này sau khi đã được chuẩn bị giáo lý kỹ càng không?*

Kết quả thăm dò cho thấy đại đa số các giám mục phản đối bằng việc nói không với những câu hỏi trên. Vì thế, Huân Thị Memorable Domini viết: *"từ những ý kiến hồi đáp cho thấy, đa số các giám mục cho rằng kỷ luật hiện thời (rước lễ bằng miệng) không nên thay đổi chi hết, và nếu thay đổi, đó sẽ là một sự xúc phạm đến ý nguyện và tình cảm thiêng liêng liêng của các giám mục này cũng như của hầu hết tín hữu."* Và sau khi đã cân nhắc và tham khảo ý kiến các giám mục, Đức Giáo Hoàng kết luận rằng, cách thức rước lễ truyền thống lâu đời sẽ không thay đổi. Do vậy, Tông Toà khẩn thiết kêu gọi các giám mục, linh mục và giáo dân nhiệt thành tuân giữ kỷ luật này vì lợi ích chung của Giáo Hội!

Bất chấp chỉ dẫn trên của Toà Thánh, dường như có một làn sóng bất tuân vẫn tiếp tục gây sức ép, muốn Toà Thánh phải hợp pháp hoá việc rước lễ bằng tay. Năm 1969, Đức Phaolô VI đã làm kinh ngạc mọi người bằng một sự nhượng bộ đối với các giám mục bất tuân. Trước sự trầm trọng của vấn đề, Đức Phaolô VI nhất quyết sẽ không hợp pháp hoá việc rước lễ bằng tay. Thay vào đó, ngài sẽ cho phép điều này dưới dạng một đặc ân (*indult*) – một miễn trừ ngoại lệ - với 2 điều kiện: *thứ nhất là*, đặc ân chỉ được xem xét và ban cho một quốc gia mà trong đó đã thực hành việc rước lễ bằng tay. *Thứ hai là*, hàng giám mục quốc gia đó phải chứng minh điều này bằng hình thức bỏ phiếu kín với 2/3 đa số ủng hộ. Ngoài 2 điều kiện này, Toà Thánh còn đưa ra 7 qui định khác liên quan đến việc thực thi việc rước lễ bằng tay, và nếu làm trái với những quy định này đặc ân rước lễ bằng tay sẽ bị mất. Những quy định này được kèm trong thư gửi cho Hàng Giáo Phẩm Pháp khi họ xin được thực hành việc rước lễ bằng tay. Xin tóm lược 7 quy định ấy như sau:[8]

1. *Cách mới (rước lễ bằng tay) không được thực thi theo cách sẽ loại bỏ cách truyền thống (rước lễ bằng miệng).*
2. *Giáo dân phải được đào tạo giáo lý bài bản để hiểu ý nghĩa của việc rước lễ bằng tay và thực hành với niềm kính trọng xứng*

hợp dành cho Bí Tích Thánh. Canh chừng nguy cơ làm dao động đức tin vào sự hiện diện đích thực của Chúa Giêsu trong Bí Tích Thánh Thể và tránh nguy cơ phạm thánh.

3. Huấn luyện người rước lễ để giúp họ tăng cường đức tin vào sự hiện diện đích thực của Chúa Giêsu trong Bí Tích Thánh Thể.

4. Thừa tác viên cho rước lễ, linh mục hoặc phó tế, đặt Mình Thánh vào tay người lãnh nhận và họ phải rước Mình Thánh trước mặt thừa tác viên rồi mới trở về chỗ. Khi thừa tác viên cho rước lễ nói "Mình Thánh Chúa Kitô", người rước phải đáp 'Amen'.

5. Tránh làm rơi các mảnh vụn xuống đất.

6. Khi rước lễ dưới 2 hình bằng cách chấm Mình Thánh vào Máu Thánh thì buộc phải rước bằng miệng.

7. Sau 6 tháng áp dụng, các giám mục áp dụng việc rước lễ bằng tay phải gửi tường trình kết quả về cho Bộ Phụng Tự.

Sau khi Hàng Giáo Phẩm Pháp xin thực hành việc rước lễ bằng tay, đến lượt Giáo Hội tại Canada cũng gửi thỉnh nguyện lên Tòa Thánh để xin đặc ân này vào năm 1969.

Theo Paul Kokoski, thời điểm đó tại Canada chưa hề có việc rước lễ bằng tay (*một trong 2 điều kiện cần phải có để được Tòa Thánh xét như nói trên*). Vậy mà Hàng Giáo Phẩm Canada dùng mách mung gì để qua mắt Tòa Thánh, để cuối cùng họ cũng đạt được điều họ muốn. Khi đem ra thực thi, các Giám Mục Canada đã bất chấp 7 qui định của Tòa Thánh hướng dẫn việc rước lễ bằng tay vừa nói ở trên. Họ áp dụng theo cách làm cho việc rước lễ bằng tay trở thành cách thức thông thường và thay thế cho cách rước lễ bằng miệng truyền thống. Họ phế bỏ các ghế quỳ rước lễ bằng miệng (*communion rails*) trong các nhà thờ. Giáo dân bị buộc phải đứng để rước lễ bằng tay. Từ việc đứng rước lễ bằng tay, giáo dân được cho phép tiến lên bàn thờ và phân phát

Mình Thánh cho người khác. Và tất cả những điều này, nay đã trở nên bình thường![9]

Theo bài viết "*Sự thật về việc rước lễ bằng tay*" của Ben Yanke[10], chiến dịch vận động dành quyền được rước lễ bằng tay cũng được bắt đầu tại Hoa Kỳ năm 1975, dưới sự dẫn dắt của TGM. Joshep Bernardin, chủ tịch HĐGM Hoa Kỳ khi đó. Như đã nói ở trên, một quốc gia muốn được Toà Thánh xét cấp đặc ân, 2 điều kiện cần phải có là: việc rước lễ trên tay đã đang được thực hành và 2/3 đa số giám mục ủng hộ. Chiến dịch của TGM Bernardin đã thất bại 2 lần liên tiếp trong hai năm 1975 và 1976 bởi không dành được sự ủng hộ của 2/3 đa số giám mục và nhất là thời điểm đó, việc rước lễ bằng tay chưa phải là một thực hành ở Hoa Kỳ. Tuy nhiên, TGM. Bernardin không chịu thua cuộc. Năm sau đó, tức năm 1977, cũng là năm cuối của nhiệm kỳ chủ tịch HĐGM, TGM. Bernardin quyết định đánh ván chốt bằng cách đi thu gom bất hợp pháp những lá phiếu của các cử tri vắng mặt và của cả các giám mục nghỉ hưu nữa! Cuối cùng, TGM Bernardin cũng gom đủ số phiếu 2/3 đa số ủng hộ! Thành nguyện thư sau đó được gửi sang Toà Thánh và rồi Giáo Hội tại Hoa Kỳ cũng đạt được nguyện vọng!

Tuy nhiên, cũng theo bài viết của Yanke, khi áp dụng vào thực tế, những điều kiện mà Toà Thánh yêu cầu phải được đáp ứng để khỏi mất đặc ân rước lễ bằng tay như nêu ở trên đã không được tuân giữ. Nhất là ba quy định đầu tiên. Một là, Giáo Hội địa phương đã không còn duy trì được cách rước lễ truyền thống và nó đã gần như hoàn toàn bị thay thế bởi cách rước lễ bằng tay. Cái ngoại lệ đã chiếm mất chỗ của cái thông thường. Cái phụ nay trở thành cái chính. Nhiều giáo dân thậm chí còn bị từ chối cho rước lễ nếu họ quỳ và rước lễ bằng miệng. Hai là, cách rước lễ bằng tay không làm tăng thêm lòng tôn kính dành cho Thánh Thể nơi người tín hữu. Nhiều người rước lễ rồi đưa Mình Thánh về chỗ ngồi chia cho con nhỏ của mình như chia bánh cookies! Có người đem đi rồi đánh rơi Mình Thánh trên ghế ngồi, trong toilet, nơi đậu xe. Nhiều người trẻ đút vào túi áo rồi đem đi đâu không

ai biết! Thứ ba, cách rước lễ bằng tay không tăng cường niềm tin của người tín hữu vào sự hiện diện đích thực của Chúa Giêsu trong Bí Tích Thánh Thể. Trong những năm 1950, 87% tín hữu tin vào sự hiện diện đích thực. Ngày nay, con số này chỉ còn khoảng 34%.!

Như vậy, Giáo Hội địa phương đã thất bại trong việc tuân giữ những điều kiện cần thiết để duy trì đặc ân rước lễ bằng tay. Tuy vậy, đặc ân rước lễ bằng tay đã không bị Tòa Thánh rút lại ở bất cứ đâu. Trái lại, đến ngày 25/3/2004, qua Huấn Thị Redemptionis Sacramentum, Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích đã bật đèn xanh cho toàn cả các giáo hội địa phương có thể áp dụng việc rước lễ bằng tay (số 92). Như thế, việc rước lễ bằng tay từ chỗ chỉ là một đặc ân ngoại lệ đã trở thành một hiện tượng toàn cầu hoá!

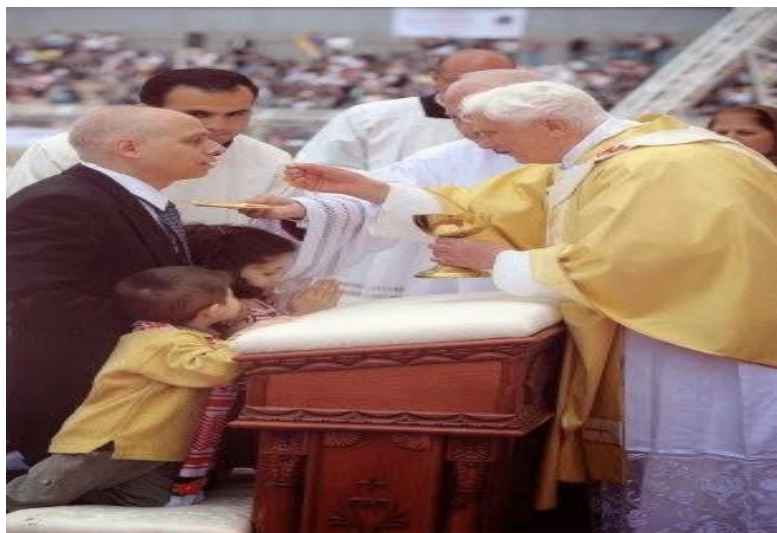
Với những gì vừa trình bày ở trên, có thể tóm lại rằng, việc rước lễ bằng tay đã bùng phát một cách tự nhiên hay có chủ ý ở một số quốc gia trước khi có sự cho phép của Tòa Thánh. Có những thể lực nào đó gây sức ép muốn Tòa Thánh phải chấp nhận một sự việc đã rồi. Tuy nhiên, sau khi tham khảo ý kiến các giám mục trên thế giới, Tòa Thánh quyết định vẫn giữ nguyên cách rước lễ truyền thống bằng miệng và truyền khắp nơi phải nhiệt thành tuân giữ. Cách giải quyết này của Tòa Thánh không làm hài lòng các giám mục cứng đầu cứng cổ. Họ vẫn gây sức ép khiến Đức Phaolô VI phải chọn giải pháp mang tính cứu vãn và chữa trị, đó là cấp đặc ân rước lễ bằng tay cho những quốc gia với điều kiện đã để xảy ra thói rước lễ bằng tay này và 2/3 đa số giám mục quốc gia đó phải ủng hộ. Canada và Hoa Kỳ như nói ở trên, dù không đáp ứng được 2 điều kiện để được cấp đặc ân, họ đã dùng các mảnh khoé để đạt cho bằng được. Như vậy đủ thấy, việc rước lễ bằng tay đã xuất hiện trong Giáo Hội một cách không bình thường, trái với ý muốn của Đức Phaolô VI và đa số giám mục trên thế giới thời điểm đó. Cách rước lễ bằng tay đã bị cưỡng ép để sinh ra!

Việc rước lễ bằng tay có thể được ví như là một "*đứa con*" mà ngay chính các Giáo Hoàng cũng không muốn thừa nhận!

Đức Phaolô VI, như trình bày ở trên, rõ ràng là ban đầu đã không muốn nhìn nhận cách rước lễ bằng tay. Không hiểu sao, sau ngài lại nhượng bộ và nhìn nhận nó như một đặc ân ngoại lệ dành cho các giám mục cứng đầu cứng cổ.

Đức Gioan Phaolô II cũng đã công khai bài bác cách rước lễ bằng tay. Trong lần trả lời phỏng vấn của tờ tạp chí Đức *Stimme des Glaubens*, tháng 11 năm 1980, và khi được hỏi về quan điểm của ngài liên quan đến việc rước lễ bằng tay, ngài đã nói: *"đã có cả một tông thư nói về cái phép đặc biệt này. Nhưng tôi nói với bạn rằng, tôi không ủng hộ cũng chẳng khuyến khích việc này. Cái phép này đã được ban cấp là do sự nài nỉ của một số giám mục."*[11] Phải chăng vì quan điểm này của Đức Gioan Phaolô II, mà phe cải cách phải chờ cho đến lúc chiều tà của triều đại giáo hoàng của ngài, khi sức khỏe của ngài đã suy sụp nhiều, mới làm cho cách rước lễ bằng tay đến được với toàn thể Giáo Hội qua Huấn Thị *Redemptionis Sacramentum*? Huấn Thị này ra đời vào tháng 3 năm 2004, tức khoảng 13 tháng trước khi Đức Gioan Phaolô II qua đời!?

Đến lượt Đức Benedictô XVI cũng chứng tỏ là không hứng thú gì với



cách rước lễ bằng tay. Bằng chứng là ngài yêu cầu người phụ trách nghi lễ loan tin rằng, tất cả những ai đến rước lễ với ngài đều phải quỳ và rước lễ bằng miệng. Rước lễ bằng miệng là cách thể truyền thống của Giáo Hội. Động tác quỳ và rước lễ bằng miệng diễn tả sự khiêm tốn và lòng tôn kính mến yêu đối với Chúa Giêsu Thánh Thể. Đồng thời nó giúp củng cố niềm tin và sự hiện diện đích thực và mang lại một ý nghĩa cao siêu của màu nhiệm, điều mà chúng ta cần phải nhấn mạnh và khôi phục trong thời đại hôm nay.[12]

Khi còn là HY, Đức Benedictô XVI cũng viết trong cuốn sách "*The Spirit of Liturgy – Tinh Thần Phụng Vụ*" của ngài rằng, quỳ gối là cách thể hiện giúp chúng ta có một sự hiểu biết và cảm nghiệm mới mẻ và sâu xa hơn về Thiên Chúa. Theo ngài cho biết, từ "*proskynein*" nghĩa là "*phủ phục*" đã xuất hiện 24 lần trong Sách Khải Huyền, cuốn sách về phụng vụ trên trời và là mẫu mực cho phụng vụ của Giáo Hội. Rồi ngài cũng kể giai thoại của các Giáo Phụ Sa Mạc rằng, một ngày kia, ma quỷ được Chúa thôi thúc cũng muốn nên giống cha Apollo. Nó thấy mình đen đui và xấu xí với đôi chân khẳng khiu ghê rợn, và điều kinh ngạc hơn cả là nó không có đầu gối. Cho nên, không có khả năng quỳ bị coi là chính bản chất của ma quỷ![13]

Chính Đức TGM. Albert Malcolm Ranjith, thư ký Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích (2005-2009) và nay là Hồng Y, TGM của Colombo, Srilanka, đã xác nhận sự ra đời khó hiểu của việc rước lễ bằng tay rằng: Công Đồng Vatican II đã không bao giờ cổ vũ và hợp pháp hoá thực hành này. Theo đánh giá của ngài, cách rước lễ bằng tay đang ngày càng làm suy giảm lòng sùng kính dành cho Bí Tích Cực Thánh. Thánh Thể phải được nhận lãnh với lòng tôn kính và tâm tình sùng mộ. Ngài cũng khẳng định rằng, một số nơi đã áp dụng cách rước lễ bằng tay một cách đầy vội vàng và lạm dụng. Do đó, Đức TGM. Albert quả quyết rằng, đã đến lúc phải đánh giá và xét lại thực hành này và nếu cần phải dứt khoát dẹp bỏ nó.[14]

Mẹ Teresa đã nói: *"đến bất cứ nơi đâu trên thế giới, điều làm tôi đau buồn nhất là thấy người ta rước lễ bằng tay!"*[15]

Còn linh mục John Harden S.J. cũng tuyên bố: *"tôi muốn kêu lên rằng, việc rước lễ bằng tay là một sự làm suy yếu đức tin vào sự hiện diện đích thực của Chúa trong Phép Thánh Thể một cách có ý thức và chủ ý. Bất cứ điều gì bạn có thể làm để chấm dứt việc này đều được Thiên Chúa chúc phúc."*[16]

Và còn rất nhiều những tiếng kêu than nữa về việc rước lễ bằng tay, nhưng có lẽ người ta không muốn nghe!

KẾT LUẬN

1. Như trình bày ở trên, quỳ gối - rước lễ bằng miệng là cách thức truyền thống và là dấu hiệu đặc thù của người Công Giáo. Cách rước lễ này nhằm diễn tả đức tin vào sự hiện diện đích thực của Chúa Giêsu trong Phép Thánh Thể, lòng khiêm nhường và sùng kính mến yêu dành cho Chúa Giêsu Thánh Thể, sự khác biệt giữa chức tư tế thừa tác của linh mục và chức tư tế chung của người tín hữu. Còn rước lễ bằng tay là cách thức và dấu hiệu đặc thù của những người bội giáo và ly giáo. Họ áp dụng cách rước lễ bằng tay vì họ không tin vào sự hiện diện đích thực của Chúa Giêsu trong Phép Thánh Thể, không tin có chức linh mục thừa tác. Nói cách khác họ phủ nhận màu nhiệm hy lễ, phủ nhận Bí Tích Thánh Thể và phủ nhận Bí Tích Truyền Chức Thánh. Vậy thử nghĩ xem, dầu luật cho phép, chúng ta có nên hồ hởi chạy theo cách rước lễ đặc thù của những người bội giáo và ly giáo không? Hay chúng ta cũng muốn giống như họ?

2. Dầu được cho phép, có thể nói việc áp dụng cách rước lễ bằng tay đã không được thực thi cho đúng tinh thần của 7 quy định mà Toà Thánh đòi buộc. Cách rước lễ bằng tay chỉ được coi là một ngoại lệ thêm vào, vậy mà nó đã chiếm mất chỗ của cách rước lễ bằng miệng truyền thống. Cách rước lễ bằng miệng dường như đang trở nên một dấu hiệu xa lạ, kỳ quái, và dở hơi

cho những ai còn thực hành nó. Trái lại, cách rước lễ bằng tay có khi còn được hiểu như một dấu hiệu của văn minh tiến bộ, dấu hiệu của việc theo kịp với thời đại! Chính người viết đã được chứng kiến mỗi ưu tư mục vụ của một giám mục khi chuẩn bị về nhận nhiệm sở ở một địa phận kia rằng, ngài cảm thấy thiệt thòi cho giáo dân ở đó vì họ vẫn chưa được rước lễ bằng tay!

3. Tác hại của cách rước lễ bằng tay đối với đức tin là khủng khiếp, và nguy cơ phạm thánh là không thể phủ nhận. Do vậy, các giáo hoàng không khuyến khích và ủng hộ, nhiều giám mục, linh mục và giáo dân, kêu gào, đòi xét lại thực hành này, và nếu cần hãy dẹp bỏ ngay. Trách nhiệm đầu tiên thuộc về các giám mục, những người có quyền cho áp dụng và bãi bỏ việc rước lễ bằng tay, họ cần lắng nghe, suy xét và đưa ra quyết định trước khi quá muộn. Các linh mục, đầu không có quyền ngăn cản việc rước lễ bằng tay, nhưng hoàn toàn có quyền và có bổn phận khuyên bảo giáo dân nên trung thành với cách rước lễ truyền thống.

4. Cần phải bác bỏ những cáo buộc bất công và thiếu hiểu biết của một số "*chuyên gia giải đáp*" vốn mắc bệnh hoang tưởng và vâng lời mù quáng rằng, những tiếng kêu đòi chấm dứt việc rước lễ bằng tay là tiếng của những người gây chia rẽ và chống lại Toà Thánh! Họ đâu biết rằng, chính việc quảng bá và áp dụng tràn lan cách rước lễ bằng tay mới đúng là chống lại ý muốn của Toà Thánh. Toà Thánh chỉ coi rước lễ bằng tay là một ngoại lệ có thể được áp dụng mà thôi, chứ không coi đó là cách bắt buộc và thay thế cho cách rước lễ bằng miệng. Do vậy, dẹp bỏ việc rước lễ bằng tay không những không chống lại Toà Thánh mà còn là hành động được Chúa chúc phúc, như linh mục Harden đã nói ở trên. Nguy cơ duy nhất mà những người dẹp bỏ việc rước lễ bằng tay phải đối mặt, đó là sẽ bị những đầu óc hiện đại quy kết là "lạc hậu bảo thủ". Nhưng ta có thể mượn cách diễn đạt của Chúa Giêsu mà đáp lại rằng, thà bị tiếng là lạc hậu bảo thủ mà trung thành với truyền thống của Giáo Hội thì còn hơn là được tiếng "văn minh tiến bộ" mà bất trung với truyền thống ấy!

5. Hành trình tái sinh ra cách rước lễ bằng tay có nhiều uẩn khúc mờ ám, và có thể là kết quả của một âm mưu phá hoại đức tin Công Giáo? Cụ thể là phá hoại thánh lễ.

Cùng với việc rước lễ bằng tay là việc rước lễ dưới hai hình bánh và rượu. Xin nói thêm về việc này là, ngay từ Vatican II, chứ không cần chờ đến Huấn Thị *Redemptionis Sacramentum*, năm 2004, Hiến Chế Phụng Vụ, số 55, đã cho phép giáo dân có thể rước lễ dưới hai hình. Đọc số 55 của HCPV này, có cảm tưởng rằng Vatican II coi việc rước lễ dưới hai hình là cách tham dự hoàn hảo hơn vào màu nhiệm thánh lễ. Nếu đúng vậy, thì quan điểm đó là trái ngược với lời dạy của Công Đồng Trento, trong đó dạy rằng, *dù chỉ rước lễ dưới một hình, xét trong sự toàn vẹn của đức tin, cũng trọn vẹn đầy đủ cho ơn cứu độ***[17]**, và *giáo dân không bị bó buộc bởi luật Chúa phải rước lễ dưới hai hình***[18]**, và *dù người ta chỉ rước một trong hai hình bánh hoặc rượu, họ cũng rước trọn vẹn và toàn thể Chúa Kitô, rước trọn cả Bí Tích thực sự***[19]**. Do vậy, CĐ. Trento tuyên tín:

- *Nếu ai nói rằng, do lệnh truyền của Thiên Chúa hoặc do sự cần thiết của ơn cứu độ, mỗi người và mọi người tín hữu của Đức Kitô phải rước hai hình của Bí Tích Thánh Thể Cực Thánh, thì bị vạ tuyệt thông***[20]**.

- *Nếu ai nói rằng Giáo Hội Công Giáo không có cơ sở và lý do chính đáng để ban cho giáo dân, kể cả các giáo sỹ không dâng lễ, chỉ một hình bánh mà thôi và rằng Giáo hội đã sai trong vấn đề này, thì bị vạ tuyệt thông***[21]**.

Vậy theo lời dạy của CĐ Trento, không có lý do nào chính đáng, xét theo luật Chúa cũng như sự cần thiết cho ơn cứu độ, để áp dụng việc rước lễ dưới hai hình. Do vậy, thực hành này chỉ có thể mở đường cho lạm dụng và phạm thánh mà thôi. Bằng chứng là nhiều người ngày nay, do đã quen rước lễ dưới hai hình, nên đã hiểu cách sai lầm rằng, rước lễ dưới hai hình sẽ trọn vẹn hơn là rước lễ dưới một hình. Sai lầm này là hệ quả của việc cho giáo

dân rước lễ dưới 2 hình mà Vatican II khởi xướng. Ngoài việc tạo ra cách hiểu sai lầm này, rước lễ dưới hai hình đã gây ra nhiều lạm dụng và xúc phạm nặng nề đối với Mình Máu Thánh Chúa ở những nơi áp dụng thực hành này. Người viết đã được chứng kiến cũng như nghe kể lại, sau khi giáo dân rước Máu Thánh xong, Máu còn dư trong các chén được các thừa tác viên giáo dân đem đổ vào sink – chậu rửa trong phòng thánh và rửa chén lễ như người ta rửa ly cốc. Không có kính cẩn tráng chén lễ chi hết vì không ai còn tha thiết uống Máu Chúa còn dư! Ở nơi kia thì Mình Thánh Chúa còn dư sau lễ, được đựng trong cái khay bằng mây tre có lót giấy bên dưới, trông như đĩa bánh cookies, và để trước cửa ra vào cuối nhà thờ cho mọi người qua lại lấy ăn cho hết! Đức tin quả là đã chết! Ở Việt Nam, nếu rượu lễ rẻ như các nước Âu-Mỹ, việc rước lễ dưới hai hình chắc cũng sẽ được hào phóng cho áp dụng!

Như vậy ta thấy, một cách đồng loạt và hệ thống, cuộc cách mạng phụng vụ của Vatican II đã thay đổi và soạn sách lễ mới, cho dân lễ bằng tiếng địa phương, cho âm nhạc của các dân tộc đi vào phụng vụ, cho rước lễ dưới hai hình và cho rước lễ bằng tay. Hiệu quả cho đức tin của tín hữu và lợi ích gì cho Giáo chúng ta chưa thấy. Nhưng chúng ta hãy để ý hậu quả xảy ra cách lô-gíc theo sau những thực hành này:

- *Không bác bỏ sách lễ truyền thống Latin mà chỉ đơn giản là cho phép dùng tiếng địa phương trong phụng vụ, hậu quả là Thánh Lễ bằng tiếng Latin bị chết yếu.*
- *Không bác bỏ nhạc bình ca truyền thống mà chỉ đơn giản là cho phép sử dụng nhạc của các dân tộc trong phụng vụ, hậu quả là nhạc bình ca bị dần khai tử.*
- *Không phủ nhận giáo huấn về rước lễ dưới một hình bánh mà chỉ đơn giản là cho phép được rước lễ dưới hai hình, hậu quả là làm cho người ta hiểu lầm rằng rước lễ dưới hai hình thì trọn vẹn hơn dưới một hình!*

- Không phủ nhận cách rước lễ truyền thống bằng miệng mà chỉ đơn giản là cho phép được rước lễ bằng tay, hậu quả sẽ là.....hãy tự kết luận!

Cuối cùng, hãy nhớ lời lạc giáo Martin Luther cảnh báo: “phế bỏ thánh lễ đi, Giáo hội sẽ bị huỷ diệt!”[22]

[1] Nguồn:

http://www.vatican.va/news_services/liturgy/details/ns_lit_doc_20091117_comunione_en.html

Và Huấn Thị *Memoriale Domini* của Bộ Phụng Tự, ngày 29/5/1969.

[2] Benedicto XVI, *Sacramentum Caritatis*, 22/2/2007, # 66.

[3] Nguồn:

http://www.vatican.va/news_services/liturgy/details/ns_lit_doc_20091117_comunione_en.html

[4] St. Thomas Aquinas, *Summa Theologica* (III, Q. 82, Art. 3).

[5] Huấn Thị *Redemptionis Sacramentum*, ngày 25/3/2004, số 92.

[6] Denzinger 1752.

[7] Nguồn:

<http://www.catholictradition.org/Eucharist/memoriale.htm>

[8] *Acta Apostolicae Sedis* (pp. 546-547) gửi cho Hàng Giáo Phẩm Pháp khi họ xin Tòa Thánh cho rước lễ bằng tay.

Nguồn: <http://www.ewtn.com/library/curia/cdwmemor.htm>

[9] Nguồn:

<https://groups.yahoo.com/neo/groups/MangaloreanCatholics/conversations/messages/32529>

[10] Nguồn:

<http://www.newliturgicalmovement.org/2014/03/truth-about-communion-in-hand-while.html#.VFatFcluqCc>

[11] Nguồn:

<http://www.catholicity.com/commentary/landry/00663.html>

[12] Nguồn:

<http://www.catholicity.com/commentary/landry/00663.html>

[13] Joseph Ratzinger, *The Spirit of the Liturgy*, (Ignatius Press, 2000), 185–193.

[14] Nguồn: http://www.catholicnewsagency.com/news/communio_n_in_hand_should_be_revised_vatican_official_says/

[15] Nguồn:

<https://groups.yahoo.com/neo/groups/MangaloreanCatholics/conversations/messages/32529>

[16] Nguồn:

<https://groups.yahoo.com/neo/groups/MangaloreanCatholics/conversations/messages/32529>

[17] Denzinger 1726.

[18] Denzinger 1727.

[19] Denzinger 1729.

[20] Denzinger 1731.

[21] Denzinger 1732.

[22] Paul Trinchard, *Holy Mass, Holy Mary* (Metairie, LA, 1997), trang 41.

BÀI 15: CHÂN DUNG MỘT TÔN GIÁO TOÀN CẦU?

Như đã trình bày trong bài 2, Satan và các đồ đệ trung thành của nó



trong các nhóm Tam Điểm đã mưu toan và dốc toàn lực để thực hiện cho bằng được kế hoạch tiêu diệt Đạo Công Giáo, tôn giáo chân thật duy nhất, và tiêu diệt Giáo Hội Duy Nhất, Thánh Thiện, Công Giáo, và Tông Truyền mà Chúa Giêsu đã thiết lập. Liệu Satan và các thành phần Tam Điểm có còn theo đuổi mưu đồ của chúng nữa không? Xin thưa là chúng vẫn đang hồi hả và quyết tâm hơn bao giờ hết để hiện thực hoá mục đích của chúng. Kế hoạch của chúng được thực hiện cách đồng bộ và hệ thống. Tất cả những biến cố xảy ra trên thế giới có vẻ như rời rạc, không ăn nhập gì với nhau, nhưng thực ra chúng đã được Satan và Tam Điểm lập trình và tính toán tỉ mỉ. Theo quỷ kế của Satan và bẽ lũ của nó, việc thủ tiêu Công Giáo phải được thực hiện một cách thật êm dịu và ngọt ngào bằng cách dựng nên một Tôn Giáo Toàn Cầu và một Siêu Giáo Hội Toàn Cầu cho mọi người để thay thế cho Đạo Công Giáo và Giáo Hội Công Giáo chân thật. Kế hoạch này được thực hiện nhân danh lòng bác ái và tình huynh đệ đại đồng. Một viễn tượng tràn đầy hy vọng cho thế giới!

Vậy cái Tôn Giáo Toàn Cầu ấy có tên là gì? Thưa, nó có tên là TÔN GIÁO ĐẠI KẾT –*ECUMENISM*. Vâng, Tôn Giáo Đại Kết chính là Tôn Giáo Toàn Cầu Mới cho một thế giới mới hôm nay. Đặc điểm nổi bật của Tôn Giáo Đại Kết là nó xoá nhoà mọi khác biệt. Nói đúng hơn, nó giả đồ chấp nhận mọi khác biệt để làm hư hỏng tất cả!

Đặc điểm của Ecumenism?

Ecumenism mở rộng vòng tay đón nhận mọi tôn giáo. Tất cả Công Giáo, Tin Lành, Anh Giáo, Do-thái Giáo, Hồi Giáo, Ấn Giáo, Phật Giáo, Khổng Giáo, Lão Giáo, Thần Đạo Giáo, cả Vô Thần và Satan Giáo nữa (*Catholocism, Protestantism, Anglicanism, Judaism, Islamism, Hinduism, Buddhism, Confucianism, Taoism, Shintoism, Atheism, Satanism...*), cũng đều được thu gom vào Ecumenism: mọi niềm tin đều được khuyến khích và trân trọng; mọi niềm tin đều là nguồn suối tinh thần phong phú dẫn đưa con người đến chân thiện mỹ! Không còn sự phân biệt giữa tôn giáo

chân thật và tôn giáo sai lầm. Phân biệt như thế sẽ là một sự xúc phạm lớn lao!

Thiên Chúa của Ecumenism?

Thiên Chúa của Ecumenism được phác họa là một vị thiên chúa đầy lòng nhân từ yêu thương: một thiên chúa yêu con người bằng mọi giá, một thiên chúa tha thứ cho con người bằng mọi giá, một thiên chúa không đòi hỏi, một thiên chúa không kết án, một thiên chúa đón nhận tất cả, một thiên chúa trao ban tất cả, không điều kiện. Vị thiên chúa này thuộc về mọi tôn giáo chứ không phải của riêng một tôn giáo nào. Không có một thiên chúa nào của Công Giáo hết. Thiên chúa là thiên chúa. Đơn giản vậy thôi. Với một vị thiên chúa như thế, con người được mời gọi sống vui tươi với bản thân và mọi người, không phải lo lắng làm chi, hãy để cho thần khí dẫn đi trên những nẻo đường đầy sự mới mẻ và ngạc nhiên. Đừng e ngại cũng đừng cưỡng lại sự thúc đẩy của thần khí.

Giáo Hội của Ecumenism?

Giáo Hội của Ecumenism dĩ nhiên cũng phải là một giáo hội phổ quát. Có điều là, giáo hội phổ quát này không phải là Giáo Hội Công Giáo. Giáo hội phổ quát này tồn tại trong (*subsist in*) trong Giáo Hội Công Giáo, và dĩ nhiên nó cũng tồn tại trong các giáo hội khác nữa. Do vậy, giáo hội phổ quát của Ecumenism sẽ bao gồm đại diện của các giáo hội. Trong giáo hội ấy, tất cả các đại diện từ các giáo hội khác đều được lên tiếng và được lắng nghe. Chân lý không thuộc riêng về một giáo hội nào. Chân lý phải là kết quả của một tổng hợp các ý kiến của các giáo hội. Nếu không phải như thế, chân lý sẽ chỉ là một sự áp đặt độc tài và chủ quan! Một điều xúc phạm không thể hiểu nổi trong thế giới hôm nay. Thủ lĩnh giáo hội của Ecumenism là tên phản kitô và các ngôn sứ giả của nó.

Kinh Thánh của Ecumenism?

Kinh thánh của Ecumenism đương nhiên cũng phải là kết quả của công sức và sự khôn ngoan chung của các giáo hội gộp lại. Kinh thánh ấy không phản ánh niềm tin của một giáo hội cụ thể nào, nhưng phải được trình bày và sắp đặt sao cho phù hợp với niềm tin của các giáo hội khác nhau. Do vậy, các bản dịch của các giáo hội sẽ được học giả *uyên bác* nhất đem ra đối chiếu, sắp đặt và thương lượng với nhau để cho ra một cuốn kinh thánh chung cho Ecumenism.

Đây là một thí dụ điển hình về việc bóp méo lời Chúa của Ecumenism. Câu St 2, 2 trong Bản Kinh Thánh Latin Vulgata LXX là "*...et spiritus Dei ferebatur super aquas*" được Giáo Hội Hoa Kỳ trước đây dịch rất sát nghĩa là: "*...and the spirit of God moved over the waters (và thần khí của Thiên Chúa bay là trên mặt nước)*" (trích Douay-Rheims Version, 1899). Vậy mà cũng câu trên, Bản New American Bible[1] Sửa Đổi năm 2011 và là Bản Kinh Thánh Chính Thức của Giáo Hội Hoa Kỳ, dịch lại như sau: "*... and a mighty wind sweeping over the waters (..và một cơn gió lớn càn quét trên mặt nước)*". Như vậy, nhờ bao công sức khám phá và sự khôn ngoan của các học giả đến từ Công Giáo và các giáo hội khác, cụm từ "*spiritus Dei (the spirit of God) – thần khí của Thiên Chúa*" đã được dịch lại cách "*chính xác*" hơn thành "*a mighty wind – cơn gió lớn*"!? Khỏi phí công đọc thêm chi nữa. Với chỉ một lỗi nằm ngay trang đầu tiên này thôi, Bản Dịch này đủ xứng đáng nằm trong sọt rác!

Phụng vụ của Ecumenism?

Phụng vụ của Ecumenism, về căn bản, là một cuộc tụ họp của con người với đặc điểm là đơn giản, sinh động, và vui tươi. Nó dành nhiều không gian cho sự sáng tạo của con người chứ không gò bó vào một khuôn khổ cứng nhắc. Phụng vụ phải làm nổi bật chiều kích hoàn vũ: tất cả tạo thành đều tham dự vào phụng vụ và trái đất là bàn thờ thiên chúa.

Sứ mạng của Ecumenism?

Ecumenism lạc quan tin rằng, mọi người, bất luận theo tôn giáo nào, kể cả người vô thần, rồi cuối cùng cũng sẽ được cứu. Thiên chúa của Ecumenism là thiên chúa của hết mọi người, nên sẽ thật là hoà công và ngu ngốc nếu nghĩ rằng phải hoán cải người khác. Hãy yên tâm! Tất cả sẽ được cứu. Đừng phí công lo lắng cho việc đi hoán cải và rửa tội cho người khác. Phần rỗi của mọi người là điều không cần phải suy nghĩ và bàn cãi nữa. Điều quan trọng duy nhất bây giờ là phải nỗ lực và dẫn thân chăm lo cho những người đói cơm rách áo trên thế giới. Tất cả cho người nghèo, người nghèo và người nghèo. Ecumenism phải trở nên lăm lem vất vả như những người nghèo để phục vụ người nghèo. Thiên đàng không rơi từ trời xuống. Con người phải nỗ lực và làm cho thiên đàng xuất hiện. Ecumenism không lên giọng dạy dỗ các bài học luân lý cho bằng đề cao các hành động bác ái yêu thương đối với người nghèo. Tắt một lời, sứ mạng của Ecumenism là sứ mạng mang tính xã hội và phổ quát: ***thực thi bác ái và công bằng xã hội.***

Luân lý của Ecumenism?

Được xây dựng trên nền tảng các điều răn căn bản là:

- Một: đón nhận tất cả mọi niềm tin, mọi ý thức hệ và mọi lối sống,
- Hai: yêu thương và phục vụ người nghèo,
- Ba: không xét đoán và lên án ai nhưng kiên nhẫn đồng hành trong yêu thương cùng mọi người,
- Bốn: làm những gì bạn cho là tốt,

Do đó, luân lý của Ecumenism mang đặc điểm là không làm cho con người phải lo lắng và sợ hãi. Khái niệm tội lỗi thật ra là không có căn bản vững chắc. Đó chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng của những kẻ cai trị không có trái tim bày đặt ra nhằm trói buộc

những người thuộc quyền của họ mà thôi. Chứ thực ra, vị thiên chúa nhân từ của Ecumenism thừa thấu cảm rằng, tội lỗi là điều rất tự nhiên đối với con người. Thiên chúa của Ecumenism đã ôm lấy hết tội lỗi của con người rồi nên trong mắt của ngài tội lỗi chẳng còn mấy ý nghĩa nữa. Lòng thương xót của ngài mới là điều chính yếu.

Luân lý của Ecumenism cũng mang đặc tính nữa là, xoá nhoà các ranh giới và tiêu chuẩn khách quan giữa đúng – sai, tốt – xấu. Gọi tên một điều gì đó tự bản chất là sai trái và tội lỗi sẽ là một hành vi thiếu tình thương và bác ái. Mọi khuynh hướng và lối sống đều là chấp nhận được. Các tiêu chuẩn đúng – sai, tốt – xấu được thay thế bằng tiêu chuẩn “*bình thường – không bình thường*”. Bạn chọn lối đi bình thường. Tôi chọn lối đi không bình thường. Đâu có sao! Tất cả đều sinh ích lợi cho người chọn. Có sao bạn lại áp đặt quan điểm của bạn cho tôi?!

Ngôn ngữ của Ecumenism?

Ngôn ngữ của Ecumenism phải là thứ ngôn ngữ nhẹ nhàng thanh lịch. Đó phải là một ngôn ngữ mà khi nói lên sẽ không làm ai phải khó chịu và cảm thấy bị xúc phạm. Một ngôn ngữ trung dung, không tuyệt đối hoá, không áp đặt nhưng phong phú về ý nghĩa để ai cũng có thể rút tĩa được ý nghĩa riêng cho riêng mình.

Khi nói về Thiên Chúa, Ecumenism dùng những đại từ trung lập về giới tính, nhất là phải tránh những đại từ chỉ nam giới, bởi như vậy sẽ là một sự xúc phạm đến nữ giới. Ecumenism hạn chế tối đa việc trình bày Thiên Chúa dưới hình ảnh một người cha, và vì thế, nó cũng thích nói về Thiên Chúa hơn là nói về Chúa Giêsu. Ngôn ngữ của Ecumenism càng thanh lịch, trung dung, và trung lập bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu.

Kết luận:

Qua những trình bày ngắn gọn trên, có thể nói Tôn Giáo Đại Kết - *Ecumenism* - chính là một Tôn Giáo Toàn Cầu Mới cho con

người trong thế giới hôm nay. Ecumenism này vẫn đang trong quá trình trưởng thành và phát triển nhanh chóng. Dung mạo của nó ngày càng trở nên rõ ràng hơn với những ai để ý. Nó đã khá thành công trong việc xoá nhoà các khác biệt về tôn giáo (*mọi tôn giáo đều tốt và có giá trị ngang nhau*), các khác biệt về thiên chúa (*thiên chúa là của mọi người và mọi tôn giáo, không có thiên chúa nào của người Công Giáo*). Trong Ecumenism này, mọi người, bất luận thuộc về tôn giáo nào, đều có thể kêu cầu cùng một thiên chúa và cầu nguyện chung với nhau. Trong Ecumenism, tôn giáo duy nhất chân thật sẽ bị huỷ diệt!

Ngoài những thành công bước đầu rất quan trọng như trên, Satan và các đồ đệ của nó đang tiếp tục triệt để áp dụng tất cả những gì có thể, để bồi đắp nên nền văn minh đại kết bởi vì, Tôn Giáo Đại Kết đòi hỏi phải có nền văn minh đại kết theo sau. Nền văn minh đại kết đó đang nhắm đến việc xoá bỏ nốt sự khác biệt giữa nam và nữ trong đời sống, một sự khác biệt phản ảnh hình ảnh của Thiên Chúa nơi con người. Thật vậy, ở nhiều nơi trên thế giới, nhất là tại Hoa Kỳ, một quốc gia dẫn đầu thế giới về nhiều lĩnh vực, Satan đang triển khai việc xoá nhoà sự khác biệt nam nữ bằng nhiều cách:

- Định nghĩa lại hôn nhân: hôn nhân giờ đây không còn được định nghĩa rõ ràng là sự kết hợp giữa một người nam và một người nữ như Thiên Chúa đã ấn định. Thay vào đó, hôn nhân bây giờ được định nghĩa cách chung chung là một sự kết hợp giữa hai người. Đó có thể là một kết hợp giữa nam – nữ, nam – nam, nữ - nữ...

- Thời trang không phân biệt giới tính (*unisex fashion*), chung cho cả nam và nữ. Hầu như tất cả các trung tâm mua sắm đều có khu thời trang unisex.

- Nếu có thời trang unisex thì cũng có cả nhà vệ sinh unisex chung cho mọi người, không phân biệt giới tính! Tp. Houston, Hoa Kỳ, gần đây cho ra đời một quy định mà nhiều người gọi là "*luật bồn cầu*", trong đó quy định rằng, tất cả nhà các nhà vệ

sinh công cộng trong thành phố đều phải trung lập về giới tính. Tức là chỉ cần ghi là nhà vệ sinh mà thôi. Không được phân biệt vệ sinh nam hay vệ sinh nữ chi hết. Mọi người, bất kể giới tính là gì, đều có quyền dùng chung các nhà vệ sinh.[2] Vì thế, nền văn minh đại kết này cũng giải thoát mọi người khỏi nguy cơ bối rối vì vào nhầm nhà vệ sinh! Ngoài Houston, nhiều trường đại học của Mỹ cũng đã, đang và sẽ áp dụng luật trung lập về giới tính đối với các nhà vệ sinh công cộng! Không còn phân biệt giới tính nữa, mọi người đều dùng chung nhà vệ sinh cách vui vẻ và tôn trọng lẫn nhau!

Khi nào mà công việc xóa nhòa sự khác biệt giới tính được thành tựu trên quy mô toàn cầu, thì dung mạo về Ecumenism lại càng rõ ràng hơn. Tín đồ của Tôn Giáo Đại Kết phải triệt để sống tinh thần đại kết và xây dựng nền văn minh đại kết.

Quả vậy, thứ Tôn Giáo Mới mang tên Ecumenism vẫn đang được dày công vun trồng, ngày càng lớn mạnh và hiển thị rõ ràng hơn. Trong Ecumenism, mọi người đều kêu cầu một thiên chúa không đòi hỏi, luôn yêu thương và tha thứ vô điều kiện, con người được giải thoát khỏi mọi nỗi sợ hãi tội lỗi. Trong Ecumenism, mọi niềm tin tôn giáo đều căn bản như nhau và nếu có khác thì chỉ là tên gọi mà thôi, mọi quan điểm, và mọi lối sống đều được đón nhận. Tất cả đều là đại kết, đại kết và đại kết. Còn gì tốt đẹp hơn thế??

Tuy nhiên, trong cái nhìn đức tin và bối cảnh của những cảnh báo đã nói ở bài 1, ta phải tự hỏi, thứ Tôn Giáo Đại Kết – Ecumenism – này là công trình của Thánh Thần hay là một hiện tượng APOSTASY của thời kỳ cuối? Trong những ngày cuối của năm phụng vụ, cũng như trong Mùa Vọng sắp tới, chúng ta đang và sẽ được nghe lời Chúa nhắc nhở về ngày Chúa đến. Đây là dịp thuận tiện để gia tăng cầu nguyện và tỉnh thức, hầu có thể nhận biết những dấu chỉ của Chúa.

[1] Bản dịch này thành quả công sức đại kết của khoảng 50 học giả Công Giáo lẫn các học giả đến từ các giáo hội ly khai. Bản

dịch này được coi là bản Kinh Thánh chính thức của Giáo Hội Hoa Kỳ. Các bài đọc trong Phụng Vụ cũng được lấy từ bản dịch này!
[2] Nguồn: <http://www.truthandaction.org/houston-eliminates-gender-based-restrooms/>

BÀI 16: PHÒNG VẤN ĐẦU NĂM

Tình cờ gặp được chủ nhân của trang *blog thoigiodaman* trong những ngày đầu năm vừa qua, tôi đã được ngài dành cho buổi nói chuyện thân tình.

GD: Con xin kính chào cha, không ngờ trông cha lại trẻ khoẻ thế! Cầu chúc cha luôn được bình an mạnh khỏe trong năm mới.

PDH: Vâng, cảm ơn anh! Anh tưởng tôi đã già lụ khụ rồi sao?

GD: Dạ không đến nỗi thế đâu cha nhưng dù sao cũng khác so với hình dung của con. Cha gác bút rồi sao mà đã lâu con không thấy cha post bài mới?

PDH: (Cười) Gác bút thì chưa! Chỉ là tạm ngưng như một dấu lặng trong bản nhạc để bạn đọc nghỉ ngơi suy gẫm. Những bài đã đăng là đủ để cung cấp cho bạn đọc những gợi mở và điểm tựa cần thiết để đọc những dấu chỉ của hiện tượng APOSTASY – phản bội đức tin – của thời kỳ cuối, trước ngày Chúa quang lâm. Anh thấy đó, những dấu chỉ của apostasy vẫn đang tiếp tục xảy ra trước mắt chúng ta.

GD: Kết thúc mỗi năm, thế giới người ta thường nêu lên những sự kiện nổi bật trong năm. Vậy đời sống Giáo Hội trong năm vừa qua, đâu là những biến cố đáng chú ý đối với cha?

PDH: Tôi chú ý đến 3 sự kiện.

Một là: Thượng Hội Đồng GM Thế Giới Ngoại Thường Về Gia Đình đã nhóm họp tại Rôma từ ngày 5-19 tháng 10 năm 2014. Bất kể

người ta tung hô ca ngợi thế nào, biến cố này để lại là một sự mập mờ bối rối đối với tôi cũng như với nhiều người. Những dấu hiệu đi lạc xa đường chân lý và lối lỏng những đòi hỏi của Tin Mừng đối với hôn nhân gia đình là rất rõ ràng như tôi đã trình bày trong bài 13. Mặc dầu vậy, trong thư chúc mừng Giáng Sinh và Năm Mới 2015, vị chủ tịch HĐGMVN vẫn lạc quan tạ ơn Chúa vì “*hoa quả ban đầu*” của Thượng Hội Đồng này. Đáng tiếc là ngài không gọi đích danh hoa quả ban đầu đó là gì! Tôi thì lại không có được cái nhìn lạc quan như thế.

Hai là việc tiếp tục công cuộc cải cách mang tính cách mạng tại giáo triều Rôma, trong đó có việc loại trừ ảnh hưởng của những tiếng nói can đảm như HY. Raymond Burk và HY. Gerhard Ludwig Muller, Bộ Trưởng Bộ Giáo Lý Đức Tin. Đây là hai vị HY đã lên tiếng cảnh báo mạnh mẽ về cuộc cách mạng mà Vatican đang khởi xướng. Đúng như dự đoán đã phân tích ở bài 13, HY. Burk bị chuyển từ vị trí bộ trưởng Bộ Xá Giải Tông Tòa sang làm bảo trợ Hội Hiệp Sĩ Malta, một chức vụ mang tính hình thức, hữu danh vô thực! Hệ quả là ở Thượng Hội Đồng tháng Mười tới đây, ngài chỉ biết đứng ngoài quan sát mà thôi! Với HY. Muller thì còn được chút thương tình hơn. Tuy không bị đẩy khỏi chức vụ Bộ Trưởng Bộ Giáo Lý Đức Tin, nhưng vai trò của ngài đã hoàn toàn bị khống chế. Một Ủy Ban gồm bảy Hồng Y sẽ được thiết lập để “giúp” ngài giải quyết các vấn đề trong Bộ!

Công cuộc cải tổ tại Vatican và việc tấn phong các Hồng Y mới bất chấp thông lệ truyền thống đang gây ra những làn sóng bất mãn ngấm ngấm trong nội bộ Vatican và các giáo sỹ cấp cao ở nhiều nơi. Người đứng đầu Giáo Hội thừa nhận có những làn sóng đồng chống lại ngài, nhưng ngài coi đó là điều tích cực! Tôi để ý đến những cải tổ về nhân sự vì nó liên quan sự thành công của cuộc cách mạng mà Vatican đang tiến hành.

Cuối cùng, tôi cũng để ý đến sự việc ngay trước thềm lễ Giáng Sinh vừa



qua, người đứng đầu Giáo Hội đã liệt kê 15 căn bệnh của Vatican. HY. Giovanni Lajolo, cựu Thống Đốc Thành Vatican, gọi sự kiện này là chưa từng có trong lịch sử Giáo Hội. Các Giáo Hoàng tiền nhiệm thường dùng buổi gặp gỡ này để điểm lại những hoạt động trong năm cũng như các sự kiện sẽ diễn ra trong năm tới. Lần này, người đứng đầu Giáo Hội có vẻ lạc đề khi lên giọng thuyết giáo các Hồng Y, Tổng Giám Mục, Giám Mục và nhân viên đang làm việc tại Vatican về 15 căn bệnh mà Vatican đang và có nguy cơ bị nhiễm. Tựu chung, đó là những căn bệnh đang gây ra sự trì trệ và cản trở công cuộc cách mạng đang tiến hành trong Giáo Hội. Nghe nói, vì bị bất ngờ trước nội dung không được chờ đợi của buổi gặp gỡ này, các tham dự viên đã đáp lại bài giáo huấn của Giáo Hoàng bằng những bộ mặt thờ ơ, vô hồn không cảm xúc.

GD: Ngoài những biến cố đã xảy ra trên, trong đời sống đức tin hôm nay cha có nhận thấy những hiện tượng gì khiến chúng ta đáng phải suy nghĩ không ạ?

PDH: Ô! Về câu hỏi này của anh thì cũng có rất nhiều hiện tượng đáng suy nghĩ đấy. Tôi lại chỉ xin nêu 3 hiện tượng thôi nhé.

Hiện tượng thứ nhất là: **không tin có ma quỷ**. Ngày nay, chẳng mấy ai còn tin có ma quỷ, tin nó đang hiện diện và thao túng con người, tin nó là thù địch của Thiên Chúa, tin mục đích tối thượng của nó là lôi kéo con người xa lìa và phản bội Thiên Chúa, tin nó đang cám dỗ mọi thành phần trong Giáo Hội, từ người lớn nhất đến người nhỏ nhất.... Mọi tội lỗi và cái ác đang tràn lan trên giới

đều được giải thích bằng các lý do kinh tế, chính trị, văn hoá, tâm lý, xã hội....tuyệt nhiên, ma quỷ không dính dáng gì vào những thứ tội lỗi và cái ác của con người. Người ta không tin ma quỷ có thể tác động và xui khiến lòng người. Nếu tin điều này, có khi bị coi là vô trách nhiệm. Chỉ biết đổ lỗi cho ma quỷ. Vậy nên, ma quỷ và ảnh hưởng của nó trong thế giới xem ra chỉ còn là chuyện của trẻ thơ con nít mà thôi. Giáo dân Việt Nam thì may ra còn thi thoảng còn được nghe nhắc ma quỷ và mưu chước ma của nó. Chứ bên Âu –Mỹ thì người ta không còn nhắc đến ma quỷ nữa.

Không tin có ma quỷ và mưu mô chước độc huỷ hoại các linh hồn của nó là điều cực kỳ nguy hại đối với đức tin. Có thể nói, ma quỷ đã rất thành công trong việc làm cho con người không tin vào sự tồn tại của nó. Ma quỷ có thừa khôn ngoan để biết rằng, một khi con người không tin vào sự hiện diện của nó, con người dần dần cũng sẽ không tin có chuyện Sa Ngã, không tin có gì là tội lỗi, và cuối cùng là không tin vào Thiên Chúa và chẳng cần đến sự cứu giúp của Ngài. Nếu người ta không tin có ma quỷ thì người ta cũng không cần trông cậy vào Thiên Chúa. Không có ma quỷ và tội lỗi thì công trình cứu độ của Thiên Chúa cũng chẳng còn mấy ý nghĩa! Logic của hiện tượng này là, khi con người không tin có ma quỷ thì họ cũng chẳng tin có thần thánh nào hết. Tất cả chỉ là tự nhiên.

Hiện tượng thứ hai là: ***bác ái thay cho đức tin***. Đây là hiện tượng người ta đề cao bác ái và lấy đó làm đủ, không cần đếm xỉa gì đến niềm tin vào Thiên Chúa nữa. Kiểu đề cao bác ái như vậy hoàn toàn khác với kiểu so sánh đức ái với đức tin và đức cậy của Thánh Phaolô. Bác ái thay cho đức tin ở đây là một cách gián tiếp phủ nhận sự cần thiết của niềm tin vào Thiên Chúa. Tôi không cần bạn phải tin vào Thiên Chúa. Tôi chỉ muốn bạn hãy làm việc bác ái! Người ta đang hối thúc mọi người hãy chăm lo cho người nghèo, người bị bỏ rơi, bị kỳ thị.... Hoán cải người khác theo đức tin Công Giáo là lỗi bịch! Điều quan trọng là phục vụ những người bị bỏ rơi. Đường hướng này được cũng được vị Giám Mục giáo phận Thanh Hoá đề cao trong bài giảng lễ đêm

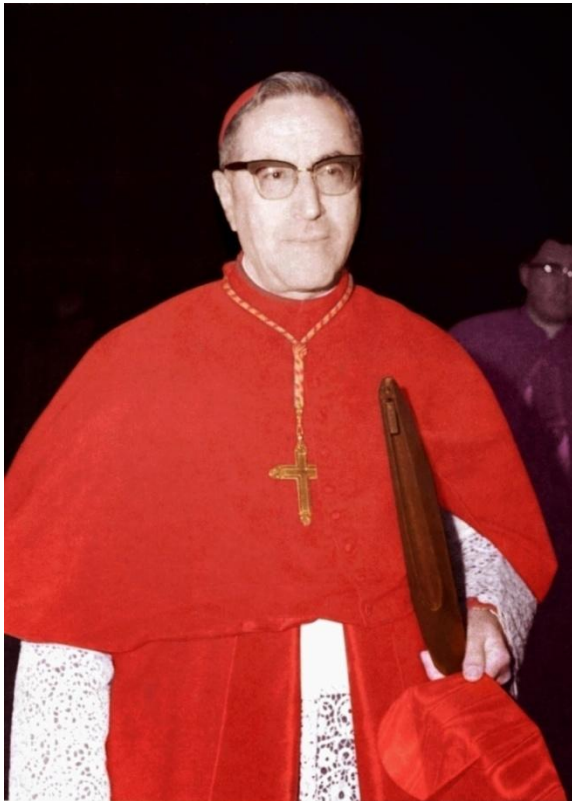
Giáng Sinh 2014 vừa rồi (*chắc bài giảng vẫn còn trên trang web của địa phận*), một bài giảng dành cho cử tọa có nhiều người lương dân. Vị giám mục cho rằng, *mục đích của Thiên Chúa giáng sinh làm người là để làm bạn với con người!* Khôì hài hơn, vị giám mục cho rằng *Thiên Chúa giáng sinh cũng chỉ là ông già Noel* Thiên Chúa sai đến cho bạn để biến bạn trở cũng trở thành những ông già Noel cho mọi người! Vị giám mục không có mời gọi người ta đón nhận và tin theo Chúa Giêsu gì hết. Ngài khích lệ mọi người hành động theo gương của ông già Noel! Đó chẳng phải là bác ái thay cho đức tin và ông già Noel thay cho Chúa Giêsu sao? Nếu hỏi các thầy dạy xem có đúng như vậy không, chắc chắn họ sẽ trả lời không, không bao giờ. Tuy nhiên, chính những tư tưởng được phát ra cách không ý thức mới là một phản ảnh trung thực của lòng người.

Và hiện tượng thứ ba là: ***chạy theo cái mới mẻ***. Ngày nay, cái mới đồng nghĩa với cái tốt, cái đẹp, cái sáng tạo, cái đáng ngưỡng mộ, cái can đảm, cái quan tâm, cái tình thương, cái quà tặng của Thánh Thần v.v....người ta dành cho cái mới những mỹ từ tốt đẹp nhất. Thực tế, có phải như vậy không? Nếu để ý, ta có thể thấy, cái mới mẻ chưa chắc đã là cái tốt hoặc cái tốt hơn. Trái lại, nhiều khi nó chỉ là tên gọi khác của sự thoái hoá, sự biến chất mà thôi! Đáng tiếc là bản năng háms cái mới lạ lại đang chi phối quá mạnh trong đời sống đức tin ngày nay. Người ta đang đánh mất sự cảnh giác và thận trọng cần thiết đối với những cái mới mẻ. Ít người đặt vấn đề và chất vấn nó. Người ta nếu không hồ hởi đón nhận thì cũng cắt nghĩa cái mới mẻ bằng cái nhìn tích cực và lạc quan. Ai không muốn chào đón cái mới, người đó nhất định là kẻ nhát sợ, kém tin và đang chống lại Thần Khí. Hiện tượng háms cái mới lạ cũng là một nguy cơ thật sự đối với đức tin.

GD: Gần đây, con thấy có những luồng dư luận nói Đức GH. Phanxicô là giáo hoàng giả, là ngôn sứ giả. Cha có ý kiến gì về những tin tức kiểu thế này không?

PDH: (Cười). Câu hỏi của anh nhắc đến 2 điều là giáo hoàng giả và ngôn sứ giả. Nói chuyện giáo hoàng giả trước nhé. Anh nên nhớ rằng, chuyện giáo hoàng giả hay giáo hoàng thật là chuyện của các chuyên viên giáo luật. Tôi không có ý kiến gì về việc này. Điều tôi có thể nói với anh là, chuyện giáo hoàng thật hay giả cũng không có gì là giật gân lắm đâu. Trong lịch sử Giáo Hội, đã từng có các giáo hoàng giả hay còn cũng gọi là ngụy giáo hoàng. Gần đây nhất là hồi cuối những năm 50 và đầu những năm 60 của thế kỷ 20, cũng từng rộ lên mỗi nghi ngờ về việc lên ngôi giáo hoàng của Đức Gioan XXIII và Đức Phaolô VI.

Chuyện là thế này, trong ngày thứ hai của mật viện bầu giáo hoàng năm



Đức HY. Giuseppe Siri

1958, khói trắng đã bay lên trong suốt khoảng thời gian năm phút. Mọi người reo hò. Đài Vatican và truyền thông thế giới loan tin Đức HY. Giuseppe Siri đã được chọn làm giáo hoàng mới. Hàng trăm ngàn người tại quảng trường thánh Phê-rô đang háo hức chờ đợi sự xuất hiện đầu tiên của tân giáo hoàng và để biết xem tên giáo hoàng là gì. Không hiểu sao tân giáo hoàng không thấy xuất hiện. Mọi người bắt đầu nhốn nháo không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Rồi Đài Vatican lại loan tin chính xác vẫn chưa có giáo hoàng mới. Thế rồi sang ngày thứ 3 của mật viện, Đức HY. Angelo Roncalli được chọn và lên ngôi giáo hoàng với danh là Gioan XXIII. Chuyện tương tự lại tái diễn trong kỳ mật viện năm 1963. Mọi người đã thấy khói trắng bay lên và reo hò mừng rỡ. Nhưng tin được loan ra là có sự nhầm lẫn và giáo hoàng mới vẫn chưa được chọn. Rồi sau đó, Đức HY. Giovanni Montini được chọn lên ngôi giáo hoàng với hiệu là Phaolô VI.

Điều gì đã thật sự xảy ra trong hai kỳ mật viện lạ lùng nói trên? Theo các nguồn tin tiết lộ, Đức HY. Giuseppe Siri chính là người đã được chọn làm giáo hoàng trong cả 2 kỳ mật viện 1958 và 1963 nói trên. Ngài đã chấp nhận sự tín nhiệm của các Hồng Y và lấy hiệu là Gregory XVII. Tuy nhiên, vì có sự liên hệ ngầm với bên ngoài mật viện, các thế lực Tam Điểm và Cộng Sản đã gây áp lực thông qua một nhóm Hồng Y người Pháp. Nhóm Hồng Y này đã gây áp lực với Đức HY. Siri rằng nếu ngài nhận chức thì sẽ là một tai họa khủng khiếp cho Giáo Hội, rằng Vatican sẽ bị đánh bom và nhiều vụ ám sát sẽ xảy ra tại Vatican. Do đó Đức HY. Siri đã chấp nhận thoái lui!?

Trước khi qua đời, chính Đức HY. Siri đã thừa nhận, trong cuộc trả lời phỏng vấn với Marquis de Franquerey, Louis Remy và Francis Delay rằng, đúng là ngài đã được chọn làm giáo hoàng trong cả hai kỳ mật viện 1958 và 1963. Tuy nhiên, ngài từ chối tiết lộ lý do tại sao ngài không thể lên ngôi trong cả hai lần đó. Ngài nói rằng ngài bị bó buộc bởi một bí mật, một bí mật khủng khiếp. Có những điều vô cùng nghiêm trọng đã xảy ra nhưng tôi không thể nói được điều gì.

Chúng kiến sự việc xảy ra tại mật viện năm 1958 khi ấy, Đức HY. Francis Spellman của New York, đã tỏ thái độ bức bối và coi thường đối với Đức Tân Giáo Hoàng Gioan XXIII. Ngài nói, ông ta không phải là giáo hoàng, ông ta nên về nhà đi bán chuối thì hơn! Một chi tiết bên lề nữa là, không hiểu vô tình hay cố ý, Đức Tân Giáo Hoàng Gioan XXIII lại lấy hiệu Giáo Hoàng trùng với một giáo hoàng giả của thế kỷ 15.

Anh thấy đó, chuyện liên quan đến Đức HY. Siri đã được chọn rồi lại không thể nhận chức, có lẽ vẫn sẽ còn là một bí mật đi cùng chúng ta cho đến đời sau. Có thể giả thiết rằng, nếu quả thật là ngài bị ép buộc hay đe dọa phải thoái vị, thì sự thoái vị của ngài là vô hiệu. Nếu sự thoái vị của ngài là vô hiệu, thì ngài thật sự vẫn là Giáo Hoàng Gregory XVII cho đến khi qua đời vào năm 1989. Nếu ngài thật sự là Giáo Hoàng cho đến năm 1989, thìtôi không dám suy tiếp nữa.

Còn tin đồn ngôn sứ giả thì sao? Chuyện này tôi cũng không thể trả lời cụ thể với anh được. Tuy khôn ngoan Chúa ban mà mỗi người tự rút ra câu trả lời cho mình thôi. Ngôn sứ giả thường là kẻ có tài ăn nói và bóp méo lời Chúa. Vì thế, muốn nhận biết ngôn sứ giả, mỗi người phải chịu khó học hỏi lời Chúa, giáo lý truyền thống của Giáo Hội, và chuyên chăm cầu nguyện. Xin gì chứ xin ơn nhận biết và tuân theo thánh ý Chúa thì Ngài cũng không nỡ từ chối đâu.

Rất nhiều câu lời Chúa nhắc nhở chúng ta phải đề phòng các ngôn sứ giả. Càng gần đến thời thế mạt thì càng xuất hiện nhiều ngôn sứ giả. Hãy nhớ những điều Chúa dạy chúng ta: xem quả thì biết cây; để ý đến việc làm hơn là lời nói; ai yêu mến Thầy thì sẽ giữ lời Thầy...Thánh Phaolô cũng nhắc nhở chúng ta, nếu có ai rao giảng cho anh em một tin mừng khác với tin mừng chúng tôi rao giảng cho anh em thì xin Thiên Chúa loại kẻ ấy đi.

GD: Theo cha, chúng ta phải đối xử thế nào với ngôn sứ giả?

PDH: Một sự thật là ngôn sứ giả không bao giờ là kẻ ở ngoài. Thánh Gioan tông đồ nói đó là kẻ xuất thân trong hàng ngũ chúng ta. Lịch sử cho thấy, ngôn sứ giả luôn là người ở trong Giáo Hội. Ngôn sứ giả cũng thường là kẻ sắm vai người lãnh đạo và thầy dạy dân Chúa. Nếu có thể chứng minh một kẻ nào đó là ngôn sứ giả thì có thể gọi kẻ ấy bằng cái tên khác, kẻ lạc giáo, kẻ rao giảng giáo lý lầm lạc. Trong trường hợp đó thì dễ giải quyết, cứ theo luật mà xử.

Trong thực tế, việc nhận ra chân tướng của một ngôn sứ giả không bao giờ là một điều dễ dàng. Bởi hễ rất có tài ăn nói nên mê hoặc được nhiều người. Hễ hay dùng xảo thuật ăn nói ỡm ờ nửa vờ, chộn lẩn sự thật với dối trá nên sẽ gây ra nhiều tranh cãi trong việc kết luận về hễ. Việc kết luận về hễ căn bản là một hành động của đức tin sau khi đã cầu nguyện và để cho lời Chúa soi dẫn. Nếu nhờ đức tin và lời Chúa soi dẫn, anh xác tín ai đó là ngôn sứ giả, thì cách tốt nhất là can đảm đừng nghe theo hễ. Nghe theo ngôn sứ giả là phản bội Chúa. Nếu ngôn sứ giả dùng đến quyền hành và đức vâng lời để trấn áp thì cũng không được nghe theo. Chính khi ấy, anh hãy nhớ và phải hiểu ý nghĩa tại sao Chúa Giêsu nói: anh em chỉ có một thầy. Chúa Giêsu là người thầy đích thực duy nhất của chúng ta. Tất cả các thầy dạy khác chỉ là đại diện cho vị thầy đích thực Giêsu mà thôi. Chúng ta chỉ có bốn phận nghe theo các thầy dạy đó bao lâu họ còn trung thành truyền dạy cho chúng ta lời dạy của Chúa Giêsu. Khi đó, nghe lời họ là nghe lời Chúa. Còn một khi họ không còn trung thành với lời dạy của Chúa Giêsu thì chúng ta có bốn phận không được nghe theo, bởi vì nghe lời họ chính là phản bội Chúa.

GD: Trong năm nay, Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế Giới về gia đình tiếp tục nhóm họp tại Rôma. Cha có kỳ vọng gì về biến cố này không ạ?

PDH: Như những gì đã được phân tích trong bài "*Thần Khí Nào Đã Thúc Đẩy*" và những hiện tượng xảy ra gần đây, tôi tiếp tục

hướng con mắt hoài nghi về kết quả kỳ họp của Thượng Hội Đồng Giám Mục tới đây. Tại sao ư? Có 3 lý do.

Thứ nhất: Bản tài liệu chuẩn bị cho Thượng Hội Đồng tới đây đã gián tiếp loại bỏ tầm quan trọng và vai trò của Thánh Kinh. Bản tài liệu này được Vatican công bố vào cuối năm 2014 vừa qua và gồm có 46 câu hỏi trong đó. Mục đích là để cho Hội Đồng Giám Mục các quốc gia và mọi thành phần dân Chúa nơi đó được học hỏi và đưa ra những đáp ứng mục vụ phù hợp với hoàn cảnh ngày nay. Điều khiến tôi kinh ngạc là, Vatican, qua bản tài liệu này, đã công khai yêu cầu các giáo hội địa phương *tránh không được dựa vào giáo lý để thiết lập những giải pháp mục vụ! Bởi làm như vậy sẽ là không tôn trọng những kết luận và đường hướng mà Thượng Hội Đồng Ngoại Thường Tháng 10 năm ngoái đã đưa ra.* Cách riêng, với câu hỏi số 40 về những người đồng tính luyến ái, bản tài liệu yêu cầu hãy dựa vào ánh sáng của những sự *nhạy cảm văn hoá*, chứ không phải ánh sáng của lời Chúa, để đưa ra những đáp ứng phù hợp nhất.

Giáo lý được rút tĩa ra từ Thánh Kinh và Thánh Kinh là nền tảng của giáo lý. Vậy mà Vatican yêu cầu không dựa vào giáo lý, cụ thể là dựa vào những sự *nhạy cảm văn hoá – cultural sensitivities* để xây dựng những giải pháp mục vụ. Như vậy, chẳng phải là Thánh Kinh đã bị loại trừ sao? Lời Chúa đâu còn là điểm tựa và ánh sáng soi dẫn hành động của chúng ta nữa! Còn cái gọi là những sự *nhạy cảm văn hoá* thời nay là gì? Đó là văn hoá cởi mở đón nhận đồng tính luyến ái, ly dị, ngừa thai, phá thai, ...tất cả những thứ đó, luật của thế gian đã hợp thức và coi là quyền của con người rồi. Chúng ta sẽ nương theo những sự nhạy cảm văn hoá này để phục vụ con người cách tốt hơn chứ? Hay chúng ta cứ vẫn muốn giam hãm trong vỏ bọc của chính mình và ngày càng trở nên xa lạ với con người?

Thứ hai: Nguy cơ dẫn đến việc phản bội đức tin bằng hành động như tôi đã đề cập ở bài 13, đã không còn nằm trên giấy tờ nữa, nhưng đã đi vào cuộc sống. Tại Đức, Ai Nhĩ Lan, Áo, và một số

nước Âu Châu khác cũng như tại Mỹ, việc cho người đã ly dị - tái hôn được rước lễ, việc chúc lành cho các cặp hôn nhân đồng giới, đã được thực hiện cách rộng rãi hơn kể từ sau kỳ họp tháng 10 vừa qua. Xem ra, đây là xu thế tất yếu và không thể đảo ngược của thời đại! Việc triệu tập Thượng Hội Đồng Giám Mục về gia đình có thể coi như là một cố gắng nhằm hợp thức hoá những gì đã và đang diễn ra mà thôi.

Thứ ba: Vatican đã thể hiện sự áp đặt, bất chấp ý nguyện của các giám mục, khi vẫn cố tình đưa 2 chủ đề gây tranh cãi, người ly dị tái hôn rước lễ và những người đồng tính luyến ái, vào bản tài liệu học hỏi chuẩn bị cho kỳ họp tháng 10 năm nay. Hai chủ đề này đã không dành được đa số hai phần ba các nghị phụ của kỳ họp tháng 10 năm ngoái thông qua. Vì thế theo nguyên tắc, hai chủ đề này phải bị loại bỏ và không thể được đưa vào chương trình nghị sự. Đáng tiếc, chắc vì đây là những chủ đề tiêu biểu nhất đại diện cho những sự *nhạy cảm văn hoá* của thời đại chúng ta, nên chúng phải được Vatican quan tâm.

Đó là 3 lý do khiến tôi hoài nghi về kết quả sẽ được gọi là tốt đẹp của kỳ họp tháng 10 năm nay.

GD: Vậy cho phép con hỏi một câu có vẻ riêng tư chút là cha sẽ hướng về năm 2015 với tâm trạng như thế nào ạ?

PDH: Tôi cảm thấy bình an và luôn tin tưởng chương trình nhiệm màu của Thiên Chúa. Tôi cũng tin chắc là hiện tượng apostasy – phản bội đức tin của thời kỳ cuối – tiếp tục xảy ra một cách mạnh mẽ và quy mô hơn. Mặc dầu vậy, tôi không cảm thấy lo lắng hay sợ hãi về điều này. Trái lại, tôi đón nhận tất cả với lòng tỉnh thức và niềm xác tin vào Chúa, vì tôi thấy lời Ngài đang được ứng nghiệm.

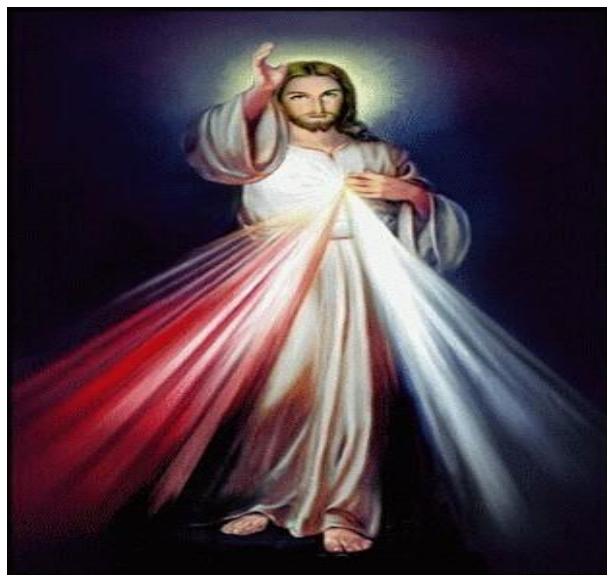
GD: Câu cuối cùng con xin hỏi cha là, cha có lời gì muốn nói với bạn đọc của trang blog thoigiodaman không ạ?

PDH: Điều tôi muốn nói là không nên quy kết cho ai đó những nhãn mác có thể dẫn đến những tranh cãi, giận hờn, và chia rẽ không cần thiết. Hãy đọc những dấu chỉ Chúa gửi đến trong cái nhìn đức tin để có sự chuẩn bị thích hợp cho mình. Chúa chẳng dạy chúng ta thế này sao: khi anh em thấy tất cả những điều đó xảy ra, anh em hãy đứng thẳng và ngẩng đầu lên vì anh em sắp được cứu độ. Chúa dạy khi thấy những điều đó xảy ra thì chúng ta phải sẵn sàng chứ không phải là tranh cãi với nhau.

GD: Con cảm ơn cha đã dành cho con buổi nói chuyện này, và con xin cha cho đăng bài này để những giáo dân khác cũng có cơ hội đọc. Con chúc cha luôn được hồn an xác mạnh.

PDH: Vâng! Tôi cũng cảm ơn anh đã cho tôi những câu hỏi trên.





Mục lục:

• Bài 1 – Trang Số	1.
• Bài 2 – Trang Số	15.
• Bài 3 – Trang Số	26
• Bài 4 – Trang Số	29
• Bài 5 – Trang Số	47
• Bài 6 – Trang Số	53
• Bài 7 – Trang Số	66
• Bài 8 – Trang Số	82
• Bài 9 – Trang Số	95
• Bài 10 – Trang Số.....	106
• Bài 11 – Trang Số.....	125
• Bài 12 – Trang Số.....	145
• Bài 13 – Trang Số.....	157
• Bài 14 – Trang Số.....	177
• Bài 15 – Trang Số.....	195
• Bài 16 – Trang Số.....	203